

Viết gì cũng không trúng, là trúng
Nói gì cũng không trúng, là trúng
Nghĩ gì cũng không trúng, là trúng

N.H.T.S

Viết gì cũng không đúng là đúng
Nói gì cũng không đúng là đúng
Nghĩ gì cũng không đúng là đúng

25-12-2009



Ngài

T. Thị Thảo NTTS

THÍCH TỬ THÔNG
PHÁP SƯ

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

KINH

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG
TẬP I

(Đã sửa chữa và bổ sung phần in còn thiếu do Trường Phật Học TP.HCM phát hành quý II năm 2009)

TRƯỜNG PHẬT HỌC TP.HCM
GIÁO ÁN CAO ĐẲNG PHẬT HỌC

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

TIỂU DẪN

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm, tp.HCM.**

- Ngày 10/9/2000 : Kỳ 1

- Ngày 17/9/2000 : Kỳ 2

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN là một thuật ngữ. Phạn ngữ gọi MA HA BÁT NIẾT BÀN NA (Mahaparinirvana). Các nhà Phật học tiền bối dịch có nhiều nghĩa:

„ Đại nhập diệt tức.

„ Đại diệt độ.

„ Đại viên tịch nhập ...

Từ ngữ để diễn đạt về MA HA BÁT NIẾT BÀN NA thì có khác như thế, nhưng ý nghĩa thì không có gì chống trái mà cùng gặp nhau ở điểm:

Niết bàn là cảnh giới sở chứng ở nội tâm của con người dứt hết phiền não, dứt hết sinh tử, viễn ly các tướng, viễn ly các hành, an trú tâm thanh tịnh, vắng lặng và vắng lặng một cách trọn vẹn, tận cùng trọn vẹn. ĐẠI NHẬP DIỆT TỨC hay DIỆT ĐỘ, chúng ta có thể khái niệm nhận thức như thế, thiết tưởng tạm đủ mà không cần thiết sử dụng ngôn ngữ quá dài dòng.

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
24/ 9/2000, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 3**

ĐẠI VIÊN TỊCH NHẬP có nghĩa: NIẾT BÀN là cảnh giới sở nhập của con người tu hành hằng sống. Con người có Niết bàn, “nhập” được Niết bàn nhìn dáng vẻ và nếp sống bên ngoài thì ai cũng tưởng họ là một người bình thường như những người bình thường khác. Sự thực, đời sống của con người được ĐẠI VIÊN TỊCH này, vô lượng công đức lành họ đều thành tựu viên mãn. Thân, khẩu, ý nghiệp của họ hoàn toàn thánh thiện, không có biểu hiện sai trái lỗi lầm. Đó là ý nghĩa của chữ VIÊN. Người bình thường, luôn sống trong ưu tư sầu muộn, phiền não nung nấu, sôi sục trào dâng, đau khổ suốt tháng quanh năm không có được một phút giây an ổn. Trái lại, người nhập NIẾT BÀN

là người luôn luôn an trú trong vắng lặng, trong an ổn thanh thoi, không một niệm khổ tâm hay một gợn phiền não dấy động trong CHƠN TÂM THƯỜNG TRÚ vốn thanh tịnh, vốn tịch diệt viên mãn của chính mình.

Nói tóm lại, vô lượng công đức lành nào cũng viên mãn. Vô lượng phiền não ưu bi, phiền não nào cũng vắng lặng. Đó là ý nghĩa của ĐẠI VIÊN TỊCH NHẬP .

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN NA là một, nhưng kinh nói về ĐẠI BÁT NIẾT BÀN NA thì tên gọi có nhiều:

☞ Đời Bắc Lương, Pháp sư Đàm Vô Sấm dịch, nhan đề: ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH, 41 quyển.

☞ Đời Tấn, Pháp sư Pháp Hiển dịch, nhan đề : PHẬT NÊ HOÀN KINH, 2 quyển.

☞ Đời Đường, Pháp sư Nhã Na Bạt Đà La dịch, nhan đề: ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH HẬU PHẦN, 2 quyển.

☞ Đời Tùy, Pháp sư Quán Đảnh dịch, nhan đề: ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH SỐ, 33 quyển...

Còn nhiều tên nữa nhưng ở đây xin lược để tránh phiền, vì những cái không quan trọng, không cần thiết cho một hành giả.

Đọc, học kinh Niết bàn và tu tập theo kinh Niết bàn hành giả sẽ nhận thức rõ, Niết bàn của đạo Phật là cảnh giới có thật, không phải là một “thế giới” do tưởng tượng, do gởi gắm tâm hồn mình nơi một “cõi nước” nào đó, hoặc gần hoặc xa. Đó là điều khó thứ nhất.

Đọc, học kinh Niết bàn cần có sự đầu tư nhiều về tư duy, bồi dưỡng phát huy trí tuệ, thường củng cố định tâm, tinh tấn vận dụng quán chiếu trong cuộc sống bình nhật. Đó là nhân tố, là điều kiện để thấy Niết bàn và nhập Niết bàn. Đó là cái khó thứ hai.

Đọc, học và chứng nhập Niết bàn, nhìn hiện tượng vạn pháp, nhận thức vũ trụ nhân sinh không còn giống như cái nhìn, cái nhận thức của chính họ ở thời gian trước đó. Giáo lý mà Phật dạy cho họ thời gian trước, họ thấy không phải mà còn ngược lại hoàn toàn. Đó là cái khó thứ ba.

Đọc, học và chứng nhập Niết bàn, hành giả sẽ sáng tỏ đôi mắt, rửa sạch được bụi bặm rớt trong đôi mắt từ bấy lâu nay. Hành giả biết rõ Phật thường trụ, Pháp thường trụ, Tăng thường trụ. Phật không phải chết như đức Thích Ca đã từng chết ở rừng Ta La song thọ như mọi người vẫn thường nghĩ. Đó là cái khó thứ tư.

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
01/10/2000, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 4**

Đọc, học kinh Niết bàn, người đệ tử Phật phải học, hiểu về PHÁP THÂN PHẬT. Trụ chấp ÚNG HÓA THÂN PHẬT, thì không nên nghe, đọc, học kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN. Vì có học cũng không hiểu. Hiểu sai lạc sanh tâm bất mãn bất bình thì lại mắc cái tội phỉ báng chánh pháp Đại thừa, thiệt thòi, lỗ lã hơn nhiều. Đó là cái khó thứ năm.

Đọc, học kinh Niết bàn và nhập Niết bàn, hành giả thấy rõ tất cả mọi người đều có khả năng thành Phật, mọi người sẽ được thành Phật. Kể cả những người mà người đời cho là bất nhân thất đức, tạo nhiều tội ác nặng nề. Đó là cái khó thứ sáu.

Đọc, học kinh Niết bàn có những cái khó như thế, người đọc, học, nghe kinh Niết bàn cần kiên trì, nhẫn nại, phấn đấu tư duy, nhận thức, để vượt qua!

Tôi soạn bộ Kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN này, dựa trên bản dịch của Hòa Thượng GIÁO THỌ SỬ của tôi, Thượng TRÍ hạ TỊNH, vị ân sư đã đào tạo, uốn nắn, dạy dỗ tôi từ hơn 50 năm trước. Bản dịch của Hòa Thượng được tái bản nhiều lần, lưu truyền khắp nước

Việt Nam. Các tông lâm tự viện đều có tôn thờ và thọ trì đọc tụng. Lần tái bản năm 1991 do Thành Hội Phật Giáo Thành Phố Hồ Chí Minh xuất bản, có lẽ là lần tái bản gần đây nhất.

Soạn bộ kinh này tôi lấy tên ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG. Nó được xem là một giáo tài hay một giáo án để tôi triển khai cho những hàng hậu học đang học các lớp CAO ĐẲNG NỘI MINH, cho những ai có chí hướng thượng ĐẠI THỪA và các Phật tử tại gia có cùng chí hướng.

Ý nguyện, thiện chí của tôi là như thế, nhưng cho đến bây giờ, việc làm này tôi hứa với lòng và gửi đến những ai được đọc bộ giáo tài này, rằng: tôi làm đến đâu, biết đến đó. Có hoàn thành trọn bộ và như ý hay không, tôi xin khất, không dám hứa.

Hiện nay, mùa thu năm Canh Thìn, tháng 9 năm 2000, tuổi đời của tôi đã vượt quá “cổ lai hy”. Đó là lý do tôi không dám hứa và cũng là lý do để tôi xin được các bậc cao minh lượng tình xá cho những gì sơ suất nếu có trong giáo tài này.

Để kết thúc lời tiểu dẫn, chúng ta cùng ôn lại nguồn tư tưởng trác tuyệt Đại thừa của bậc long tượng tiền bối.

*“Thân tại hải trung lưu mích thủy,
Nhật hành lãnh thượng mạc tâm sơn”*

Dịch nghĩa:

*“Lội trong nước chớ ngại thơ tìm nước
Đi trên non cao đừng phí sức tìm non”*

Viết tại Thao Hối Am
Mùa Thu, năm Canh Thìn, tháng 9 năm 2000
Phật Lịch 2 5 4 4

Thích Từ Thông **Pháp sư**

PHẨM THỨ NHẤT TỰA

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
08/ 10/2000, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 5**

Ông A Nan thuật:

Một hôm nọ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni trụ ở rừng Ta La song thọ, cùng với số chúng Đại Tỳ kheo đông hàng trăm ức người.

Bấy giờ nhằm ngày rằm tháng hai, đức Phật phổ cáo trước đại chúng rằng: Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là chỗ nương tựa an ổn cho chúng sanh. Như Lai có lòng từ lớn, xem tất cả chúng sanh như La Hầu La. Hôm nay, Như Lai sắp nhập Đại Niết bàn, trong đại chúng còn có điều gì nghi ngờ chưa rõ thì nên thưa hỏi. Đây là khoảng thời gian còn lại cuối

cùng, giờ phút nhập Đại Niết bàn của Như Lai không còn lâu.

Lời tuyên cáo của đức Phật được loan truyền nhanh chóng khắp cõi trời người. Do sức thần, ánh sáng của Phật soi chiếu khắp các cõi Lục phàm, Tứ thánh. Tất cả thế giới chư Phật trong mười phương đều được tiếp xúc với ánh sáng và chứng biết là đức Phật Thích Ca Mâu Ni sắp nhập Đại Niết bàn. Tất cả có cùng một tâm trạng bàng hoàng, xúc động, tiếc thương:

Thế gian trống rỗng!

Thế gian trống rỗng!

Mặt trời sắp tắt!

Thế gian không còn ánh sáng!

Hàng người trời tự nhủ: Chúng ta nén cơn xúc động, mau đến thành Câu Thi Na, rừng Ta La song thọ, đánh lễ cầu xin đức Phật trụ thế thêm một thời gian.

Hàng hàng lớp lớp người, cùng tâm trạng kính quý và tiếc thương, sắm sửa lễ vật trân tu thượng vị, tốt đẹp báu mầu, đem đến chỗ Phật, thành tâm đánh lễ dưới chân Phật, tác bạch cúng dường Phật và chúng tăng. Ai ai cũng mong Phật thọ nhận phẩm vật cúng dường của mình, trước giờ Như Lai nhập Đại Niết bàn.

„ Đoàn một, Đại Tỳ kheo Tăng. Đại Tỳ kheo Tăng tám trăm vạn người, đều là bậc Vô lậu A La Hán. Đứng đầu là Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên, Tôn giả Bạc Câu La ... Đây là những bậc A La Hán trồng sâu gốc rễ Đại thừa, thành tựu Không tuệ. Các ngài đến cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiều trăm ngàn vòng, rồi chấp tay cung kính ngồi qua một bên.

„ Đoàn hai, Tỳ kheo Ni. Đoàn Tỳ kheo Ni sáu trăm ức người, đều là bậc Đại A La Hán. Đứng đầu là Thiện Hiền Tỳ kheo Ni, Ưu Bà Nan Đà Tỳ Kheo Ni .v.v...Họ là những bậc điều phục các căn thanh tịnh, có oai đức lớn, thành tựu Không tuệ, nội bí Bồ tát, ngoại hiện Thanh văn tướng. Tất cả đến cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiều trăm ngàn vòng, cung kính chấp tay ngồi qua một phía.

„ Đoàn ba, Đại Bồ tát. Thành viên đoàn đại Bồ tát đông một hằng sa. Địa vị các Ngài ở vào Thập địa, thường an trú hạnh Không tịch của Đại thừa, giữ gìn bảo hộ và phát triển Đại thừa. Đứng đầu là Hải Đức Bồ tát, Vô Tận Ý Bồ tát .v.v...Chư Bồ tát đồng đến chỗ Phật cúi đầu đánh lễ, vấn an nhiều Phật trăm ngàn vòng, rồi cung kính lui ngồi qua một phía.

***** *P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
15/ 10/2000, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 6***

„ Đoàn bốn, Ưu bà tặc. Thành viên của đoàn đông hai hằng sa. Họ là những vị toàn phần Ưu bà tặc, thọ trì ngũ giới không sức mẽ, đầy đủ oai nghi, kiến giải sâu rộng. Thường tư duy quán chiếu chánh pháp, thâm nhập Đại thừa. Đứng đầu là Oai Đức Ưu bà tặc, Thiện Đức Ưu bà tặc v.v... Nghĩ đến việc trà tỳ nhục thân của đức Phật họ sắm sửa nhiều thứ: các thứ gỗ thơm, hương hoa, tàn lọng, xe cộ mỗi mỗi trần thiết cực kỳ đẹp đẽ sang trọng. Họ cũng sắm nhiều đồ ăn thức uống thượng vị hầu cúng dường Phật và chúng Tăng. Đến chỗ Phật cùng nhau một lòng thành kính tác bạch cúng dường. Chưa phải thời đức Như Lai không hứa nhận. Các vị buồn bã, chấp tay cung kính, lui ngồi qua một phía.

„ Đoàn năm, Ưu Bà Di. Thành viên của đoàn, ba hằng sa người. Họ là những người nữ thọ trì toàn phần ngũ giới, oai nghi đầy đủ, siêng tu chánh pháp. Đứng đầu gương mẫu có tám vạn bốn ngàn người như Thọ Đức Ưu Bà Di, Đức Mãn Ưu Bà Di v.v... Chúng Ưu Bà Di này thường quán chiếu tự thân, nhận thức được tánh chất tạm bợ mong manh và bất tịnh của tự thân. Sâu

sắc chứng ngộ chân lý vô thường, vô ngã, bất tịnh và khổ của cuộc sống. Họ có quyết tâm viển ly trần cấu, cầu chứng đắc Vô thượng Bồ đề. Nay các bà sắm sửa rất nhiều phẩm vật, đồ ăn thức uống thượng vị đem dâng cúng Phật và chúng tăng. Đến chỗ Phật đồng kính lễ dưới chân Phật, tác bạch cúng dường. Chưa phải thời, Như Lai không hứa nhận. Tất cả buồn bã, chấp tay cung kính nhiều Phật trăm ngàn vòng rồi lui ngồi qua một phía.

„ Đoàn sáu, Dòng Ly Xa. Thành Tỳ Ly và quyến thuộc, các Quốc vương lân cận, quần thần và quyến thuộc. Thành viên các đoàn này đông không kể xiết, họ là những người hộ trì chánh pháp Đại thừa và kính mộ Đại thừa. Đứng đầu trong nhóm Ly Xa Tử là Tịnh Vô Cấu Ly Xa Tử, Tịnh Bất Phóng Dật Ly Xa Tử.v.v...

Các Quốc vương và nhóm người dòng Ly Xa, vì muốn cúng dường cho dịp lễ trà tỳ nhục thân của đức Phật họ sắm sửa nhiều thứ gỗ thơm, dầu thơm, hoa đẹp, tràng phan, lọng báu, lụa là, vải vóc, trang hoàng nhiều thớt xe voi, xe tứ mã lộng lẫy cực kỳ. Họ chở trên xe các thức ăn, nước uống tinh khiết, thượng vị đem đến chỗ Phật và tặng chúng. Chưa phải thời, đức Phật không hứa nhận. Mọi người buồn bã, lui ngồi một phía. Nhờ sức thần Phật, bỗng nhiên mọi người bay

lên cao, cách đất bảy cây Ta La, ai nấy im lặng mà trụ giữa hư không.

„ Đoàn bảy, Đại thần và Trưởng giả. Thành phần Đại thần, Trưởng giả đông không kể xiết. Đây là những người ham mộ Đại thừa, họ dẹp bỏ những tà giáo dị học, đứng đầu là Nhật Quang trưởng giả, Hộ pháp trưởng giả v.v... Họ sắm sửa vô số lễ vật, trân tu thượng vị để dâng cúng Phật và chúng tăng. Đến chỗ Phật, tác bạch cúng dường. Chưa phải thời, đức Phật không hứa nhận. Mọi người đều buồn bã. Do nhờ sức thần Phật họ bay lên cao cách đất bảy cây Ta La. Tất cả đều lặng lẽ mà trụ giữa hư không.

„ Đoàn tám, Thiên nữ. Thành viên Thiên nữ số đông cũng không sao kể xiết. Đứng đầu là Tứ Thiên Vương Thiên nữ. Vô số Long vương. Đứng đầu là Bạc Nan Đà Long vương. Vô số Dạ xoa vương. Vô số Càn Thát Bà vương. Vô số Khẩn Na La vương. Mỗi mỗi đoàn đều có Thượng Thủ lãnh đạo. Họ sắm sửa lễ vật nhiều vô số đem nhau đến chỗ Phật cung kính tác bạch cúng dường. Chưa phải thời, đức Phật không hứa nhận. Tất cả buồn bã, chấp tay cung kính lui ngồi qua một phía.

„ Đoàn chín, Thiên tử và Thiên vương. Thiên tử và Thiên vương số thành viên đông không kể xiết. Đứng đầu là Tứ Thiên vương. Thập tụng đoàn Thiên

tử, Thiên vương còn có vô số Long vương ... vô số Càn Thát Bà vương, A Tu La vương...Ca Lô La vương... với hàng thượng thủ của các đoàn. Tất cả có cùng một nguyện vọng, dâng cúng Phật một bữa ăn trước khi đức Phật nhập Đại Niết bàn. Họ sắm sửa toàn những thức ăn, thức uống tối hảo thượng vị đem đến rừng Ta La song thọ, cung kính nhiều Phật trăm ngàn vòng, rồi tác bạch cúng dường lên Phật và toàn thể chúng tăng. Chưa phải thời, đức Phật không hứa nhận. Mọi người không toại nguyện, buồn bã, lui ngồi qua một phía cung kính chấp tay.

„ Đoàn mười, Vô Biên Thân Bồ tát từ thế giới Ý Lạc Mỹ Âm ở phương Đông. Đây là đoàn đại biểu Phật giáo quốc tế hải ngoại. Các Bồ tát này phải di chuyển một lộ trình xa xôi: cách đây vô lượng, vô số, A tăng kỳ hằng hà sa vi trần thế giới (đại khái là: tí tí năm ánh sáng cũng chưa sánh được với đường xa của con số nói trên). Đó là thế giới của đức Hư Không Đẳng Như Lai.

Hư Không Đẳng Như Lai biết đức Phật Thích Ca Mâu Ni sắp nhập Niết bàn bèn sai đệ tử thượng túc của mình đến Ta Bà thế giới phương Tây cúng dường lễ bái Phật Thích Ca. Vô Biên Thân Bồ tát cũng như đoàn Bồ tát tùy tùng, còn có điều chi chưa thỏa mãn trên đường tu học Bồ tát đạo thì hơn cơ hội này thưa

hỏi, đức Phật Thích Ca sẽ giải nghi cho. Các Bồ tát lãnh ý chỉ ra đi ...

*** ***P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
22/ 10/2000, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 7***

Các thế giới đoàn Bồ tát đi qua cũng như thế giới Ta Bà đoàn Bồ tát sắp đến bỗng nhiên rực rỡ hào quang. Núi sông, đất liền, cỏ cây, hoa lá đều chuyển thành màu sắc tươi mát đẹp đẽ chưa từng có. Duy có hàng trời người tự thấy mình như mất hết uy đức và hào quang.

Đại chúng có số giao động và run sợ. Biết rõ tâm niệm ấy, Bồ tát Đại Trí Văn Thù trấn an: Đại chúng đừng lo sợ, đây là điềm báo trước đoàn Bồ tát ở thế giới Ý Lạc Mỹ Âm, đứng đầu Bồ tát Vô Biên Thân sắp đến thế giới Ta Bà này để ra mắt Như Lai và cúng dường trước khi Thích Ca Mâu Ni **ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**.

Đến trước Phật, đoàn Bồ tát hải ngoại bạch với Như Lai, nói lời vấn an thăm hỏi Thích Ca Mâu Ni Như Lai. Bấy giờ Vô Biên Thân Bồ tát dâng phẩm vật cúng dường. Chưa phải thời, đức Phật không hứa nhận. Các Bồ tát cung kính ngồi sang một phía.

Toàn thể hải hội do sức thần Phật, đại chúng đồng xem thấy thế giới chư Phật ở phương Nam, phương Tây và phương Bắc. Lại thấy thế giới chư Phật ở Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc và Tây Bắc. Thấy thế giới chư Phật thượng phương và hạ phương. Mười phương thế giới hợp thành một thế giới. Mỗi thế giới chư Phật có một Vô Biên Thân Bồ tát làm thượng thủ. Lần lượt các đoàn Bồ tát đến rừng Ta La song thọ cúi đầu làm lễ ra mắt, vấn an Như Lai, dâng Phẩm vật, tác bạch cúng dường Phật và đại chúng. Chưa phải thời, đức Như Lai không hứa nhận. Liệt vị Bồ tát cung kính ngồi qua một phía.

Bấy giờ từ diện Phật phát ra ánh sáng (hào quang theo nghĩa quen gọi). Giây phút ánh sáng lại thu vào miệng Phật. Nhiều người cùng cho đó là điềm Như Lai Thế Tôn sắp nhập Niết bàn, tiếng sùi sụt, tiếng than khóc thì ào: Khổ thay! Đau thương thay! Sao đức Thế tôn rời bỏ bốn tâm vô lượng, không nhận sự cúng dường của trời người! Ôi! Mặt trời Tuệ từ đây sẽ tắt mất. Thuyền chánh pháp nay lại sắp chìm ; Thế gian sắp trống rỗng! Khổ thay! Khổ thay!

*

* *

TRỰC CHỈ

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật 29/ 10/2000, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm, Tp.HCM - Kỳ 8**

„ NHƯ LAI ĐẠI BÁT NIẾT BÀN, một sự kiện tối quan trọng về mặt tư tưởng và giáo lý của đạo Phật.

PHẬT THÍCH CA MÂU NI nhập ĐẠI NIẾT BÀN, không ai được phép hiểu ý nghĩa đó một cách đơn giản giống như là: “Đức Phật Thích Ca chết”

Cái từ NHƯ LAI ở vào thời điểm sắp nhập Đại Niết Bàn này, không được hiểu qua hình tướng một ông Phật có đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, động tĩnh như mọi người bình thường nghĩ, mà phải hiểu là: NHƯ LAI PHÁP THÂN. Kinh Kim Cang Bát Nhã định nghĩa: “NHƯ LAI giả, vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ”, NHƯ LAI là bản thể CHÂN NHƯ của vạn pháp, NHƯ LAI hiện hữu không có mối khởi đầu, không có điểm chấm dứt. Kinh gọi là PHÁP THÂN TỶ LÔ GIÁ NA PHẬT, đó là: “Phật pháp thân, biến nhất thiết xứ”.

„ ĐẠI BÁT NIẾT BÀN, Trung hoa dịch: ĐẠI NHẬP DIỆT TỨC. “Diệt” là dứt sạch hết vô minh

trong cửu giới. “Tức” là viễn ly vọng tưởng điên đảo của lục đạo tứ sanh. ĐẠI NHẬP DIỆT TỨC có nghĩa là: Đi vào cảnh giới “tịch diệt” vĩnh hằng vĩ đại. Nói cách khác, trở về cảnh giới “đại tịch diệt”, “cứu cánh thanh tịnh”.

Hiện tượng bong bóng, bọt hòa tan về bản thể nước của nó không ai nói bong bóng, bọt đã mất. NHƯ LAI đi vào cảnh giới “đại tịch diệt CHƠN NHƯ”, thì cũng không ai hiểu được rằng “Đức NHƯ LAI đã chết”.

Phàm phu mà tu tập, năng quán chiếu, tư duy chánh pháp cũng nhập được Niết bàn nhưng chỉ có trong vài phút giây ngắn ngủi.

Đại A La Hán, thường được nhập Niết Bàn ngay trong bình nhật cuộc sống.

Đại Bồ tát và Phật thì luôn luôn an trú trong Niết bàn.

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN, dành riêng cho NHƯ LAI THẾ TÔN đề cập khi chấm dứt cuộc hành trình hóa độ chúng sanh.

“Tỳ Gia thành lý bất tăng sanh

Ta La thọ gian bất tăng diệt”

« Một sai lầm lớn lao có dụng ý. Đọc phẩm TỰA kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN, ta thấy mười đoàn thể gồm hết “tứ thánh” và “lục phàm”. Đoàn thể nào đến thăm viếng cũng áo não, khóc than, buồn khổ. Dâng cúng thức ăn, món uống đến NHƯ LAI cũng với vẻ buồn khổ, áo não, khóc than. Họ tưởng chừng sự kiện nhập Đại Niết bàn của NHƯ LAI, giống hoàn cảnh và tâm trạng của phàm phu: Một lần ra đi là một lần vĩnh viễn chia ly ...vậy.

Sự sai lầm đó, là lý do đức Phật không thọ nhận tài vật thực phẩm cúng dường.

Sự sai lầm đó, khiến ta cắt nghĩa không khó khăn: Rằng tại sao mười đoàn thể khó nhọc, xa xôi mang quà, chở phẩm vật đến cúng dâng Phật mà Phật không thọ nhận của ai hết, chỉ vì “CHƯA PHẢI THỜI”.

“CHƯA PHẢI THỜI” cũng có nghĩa: đại chúng chưa hiểu NHƯ LAI. Chưa hiểu Như Lai cho nên Như Lai chưa hứa nhận.

Như Lai nhập Niết bàn, nào phải Như Lai chết chóc gì đâu!

...Ta la thọ gian bất tăng diệt!”

Từ vô số kiếp đến nay, thực sự Như Lai không có đói khát, Như Lai chẳng có uống ăn.

...Tỳ gia thành lý bất tăng sanh!”

Sự kiện Thích Ca Mâu Ni nhập Đại Niết bàn là sự kiện tương quan đến mười phương thế giới. Nói cách khác: Sự kiện mười phương thế giới tương quan trách nhiệm chung. Số đại biểu các phái đoàn đông vô lượng, vô số bất khả thuyết hằng sa vi trần thế giới không phải riêng người của nước Ấn Độ, của thành Tỳ Gia Ly thời xưa.

*** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
05/ 11/2000, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 9

Giáo lý: PHÁP GIỚI BÁT NHỊ (pháp giới trong mười phương cùng chung một bản thể, không hai) của đạo Phật, giải thích rất dễ hiểu bởi sự kiện này.

„ **NHƯ LAI ĐẠI BÁT NIẾT BÀN** là việc hiểu, thấy, biết và hành động của người Đại thừa. Người không có chủng tánh Đại thừa thì dù ở kế cận rừng Ta La song thọ cũng chưa hẳn họ có tương quan đừng nói chi đến việc cung kính cúng dường tôn trọng. Cho nên không lấy làm lạ, tất cả đoàn với số đông như vậy mà đoàn nào cũng toàn là người **phát tâm Đại thừa, tu tập Đại thừa và bảo hộ Đại thừa**. Rõ là: thầy sao trò vậy!

Tuy vậy người trí cũng không chủ quan, không lạc quan với số người Đại thừa đông đảo ấy. Người trí hiểu rõ ngày rằm tháng hai, **NHƯ LAI ĐẠI BÁT NIẾT BÀN**. Còn số người ở nhà không hay không biết và chưa hề nghe **NHƯ LAI, PHẬT** là ai? Số người ấy còn đông đảo hơn số mười đoàn đại biểu đến viếng Phật.

„**TỪNG THỊ TÂY PHƯƠNG QUÁ THẬP VẠN ÚC PHẬT ĐỘ HỮU THẾ GIỚI DANH VIẾT CỰC LẠC. KỲ ĐỘ HỮU PHẬT HIỆU A DI ĐÀ KIM HIỆN TẠI THUYẾT PHÁP...**”

Trong kinh A Di Đà, Phật Thích Ca dạy Xá Lợi Phất: ... Từ đây (cõi Ta bà) đi qua **HƯỚNG TÂY**, trải mười muôn thế giới Phật, có một thế giới tên **CỰC LẠC**. Đức giáo chủ là Phật A Di Đà, đang thuyết pháp hiện nay ...

Do lời dạy đó người ta hiểu thế giới Ta bà ở vào hướng Đông. Không sai.

Đúng chân lý, vấn đề Đông Tây không có chuẩn nhất định. Tây phương Ta bà Giáo chủ Thích Ca Mâu Ni. Không sai.

Thế giới Ý Lạc Mỹ Âm ở phương Đông, Bồ tát Vô Biên Thân đến thế giới Ta bà thành Tây phương. Không sai.

Nhận thức về vũ trụ, thế giới của đức Phật Thích Ca hai mươi lăm thế kỷ trước: “Hằng hà sa số ...” cho đến ngày nay, sau hai mươi lăm thế kỷ, khoa học thiên văn tìm hiểu và xác định những điều mà đức Phật đã xác định từ xưa ./.

PHẨM THỨ HAI THUẦN ĐÀ

Lúc bấy giờ trong hải hội có vị Ưu bà tắc tên Thuần Đà, là một cư sĩ, có tu tập hạnh lành, muốn trồng sâu gốc rễ Đại thừa, mong thu hoạch quả giải thoát, giác ngộ. Như mọi người, ông sắm sửa lễ vật dâng cúng dường Phật và tăng chúng. Ông tha thiết cầu xin đức Phật thương xót mà nhận phẩm vật ông dâng cúng.

Thuần Đà bạch Phật: Rằng ví như một nông dân nghèo có thửa ruộng tốt, có trâu khỏe, cày bừa sạch cỏ, giống thóc đã sẵn. Chỉ còn chờ một trận mưa. Bạch Thế tôn! Nông dân nghèo đó chính là con. Con cầu xin Thế tôn một trận mưa pháp.

Như Lai Thế tôn chấp nhận phẩm vật cúng dường của Thuần Đà. Thuần Đà vui mừng hơn hở. Đức Phật dạy cho Thuần Đà cách cúng dường thí thực phước quả

ngang nhau: Một, cúng cho người thọ thực xong liền chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Hai, cúng cho người thọ thực xong liền nhập Niết bàn.

Thuần Đà bạch Phật: Rằng vị thọ thí trước chưa chứng quả Phật, chưa sạch phiền não, chưa làm lợi lạc chúng sanh. Vị thọ thí sau là trời trong các trời. Vị thọ thí trước chưa đủ lực ba la mật chỉ có nhục nhãn. Vị thọ thí sau có đủ lực ba la mật, có đủ ngũ nhãn. Vị thọ thí trước thọ xong tiêu hoá, dinh dưỡng sức lực mạnh mẽ sống còn. Vị thọ thí sau, ăn vào chưa tiêu thì lại chết mất ... Bạch Thế tôn, thời điểm cúng dường và thọ dụng ở nhân, trước sau đã khác nhau thì hẳn phải là không đồng. Vậy tại sao Như Lai Thế tôn dạy: Hai trường hợp cúng dường thí thực ấy được phước báo đồng nhau?

I/ Phật dạy: Thuần Đà! Như Lai từ vô thủy, vô lượng, vô số kiếp không có những thân ăn uống, thân phiền não và thân sau cùng. Thân **NHƯ LAI** là thường trụ, là thân Kim Cang, là **PHÁP THÂN**.

Đức Phật dạy tiếp: Nay Thuần Đà! Người chưa thấy Phật tánh gọi là thân tạp thực. Lúc Bồ tát thọ đồ ăn uống xong, nhập Kim Cang tam muội, thức ăn tiêu hóa liền thấy Phật tánh, chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc mới thành đạo, Bồ tát chưa giảng diễn mười hai bộ kinh nhưng đã thông đạt. Nay nhập Niết bàn, vì chúng sanh diễn rộng và phân biệt chi li tường tận ...

Thuần Đà! Việc làm của Bồ tát, khác nhau lộ trình đi, gặp nhau nơi mục đích đến. Khác nhau ở hình thức, đồng nhau ở nội dung. Vì vậy Như Lai dạy: Hai trường hợp cúng dường thí thực ấy được hưởng quả báo đồng nhau.

II/ Thuần Đà! Thân Như Lai từ vô lượng, vô số, vô biên kiếp, không có thọ sự ăn uống. Vì hàng Thanh Văn mà nói: Rằng trước đó, tên Nan Đà và Đà Ba La, rồi sau đó Chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nhưng chính thực, Như Lai không ăn, nay vì Đại chúng trong hải hội này mà Như Lai nhận sự cúng dường của người. Thực ra Như Lai không phải là thân tạp, Như Lai không ăn.

Đại chúng mừng rỡ khôn xiết kể. Ngợi khen và tán thán công đức, trí tuệ của ông Thuần Đà. Rằng ông Thuần Đà là đối tượng để Như Lai dạy chánh pháp. Rằng cái tên Thuần Đà (Trung Hoa dịch: ĐIỀU NGHĨA) đã hàm chứa ý nghĩa thông minh, có khả năng học hiểu, sâu sắc chánh pháp của Như Lai.

Quý hóa thay, Thuần Đà! Ông đã được những điều mà nhiều người không được. Ra đời được gặp

Phật là khó. Có học chánh pháp, được cúng dường trước giờ phút nhập Đại Niết bàn lại càng khó hơn! Vậy mà Thuần Đà đã được !

Nam mô Thuần Đà!

Nam mô Thuần Đà!

Nay ông đã đủ bố thí ba la mật.

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
12/ 11/2000, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 10**

Thuần Đà vui mừng hơn hở. Ông đánh lễ Phật và nói bài kệ:

Đặt hạt cải đầu kim đã khó

Sanh vào đời gặp Phật khó hơn

Hẳn thiện duyên con đã sớm gieo trồng

Đấng Điều Ngự cho con mưa chánh pháp

Hoa đàm nở dễ mấy ai được thấy

Được Như Lai thọ ký khó hơn nhiều

Thấy Như Lai nhân ác thú viễn ly

Con vui sướng, trước Như Lai xin kính lễ

Nguyện Như Lai thêm tuổi thọ ở nơi đời

Thêm số kiếp, cho nơn thiên thêm nhiều đức độ

Phật dạy: Thuần Đà! Ông không nên sanh lòng buồn khổ. Ông là người đầy đủ phước duyên. Ông không nên tỉnh Phật ở đời dài lâu mà ông nên quan sát: Cảnh giới Nhơn Thiên vốn không bền chắc, cảnh giới chư Phật hết thấy cũng đều vô thường. Tánh và tướng các hành pháp là như vậy.

Đức Phật nói bài kệ:

Tất cả pháp thế gian

Có sinh đều có diệt

Dầu thọ mạng dài lâu

Đến kỳ cũng phải chết

Phật nay vào Niết bàn

Thọ trì đệ nhất lạc

Pháp chư Phật đều vậy

Đại chúng chớ nên buồn

Cuộc đối thoại giữa Thuần Đà với Đại Trí Văn thù Sư Lợi Bồ tát :

Rằng Như Lai không đồng với hành pháp vì hành pháp có sanh có diệt. Như Lai không phải hữu vi vì hữu vi thuộc về hành pháp. Người trí phải hiểu Như Lai là Vô vi. Như Lai là pháp thường trụ, bất biến. Có chánh quán như vậy, ông sẽ thành tựu 32 tướng tốt, chóng thành Vô Thượng Bồ Đề.

Cuộc đối thoại tiếp diễn và cho thấy:

„ Cúng dường Như Lai không nên đặt vấn đề nhiều ít, ngon hay không ngon.

„ Cúng dường Như Lai không nên luận. Kịp thời hay trễ thời.

„ Cúng dường Như Lai không được nghĩ Như Lai hài lòng hay không hài lòng.

Bởi vì Như Lai đã không ăn uống từ vô lượng kiếp. Vì không thọ thực cho nên không có vấn đề *trễ* hay *kịp thời*. Với Như Lai, không có hài lòng. Vì Như Lai hài lòng mọi lúc và hài lòng với tất cả chúng sanh.

Hiểu như thế là khéo thâm nhập kinh điển Đại thừa.

Dù nhận thức chân lý nhưng Thuần Đà và Đại chúng vẫn buồn thảm khóc than ...

Đức Thế tôn dạy: Thuần Đà! Ông chớ nên khóc than buồn thảm mà chi! Ông nên quán sát: Thân này

như cây chuối, như bọt nước, như huyễn hóa, như ánh nắng, như thành Càn thất bà, như tia chớp, như đồ gốm chưa hầm, như hình vẽ trên nước ... phải quán sát các hành pháp như ăn lẫn chất độc ...

Đức Phật nói bài kệ:

Các hành pháp đều vô thường

Vì là pháp có sanh diệt

Hãy diệt ý niệm sanh diệt

Cái vui tịch diệt hiện tiền

*

* *

TRỰC CHỈ

Đại thừa tư tưởng và Tiểu thừa tư tưởng khác nhau ở chỗ: Đại thừa không câu nệ chấp mắc, Tiểu thừa thì trái lại. Đối với Tiểu thừa tư tưởng, Thuần Đà chỉ là “một tịnh nhân”, một bạch cư sĩ: trên đường giác ngộ giải thoát được xem như là “tuyệt phần” nghĩa là không có tư cách dự phần vào đó. Trái lại, Đại thừa tư tưởng,

đỉnh cao là thời **PHÁP HOA, NIẾT BÀN** vấn đề nhân bản, quyền con người tuyệt đối nâng cao, tuyệt đối bình đẳng. Bình đẳng giữa nam và nữ, Bình đẳng giữa tại gia và xuất gia. Dĩ nhiên, Đại thừa, Tiểu thừa không hề đặt ra ranh giới, đại, tiểu tôn ty. Tốt xấu do người. Thiện ác do người. Giải thoát giác ngộ hay không do người, không luận giai cấp, chủng tộc, màu da nam nữ, cho đến không quan trọng hình thức tại gia, xuất gia. Do vậy:

Cư sĩ Thuần Đà lại là đối tượng phải thời. Thuần Đà được Như Lai nhận lễ vật dâng cúng, thọ dụng trước khi nhập Niết bàn và Thuần Đà cũng được tiếp nhận những lời dạy bảo cuối cùng của Như Lai.

Kinh Đại Bát Niết bàn rõ là kinh Đại thừa trong Đại thừa!

• Nâng vai trò của một thợ thuyền ngang tầm cỡ đại chúng mười phương.

• Nâng nhân cách một cư sĩ làm được những việc mà người xuất gia chưa làm được (dâng phẩm vật cúng dường Như Lai thọ nhận).

• Nâng trình độ, kiến giải một cư sĩ lên ngang hàng Đại Bồ tát Văn Thù.

• Nâng địa vị một cư sĩ lên hàng cao đệ đối tượng thuyết pháp, giáo dụ của Phật trước giờ phút nhập Đại Niết bàn.

Đây cũng là giáo lý Đại thừa trong Đại thừa.

“Đại tượng bất du ư thổ kính

Đại ngộ bất câu ư tiểu tiết

Nhược tương quản kiến báng thương thương

Vị liễu ngô kim vị quân quyết”

(Huyền Giác T.S)

Voi vĩ đại không đi đường ngoằn ngoèo của thỏ

Đại ngộ rồi, không câu chấp những nhỏ nhen

Nhìn trời xanh, qua ống thấy được bao nhiêu?

Chưa hiểu rõ, ta sẽ vì chư quân mà bảo rõ!

(Từ Thông T.S)

Sắc thân có đi đứng nằm ngồi, có nghỉ ngơi, ăn uống, đó là thân “tạp thực”. Đó là “ảo hóa không thân”. Thấy thân ảo hóa, thấy thân tạp thực không thể gọi là thấy được **NHƯ LẠI**

“Nhược dĩ sắc kiến ngã

Dĩ âm thanh cầu ngã

*Thị nhơn hành tà đạo
Bất năng kiến Như Lai”*

*Nhìn thân sắc tướng cho là thấy Như Lai
Nghe âm thanh cho là biết Như Lai
Đó là người tà đạo
Họ không thể thấy Như Lai đích thực.*

(Kinh Kim Cang)

Muốn thấy Như Lai, hiểu Như Lai phải thấy, hiểu qua PHÁP THÂN thường trụ. Kim Cang bất hoại thân.

Tuy nhiên ảo hóa thân là diệu dụng hiện tượng từ Pháp thân mà duyên khởi. Ảo hóa thân và Pháp thân không phải một nhưng cũng không khác.

“ Ảo hóa không thân tức Pháp thân”

(Huyền Giác T.S)

PHẨM THỨ BA AI THÁN

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
26/11/2000, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 11**

„ Cuộc tranh luận trao đổi chấm dứt. Ông Thuần Đà và Bồ tát Văn Thù cùng lo sắm sửa trai nghi phẩm vật dâng cúng Phật và đại chúng.

Bấy giờ đại chúng cùng có cảm giác “ rúng động sáu thứ ”, đất như chuyển, trời như xoay, toàn thân rộn ốc, sợ hãi và lo buồn. Có lẽ, đây là điềm Như Lai sắp nhập Đại Niết Bàn.

Đại chúng cùng có một ý nghĩ buồn khổ tiếc thương qua bài kệ :

*Cúi đầu lạy Thế Tôn
 Chúng con đồng khuyến thỉnh
 Phật ở lại nơi đời
 Chúng con mà xa Phật
 Ai giáo đạo chúng con
 Như Lai nhập Niết bàn
 Chúng con chìm bể khổ
 Nghe con mà mất mẹ
 Sầu khổ kể sao cùng
 Nguyện Thế Tôn thương xót...*

Bạch Thế Tôn ! Ví như quốc vương sanh các vương tử diện mạo khôi ngô, ngoan hiền, thông minh, vua rất yêu, dạy cho nghề văn nghiệp võ rồi sai người giết chết, thật là đáng thương. Phật thương chúng con, dạy dỗ chúng con vừa đủ chánh kiến, Như Lai vội nhập Niết bàn rồi bỏ chúng con có khác nào các vương tử bị đem đi giết ! Chúng con mong Phật ở luôn nơi đời.

Bạch Thế Tôn ! Ví như Y vương hiểu rành các phương thuốc, đem phương bí truyền dạy riêng con

mình, không dạy cho các trò khác. Như Lai đem tặng Pháp thậm thâm bí mật dạy riêng cho Văn Thù Sư Lợi mà chẳng thương, chẳng dạy cho chúng con, như ông thầy thuốc kia vì lòng còn riêng tư, thân sơ nên dạy không bình đẳng, rộng rãi, chỉ dạy cho con mình môn bí phương mà không dạy cho các trò khác. Như Lai hẳn không có lòng thân sơ, thiên vị, tại sao chẳng dạy dỗ chúng con ? Ngửa mong đức Phật ở lâu nơi đời chớ vội nhập Niết bàn.

Bạch Thế Tôn ! Ví như có người học giỏi các bộ luận rồi lại sanh lòng sợ các bộ luận ấy. Đức Như Lai thông đạt các pháp mà lại sợ các pháp. Nếu Như Lai ở luôn nơi đời giảng “pháp cam lộ ” cho chúng con được thấm nhuần đầy đủ thì chúng con không còn sợ phải bị sa vào địa ngục nữa ! Cúi mong Thế Tôn ở lại nơi đời !

Phật bảo các thầy Tỳ kheo: Các thầy đừng sầu thảm, thương khóc như hàng trời, phàm phu kia. Các thầy phải siêng năng tinh tấn, giữ vững chánh niệm.

Nghe Phật nhắc nhở, trời người, bát bộ chúng nén lòng và thôi khóc.

„ Đức Thế Tôn dạy : Này các thầy Tỳ kheo! Nếu trong đại chúng, còn chỗ nào nghi ngờ thì nên bạch hỏi. Đối với những pháp: Không, bất không. Thường, vô thường. Khổ, phi khổ. Y, phi y. Khứ, bất khứ. Qui,

phi qui. Hằng, phi hằng. Đoạn, phi đoạn. Chúng sanh, phi chúng sanh. Hữu, vô hữu. Thật, phi thật. Chân, phi chân. Diệt, bất diệt. Mật, bất mật. Nhị, bất nhị v.v... nếu còn chỗ nghi ngờ, nên hỏi. Như Lai sẽ giải rõ cho. Như Lai dạy pháp cam lồ cho các thầy rồi sau mới nhập Niết bàn.

„ Này các Tỳ kheo! Phật ra đời khó gặp. Thân người khó được. Được thân người, được gặp Phật lại có được tín tâm, đầy đủ giới hạnh, chứng quả A La Hán lại là việc khó hơn nhiều.

Này các thầy Tỳ kheo! Thành báu chánh pháp trang nghiêm, đầy đủ các thứ công đức trên bảo. Giới, định, tuệ làm tường thành kiên cố. Nay các thầy gặp được thành báu chánh pháp chẳng nên lượm lấy những vật vặt vãnh tầm thường như: nhà thương mại vào thành trên bảo mà chỉ lượm lấy sỏi đá rồi trở về nhà. Các thầy chớ để tâm hạ liệt được chút ít pháp mọn mà cam tâm thỏa mãn. Dù xuất gia mà không ham mộ Đại thừa, dù được khoác áo ca sa mà tâm chưa được nhuộm màu pháp Đại thừa. Các thầy dù khát thực nhiều nơi mà chưa từng khát thực Đại thừa. Các thầy dù cạo bỏ râu tóc mà chưa vì chánh pháp cạo sạch kiết sử .

Này các thầy Tỳ kheo! Nay Như Lai vì đại chúng hòa hợp trong pháp tánh chân tịnh. Các thầy phải nhiếp tâm, dừng mãnh tinh tấn, dẹp bỏ các kiết sử. Đừng để khi mặt trời Phật lặn rồi, các thầy sẽ bị vô minh bao trùm trong đêm đen si mê tà kiến.

„ Này các thầy Tỳ kheo! Những cỏ thuốc trên mặt đất để cho chúng sanh dùng khi có bệnh. Pháp vị cam lồ thượng diệu, làm thuốc chữa bệnh phiền não của chúng sanh. Nay Như Lai làm cho bốn bộ chúng đều được an trụ trong bí mật, cũng ví như chữ Y (o^oS^o) nếu ba điểm đứng chung hàng hoặc đứng ngay hàng, hoặc khác nhau đều không thành chữ Y. Ba điểm phải như ba con mắt trên mặt Đại tự tại thiên mới thành chữ Y. Như Lai cũng vậy. Giải thoát không phải Niết bàn. Pháp thân không phải Niết bàn. Ma ha bát nhã không phải Niết bàn. Ba pháp rời ra không phải Niết bàn. Như Lai an trú trong ba pháp ấy. Vì chúng sanh mà nói nhập Đại Niết bàn như chữ Y trong đời.

„ Bạch Thế Tôn các pháp quán vô thường, khổ, không, vô ngã, Thế Tôn khéo dạy cho chúng con thì vô thường là ưu việt hơn hết. Ví như các dấu chân thú, dấu chân voi lớn hơn hết. Vô thường quán nếu tinh tấn tu tập có thể trừ hết ái nhiễm cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, trừ hết vô minh kiêu mạn và thường tưởng.

Bạch Thế Tôn! Nếu Như Lai đã lia hẳn các ái nhiễm của ba cõi, của vô minh kiêu mạn và thường tưởng thì Như Lai không cần phải nhập Niết bàn mà chi! Còn như chẳng lia hẳn được, cố sao Như Lai dạy cho chúng con rằng: tu vô thường quán trừ được sự ái nhiễm của ba cõi, của vô minh, kiêu mạn và thường tưởng .

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
03/12/2000, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 12**

Bạch Thế Tôn! Không ai có thể khen cây chuối là cứng chắc, cũng như không ai có thể nói: ngã, nhờn, chúng sanh, thọ mạng, tác giả, thọ giả là chân thực.

Bả xác không còn dùng được, trái trôm không có mùi thơm, thân thể con người không ngã, không chủ. Chúng con tu vô ngã quán, thấy biết rõ những điều đó. Không bao giờ có dấu chim bay trong hư không, người tu tập pháp quán vô ngã không còn các thứ kiến chấp.

Đức Phật khen: Rất tốt! Các thầy khéo tu tập pháp quán vô ngã.

Các thầy Tỳ kheo bạch Phật: Ngoài pháp quán vô ngã, chúng con còn siêng tu các pháp: Vô thường, không, khổ và bất tịnh.

Bạch Thế Tôn! Người say, tâm trí mê loạn thấy nhà cửa, cỏ cây, núi rừng đều xoay nghiêng đảo lộn. Không tu các pháp quán vô thường, vô ngã, khổ, bất tịnh thì không gọi là bậc hiền thánh. Vì người này nhiều phóng dật, trôi lăn trong sanh tử, khổ não, ưu bi. Vì vậy, chúng con siêng năng tu tập các pháp quán ấy.

Phật dạy các thầy Tỳ kheo : Lóng nghe! Hãy để ý lóng nghe! Vừa rồi các thầy nói ví dụ người say, các thầy chỉ biết danh tự mà chưa biết rõ thật nghĩa. Thế nào là thật nghĩa? Nhà cửa, cỏ hoa, cây cối vốn không có xoay nghiêng đảo lộn. Chúng sanh bị phiền não vô minh che lấp, tâm điên đảo sanh khởi: Ngã cho là vô ngã. Thường cho là vô thường. Lạc cho là khổ. Tịnh cho là bất tịnh. Vì phiền não vô minh che lấp nên cái hiểu của phàm phu không hiểu rõ được thật nghĩa. Như người say kia cảnh vật vốn không đảo lộn mà anh ta thấy thật có đảo lộn.

NGÃ chính là thật nghĩa của *PHẬT*.

THƯỜNG chính là thật nghĩa của *PHÁP THÂN*.

LẠC chính là thật nghĩa của *NIẾT BÀN*.

TỊNH là thật nghĩa của *PHÁP* (Bát nhã ba la mật).

Do nghĩa đó, các thầy nói người có ngã thì kiêu mạn, cống cao, luân chuyển sanh tử là không đúng lý. Cũng do vậy, người tu pháp quán vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, nếu không khéo thì chỉ biết danh tự mà không thể biết thật nghĩa.

Đây là bốn pháp đặc thắng, các thầy nên tu học.

Vô thường cho là thường, thường cho là vô thường, là điên đảo. Khổ cho là vui, vui cho là khổ, đó là điên đảo. Vô ngã cho là ngã, ngã cho là vô ngã, là pháp điên đảo. Bất tịnh cho là tịnh, tịnh cho là bất tịnh, đó là pháp điên đảo. Mắc phải bốn pháp điên đảo, ấy là người chưa biết pháp tu chân chánh.

Thế gian có thường, lạc, ngã, tịnh. Xuất thế gian cũng có thường, lạc, ngã, tịnh. Pháp thế gian có văn tự mà không có thật nghĩa. Xuất thế gian có văn tự, có thật nghĩa. Vì sao ? Vì pháp thế gian có bốn thứ điên đảo cho nên không biết thật nghĩa. Ngoài bốn thứ điên đảo còn có tướng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo nữa! Vì có ba thứ điên đảo này cho nên người thế gian ở trong thường thấy vô thường, ở trong lạc thấy khổ, ở trong ngã thấy vô ngã, ở trong tịnh thấy bất tịnh. Đấy gọi là điên đảo. Vì điên đảo nên thế gian biết văn tự mà không biết thật nghĩa. Gì là thật nghĩa? Vô ngã gọi là sanh tử, ngã là *NHƯ LAI*. Vô thường là

Thanh Văn, Duyên Giác. Thường là *PHÁP THÂN NHƯ LAI*. Khổ là tất cả ngoại đạo. Lạc là *GIẢI THOÁT NIẾT BÀN*. Bất tịnh là pháp hữu vi. Tịnh là *BÁT NHÃ CHÁNH PHÁP* của Phật Bồ tát. Đấy gọi không điên đảo. Vì không điên đảo nên biết văn tự, biết thật nghĩa. Nếu muốn lìa khỏi bảy thứ điên đảo thì phải biết rõ: *THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH* như vậy.

Các thầy Tỳ kheo hỏi: Như lời Thế tôn dạy: Rằng lìa khỏi bảy thứ điên đảo thì được rõ biết *THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH*. Nay Như Lai hoàn toàn không có bảy sự điên đảo thì đã biết rõ *THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH*. Nếu đã biết rõ rồi, cố sao Như Lai không ở đời một kiếp hoặc nửa kiếp để dạy dỗ chúng con, cho chúng con lìa khỏi bảy sự điên đảo. Như Lai lại vất bỏ chúng con muốn nhập Niết bàn?

„ Phật dạy: Các thầy Tỳ kheo đừng nói như vậy. Chánh pháp vô thượng của Phật, Như Lai đã giao phó cho Ma Ha Ca Diếp. Các thầy y chỉ nơi Ma Ha Ca Diếp mà học tu. Cũng như Quốc vương đi xa, giao phó quốc sự cho đại thần vậy.

Các thầy nên biết: pháp tu quán vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh trước đây chưa phải là chân thật, cứu cánh. Ví như mùa Xuân có một nhóm người chơi thuyền trong hồ lớn làm rơi viên ngọc lưu ly. Họ cùng

nhau hụp lặn tìm ngọc. Đến lúc đem lên khỏi nước mới rõ là không phải, ngọc lưu ly vẫn còn dưới nước. Lúc nước hồ đứng trong, nhóm người lại nhìn thấy viên ngọc. Có một người trí, tìm cách khéo léo, chậm rãi lặn xuống vớt được ngọc thật.

Các thầy chớ lầm tưởng: Quán vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh là tu pháp thật nghĩa. Nó cũng như nhóm người lặn xuống nước lượm nhằm đá sỏi mà tưởng là ngọc vậy. Các thầy phải khôn khéo như người khôn khéo kia. Phải luôn luôn tu tập: THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH và phải tỉnh thức chánh niệm: Rằng từ trước đến nay, tu pháp quán vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh là tu pháp điên đảo!

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
10/12/2000, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 13**

„ Các thầy Tỳ kheo hỏi : Sao trước đây Thế Tôn dạy chúng con tu pháp vô ngã ? Rằng tu pháp vô ngã xa lìa chấp ngã, lìa chấp ngã thì lìa kiêu mạn, lìa kiêu mạn thì được Niết bàn, nghĩa ấy thế nào?

Phật dạy : Nay các thầy Tỳ kheo ! Ví như quốc vương kém sáng suốt tin dùng một y sư vụng về, tánh tình cao ngạo. Trị bịnh gì cũng thuận dùng sữa để làm

thuốc, lại thêm không biết căn do của bệnh. Dầu biết dùng sữa mà chẳng hiểu rành sữa tốt, xấu, lành hay không lành. Một hôm, từ phương xa đến một minh y hiểu rành chín cách trị bệnh, thông thạo các phương, trị bệnh rất giỏi. Kết thân, làm người hầu hạ tôn cưu y làm thầy. Do đó được vào yết kiến Quốc vương. Sau đó, hướng dẫn Quốc vương cách sử dụng thuốc và nghệ thuật trị bệnh.

Bấy giờ Quốc vương tỉnh ngộ xét biết cưu y là hạng vụng về mà cao ngạo, liền biếm truất, trọng dụng minh y. Minh y yêu cầu Quốc vương cấm uống thuốc sữa của cưu y vì thuốc ấy độc hại làm tổn thương người bệnh. Quốc vương chuẩn tấu ra lệnh cấm hẳn, nếu ai dùng thuốc sữa sẽ bị nghiêm trị. Minh y theo phương bào chế, tùy bệnh cho thuốc. Dân chúng có bệnh nhất nhất trị lành.

Ít lâu sau, Quốc vương bệnh nặng, truyền mời minh y đến điều trị. Sau khi định bệnh biết rằng Quốc vương cần phải dùng thuốc sữa. Minh y tâu rằng: Ngày trước tôi yêu cầu cấm dùng sữa để làm thuốc, đó chưa phải là ý hay tuyệt đối có tính cố định. Nay nhà vua đang mắc phải bệnh nóng, chính là lúc nên dùng thuốc sữa để trị ắt bệnh sẽ được lành.

Vua bảo: Có lẽ ông điên cuồng, loạn óc rồi, mới nói rằng uống sữa trị được bệnh của ta! Cự y dùng sữa ông bảo là độc. Yêu cầu biếm truất và cấm hẳn. Nay trở lại nói sữa là tốt, hay, trị được bệnh? Ông muốn khi đối ta ư? Cứ theo lời ông nói thì cự y có thể hơn ông rồi!

Minh y tâu vua: Như mối ăn gỗ ngẫu nhiên thành chữ. Con mối tự nó không biết là chữ hay không phải chữ. Người trí xem thấy, không bao giờ tuyên nói rằng con mối biết chữ và cũng không lấy làm lạ. Cự y không rõ căn bệnh, bệnh gì cũng dùng thuốc sữa để trị, lại không biết sữa là tốt hay xấu, lành hay không lành.

Vua nói : Xin ông giải thích cho ta rõ.

Minh y tâu : Thuốc sữa cũng là độc hại, cũng là cam lộ. Nếu bò cái không ăn bả hèm, cỏ úng thì bê con khỏe mạnh. Cho bò ăn không thả ở cao nguyên có nhiều đồng khô, cũng không cho ăn chỗ cỏ úng đầm lầy, nước uống trong sạch và không cho chung bầy với bò đực, cho ăn uống vừa chừng, phải cách, sữa của bò này trị được nhiều bệnh gọi đó là cam lộ. Không được vậy, các thứ sữa khác thì có thể trở thành độc tố.

Nghe minh y giảng giải, vua khen : Nay ta mới rõ thế nào là sữa tốt, thế nào là xấu, lành hay không lành.

Sau khi được uống sữa, vua lành bệnh. Vua liền truyền lệnh cho dân chúng được dùng sữa để trị bệnh. Dân chúng không vừa lòng thái độ bất nhất của nhà vua, liền hội đến hoàng triều để cật vấn.

Quốc vương bảo dân chúng: Mọi người không nên oán trách ta. Thuốc sữa nên uống hay không nên uống, đều là ý của y sư không phải lỗi của ta.

Dân chúng vui lòng, tuân lời minh y dùng thuốc sữa tốt trị bệnh, được nhiều kết quả vượt hơn ý mong muốn ban đầu.

Các thầy nên biết: Ngoại đạo nói ngã như mối ăn cây ngẫu nhiên thành chữ. Vì thế trong Phật pháp, Như Lai nói vô ngã để điều phục chúng sanh và vì có nhân duyên Như Lai nói có ngã như minh y biết rõ sữa nên thuốc hay không nên thuốc. Ngã mà Như Lai nói, chẳng phải như chấp ngã của phàm phu hiểu. Phàm phu chấp ngã hoặc lớn bằng ngón tay cái hoặc nhỏ như hạt đậu hoặc bé xiu như vi trần. Ngã của Như Lai nói không phải như vậy. Thế nên Như Lai nói các pháp không ngã mà chính thật không phải là không ngã.

Thế nào là chính thực? Nếu pháp là chính thực, là chân, là thường, là chủ tử, là sở y; tự tánh không biến đổi thì đó gọi là ngã, như minh y hiểu rành thuốc sũa. Như Lai vì chúng sanh nói: Tất cả các pháp chơn thật có ngã. Bốn bộ đệ tử Như Lai đều phải tu pháp quán: “chơn ngã” như vậy.

*
* *
*

TRỰC CHỈ

„ Ai thán là thương tiếc, khóc lóc và thở than. Sầu khổ, kể lể, tiếc thương...khẩn khoản với một người thân thương kính quý trước giờ phút tử biệt sanh ly là việc bình thường. Thế gian phàm phu đều vậy và phải như vậy. Vì quan niệm rằng: Chết là hết. Một lần ra đi là một lần vĩnh viễn chia ly.

Còn sự “ai thán” của thiên long bát bộ, của tứ chúng đệ tử Phật, trong kinh Đại Bát Niết Bàn có thể :

A/ Thành phần chất liệu mê mờ còn nhiều hơn chúng tử giác ngộ giải thoát. Đây là thành phần “ai thán” thật sự.

B/ Thành phần chứng quả đạt đạo, thanh lọc hết chất vô minh phiền não nội tâm, thanh thản tự tại với cuộc sống ngoại cảnh. Sự “ai thán” của bậc người này hẳn không phải ai thán thật! Kinh điển Phật có danh từ “thị hiện”. Đây là sự dàn cảnh có dụng ý.

Giá trị cao quý của người xuất gia là học chánh pháp, hành chánh pháp, sống theo chánh pháp. Tu học là nhiệm vụ chánh yếu của một Tỳ kheo, của người khát sĩ. Tiếc thương, khóc lóc, sầu khổ dành cho những người phàm phu. Đường tu học phải luôn tiến bước. Học kinh điển Phật có hệ tư tưởng Tiểu thừa, có hệ tư tưởng Trung thừa và hệ tư tưởng Đại thừa là đỉnh cao trong quá trình tu học chánh pháp. Sở dĩ Bát bộ, Nhơn thiên, quyền, tiểu khóc than sụt mướt, sợ Phật nhập Niết bàn, theo họ nghĩ: Niết bàn đồng nghĩa với “chết mất”.

Đừng khờ khạo như nhà kinh doanh khờ khạo, vào kho trân bảo mà ra về chỉ có một con trâu đá xinh xắn trong tay. Học Đại thừa, tu hạnh Đại thừa mới có cơ hội nhận thức chân lý toàn diện.

Chừng nào chưa tu học Đại thừa thì không thể hiểu :

Phật thường trụ

Pháp thường trụ

Tăng thường trụ

Chừng nào chưa tu học Đại thừa thì không thể hiểu :

- a* Pháp thân tỳ lô giá na thường trụ
- a* Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa thường trụ
- a* Niết Bàn tịch tịnh thường trụ

Học Đại thừa, sử dụng kiến giải Đại thừa. Người đạt đạo nhận rõ ba đức: PHÁP THÂN, BÁT NHÃ, GIẢI THOÁT của Như Lai không nghi ngờ, bỡ ngỡ hay lạ lùng. Như Lai là vậy đó. PHÁP THÂN, không phải Như Lai nhưng không có Pháp thân, không có Như Lai. NIẾT BÀN, không phải Như Lai nhưng không có Niết bàn, không có Như Lai. BÁT NHÃ, không phải Như Lai nhưng không có Bát nhã, không có Như Lai. Như chữ Y ba điểm sai vị trí không còn là chữ Y được. Là đệ tử Phật phải tu học như thế.

„ Xuất gia, theo Phật, học hiểu giáo lý Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, tư duy quán chiếu chân lý “vô thường”, “khổ”, “vô ngã”, “bất tịnh” là một thành công đáng kể. Phật thường khích lệ, ngợi khen hạng người này. Vì vậy, những người hậu học thường nghĩ tưởng rằng: vô thường, vô ngã, khổ, bất tịnh là “chân lý tuyệt đối”, cứu kính của đạo Phật.

Với nguồn giáo lý Đại thừa Đại Niết Bàn thì “vô thường”, “khổ”, “vô ngã”, “bất tịnh” chỉ là những viên sỏi đá mà nhóm người chơi thuyền vui Xuân, hớp tấp vôi vàng nhặt được ở đáy hồ mà tưởng là mình đã vớt mò được ngọc. Phải thật nhẹ nhàng và khéo léo người trí mới vớt được ngọc lưu ly thật.

Không tu học Đại thừa Đại Niết Bàn, không biết được THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH là bốn thực đức, tùy duyên mà bất biến ấy.

Không tu học Đại thừa Đại Niết Bàn, không biết được :

THƯỜNG chính là PHẬT

NGÃ chính là NHƯ LAI

LẠC chính là NIẾT BÀN

TỊNH chính là BÁT NHÃ BA LA MẬT

Ngoại đạo nói “ngã” (thần ngã) là nói cầu may, không biết thế nào “ngã”, thế nào không “ngã”. Như mối ăn gỗ, ngẫu nhiên thành nét chữ. Do duyên cơ đó, trước kia Như Lai nói “vô ngã” .

Tu học Đại thừa Đại Niết Bàn :

“ NGÃ tức NHƯ LAI PHÁP THÂN vậy! ”

Một thầy thuốc giỏi :

☞ *Cấm bệnh nhân uống thuốc sữa để trị lành bệnh cứu người.*

☞ *Bắt bệnh nhân uống thuốc sữa, cũng để trị lành bệnh cứu người.*

Như Lai Thế Tôn là vị Vô Thượng Y Vương đó.

Nói vô ngã để đem lại sự giải thoát giác ngộ cho mọi người .

Nói Ngã cũng đem lại sự giải thoát giác ngộ cứu cánh cho mọi người.

*Rõ là **ĐẮNG Y VƯƠNG VÔ THƯỢNG !** ./.*

PHẨM THỨ TƯ TRƯỜNG THỌ

*** *P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
17/12/2000, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 14*

„ Phật dạy: Này các thầy Tỳ Kheo! Đối với Như Lai, “Tất cả các pháp bốn tánh không tịch”. Đó là kết quả của sự tu hành trải qua vô lượng kiếp mà nên. Tuy nhiên, trên đường hóa độ chúng sanh, không phải vậy. Về giới luật, thiền định và trí tuệ học, các thầy còn có chỗ nghi ngờ chưa quyết thì đem ra hỏi, Như Lai sẽ giải thích cho.

Các Tỳ Kheo thành phần A La Hán, tự thấy trí tuệ nhỏ nhoi, không đủ trình độ đặt vấn đề hỏi Phật. Mọi người có ý nghĩ: Pháp Phật thậm thâm vi mật,

truyền dạy cho Bồ tát, thì mới bảo tồn kiên cố, mới có khả năng truyền bá ở đời, lợi lạc chúng sanh.

„ Bấy giờ có vị Bồ tát họ Đại Ca Diếp, giòng Bà la môn, từ chỗ ngồi đứng dậy trịch vai áo bên hữu, cung kính nhiễu Phật, rồi quỳ gối chấp tay hỏi Phật qua bài kệ:

Làm sao được trường thọ

Thân Kim Cang không hoại ?

Nên tạo nhân duyên gì

Để được sức kiên cố ?

Làm gì ở kinh này

Để được đến bờ kia ?

Xin Phật mở kho tàng

Vì chúng sanh dạy rõ !

Làm sao được rộng lớn

Làm y chỉ chúng sanh

Làm sao biết thiên ma

Để làm chúng khiếp sợ?

Lời Phật, lời Ma Ba tuần

Làm sao phân biệt biết?

Thế nào các Bồ tát

Thấy được tánh khó thấy?

Nghĩa mãn tự bán tự

Phải hiểu như thế nào?

Làm sao ở đời trược ác

Chẳng ô nhiễm như hoa sen

Thế nào ở trong phiền não

Mà phiền não chẳng nhiễm?

Như y sư trị bệnh

Không bị bệnh truyền lây?

Con nay thỉnh Như Lai

Vì các hàng Bồ tát

Diễn nói pháp thậm thâm

Thế nào tất cả pháp

Đều có tánh an lạc

Cúi xin đấng Thế Tôn

Phân biệt dạy chúng con .

Phật khen Ca Diếp Bồ tát. Lời hỏi của ông có giá trị như người được Nhất thiết trí. Lúc Như Lai mới thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác dưới cội bồ đề cũng có vô số Bồ tát đến hỏi Như Lai như vậy.

Này Ca Diếp Bồ tát! Hãy lắng nghe! Như Lai sẽ vì ông mà nói về nghiệp nhân trường thọ của một Bồ tát.

Phàm có hạnh nghiệp, có thể làm nhân cho quả Vô Thượng Bồ Đề thì thành tâm nghe kỹ và lãnh thọ giáo nghĩa đó. Tự mình lãnh thọ rồi truyền dạy cho người khác để nhiều người được lợi lạc. Do tu tập hạnh nghiệp ấy mà Như Lai được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay lại vì mọi người nói rộng ý nghĩa ấy.

Muốn thực hiện sâu rộng nghiệp nhân trường thọ, Bồ tát phải phát tâm đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, hộ niệm tất cả chúng sanh, như thương con ruột của mình. Dạy cho tu tập pháp ngũ giới, thập thiện. Những chúng sanh bị khổ ba đường ác, cứu độ cho được ra. Giải thoát cho người chưa giải thoát. Người chưa giác ngộ dạy cho pháp tu tỉnh thức. Do tu các nghiệp nhân như vậy mà Bồ tát được “thọ mạng lâu dài”, trí tuệ tự tại.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: Theo con nghĩ, Thế Tôn không nên nói Bồ tát đối với tất cả chúng sanh tâm bình đẳng xem đồng như con. Vì trong Phật pháp có người phá giới, có kẻ phạm tội nghịch, có người hủy báng chánh pháp ... với hạng người như vậy làm sao xem đồng như con?

Phật dạy: Như Lai đối với chúng sanh ấy xem đồng như con, như La hầu La. Cho đến người hủy báng chánh pháp, hàng nhất xiển đề hoặc những kẻ tà kiến ... Như Lai đều thương xót như con. Như Lai không giống các quốc vương, bầy tôi phạm pháp cứ theo tội mà tru lục.

Ca Diếp! Nên biết, Như Lai là người ban bố vô úy bình đẳng cho chúng sanh. Như Lai phóng ra một, hai hoặc năm tia sáng, kẻ nào gặp đều xa lìa tất cả điều ác. Sau khi Như Lai nhập Niết Bàn, nơi nào có Tỳ kheo trì giới, đầy đủ oai nghi hộ trì chánh pháp, thấy người hoại pháp thì quả trách, trừng trị. Vị Tỳ Kheo ấy được phước báo vô lượng. Đó chính là đệ tử của Như Lai, đích thực là Thanh Văn. Nếu thấy lỗi mà bỏ qua, vị Tỳ kheo này là người góp phần làm bại hoại Phật pháp.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: “Như lời Phật vừa dạy, e là không bình đẳng, xem tất cả chúng sanh như

con. Bạch Thế Tôn! Giả sử có người cầm dao với ý đồ hãm hại Phật, lại có người đem nước chiên đàn thoa thân Phật. Nếu sử dụng tâm bình đẳng lẽ ra hai người đều phải được xem là người tốt, cố sao lại bảo rằng phải trừng trị kẻ phạm luật nghi? Nếu trừng trị kẻ phạm luật nghi thì lời dạy kia có lỗi ”

Phật nói: “ Như Quốc vương có bốn người con trai khôi ngô, thông minh sáng suốt, đem giao cho giáo sư dạy dỗ và dặn rằng: Thầy gắng dạy cho chúng được toàn vẹn tài đức. Nếu chúng ngỗ nghịch, thầy phải nghiêm trị, dầu ba đứa bị đòn chết, còn một đứa được nên nhà vua cũng vui lòng.

Nầy Ca Diếp! Cha và thầy của các trẻ có phải tội ác và sát sanh chăng?

Ca Diếp Bồ tát thưa: “ Bạch Thế Tôn! Không. Vì lòng thương muốn cho các trẻ được nên, chớ chẳng phải ác tâm. Dạy dỗ như thế được phước vô lượng ”.

Phật nói: “ Cũng vậy, Như Lai đối với kẻ phạm pháp xem đồng như con. Nay Như Lai đem chánh pháp vô thượng phó chúc cho vua, đại thần, Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di. Các vua quan và bốn bộ chúng phải nên khuyên răn, khích lệ những người phát tâm tu học, khiến được tăng thượng giới, định, tuệ và nên nghiêm khắc dạy bảo những người lười biếng,

phá giới, hủy hoại chánh pháp, lơ là đối với pháp tam vô lậu học.

Nầy Ca Diếp! Như vậy các vua quan, bốn bộ chúng có mắc tội chăng?

Ca Diếp Bồ tát thưa: “ Bạch Thế Tôn! Không ”.

Phật nói: “ Các vua quan và bốn bộ chúng còn không tội, huống là Như Lai.

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
24/12/2000, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 15**

Nầy Ca Diếp! Như Lai khéo tu đức bình đẳng, xem các chúng sanh đồng là con. Tu như vậy gọi là Bồ tát tu tâm bình đẳng, với các chúng sanh xem đồng là con. Bồ tát tu tập hạnh nghiệp bình đẳng này được thọ mạng lâu dài, khéo biết những việc đời trước.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: “ Như Lai chẳng nên dạy như thế! Bồ tát tu tâm từ bình đẳng lẽ ra không đoản thọ, được thọ mạng lâu dài, biết được túc mạng thường ở nơi đời. Nay do duyên cố gì, Thế Tôn thọ mạng rất ngắn, chẳng khác người thế tục trần gian? Hay Như Lai oán ghét chi chúng sanh? Ngày trước Như Lai làm nghiệp ác gì, mà mắc báo đoản thọ sống không đầy trăm tuổi? ”

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát : “ Nay duyên cớ gì ông nói lời thô trước Như Lai như thế ? Như Lai trường thọ hơn hết trong các tuổi thọ. Như Lai được pháp thường trụ hơn hết trong các pháp thường trụ”. Các ông cần phải học!

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật : “ Đức Như Lai thọ mạng dài lâu như thế nào ?

Phật nói : Ví như tám con sông : Sông Hằng, sông Diêm Ma La, sông Tát La, sông A Lợi La, sông Ma Ha, Sông Tân Đầu, sông Bác Xoa, sông Tát Da. Tám con sông này cùng các sông nhỏ đều chảy vào biển lớn.

Cũng vậy, tất cả con sông thọ mạng của người, của trời đất, của hư không, đều vào trong biển thọ mạng của Như Lai. Vì vậy nên thọ mạng của Như Lai vô lượng, vô cùng.

Ví như ao A Nậu chảy ra thành bốn con sông lớn. Cũng vậy, ở trong các pháp thường trụ, Như Lai là đệ nhất.

Phật dạy: Ca Diếp ! Đối với Như Lai, ông không nên có quan niệm diệt tận. Hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di vẫn có thể sống lâu trăm tuổi hoặc hơn trăm tuổi. Hàng ngoại đạo có được ngũ thông, hạng luyện đờn, chế thuốc tu tiên, họ vẫn có thể kéo

dài mạng sống ngàn năm, hoặc vạn năm tùy ý. Như Lai có sức tự tại, Như Lai là vua của các pháp, há lại không thể trụ thế một kiếp hoặc hơn một kiếp hay sao?

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: “ Nếu thọ mạng của Như Lai dài lâu như vậy, Như Lai ở nơi đời hoặc một kiếp hoặc ít hơn một kiếp hoặc hơn một kiếp để thường tuyên diệu pháp, như tuôn mưa lớn ”.

Như Lai là pháp thường trụ chẳng biến đổi, thân Như Lai là thân biến hóa chẳng phải thân tạp thực. Vì độ chúng sanh nên thị hiện có sanh có diệt. Vì độ chúng sanh nên thị hiện bỏ thân mà nhập Niết Bàn .

Ông nên biết, Phật là pháp thường trụ, không biến đổi. Ở trong đệ nhất nghĩa này, các ông phải nên siêng năng tinh tấn nhất tâm tu học. Mình đã tu học và vì người khác mà giảng nói.

Ca Diếp Bồ tát thưa: “ Có sự sai khác gì giữa xuất thế pháp cùng thế pháp?”. Như lời Phật dạy: Phật là pháp thường trụ, không biến đổi. Người đời cũng nói Phạm Thiên là thường, Tự Tại Thiên là thường. Họ cũng nói Ngã là thường, Tánh là thường và Vi trần cũng là thường, tất cả đều không biến đổi.

Nếu nói Như Lai là pháp thường trụ, cớ sao Như Lai chẳng thường hiện nơi đời? Có khác gì nghĩa

thường của thế gian? Vì Phạm Thiên nhấn đến vi trần cũng chẳng thường hiện ở nơi đời.

Phật bảo Ca Diếp: Phạm phu dẫu có pháp lành nhưng đều là pháp thừa của Như Lai. Sau khi Thế Tôn nhập Niết Bàn, họ trộm pháp lành thừa của Như Lai hoặc giới hoặc định hoặc tuệ nhưng không có phương tiện nên chẳng giải thuyết được, họ không thể được thường giới, thường định, thường tuệ và giải thoát. Vì mong được giải thoát, hạng phạm phu nói Ngã hoặc Phạm Thiên, Tự Tại Thiên, Phi Tướng, Phi Phi Tướng chính là Niết Bàn, kỳ thật họ chẳng được giải thoát Niết Bàn.

Hạng phạm phu có chút ít phạm hạnh, cúng dường cha mẹ nên được sanh lên trời hưởng một ít an lạc. Mà thật chẳng biết được giới, định, tuệ, quy y tam bảo rồi do chẳng biết mà nói thường, lạc, ngã, tịnh. Dẫu nói thường, lạc, ngã, tịnh mà thật ra họ chẳng biết. Vì thế nên sau khi ra đời, Như Lai vì chúng sanh diễn nói thường, lạc, ngã, tịnh.

Này Ca Diếp! Như Lai là thường, là pháp không biến đổi. Chẳng đồng hạng người ngu trong đời gọi Phạm Thiên v.v... là pháp thường còn. Gọi là pháp thường trụ phải là Như Lai chớ chẳng phải pháp nào khác. Ca Diếp! Ông phải hiểu thân Như Lai là như vậy.

*** *P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
07/01/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 16*

(Giảng về Thiệp chúc Tết năm 2001)

Ngày Xuân Suy Gẫm

*Vạn vật từ xưa nay
Chưa từng có nhiệm ô
Muốn an trú nhất thừa
Dừng trách hờn vạn vật
Nhìn sáu trần thanh thản
Sẽ gặp được cố nhân*

Xuân Tân Ty

DL. 2001

HT. THÍCH TUYÊN HỒNG



***** *P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
11/02//2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 17***

Này Ca Diếp! Mọi người nên thường chuyên tu học hai chữ: Phật là THƯỜNG TRỤ. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nào tu hai chữ này, người ấy đi theo đường Phật đi, đến chỗ Phật đến.

Này Ca Diếp! Nghĩa Niết Bàn chính là pháp tánh mà chư Phật nói.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: “ Pháp tánh của chư Phật nghĩa thế nào? Mong Đức Như Lai giải rộng cho. Theo con hiểu: Pháp tánh có nghĩa là phải xả bỏ sắc thân. Đã xả bỏ sắc thân tức là vô sở hữu, nếu vô sở hữu thì thân không còn. Thân nếu còn tại sao lại nói thân có pháp tánh? Thân có pháp tánh sao thân lại còn?

Phật dạy:“Ca Diếp! Ông chẳng nên nói diệt mới là pháp tánh. Pháp tánh không có diệt”.

Ví như Vô Tướng Thiên thành tựu sắc ấm mà không có sắc tướng. Chẳng nên hỏi các ông trời ấy sung sướng hưởng vui thế nào? Nghĩ tưởng những gì?

Này Ca Diếp! Cảnh giới của Như Lai chẳng phải chỗ biết của Thanh Văn, Duyên Giác. Chẳng nên nói

thân của Như Lai là pháp diệt. Ông không nên nghĩ Như Lai ở chỗ nào, đi chỗ nào, thấy, vui, chỗ nào? Pháp thân của Phật, các thứ phương tiện chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải điều mà các ông biết được.

Này Ca Diếp! Nên tu tập Phật, Pháp và Tăng mà quán tưởng là thường. Ba pháp ấy không có dị tướng, không vô thường tướng, không biến dị tướng. Đó là tu đúng chánh giáo. Nếu ở nơi ba pháp, tu dị tướng, phải biết rằng pháp tam quy thanh tịnh của những người này bị lệch lạc chánh pháp, cấm giới của họ chẳng viên mãn. Họ chẳng chứng được quả Thanh Văn, Duyên Giác Bồ đề. Nếu có thể ở nơi ba pháp bất khả tư nghì này, tu thường tướng thì có chỗ quy y.

Này Ca Diếp! Ví như nhưn nơi cây mà có bóng cây. Cũng vậy, vì Như Lai có pháp thường trụ nên có chỗ quy y. Nếu cho rằng Như Lai là vô thường thì Như Lai không phải là chỗ quy y của người trời.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ví như trong tối có cây mà không có bóng!”

Phật nói:“ Ca Diếp ! Ông không nên nói có cây mà không có bóng, chỉ vì nhục nhãn nhìn thô thiển nên không thấy đó thôi .

Cũng vậy, tánh Như Lai là thường trụ, không biến đổi. Người không có con mắt trí tuệ không thấy

được, như trong bóng tối không thấy bóng cây. Cũng vậy, sau khi Phật nhập diệt, hạng phàm phu nói Như Lai là vô thường.

Nếu cho rằng Phật khác với Pháp và Tăng, chẳng thành chỗ của ba pháp quy y. Như cha mẹ của ông mỗi mỗi sai khác, nên thành vô thường”.

Ca Diếp Bồ tát lại bạch Phật: “ Từ nay, con sẽ đem ba pháp thường trụ: **Phật, Pháp, Tăng** để khai ngộ cho cha mẹ, nhữn đến cha mẹ trong bảy đời đều khiến phụng trì.

Bạch Thế Tôn! Nay con phải học Phật, Pháp, Tăng bất khả tư nghì. Tự mình học rồi lại sẽ vì người mà giảng giải những nghĩa ấy. Người nào không tin tưởng không nhận được, vì họ đã tu pháp vô thường từ lâu, con sẽ làm sương móc, mưa giá cho hạng người này.

Phật khen Ca Diếp Bồ tát: “ Lành thay! Lành thay! Nay ông khéo có thể hộ trì chánh pháp. Hộ pháp như vậy là không khinh khi người. Do nơi nghiệp nhân không khinh khi người mà được quả báo trường thọ.”

*
* *

TRỰC CHỈ

*** *P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
18/02/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 18*

Phẩm kinh này có nhan đề TRƯỜNG THỌ. Phật dạy phẩm TRƯỜNG THỌ, nhưng không phải là dạy cho con người dưỡng sinh, tập luyện cách nào đó để được sống lâu. Bởi vì giáo lý của đạo Phật nhận thức về con người, cái “tối linh ư vạn vật” nói chung, “tối linh ư động vật ” nói riêng, không phải ở nơi sự sống dài hay sống ngắn, ở nơi ít tuổi hay cao tuổi và sự so sánh ít năm hay nhiều năm.

Những cụm từ đó, đối với đệ tử Phật, có học đạo, hành đạo và chứng đạo, nó không có giá trị cao siêu hay một sự vui mừng, hãnh diện gì hết . Cho nên, người Phật tử với vấn đề tử sanh, sanh tử là chuyện “tùy thuận” không cầu nguyện, không khẩn vái van xin mà cũng không cần có ý chối bỏ hay trốn chạy sự sống.

Tiêu chí mà đạo Phật đặt ra đối với con người là:

„ Sống một đời sống đáng sống

„ Sống có an lạc và hạnh phúc

„ Sống có tự tại và khinh an

„ Sống có phước đức và trí tuệ

„ Sống có Bồ đề, Niết bàn hữu thượng và vô thượng

Hiện thực được những tiêu chí đó là đạt mục đích yêu cầu của đời sống đáng sống của con người .

Đền Ngọc Sơn bên hồ Hoàn Kiếm, thủ đô Hà Nội có xác “con rùa thuộc” to tướng, dài hơn một thước tây. Nhà sinh vật học cho biết con rùa ấy sống 500 năm tuổi, tính theo tuổi thọ con người “ Trường thọ ” 500 tuổi, thế mà chẳng thấy ai gọi dù là một tiếng “Ông” rùa, giữa cảnh “ngựa xe như nước, áo quần như nen” của cố đô Thăng Long nghìn năm văn vật.

„ TRƯỜNG THỌ đức Phật dạy cho Bồ tát Ca Diếp là sự “trường thọ” với không gian, với thời gian. Là Bồ tát phải tu học cái nhân “trường thọ”. Phải phát tâm đại từ, đại bi, mở rộng lòng đại hỉ, đại xả. Phải vun bồi tự giác cho mình, phải huấn đạo tha giác cho chúng sanh. Dem giới, định, tuệ mà truyền trao cho mọi người. Dẫn dụ mọi người quay về với Phật, với Pháp, với Tăng. Gieo trong lòng mọi người hạt giống giác ngộ, giải thoát. Đó là việc làm của Bồ tát hạnh. Việc

làm đó phù hợp chân lý. Tu như vậy gọi “xứng tánh khởi tu”. Làm như vậy gọi là “tùy thuận pháp tánh”. Đó chính là Bồ tát vun bồi, xây dựng cái nhân “trường thọ” để rồi thọ dụng cái quả “trường thọ” vĩnh cửu với không gian vô tận, thời gian vô cùng .

„ TRƯỜNG THỌ mà đức Phật dạy: Là Bồ tát phải tu học, rằng: Hiện tượng vạn pháp xưa nay bản tánh của nó RÕNG RANG và VẮNG LẶNG, không có lẫn lộn chất liệu nhiễm ô.

„ TRƯỜNG THỌ mà Bồ tát phải tu học là: Thọ mạng của Như Lai trường thọ hơn hết trong tất cả trường thọ. Sự trường thọ của vạn pháp ví như sông ngòi. Trường thọ của thọ mạng Như Lai ví như tất cả đại dương hợp lại .

„ TRƯỜNG THỌ Bồ tát Ca Diếp phải học là: Phật thường trụ. Pháp thường trụ. Tăng thường trụ. Vì tánh của tam bảo là tánh thanh tịnh bản nhiên vốn không có khởi điểm và cũng không có cuối cùng .

„ TRƯỜNG THỌ mà Bồ tát phải tu học là: Không được hiểu thân Như Lai là thân tạp thực, có ăn uống, có đi đứng, nằm ngồi. Thân có đi đứng nằm ngồi, có ăn uống, chỉ là ứng thân Phật vì lợi ích chúng sanh mà thị hiện .

๓ Điều quan trọng cuối cùng, đức Phật dạy Ca Diếp Bồ tát, rằng: Muốn hiểu Phật, phải tu học về PHÁP THÂN NHƯ LAI. Tu học PHÁP THÂN NHƯ LAI mới hiểu được thọ lượng của Như Lai. Hiểu được thọ lượng của Như Lai mới hiểu được giá trị thế nào?

๓ TRƯỜNG THỌ mà Như Lai dạy ở đây phải được hiểu là: THƯỜNG TRỤ. Phật thường trụ. Pháp thường trụ. Tăng thường trụ. Pháp thân thường trụ. Như Lai thường trụ. Niết bàn thường trụ. Tam bảo thập phương thường trụ. Bởi vì chân lý của vạn pháp trong vũ trụ LOẠN KHỔ LOẠN DIỆT như hoa đốm trong hư không. Mà hư không thì không có sanh, không có diệt !

๓ Đừng đau đớn gì hết! Đừng xót thương gì hết! Như Lai sắp nhập Niết bàn mà tỏ vẻ xót thương đau đớn là những người đệ tử chỉ có nhục nhãn và nhìn Như Lai bằng cái nhục nhãn khốn khổ của chính mình. Là Bồ tát hãy sử dụng tuệ nhãn mà chiêm ngưỡng Như Lai.

“ Nhất thiết pháp bất sanh

“ Nhất thiết pháp bất diệt

“ Nhược năng như thị giải

“ Chư Phật thường hiện tiền

“ Hà khứ lai chi hữu ...”

๓ Bồ tát Ca Diếp hứa trước Phật, rằng mình sẽ nỗ lực phấn đấu tu học, rằng mình sẽ truyền đạt cho mọi người lời dạy của Phật. Rằng TRƯỜNG THỌ đồng nghĩa với chân lý của vạn pháp là THƯỜNG TRỤ. Phật không dạy cách “trường thọ” để kiếm chút thêm dăm ba mươi tuổi nữa/.

PHẨM THỨ NĂM KIM CANG THÂN

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
25/02/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 19**

Đức Phật bảo: “Này Ca Diếp Bồ tát! Thân Như Lai là thân thường trụ, thân bất hoại, thân kim cang, chẳng phải thân tạp thực. Thân Như Lai đích thực phải là *PHÁP THÂN*.”

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Những thân của Phật nói con đều chẳng thấy. Con chỉ thấy thân vô thường bại hoại, thân vi trần, tạp thực thôi. Vì rằng Như Lai sắp nhập Niết Bàn”.

Phật dạy: Này Ca Diếp! Chớ cho rằng thân Như Lai vô thường bại hoại như thân phàm phu.

Ca Diếp! Ông nên biết! Thân Như Lai vô lượng vô số kiếp hằng hữu, luôn luôn hiện hữu, không có trong các cụm từ: tiêu tan bại hoại, mục nát, diệt vong. Vì thân Như Lai không có tướng đến, tướng đi, tướng ngồi, tướng nằm, tướng co, tướng duỗi... Thế cho nên, thân Như Lai không phải là thân tạp thực. Như Lai chẳng phải thân mà là thân. Thân Như Lai chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhơ, chẳng sạch, không có lúc thêm lên, chẳng có lúc bớt xuống, không có lúc ra, chẳng có lúc vào. Thân Như Lai không phải hữu vi, chẳng phải vô vi, chẳng phải nghiệp quả, không rời nghiệp quả. Chẳng phải ngũ uẩn, không rời ngũ uẩn, chẳng phải thất đại, cũng không ngoài thất đại. Chẳng phải tâm vương, chẳng phải tâm sở, không ngoài tâm vương tâm sở. Thân Như Lai bình đẳng hiện hữu mọi chốn mọi nơi mà cũng không trụ ở một chốn nơi nào. Vì thân Như Lai không phải là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Như Lai không phải nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, cũng không phải không nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Thân Như Lai không phải nhãn thức, cho đến không phải ý thức, nhưng cũng không xa lìa sáu thức ấy. Thân Như Lai vô sở trụ mà trụ tất cả chỗ, không tướng mạo mà đủ tất cả đức tướng trang nghiêm.

Như Lai cứu độ cho tất cả chúng sanh được giải thoát mà không cứu độ một chúng sanh nào. Như Lai

thương tất cả chúng sanh mà không thương một chúng sanh nào. Thân Như Lai thành tựu vô lượng vô biên công đức vi diệu như vậy. Thân của Như Lai không ai biết, không ai chẳng biết, vì thân Như Lai không phải không gian, không rời ngoài không gian, không phải thời gian cũng không ngoài thời gian. Thân của Như Lai là PHÁP THÂN, là BIẾN NHẤT THIẾT XỨ. Thế cho nên nói Như Lai nhập Niết Bàn, kỳ thực Như Lai chẳng nhập Niết Bàn.

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
04/03/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 20**

PHÁP THÂN NHƯ LAI thành tựu công đức vi diệu thậm thâm vô thượng

Này Ca Diếp! Chỉ có Như Lai mới biết. Chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác biết được.

Này Ca Diếp! Chân thân của Như Lai có công đức như vậy, làm gì có các bệnh hoạn khổ đau, mong manh tạm bợ chẳng bền chắc như đồ gốm chưa hầm! Như Lai thị hiện có các sự khổ là vì muốn điều phục các chúng sanh.

Nay ông phải biết thân Như Lai là thân Kim Cang. Ông phải chuyên tâm tu tập suy nghĩ nghĩa ấy,

chớ nghĩ Như Lai là thân tạp thực. Ông cũng nên vì mọi người mà giảng nói: Rằng thân Như Lai là **“Pháp thân”**.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: “Như Lai thành tựu công đức như vậy, thì làm gì có chịu sự vô thường bại hoại, tử biệt sanh ly như hạng phàm phu!”. Từ nay, con phải thường suy nghĩ thân của Như Lai là Pháp thân thường trụ, là giải thoát thân. Con sẽ nói rộng nghĩa ấy cho nhiều người khác cùng nghe biết.

Kính bạch Thế Tôn ! Con chưa rõ vì nguyên nhân gì mà Pháp thân của Như Lai là thân Kim Cang bất hoại?

Phật dạy: “ Này Ca Diếp! Vì vô lượng kiếp tu nhân hộ trì chánh pháp mà được thành tựu thân Kim Cang thường trụ bất hoại này.

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: “ Nếu có Tỳ kheo tùy ở chỗ nào, nuôi thân vừa đủ, đọc tụng kinh điển, tư duy tọa thiền, thường giảng nói về: phước đức của sự tu hạnh trì giới, bố thí ... ít muốn biết đủ Dầu hay thuyết pháp như vậy mà không thể tuyên thuyết pháp Đại thừa, không có đồ chúng Đại thừa, không hàng phục được kẻ tà kiến. Tỳ kheo này không đem lại lợi ích cho mình và cũng chẳng đem lại lợi ích cho chúng sanh. Phải biết Tỳ kheo này dầu có giữ gìn phạm

hạnh, trông có vẻ thanh tịnh mà thực chất hạng người này chẳng nếm được hương vị giải thoát giác ngộ của Đại thừa.

Nếu có Tỳ kheo nuôi thân vừa đủ, giữ gìn cấm giới đã thọ, có thể giảng rộng giáo lý Đại thừa trong mười hai bộ kinh, để lợi ích an lạc các hạng chúng sanh, rằng: Trong kinh Niết Bàn, đức Phật bảo các Tỳ kheo chẳng được chứa nuôi tội tử, trâu bò, dê lợn. Phải răn trị vị Tỳ kheo nào chứa nuôi những vật bất tịnh ấy. Như Lai ở trong các kinh đã từng dạy Tỳ kheo nuôi chứa những vật phi pháp các quốc vương cứ theo luật pháp mà trừng trị bình đẳng như mọi công dân trong xã hội.

Thầy Tỳ kheo tuyên thuyết những lời như trên đây, có thể bị những kẻ phá giới nghe được, oán giận, thậm chí hãm hại giết chết vị pháp sư này. Dầu bị giết chết nhưng vị Pháp sư này được xem là bậc trì giới lợi mình lợi người. Do duyên cơ ấy nên Như Lai cho phép vua quan, cư sĩ hộ trì người thuyết pháp. Nếu ai muốn được hộ trì chánh pháp phải nên tu học như vậy.

Này Ca Diếp! Đời quá khứ vô lượng vô biên kiếp, nơi thành Câu Thi Na có Phật ra đời hiệu Hoan Hỷ Tăng Ích Như Lai, đủ mười đức hiệu. Lúc ấy, cõi nước rộng lớn tốt đẹp giàu có, nhân dân an lạc đầy đủ

ấm no. Phật Hoan Hỷ Tăng Ích trụ thế rất lâu. Cơ duyên đã mãn, Phật nhập Niết Bàn nơi rừng Ta La. Sau khi Phật Hoan Hỷ Tăng Ích nhập Niết Bàn, chánh pháp còn ở đời vô lượng ức năm, lúc còn lại bốn mươi năm cuối cùng, có một Tỳ kheo trì giới hiệu là Giác Đức có đông đồ chúng. Tỳ kheo Giác Đức hay tuyên thuyết chín bộ kinh. Rằng ở trong các kinh Như Lai dạy các Tỳ kheo không được chứa nuôi tội tử, trâu bò, heo dê... những vật phi pháp. Các Tỳ kheo phá giới nghe được đem lòng oán ghét và hãm hại Giác Đức. Quốc vương Hữu Đức nghe được việc ấy, vì hộ pháp nhà vua liền đến đấu chiến với bọn phá giới. Nhờ đó mà pháp sư Giác Đức khỏi nạn. Nhà vua bị thương nặng. Pháp sư Giác Đức liền khen vua rằng: “Lành thay! Nay vua là người hộ pháp, đời nay, đời sau, thân vua sẽ là vô lượng pháp khí”. Vua nghe lời ấy lòng rất vui mừng. Vì vết thương trầm trọng, nhà vua băng hà và được thọ sanh vào thế giới của đức Phật A Sát làm vị đệ tử thứ nhất. Những người theo vua chiến đấu hoặc tùy hỉ đều được không thối chuyển tâm Bồ đề. Sau khi chết họ cũng được sanh về nước của Phật A Sát. Pháp sư Giác Đức khi báo mãn, thọ chung cũng sanh về cõi ấy làm vị đệ tử thứ hai trong chúng Thanh văn.

Này Ca Diếp! Quốc vương trước kia là tiền thân của Ta đây, Pháp sư Giác Đức là tiền thân của Phật Ca Diếp.

Nếu lúc chánh pháp sắp diệt phải nên hộ trì như vậy. Người hộ pháp được vô lượng quả báo, vì thế nên nay Như Lai được nhiều tướng tốt để tự trang nghiêm, thành tựu “*pháp thân Kim Cang bất hoại*”.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Thân chân thường của Như Lai cũng như khắc chạm vào đá”.

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: “Vì nhân duyên như vậy nên Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di phải siêng năng hộ trì chánh pháp, hộ pháp được quả báo rộng lớn vô lượng.

Này Ca Diếp ! Vì những cố ấy nên hàng Ưu bà tắc vv... phải cầm binh khí ủng hộ vị Tỳ kheo trì pháp như nhà vua hộ trì pháp sư Giác Đức. Thế cho nên Như Lai dạy: Vì chánh pháp Đại thừa người cư sĩ không cần thọ trì ngũ giới bằng tâm kiến thủ tâm thường! Nếu trụ tâm kiến thủ để thọ trì ngũ giới thì không phải là người tu học Đại thừa, làm giảm sút cái nhân *TRƯỜNG THỌ, KIM CANG BẤT HOẠI*.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Nếu như Tỳ kheo làm bạn với hàng Ưu bà tắc cầm binh khí như vậy là hợp với lời Phật dạy hay không hợp? Làm như vậy trì giới hay phạm giới ? ”

Phật nói : “ Ông chớ nói những người ấy là phạm giới. Sau khi ta nhập Niết bàn, đời trước ác, cõi nước nhiều loạn, trộm cướp dấy lên, nhân dân đói khổ. Có người vì khổ nên phát tâm xuất gia, người như vậy đáng được gọi là người cư sĩ tỳ lệ. Hạng tỳ lệ ấy, thấy Tỳ kheo thanh tịnh giữ gìn giới hạnh, đầy đủ oai nghi, hộ trì chánh pháp, họ bèn xua đuổi hoặc âm mưu giết hại.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Nếu như vậy, Tỳ kheo trì giới hộ trì chánh pháp làm thế nào đi vào tụ lạc thành ấp giáo hóa mọi người? ”

Phật nói: “Vì vậy nên Như Lai cho phép Tỳ kheo trì giới cùng làm bạn với hàng cư sĩ cầm khí giới. Trong trường hợp trên đây, các quốc vương, đại thần, trưởng giả, Ưu bà tắc vì hộ pháp mà cầm binh khí. Như Lai gọi họ là người trì giới . Dầu cầm binh khí nhưng chẳng nên giết chết người . Được như vậy gọi là người trì giới bậc nhất.

Người giảng rộng kinh điển Đại thừa phải là người xa rời lợi dưỡng, không tham muốn công danh, không đam mê sự nghiệp, không đua đòi vật chất, không cầu phú quý vinh hoa, thân cận vua quan, lân la đàn việt . Người giảng rộng Đại thừa phải là người đầy đủ oai nghi, điều phục những kẻ bất chánh hủy phạm

giới luật. Hạng người như vậy, đáng được gọi là bậc thầy trì giới hộ pháp, là chân thiện tri thức của chúng sanh.

Này Ca Diếp! Nếu có Tỳ kheo vì cầu lợi mà thuyết pháp cho người, đồ chúng quyến thuộc của Tỳ kheo này cũng bắt chước thầy mà cầu lợi, Tỳ kheo này được xem là người phá hoại chúng Tăng.

Này Ca Diếp! Tăng chúng có ba hạng: Một là phạm giới tạp Tăng, hai là ngu si Tăng, ba là thanh tịnh Tăng. Hạng phạm giới tạp Tăng thì dễ dàng bại hoại rồi tự diệt vong. Hạng thanh tịnh Tăng trì giới, lợi danh không làm hư tổn họ được. Hạng ngu si Tăng dù có thiếu dục tri túc, thậm chí khổ hạnh, cũng không hưởng được hương vị an lạc giải thoát của Đại thừa.

Thế nào là phạm giới tạp Tăng? Thầy Tỳ kheo dẫu giữ gìn giới cấm, vì cầu lợi cùng với người phạm giới ở chung, gây dựng sự nghiệp chung, đây gọi là người phạm giới cũng gọi là tạp Tăng.

Thế nào là ngu si Tăng? Giả sử có Tỳ kheo trụ nơi A Lan Nhã nhưng tâm trí đần độn. Dẫu có tu hạnh thiếu dục tri túc, nhưng đến ngày thuyết giới, ngày tứ không biết thế nào đúng pháp, thế nào phi pháp. Đây gọi là hạng ngu si Tăng.

Thế nào là thanh tịnh Tăng? Các thầy Tỳ kheo Tăng không bị các ma làm nhiễu loạn, có thể điều phục hai bộ chúng trên làm cho an trụ trong chánh pháp. Đây là bậc đại sĩ Hộ pháp.

Người khéo trì luật vì muốn điều phục lợi ích chúng sinh, rõ biết hành tướng hoặc khinh hoặc trọng của giới luật mà không câu chấp nhỏ nhen.

Thế nào là điều phục lợi ích chúng sanh? Nếu là Bồ Tát vì giáo hóa chúng sanh có thể vào xóm làng mà chẳng cần thời hay phi thời. Thậm chí có thể đến nhà góa phụ, dâm nữ sống chung mà không bị nhiễm ô phạm hạnh. Đây gọi là hạng đại sĩ điều phục lợi ích chúng sanh. Hàng Thanh văn chủng tánh, thì không nên làm việc có tính mạo hiểm này.

Này Ca Diếp! “Phật pháp mầu nhiệm vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Như Lai cũng chẳng thể nghĩ bàn”.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật : “ Đúng như lời Phật dạy, Phật pháp mầu nhiệm vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, nay con biết rõ: Như Lai là thường trụ, chẳng biến đổi chẳng hư hoại. Nay con khéo học và cũng sẽ giảng rộng cho nhiều người về nghĩa ấy ”

Phật khen Ca Diếp : “Lành thay! Lành thay! Thân Như Lai là thân Kim Cang bất hoại. Bồ tát phải

khéo học như vậy, thấy như vậy là thấy chân chánh. Biết như vậy là biết chân chánh. Nếu có thể thấy biết như vậy là thấy được **thân Kim Cang bất hoại** của Phật!

*
* *

TRỰC CHỈ

*** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
11/03/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 21

“ Vân hà đắc TRƯỜNG THỌ

“ KIM CANG BẤT HOẠI THÂN ”

Ý hỏi rằng :

“ Phải làm gì để được **THÂN TRƯỜNG THỌ**

“ Phải làm gì để có **THÂN KIM CANG BẤT HOẠI?** ”

Học phẩm TRƯỜNG THỌ thứ tư, người đệ tử Phật sáng mắt ra và nhận thức rõ về giá trị của danh từ

TRƯỜNG THỌ, qua lời Như Lai Thế Tôn dạy cho Bồ tát Ca Diếp.

Bồ tát Ca Diếp còn muốn tìm hiểu nguyên nhân nào hun đúc thành tựu cái quả **THÂN KIM CANG BẤT HOẠI ?**

“ Vân hà đắc TRƯỜNG THỌ

“ KIM CANG BẤT HOẠI THÂN ? ”

Người Đại thừa, chủng tánh Đại thừa đọc hai câu đó, cảm nghe vừa sung sướng, vừa ngậm ngùi, nao nao, man mác trong lòng, vừa khởi niệm tri ân Bồ tát Ca Diếp, tri ân đức Phật tận đáy lòng thâm sâu vô lượng.

Không có hai câu hỏi đó, người đệ tử Phật không có cơ hội hiểu rõ **PHÁP THÂN PHẬT**. Người đệ tử Phật, thông thường chỉ thấy Phật, nghe Phật và biết Phật qua **ỨNG THÂN** duyên khởi, qua thân tướng của Thái tử Tất Đạt Đa, Thích Ca Mâu Ni Phật.

Đến như hàng người chứng quả Thanh Văn, La Hán, thậm chí các Bồ tát Đẳng Địa mà sự hiểu biết của các vị về **PHÁP THÂN PHẬT** vẫn lơ mờ. Lơ mờ cho đến lúc trở thành người “ Kim Cang đạo hậu ” mới thôi.

“ Nhược dĩ sắc kiến ngã

“ Dĩ âm thanh cầu ngã

“Thị nhơn hành tà đạo

“Bất năng kiến Như Lai”

Bài kệ cô khởi Phật dạy ở kinh Kim Cang ấy, cho biết rằng: Là đệ tử Phật mà chưa học hiểu PHÁP THÂN PHẬT, dù người đó có tu hành cần khổ thế nào cũng chỉ là người tà đạo. Người đó không phải đệ tử Phật, vì chưa hề quen biết Như Lai, Phật bao giờ.

“Học về TRƯỜNG THỌ, là học PHÁP THÂN PHẬT hằng hữu, hiện hữu, tồn tại về mặt THỜI GIAN và học chân lý hun đúc tạo thành cái quả TRƯỜNG THỌ, bất sanh, bất diệt ...ấy.

“Học KIM CANG BÁT HOẠI THÂN là học rộng về NHƯ LAI PHÁP THÂN: hằng hữu, hiện hữu, tồn tại về mặt KHÔNG GIAN. Rằng thân Như Lai vượt ngoài các từ ngữ: tiêu tan, bại hoại, hư nát, diệt vong ... Rằng thân Như Lai, không có sanh, diệt, đến, đi, còn, mất. Không có đi, đứng, ngồi, nằm... Rằng thân Như Lai bình đẳng hiện hữu mọi chốn, mọi nơi mà Như Lai không trụ một chốn nơi nào ...

Rằng thân Như Lai không phải núi sông, đất liền, trời mây, trăng nước, cỏ cây, hoa lá. Thân Như Lai không phải động vật, thực vật, khoáng vật nhưng thân Như Lai không rời ngoài núi sông, đất liền, trời mây, trăng nước, cỏ cây hoa lá. Thân Như Lai cũng không

tách rời ngoài động vật, thực vật và khoáng vật trong vũ trụ vô biên vô cùng vô cực. Thân Như Lai là TẤT CẢ PHÁP. Vì thế, cho nên gọi là PHÁP THÂN (Ly nhất thiết tướng, tức nhất thiết pháp).

“Học KIM CANG BÁT HOẠI THÂN tức là học về PHÁP THÂN PHẬT thường trụ bên mặt không gian vậy.

“Hộ trì chánh pháp ĐẠI THỪA là NHÂN, mà KIM CANG BÁT HOẠI là QUẢ.

Không tư duy, không quán chiếu, không tu tập, không thực hành, không sống trong chánh pháp ĐẠI THỪA thì không hiểu biết chân lý: THẮT ĐẠI DUYÊN SANH, THANH TỊNH BẢN NHIÊN của hiện tượng vạn pháp.

๓ Tánh GIÁC chân KHÔNG, tánh KHÔNG chân GIÁC, thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới ...

๓ Tánh SẮC chân KHÔNG, tánh KHÔNG chân SẮC, thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới ...

๓ Tánh THỦY chân KHÔNG, tánh KHÔNG chân THỦY, thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới ...

๓ Tánh HỎA chân KHÔNG, tánh KHÔNG chân HỎA, thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới ...

๓ Tánh PHONG chân KHÔNG, tánh KHÔNG chân PHONG, thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới, ...

๓ Tánh KIẾN giác minh, kiến tinh MINH GIÁC, thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới ...

๓ Tánh THỨC chân KHÔNG, tánh KHÔNG chân THỨC, thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới ...

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật**
18/03/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 22

GIỚI, ĐỊNH, TUỆ tam vô lậu học Đại thừa hay Tiểu thừa đều xem trọng như nhau. Nhưng giới luật để THỌ để TRÌ thì quan niệm và mục đích của hai bộ không đồng.

TRÌ GIỚI ở Tiểu thừa chú trọng: “**Nhiếp lục nghi**”

TRÌ GIỚI ở Đại thừa, ngoài “**Nhiếp lục nghi**” đặc biệt mở rộng thêm hai con đường phóng khoáng cho ý nghĩ và hành động:

TU THIÊN PHÁP cũng gọi là TRÌ GIỚI (cho Tâm).

NHIÊU ÍCH HỮU TÌNH cũng gọi là TRÌ GIỚI (cho Hành).

Người Đại thừa trì giới có thể, có lúc rầy la, quở trách... thậm chí có vẻ thô bạo.

Người Đại thừa trì giới vì hộ trì chánh pháp, có thể không cần thọ giới. Do vậy Phật dạy:

Người Đại thừa nặng lòng hộ trì chánh pháp Đại thừa có thể cầm binh khí bảo vệ chánh pháp mà chưa GẤP thọ trì năm giới của một Ưu bà tắc... Đức Phật kể lại câu chuyện, Tỳ Kheo Giác Đức, vua Hữu Đức và vệ sĩ của vua sau khi mệnh chung, sanh về cõi nước của đức Phật A Súc để chứng minh điều đó.

๐ Kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN là Đại thừa liễu nghĩa kinh. Giáo nghĩa của kinh luận thậm thâm vi diệu; nhưng không phải thậm thâm vi diệu với mọi chủng tánh, với mọi hạng người, kể cả trong những người đã tự nhận mình là đệ tử của đức Thế Tôn.

Đệ tử tại gia của Phật cũng có nhiều căn cơ, nhiều chủng tánh. Đệ tử xuất gia của Phật cũng có nhiều căn cơ, nhiều chủng tánh như vậy. Có người có khả năng tuyên dương chánh pháp Đại thừa, cũng có người xuyên tạc chánh pháp Đại thừa nhằm để củng cố công danh sự nghiệp huyễn chất thế gian.

a Xiển dương Đại thừa không phải nhằm phê phán chê bai xem nhẹ Tiểu thừa. Nên biết! Không có tầng nhà trệt, không thể có lầu một, lầu hai ...

a Gọi là người Đại thừa phải có đầy đủ chất liệu Tiểu thừa. Phải học Tiểu thừa rồi, mới trở nên Đại thừa

a Muốn nhận thức đánh giá **THỪA**, người trí nhìn trên **KẾT QUẢ** của sự học đạo, hành đạo và chứng đạo ... mà nhận biết đối tượng đang thuộc **THỪA** nào, sống trong **THỪA** nào, thọ dụng được hương vị an lạc của **THỪA** nào.

a **THỪA** không giống như một thứ nhản ...“ nước tương” hay một thứ nhản “ chao” không cầu chứng, ai muốn in muốn dán lọ nào cũng được! Là Phật tử, chúng ta hãy thận trọng, những lúc đề cập đến **THỪA**./.

PHẨM THỨ SÁU DANH TỰ CÔNG ĐỨC

*** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
25/03/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 23

Bấy giờ Phật bảo Ca Diếp Bồ tát :

Ca Diếp: Thầy nên khéo thọ trì **đanh tự chương cú** của kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN này; nếu người nào được nghe tên kinh này sẽ không còn bị sanh vào bốn con đường ác. Bởi vì kinh này là chỗ nương tựa tu tập của vô lượng vô biên chư Phật. Nay Như Lai sẽ nói cho thầy biết về quả báo vượt bậc của người tu hành theo kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN có được.

Phật dạy tiếp: Kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN này, văn tự ngữ ngôn: Từ khởi đầu, đoạn giữa, kết thúc, tất cả đều lành, nghĩa thú rất sâu xa, lời lời phạm hạnh,

hàng hàng thanh lương, đầy đủ ý vị của Kim Cang bảo tạng. Thầy hãy khéo mà lắng nghe.

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
01/4/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 24**

Này Ca Diếp! ĐẠI BÁT NIẾT BÀN có nghĩa là *THƯỜNG VẮNG LẶNG*. Ví như sự ào ạt cuộn cuộn chảy của chín con sông đều đổ ra biển cả thản nhiên vô tư lự. Tu học kinh này, hàng phục hết các giống ma, thanh lọc trừ hết các kiết sử phiền não trong tam giới. Rồi Bồ Tát ở nơi *ĐẠI BÁT NIẾT BÀN* mà buông bỏ thân mạng. Vì vậy, có tên *ĐẠI BÁT NIẾT BÀN*.

Ví như y sư tài giỏi, có diệu dược thần phương, gồm chứa nhiều bí phương trong đó. Cũng như vậy, bao nhiêu pháp thậm thâm bí mật đều có đủ trong kinh Đại Bát Niết Bàn. Vì thế, nên gọi là *ĐẠI BÁT NIẾT BÀN*.

Ví như nông phu tháng mùa Xuân, gieo sạ giống, thường có hy vọng ... lúa đã gặt xong, thì không hy vọng nữa. Cũng vậy, tất cả chúng sanh tu học các thứ kinh khác, thường có hy vọng mùi vị giải thoát, khi được nghe kinh *ĐẠI BÁT NIẾT BÀN* rồi, sự hy vọng ước mơ kia dứt hết.

Kinh *ĐẠI BÁT NIẾT BÀN*, có thể làm cho chúng sanh qua khỏi các dòng hữu lậu trong ba cõi.

Này Ca Diếp! Trong các thứ dấu chân, dấu chân voi là to hơn cả. Cũng vậy, kinh *ĐẠI BÁT NIẾT BÀN* đệ nhất đối với thiền định, tam muội của các kinh khác.

Trong các vị thuốc, vị đề hồ là đệ nhất, có khả năng trị bệnh nhiệt não bán loạn tâm thần của chúng sanh. Cũng vậy, kinh *ĐẠI BÁT NIẾT BÀN* là đệ nhất, đem lại sự giải thoát cho tất cả mọi người .

Như chất “bơ” đủ cả tám vị. Cũng vậy, kinh này cũng có tám vị :

- 1/ Thường.
- 2/ Tương tục .
- 3/ An .
- 4/ Thanh lương .
- 5/ Không già .
- 6/ Không chết .
- 7/ Không nhớ .
- 8/ Khoái lạc

Có tám vị đặc điểm ấy nên gọi *ĐẠI BÁT NIẾT BÀN*.

Này Ca Diếp ! Người nào muốn ở nơi *ĐẠI BÁT NIẾT BÀN* mà Niết Bàn thì phải tu học: Rằng *NHU LAI THƯỜNG TRỤ. PHÁP THƯỜNG TRỤ. TĂNG THƯỜNG TRỤ.*

Bạch Thế Tôn! Ca Diếp thưa. Công đức *NHU LAI* không thể nghĩ bàn. *PHÁP* và *TĂNG* không thể nghĩ bàn. *ĐẠI BÁT NIẾT BÀN* cũng không thể nghĩ bàn.

Người tu học kinh điển này là người được pháp môn tu chân chính, có thể làm vị lương y trị lành bệnh khổ phiền não của chúng sanh trong ác thú. Nếu chưa tu học *ĐẠI BÁT NIẾT BÀN*, đối với chân lý, dù có mắt cũng như không, vì người đó bị màn đen vô minh luôn luôn che trước mắt.

*
* * *

TRỰC CHỈ

Với kiến giải của Mã Minh Đại Sĩ, người đã từng đồng dạy tuyên bố : “NHẤT THIẾT CHƯ PHÁP TÙNG BẢN DĨ LAI, LY VĂN TỰ TƯỚNG, LY DANH NGÔN TƯỚNG, LY TÂM DUYÊN TƯỚNG TẮT CÁNH BÌNH ĐẲNG, BẤT KHẢ PHÁ HOẠI, DUY THỊ NHẤT TÂM, CỐ DANH CHÂN NHƯ ...” Ấy thế mà ở đây Như Lai dạy: Rằng phải học DANH TỰ CÔNG ĐỨC. Người tu học DANH TỰ CÔNG ĐỨC của kinh này, là người rời khỏi bốn đường ác, không bị sanh vào bốn đường ác ... Đó là vấn đề người Đại thừa cần tu học. Đặc biệt quan tâm !

Nên lưu ý rằng: “ Văn tự chương cú ” hoặc viết thành bài hoặc in thành trang hay đóng thành quyển, hẳn không phải thứ văn tự chương cú Phật muốn dạy ở phẩm kinh này. Dem các thứ văn tự chương cú đó ra đọc tụng theo nhịp nhàng ê a, theo cung bậc, lúc “oán”, lúc “xuân”, khi “ai”, khi “ha” ...thì đó lại càng rời xa với ý nghĩa “ thọ trì VĂN TỰ CHƯƠNG CÚ ” của Phật dạy ở kinh Đại Bát Niết Bàn. Bởi lẽ dễ hiểu: Kiến giải của Như Lai Thế tôn, không thể nào thấp kém hơn cái thấy biết của Mã Minh Đại Sĩ !

a THỌ TRÌ DANH TỰ CHƯƠNG CÚ của kinh Đại Bát Niết Bàn, có nghĩa là phải học hiểu Niết Bàn là gì? Đại Bát Niết Bàn là gì?

a Rằng Niết Bàn không là cái gì hết! Sống đúng, sống hợp, sống tùy thuận chân lý là sống trong Niết Bàn rồi vậy.

a Rằng Niết Bàn là sự thanh tịnh tịch tĩnh bản nhiên. Nó thường trú, hiện hữu bất đoan, trong không gian vô tận, thời gian vô cùng

a Do những nghĩa như vậy, cho nên Niết Bàn có :

1/ Tự tánh thanh tịnh Niết Bàn

2/ Hữu dư y Niết Bàn

3/ Vô dư y Niết Bàn

4/ Vô trụ xứ Niết Bàn

a Rằng Như Lai ĐẠI BÁT NIẾT BÀN đừng hiểu là NHƯ LAI chết! Mà phải hiểu là NHƯ LAI THƯỜNG TRỤ. Phải hiểu rằng PHÁP và TĂNG cũng THƯỜNG TRỤ.

Học như vậy gọi là học về DANH TỰ CHƯƠNG CÚ của kinh Đại Bát Niết Bàn. Hiểu như vậy mới gọi là hiểu “ Danh Tự Chương Cú” của kinh Đại Bát Niết Bàn. Và như vậy mới đúng nghĩa là người “THỌ TRÌ DANH TỰ CHƯƠNG CÚ” kinh Đại Bát Niết Bàn.

a Như Lai dạy : Người tu học được như vậy là người có được pháp môn tu chân chính, sẽ đạt được thành quả giải thoát, thường ở trong Niết Bàn, buông bỏ thân mạng trong ĐẠI BÁT NIẾT BÀN. Hạng người như vậy, Như Lai dạy: Đó là hạng người được VÔ LƯỢNG VÔ BIÊN CÔNG ĐỨC ./.

PHẨM THỨ BẢY TỨ TƯỚNG (A)

*** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
08/4/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 25

Đức Phật bảo Bồ tát Ca Diếp: Đại Bồ tát muốn xiển dương chánh pháp, huấn đạo chúng sanh truyền thụ kinh Đại bát Niết Bàn cần có bốn điều kiện cách:

- 1/ Tự chánh.
- 2/ Chánh tha.
- 3/ Vấn đáp linh hoạt.
- 4/ Rành hiểu ý nghĩa nhân duyên.

1/ Thế nào là tự chánh ?

Giả sử có vị Tỳ kheo, Tỳ kheo ni phát biểu: Rằng tôi có thể ôm khối sắt nóng đỏ rục vào lòng, xương thịt có thể cháy thành tro, lòng tin của tôi đối với giáo nghĩa trong mười hai bộ kinh của Phật dạy không hề giảm sút và có ý niệm nghi ngờ. Thà tôi lấy dao cắt bỏ lưỡi, không bao giờ nói Phật, Pháp, Tăng là vô thường. Giả sử có người giảng thuyết ngược lại, tôi không nghe mà còn sanh tâm thương xót ...

Hiểu biết như vậy gọi là Tự chánh.

2/ Thế nào là Chánh tha ?

Một hôm nọ, thời pháp thuyết vừa xong, Phật trông thấy một thiếu phụ nét mặt hiện vẻ lo âu. Đức Phật hỏi : Cô có gì ưu tư trong lòng, Như Lai trông thấy cô có vẻ không bình thường an ổn ?

Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy người nữ thừa. Tiện nữ đang lo lắng, vì sáng nay tiện nữ cho con của tiện nữ ăn nhiều chất bơ, tiện nữ không biết có tiêu hóa tốt hay không, nếu không tiêu hóa tốt ắt sẽ sanh bệnh ... Ngưỡng mong Như Lai cho con một lời ...

Phật dạy : Con của cô ăn thức ăn như vậy tiêu hóa tốt. Không sao đâu! Chẳng những không hại mà còn tăng sức, khỏe mạnh nữa. Người nữ nghe Phật nói vui mừng hớn hở và thốt: Vì lời của Như Lai nói đúng như thật không bao giờ sai chạy, nên con rất vui mừng.

Đức Thế tôn vì muốn điều phục chúng sanh mà khéo phương tiện nói tiêu hóa hay chẳng tiêu hóa.

Phật nhằm hóa độ cho hàng Thanh văn tiểu quả, phải đáp ứng tâm tư nguyện vọng của họ, họ chỉ có khả năng tiêu hóa chân lý “vô thường, vô ngã và khổ”. Như Lai trước nói với họ : Vô thường, vô ngã, khổ và bất tịnh . Nghe ra họ rất vừa lòng. Sau đó hàng Thanh văn đã đủ sức tu học Đại thừa, ở kinh Đại Bát Niết Bàn Như Lai nói : Không phải chỉ có : Vô thường (vị mặn), vô ngã (vị lạt), khổ (vị đắng) và bất tịnh (vị cay) mà còn có: Thường (vị béo), lạc (vị bùi), ngã (vị ngọt) và tịnh (vị chua).

Thế gian chỉ có bốn vị: Vô thường, vô ngã, khổ và bất tịnh. Phiền não làm củi, trí tuệ làm lửa, do các nhân duyên đó mà có cơm Niết Bàn, tức là thường, lạc, ngã và tịnh. Nhờ vậy, các đệ tử Phật nếm được hương vị giải thoát ngọt ngon .

Đức Phật lại bảo người nữ rằng: Nếu nàng có duyên sự đi xa xứ thì sản nghiệp nên đem giao cho đứa con ngoan lành, không nên giao cho đứa con xấu ác! Người nữ thưa: Lời Như Lai dạy rất đúng. Gia nghiệp giao cho đứa con ngoan lành mà không nên giao cho đứa con xấu ác.

Phật dạy: Như Lai cũng vậy, lúc nhập Niết Bàn, Như Lai đem tạng pháp thậm thâm vi diệu của Đại thừa giao phó cho các Bồ tát mà không giao cho các hàng Thanh văn, vì các hàng Thanh văn tưởng là Như Lai thật diệt độ (chết rồi mất hẳn). Các Bồ tát thì biết rõ: rằng Như Lai thường trụ. Mà quả thật Như Lai thường trụ, không có diệt độ. Lúc nàng đi xa chưa về, đứa con ác kia nói nàng đã chết mất rồi, đứa con lành vẫn vững tin là nàng còn sống. Mà chính thật nàng còn sống.

Nếu có chúng sanh tin nhận rằng: Phật là thường trụ, phải biết người đó ở đâu, ở đó có Phật! Đấy là chánh tha.

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
15/4/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 26**

3/ Thế nào là đáp vấn linh hoạt?

Một hôm có người đến hỏi đức Phật: Rằng tôi phải làm thế nào, không mất tiền của mà được gọi là đại đàn việt (đại thí chủ)? Đức Phật dạy: Đem tôi trai, tớ gái bố thí cho sa môn, bà la môn, thiếu dục tri túc, không cất chứa các vật bất tịnh (phi thời, phi pháp). Đem người nữ thí cho người tu phạm hạnh. Đem rượu

thịt thí cho người không dùng rượu thịt. Đem đồ trang sức thí cho người không trang sức ... Bồ thí như vậy, có danh tiếng lớn mà tiền của chẳng tốn mất hào ly. Đây gọi là khéo đáp vấn linh hoạt.

Bồ tát Ca Diếp hỏi: Bạch Thế tôn! Theo con hiểu, với người ăn thịt, không nên đem thịt đến cho. Vì con nghĩ rằng người không ăn thịt, có được phước đức lớn.

Đức Phật khen: Lành thay! Thầy có thể khéo hiểu ý của Như Lai. Bồ tát hộ pháp phải hiểu biết như vậy. Nay Ca Diếp! Từ nay về sau Như Lai không cho phép các hàng Thanh văn đệ tử ăn thịt. Nếu đàn việt đem thịt cúng dường không được nhận mà còn khởi lòng thương xót nghĩ đến sự đau đớn của con vật bị làm thịt!

Lý do gì Như Lai không cho phép ăn thịt? Ca Diếp hỏi.

Phật dạy : Người mà ăn thịt, mất hết giống đại từ.

Duyên cớ gì ngày trước Như Lai cho phép hàng Tỳ kheo nhận và ăn ba thứ thịt, gọi là “tam tịnh nhục”?

Tam tịnh nhục, chỉ là phương tiện quyền xảo mà Như Lai chế ra ... trong giai đoạn ...

Bạch Thế Tôn! Còn ngũ tịnh nhục và cửu tịnh nhục, sao Như Lai cũng không cho phép ?

Sự mở rộng, sự thu hẹp, sự thắt chặt ấy cũng chỉ là sự quyền biến tùy thời của Như Lai. Tất cả đều nhằm mục đích đoạn nhục hiện nay.

Bạch thế tôn! Tại sao có lần Như Lai khen ngư nhục là món ăn ngon ?

Như Lai không chỉ khen loài ngư nhục là món ăn ngon. Mà Như Lai cũng nói : cơm, xôi, bắp, khoai, đường, mật, bơ, sữa, chè chuối, sầu riêng, chôm chôm, nhãn ... là những món ăn ngon.

Nay Ca Diếp ! Không nên có kiến chấp như bọn lõa hình ngoại đạo. Những cấm giới của Như Lai chế ra đều có dị ý. Vì dị ý, cho ăn “ cửu tịnh nhục”, vì dị ý cho ăn “ ngũ tịnh nhục”, vì dị ý cho ăn “tam tịnh nhục” và cũng vì dị ý cấm tất cả thứ thịt đều không được ăn. Đáp vấn như thế, gọi là khéo đáp vấn linh hoạt.

4/ Thế nào là khéo hiểu ý nghĩa nhân duyên ?

Giả sử trong hàng tứ chúng có người hỏi Phật: Vấn đề “Giới”, “Luật” là vấn đề trọng đại đối với bốn bộ chúng đệ tử Phật. Đức Thế tôn thành đạo, khởi đầu cuộc hành trình thuyết pháp độ sanh, duyên cớ gì Như

Lai không chế ra giới luật để ngăn ngừa sai quấy cho các đệ tử ?

Lẽ ra Như Lai nên khai thị từ ban đầu: Thế nào là *giới*? Thế nào là *luật*? Thế nào là *Trì*? Thế nào là *Phạm*? Lúc nào *Khai*? Lúc nào *Giá*?

Lẽ ra Như Lai có thể dạy cho các đệ tử ngay từ buổi đầu. Những gì là “tứ khí”? Những gì là tăng tàng? Bất định là những gì? Thế nào là xả đọa? Gì là đơn đọa? Hối quá là sao?... cho đến “thất diệt trách”... Nếu Như Lai dạy trước cho, có lẽ các đệ tử chúng con được nhiều lợi ích, Ca Diếp thưa.

Đức Phật dạy: Ba la đề mộc xoa, tức “giới”. Giới cũng gọi là “tịnh mạng”. Người tu hành giữ gìn giới, có đời sống an ổn thanh tịnh, Cũng gọi là “tri túc”. Người giữ giới hạn chế được nhiều tham vọng, không đắm mê tiền tài, danh vọng sự nghiệp, không cất chứa những vật “bất tịnh”. Giới còn gọi là biệt biệt giải thoát. Nó có công dụng ngăn ngừa tội lỗi từng phần của thân, miệng, ý. Vì vậy, giữ được từng phần giới thì có giải thoát từng phần.

Luật là nhiều giới điều đức kết lại thành “thiên”, thành “nhóm”. Nhóm “tứ ba la di”, nhóm... “xả đọa”... nhóm “thất diệt tránh”... Ai giữ gìn trọn vẹn, gọi là người “trì luật” đệ nhất. Ai giữ không tròn đúng

điều răn của Phật chế, gọi đó là người phạm giới. Ai cố ý phạm gọi là “phá giới”.

Có người đến hỏi Như Lai: Rằng giới luật có ý nghĩa và công dụng rộng lớn sâu xa như thế, đức Như Lai đã biết rành, biết rõ, sự lợi ích cũng như sự tác hại của người phạm giới, cơ sao Như Lai không dạy trước cho chúng con? Có lẽ nào Như Lai muốn để cho chúng con đọa nơi ba đường ác? Chỉ có Như Lai là trời trong các trời. Như Lai biết thế nào là trì giới. Thế nào là phạm giới. Thế nào là phá giới. Thế nào là luật. Thế nào là phi luật. Thế mà Như Lai không thương xót chúng con chế giới trước.

Phật dạy: Các Thiện nam tử! Lắng nghe! Luận về phạm giới hay phá giới, không phải mọi người tu hành ai cũng phạm, cũng phá giống nhau. Có người phạm tội trọng, có người phạm tội khinh, có người hủy báng chánh pháp Đại thừa, có người phạm cả ngũ thiên, thất tụ. Có người nhất xiển đề bất tín tam bảo hoàn toàn. Thế nên, phải có NHÂN DUYÊN phạm giới, Như Lai mới chế giới, mà không nên chế trước. Cũng như người trí, vá áo, chỉ vá áo rách mà không vá áo lành. Một thầy thuốc giỏi giải phẫu và băng bó cho người bị thương tật chớ không thoa thuốc băng bó cho

một thân thể cường tráng không bệnh tật. Cũng vậy, khi thấy chúng sanh có nhân duyên đọa địa ngục A tỳ Như Lai mới dùng giới lành mà vá. Thấy chúng sanh bị nhân duyên lở loét, Như Lai dùng giới sát khuẩn mà băng rịt vết thương kia.

Ví như vua Chuyển Luân Thánh Vương, trước dạy cho nhân dân tu mười thiện nghiệp, về sau có người làm ác, vua tùy việc ác mà uốn nắn khép vào khuôn khổ lần lần. Khi tội ác trong dân gian không còn, những điều răn dạy trở thành luật pháp tự hành trong dân chúng. Cũng vậy, Như Lai thuyết pháp rộng nhiều, mà không chế luật trước. Phải có nhân duyên phi pháp của các Tỳ kheo mới dựa trên tình huống mà chế lần lần. Những người ưa thích chánh pháp tu hành theo lời dạy của Như Lai, hạng người này mới có thể thấy được PHÁP THÂN NHƯ LAI.

Phải biết! Bửu luân của Chuyển Luân Thánh Vương không thể nghĩ bàn. Phật, Pháp và Tăng không thể nghĩ bàn và những người nghe hiểu pháp Đại thừa cũng không thể nghĩ bàn. Bồ tát khéo phân biệt khai thị hiển dương bốn điều như vậy.

Đấy gọi là người khéo hiểu nghĩa nhân duyên.

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
22/4/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 27**

Còn nữa, Thiện nam tử ! Nếu nói bằng cách khác:

à “Tự chánh”, Như Lai được Đại Bát Niết Bàn, đích thực.

à “Chánh tha”, Như Lai vì các Tỳ kheo mà nói: Như Lai thường trụ.

à “Đáp vấn linh hoạt”. Nhân có người hỏi mà Như Lai có cơ hội giảng nói diệu nghĩa thậm thâm liễu nghĩa Đại thừa cho đại chúng.

à “Ý nghĩa nhân duyên”. Hàng Thanh văn, Duyên giác không hiểu được Diệu nghĩa thậm thâm của Đại thừa. Rằng PHÁP THÂN, BÁT NHÃ và NIẾT BÀN là tạng bí mật của chư Phật. Cũng như ba điểm của chữ Y không thể tách rời nhau.

Bồ tát Ca Diếp thưa: Như lời Phật dạy: “dứt các phiền não gọi là Niết Bàn”, ví như lửa tắt thì chẳng gì còn. Thế sao Như Lai vừa có Đại Niết Bàn vừa là thường trụ bất hoại ? Cũng lời Phật dạy: Rời các cõi

hữu lậu gọi là Niết Bàn, trong Niết Bàn không có các cõi hữu lậu”, vậy với hình thức nào Như Lai thường trụ bất hoại?

Phật dạy: Nầy Ca Diếp! Dứt hết phiền não không còn gọi là vật, vì đã rốt ráo vắng lặng thanh tịnh. Tánh vắng lặng thanh tịnh, không gì làm biến hoại, nên gọi là “*thường*”. Đã là Niết Bàn đương nhiên rời các cõi hữu lậu. Tánh vô lậu của Niết Bàn không gì làm tiêu hoại được, vì vậy Niết Bàn là thường.

Nầy Ca Diếp ! Chánh pháp là chỗ tôn thờ của chư Phật, nên chư Như Lai đều cung kính cúng dường, vì PHÁP là thường trụ nên chư PHẬT và TĂNG cũng thường trụ.

Ca Diếp Bồ tát lại hỏi: Như lời Phật dạy, từ vô lượng kiếp lâu xa, Như Lai đã vượt ra sông mê biển ái, phiền não dục nhiễm. Thế sao Như Lai còn kết tóc xe tơ với Da Du Đà La để rồi hạ sanh La Hầu La, con Phật? Sự kiện cụ thể đó, có lẽ nào không đủ chứng minh: rằng Như Lai chưa ra khỏi dục nhiễm, ái ân? Cúi xin Như Lai nói rõ về duyên cớ đó!

***** *P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
13/5/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 28***

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát! Ông không nên dựa trên sự kiện Như Lai kết duyên với Da Du Đà La và có con La Hầu La là điều trở ngại cho sự giải thoát giác ngộ của một Như Lai.

Nầy Ca Diếp! Ông hãy lắng nghe và tư duy cho chính chắn. Đại Bát Niết Bàn có mật nghĩa, huyền nghĩa, thâm nghĩa và diệu nghĩa to lớn. Nầy Tỳ kheo các thầy khéo lắng nghe và tư duy chính chắn rồi vì người truyền bá giảng nói không nên sanh lòng ngờ vực với diệu lý liễu nghĩa Đại thừa.

Nầy Ca Diếp! Nếu một Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn có thể đem núi Tu Di cao rộng để vào trong vỏ hạt cải, vậy mà các chủng loại sinh vật ở trong núi không hề hay biết cũng chẳng có bị chật hẹp hay sự khác lạ nào. Chỉ có người trình độ tương đương mới thấy biết việc làm của vị Bồ tát kia và cũng biết khi nào đem về đặt lại chỗ cũ.

Còn có Đại Bồ tát trụ Đại Niết Bàn đem cõi Đại thiên để vào lỗ chân lông, mà lỗ chân lông không có to ra, cõi Đại thiên không có tướng teo nhỏ.

Lại có vị Đại Bồ tát trụ Đại Niết Bàn xắn lấy thế giới trong mười phương để trên đầu mũi kim như lấy cây tăm ghim một lá quít, rồi ném sang thế giới khác, những chúng sanh ở trong thế giới bị ném, không hề hay biết. Chỉ có những người trình độ tương đương, mới thấy biết việc làm kia và cũng thấy biết lúc nào vị Đại Bồ tát kia đem trở về đặt lại chỗ cũ.

Lại có vị Đại Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn, rút lấy thế giới trong mười phương để trên bàn tay mặt, rồi ném vút qua khỏi vô lượng thế giới khác. Cũng có vị Đại Bồ tát trụ Đại Niết Bàn đem vô lượng thế giới ở mười phương để vào trong thân mình, hoặc để vào trong hạt vi trần mà không hề có sự co giãn rộng hẹp. Chúng sanh ở trong những cõi ấy không có bị bức ép chật hẹp. Chỉ có những người có trình độ tương đương mới thấy biết việc làm kia và cũng biết được khi Bồ tát kia đem thế giới về đặt lại chỗ cũ.

Nầy Ca Diếp ! Vị Đại Bồ tát trụ Đại Niết Bàn có thể “*thị hiện*” vô lượng “*thần thông*” “*biến hóa*”, vì thế, gọi là ĐẠI BÁT NIẾT BÀN.

Tất cả chúng sanh không có thể suy lường đếm được. Ông làm sao hiểu được việc làm của Như Lai qua sự kiện ... La Hầu La mà cho rằng Như Lai chưa vượt ra ái dục, chưa giải thoát phiền não kiết sử.

Nầy Ca Diếp ! Như Lai từ lâu xa đã trụ trong Đại Niết Bàn, thị hiện vô lượng thần thông, biến hóa ở trong cõi Đại thiên, hàng triệu triệu mặt trời, mặt trăng, hàng triệu triệu cõi Diêm phù đề như thế nầy. Như Lai ở cõi Diêm phù đề thị hiện vào thai mẹ làm cho cha mẹ tưởng là con mình, đích thực thân Như Lai chẳng từ nơi ái dục hòa hợp mà sanh. Như Lai đã lìa xa ái dục hòa hợp mà sanh. Như Lai đã lìa xa ái dục từ vô lượng kiếp. Thân của Như Lai chính là pháp thân, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện vào thai mẹ.

Nầy Ca Diếp ! Nơi vườn Lâm Tỳ Ni ta thị hiện từ nơi mẹ là hoàng hậu Ma Da sanh ra. Vừa ra đời liền đi qua hướng Đông bảy bước, xưng lên rằng : “ Ở trong hàng trời, người, A tu la ta là bậc thượng tôn ! ”. Cha mẹ và trời người thấy vậy vừa sợ vừa mừng, cho rằng hi hữu và mọi người đều cho hoàng hậu đã hạ sanh một hoàng nam. Nhưng đích thực, thân Như Lai đã xa lìa sanh tử, tử sanh từ vô lượng kiếp. Thân của Như Lai là PHÁP THÂN chẳng phải nhục thân do hòa hợp ngũ quan, tứ chi, lục phủ, tam tiêu, bì phu cốt nhục ... mà thành. Vì tùy thuận cách sanh của thế gian, thị hiện làm một trẻ sơ sanh như vậy. Đi qua hướng Nam bảy bước, có ý nghĩa muốn làm phước điền vô thượng cho chúng sanh. Đi qua hướng Tây bảy bước, chứa ý nghĩa “thân nầy là thân cuối cùng, sẽ không còn sanh tử ưu

bi ”. Đi qua hướng Bắc bảy bước, biểu trưng đã qua khỏi sanh tử của các cõi. Đi qua hướng Đông bảy bước, biểu trưng ý hướng sẽ làm bậc Đạo sư cho chúng sanh. Đi qua bốn hướng cạnh, mỗi hướng bảy bước, biểu trưng dứt hết các ma : phiền não ma, thiên ma, ngũ ấm ma và tử ma, thành bậc Như Lai ứng cúng, chánh biến tri ... Đi lên bảy bước, biểu trưng không còn bị những nhiễm ô làm ô nhiễm, như hư không. Đi xuống bảy bước, biểu trưng rưới mưa pháp dập tắt lửa địa ngục thiêu đốt chúng sanh, khiến cho thanh lương an lạc.

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
20/5/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 29**

Cõi Diêm Phù Đề, sau khi sanh bảy ngày cạo tóc, mọi người cho Như Lai là đứa trẻ mới cạo tóc lần đầu. Kỳ thực, tất cả trời người, Sa môn, Bà la môn không một ai có thể thấy được đánh tướng của Như Lai, huống là có người cầm dao cạo tóc. Vô lượng kiếp lâu xa, Như Lai đã cạo bỏ râu tóc rồi. Vì tùy thuận thế gian Như Lai thị hiện như vậy.

Cha mẹ đem ta đến miếu thờ trời, ra mắt Đại tự tại thiên. Đại tự tại thiên thấy Như Lai liền chấp tay

cung kính đứng qua một bên. Từ vô lượng kiếp lâu xa, Như Lai đã bỏ phong tục vào miếu trời ... nhưng vì tùy thuận thế gian mà thị hiện việc như vậy.

Ở cõi Diêm Phù Đề, Như Lai cũng xỏ lỗ tai. Kỳ thực, tất cả mọi người không ai có thể xỏ lỗ tai Như Lai được. Vì tùy thuận thế gian mà thị hiện việc làm đó. Lại lấy các châu ngọc báu làm hoa tai, vòng chân để trang sức . Kỳ thực, Như Lai đã lìa bỏ trang sức từ vô lượng kiếp xa xưa ... vì tùy thuận thế gian mà thị hiện thọ dụng để biểu lộ ... hài hòa.

Rồi Như Lai cũng được vào học đường để học chữ nghĩa, học võ nghệ, học cơ giới, thủ công ... Kỳ thực, từ vô lượng kiếp Như Lai đã rành rẽ tất cả những thứ đó. Khắp ba cõi, không ai có thể làm thầy Như Lai được. Vì tùy thuận thế gian mà thị hiện các việc làm như vậy. Thế nên, Như Lai còn gọi là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ...

Ở cõi Diêm Phù Đề này, tùy thuận thế gian thị hiện làm thái tử . Mọi người đều thấy rằng Như Lai là con vua Tịnh Phạn và hoàng hậu Ma Da, sống trong nhung gấm lụa là, hưởng thụ xa hoa trong cảnh ngũ dục. Kỳ thực, trong vô lượng kiếp Như Lai đã viễn ly lạc thú ngũ dục rồi!

Nhà tướng số đoán rằng: Lớn lên, nếu Thái tử không xuất gia tu Bồ đề đạo thì sẽ làm Chuyển Luân

Thánh Vương cai trị cõi Diêm Phù Đề, mọi người hy vọng, tin tưởng lời đoán ấy. Kỳ thực trong vô lượng kiếp, Như Lai đã bỏ địa vị Chuyển Luân Thánh Vương mà làm bậc PHÁP VƯƠNG.

Thị hiện nhằm chán cảnh vui ngũ dục, Thái tử đạo bốn cửa thành gặp người già, bệnh, chết và vị Sa môn rồi sau đó vượt thành xuất gia hành đạo. Mọi người đều cho rằng Thái tử Tất Đạt Đa mới xuất gia tầm đạo, nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai đã xuất gia hành đạo rồi.

Thị hiện thọ giới cụ túc, tinh tấn hành đạo. Rồi chứng quả: Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, quả A La Hán, mọi người thấy vậy mừng. Rằng Thái tử Tất Đạt Đa tu hành đắc đạo, chứng được quả A La Hán. Kỳ thực, từ vô lượng kiếp Như Lai đã chứng quả A La Hán rồi.

Nhằm hóa đạo độ thoát cho chúng sanh thị hiện trải cỏ làm tòa ngồi dưới cội Bồ đề, rồi hàng phục ma quân. Kỳ thực, từ vô lượng kiếp Như Lai đã hàng phục ma quân rồi!

Nầy Ca Diếp! Nhằm mục đích hòa quang đồng trần Như Lai có thể thị hiện: Thọ thực phẩm của người thí chủ cúng dường; thị hiện đi đứng; ngũ nghi; đại

tiện; tiểu tiện; thở ra, hít vào ; kỳ thực Như Lai đã xa lìa những sinh hoạt tục đế ấy từ lâu.

Nầy Ca Diếp! Như Lai thị hiện nhập Niết Bàn tại Diêm Phù Đề đây. Kỳ thực, Như Lai chẳng rớt ráo nhập Niết Bàn, chúng sanh thì cho là Như Lai nhập Niết Bàn thật.

Đại Niết Bàn là cảnh giới của chư Như Lai. Chỉ có chư Phật Như Lai mới biết rõ.

Có lúc Như Lai thị hiện không cần giữ giới. Phạm tứ trọng tội ... Có lúc Như Lai thị hiện Nhất xiển đề ... Có lúc phá hòa hợp tăng ... Có lúc làm Ma ba tuần ... Có lúc thị hiện thân gái thành Phật ... Có lúc thị hiện thân Phạm thiên vương ... Có lúc vào nhà dâm nữ ... Có lúc vào chỗ thanh y ... Có khi thị hiện bác sĩ để dạy học trò... Có lúc chơi cờ bạc ... Có lúc là trưởng giả ... Có lúc làm vua ... làm quan để dẫn dắt thần dân về với chánh pháp. Như Lai có lúc thị hiện sanh vào thời dịch tễ hoành hành rồi cho thuốc trị bệnh sau đó giảng dạy họ quay về chánh pháp; Có lúc thị hiện trong thời kỳ đói kém để thực hành hạnh cứu khổ, bố thí cơm gạo thực phẩm cho chúng sanh; Có lúc sanh vào đời loạn lạc chiến tranh, làm nhà thuyết khách giảng hòa bằng chánh pháp, chỉ cách sống hạnh phúc trong cuộc sống. Như Lai còn vì hạng chấp thường, thị hiện thuyết pháp

vô thường; vì hạng người chấp ngã, thuyết pháp vô ngã; vì hạng người chấp lạc, thuyết pháp khổ; vì hạng người chấp tịnh, thuyết pháp bất tịnh; vì hạng người dính mắc trong ba cõi thuyết pháp “ tam giới duy tâm ” khiến cho họ ra khỏi, xa lìa ba cõi . Như Lai vì độ thoát chúng sanh mà tuyên thuyết diệu pháp, trồng cây thuốc pháp vô thượng để thay cây cỏ phiền não hoang dại. Như Lai diễn nói chánh pháp cứu độ cho những người tà kiến ngoại đạo sống triền miên đau khổ bởi vô minh.

Như Lai dù thị hiện làm thầy chúng sanh, nhưng không có ý niệm làm thầy. Như Lai là bậc Chánh Giác an trụ ĐẠI BÁT NIẾT BÀN thị hiện vô số thân trong mọi môi trường hoàn cảnh khác nhau, với một mục đích lợi lạc chúng sanh . Ở cõi Diêm Phù Đề, Như Lai thị hiện ở Đông thắng thần châu, có lúc ở Tây ngưu hóa châu, có khi ở Nam thiệm bộ châu, có lúc ở Bắc câu lô châu . Chẳng những vậy, Như Lai còn thị hiện ... tha phương, thử giới trực loại tùy hình ... với sức tự tại thần thông như vậy nên Như Lai từ lâu đã vĩnh viễn an trụ trong Đại Bát Niết Bàn, Như Lai **THƯỜNG TRỤ KHÔNG BIẾN ĐỔI**.

Này Ca Diếp! Do nhân duyên nói trên, ông không nên nghĩ rằng: La Hầu La là con trai của Phật .

Vì từ vô lượng kiếp, Như Lai đã vĩnh ly dục nhiễm, nên Như Lai **THƯỜNG TRỤ KHÔNG BIẾN ĐỔI**.

*
* *

TRỰC CHỈ TỬ TƯỚNG (A)

*** *P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
27/5/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 30*

Tử tướng là bốn đức tướng cần phải có cho người học Phật, tìm hiểu đức Phật và tiếp thu giáo lý của đạo Phật. Cũng như muốn đựng sữa tốt cần phải có cái bình. Bình đó phải lành, phải là bình không, chứa đựng gì trong đó, bình phải sạch và bình đẹp để mỹ quan. Muốn đựng sữa quý, người trí sử dụng cái bình có bốn đức tính như vậy để mà đựng thì sữa đó mới đủ yếu tố là thứ sữa quý .

Người Nho đạo, muốn làm nên một người quân tử, trượng phu, anh hùng lưu danh ư hậu thế, người ta phải học cái đạo: “Tiên thành kỳ ý”, “Tiên chánh kỳ tâm” ... để thành tựu cái chí lớn “ Bình thiên hạ ” !

Ở kinh Đại Bát Niết Bàn thượng thừa này, đức Phật dạy Bồ tát Ca Diếp : Là Bồ tát muốn xiển dương chánh pháp phổ độ chúng sanh cần có bốn đức :

1. Tự chánh.
2. Chánh tha.
3. Đáp vấn linh hoạt.
4. Khéo hiểu ý nghĩa nhân duyên

„ TỰ CHÁNH có ý nghĩa rằng : Người đệ tử Phật phải vận dụng trí tuệ, xác lập đức tin, giữ vững lập trường, kiên định hóa lý tưởng của mình.

Rằng : Phật thường trụ.
 Pháp thường trụ.
 Tăng thường trụ.

Rằng : Thà nhẩy vào vạc dầu sôi; Thà nuốt hoàn sắt nung đỏ; Thà dùng dao cắt lưỡi bỏ đi, đối với giáo lý trong mười hai bộ kinh Phật dạy, không một niệm nghi ngờ. Có được đức tính như vậy gọi là người Tự chánh.

„ CHÁNH THA có ý nghĩa rằng, trên bước đường thuyết giáo độ sanh, Bồ tát vận dụng trí tuệ quán sát căn cơ chủng tánh của đối tượng, xác định cho rõ ràng. Sau đó theo cơ mà thuyết pháp giáo hóa thì mới đem lại

hiệu quả tốt. Giống như một thầy thuốc giỏi, với một bệnh nhân trước mặt. Vị thầy thuốc phải sử dụng kiến thức chuyên môn nghề nghiệp của mình: vọng, vấn, chẩn, thiết. Rồi nhận định : phù, trầm, trì, sát để biết bệnh chứng: hàn, nhiệt, hư, thật . Cuối cùng ứng dụng chín cách trị bệnh, theo đó mà cắt thuốc, bệnh nhân chắc chắn sẽ chịu thuốc và lành bệnh.

Căn cơ của chúng sanh, có bậc thượng, bậc trung, bậc hạ.

Chủng tánh thì có : phàm phu, bất định, ngoại đạo, tiểu thừa và đại thừa. Để cho công việc độ sanh có hiệu quả cao, Bồ tát độ sanh phải đủ trí tuệ để “ Tùy cơ độ giáo” ...

Đối với căn cơ chủng tánh Nhị thừa. Phật chỉ truyền dạy cho họ chân lý ngang tầm “ Tục đế”. Rằng : “ Thế gian vô thường . Quốc độ nguy thùy . Tứ đại khổ không. Ngũ ấm vô ngã. Sanh diệt biến dị. Hư nguy vô chủ. Tâm thị ác nguyên. Hình vi tội tẩu. Như thị quán sát tiệt ly sanh tử” ... Và Như Lai chỉ truyền dạy cho họ có chín bộ kinh...

Đối với hàng phàm phu Như Lai phải hạ thấp giáo lý ngang bằng với khả năng nhận thức tiếp thu của họ qua giáo lý Nhơn thừa, Thiên thừa ... mà giáo lý của Như Lai lẽ ra không cần đề cập hai thừa như vậy.

Những người căn cơ chủng tánh Đại thừa, phải dạy cho họ: Phật thường trụ. Pháp thường trụ. Tăng thường trụ. Giáo lý vô thường, khổ, vô ngã và bất tịnh chỉ là phương tiện của Như Lai. Phải dạy cho họ : rằng tất cả vạn pháp đều có tính Thường. Lạc. Ngã. Tịnh.

Trên đường hóa đạo, làm được việc đó, truyền bá được việc đó in sâu vào lòng người, gọi là Bồ tát có được đức CHÁNH THA .

„ ĐÁP VẤN LINH HOẠT biểu lộ tư chất thiên tài, sức thần của trí tuệ Bồ tát. Bồ tát xiển dương chánh pháp độ sanh “ đáp vấn linh hoạt” là Bồ tát có “ biện tài”.

Biện tài có bốn thứ:

- Pháp vô ngại biện tài.
- Từ vô ngại biện tài.
- Nghĩa vô ngại biện tài và
- Lạc thuyết vô ngại biện tài .

- Tứ vô ngại biện tài của Bồ tát là một lợi khí sắc bén trong sự nghiệp hoằng dương chánh pháp lợi lạc hữu tình . Dựa trên cơ sở Tứ vô ngại biện, Bồ tát nói “quyền”, nói “thật”, nói “đốn”, nói “tiệm”, nói “tạng”, nói “thông”, nói “biệt”, nói “viên”, tùy ý, trước một hay nhiều đối tượng đang đối thoại với mình. Về mặt

này, ở kinh Diệu Pháp Liên Hoa, điển hình chỉ có hai vị Bồ tát thành công. Đó là Bồ tát Dược Vương và Bồ tát Đại Lạc Thuyết. Vì có sức trí tuệ áp đảo ma quân ngoại đạo, vì có lợi khí vô ngại biện tài, hai vị Bồ tát này phát nguyện truyền bá kinh Pháp Hoa ở cõi Ta Bà . Còn bao nhiêu Bồ tát rất đông đảo, nguyện truyền bá kinh Pháp Hoa ở một thế giới khác hiền hòa hơn, dễ dãi và an lành hơn cõi Ta bà, chúng sanh cang cường, nan điều nan phục ... Vì thế, cho nên hộ trì chánh pháp, truyền bá kinh Đại Bát Niết Bàn , yêu cầu phải có ĐÁP VẤN LINH HOẠT.

*** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
03/6/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 31

„ KHÉO HIỂU NGHĨA NHÂN DUYÊN mà Đức Phật đã dạy. Nói cách khác, học Phật, nghe pháp của Phật, phải hiểu Phật. Không hiểu Phật mà cứ nghe, cứ đọc rập ràng theo văn tự. Hãy coi chừng ! “ Y kinh giải nghĩa tam thế Phật oan” đấy !

Phải hiểu Phật như thế nào ? Phải hiểu cho rõ : Rằng suốt hành trình giáo hóa độ sanh của đức Phật, Như Lai vận dụng vô số phương tiện, vận dụng mọi nhân duyên, linh động ngôn từ, tạm mượn thí dụ để

giáo hóa chúng sanh, ở mọi căn cơ, ở nhiều chủng tánh, trong mọi giai cấp và trình độ khác nhau. Kinh điển gọi đó là “Tứ tất đàn”, vì lòng từ bi vô hạn Như Lai vận dụng qui tắc đó, suốt hành trình giáo hóa 49 năm. Không khéo hiểu nghĩa nhân duyên, đồng nghĩa không hiểu quy tắc “Tứ tất đàn” Như Lai vận dụng. Học Phật, nghe pháp, không hiểu quy tắc “Tứ tất đàn” thì sẽ rơi vào lưới “thiên la địa võng” không có cách nhol ra!

Người đệ tử Phật có trí tuệ, hiểu Phật :

„ Có lúc Như Lai nói vậy mà không phải vậy.

„ Có lúc Như Lai nói không phải vậy mà vậy.

„ Có lúc Như Lai nói vậy là vậy.

Hiểu như vậy, gọi là Bồ tát xiển dương chánh pháp truyền bá kinh Đại Bát Niết Bàn “khéo hiểu nghĩa nhân duyên” ./.

HẾT PHẦN (A)

PHẨM THỨ BẢY TỬ TƯỚNG (B)

Ca Diếp Bồ tát bạch: Theo lời Phật dạy: Như ngọn đèn đã tắt thì không sờ. Như Lai diệt độ rồi lẽ ra cũng không có phương sờ. Thế sao Như Lai được gọi là thường trụ?

Phật dạy: Người ta thắp đèn dầu, dầu còn thì ngọn lửa còn cháy; khi dầu hết thì ngọn lửa tắt. Dù lửa đèn tắt nhưng bình đèn còn, và ngọn lửa dù tắt cũng không vì vậy mà tánh lửa không còn. Cũng vậy, Ứng hóa thân Như Lai có diệt độ, phiền não hoặc có diệt tận mà Pháp thân Như Lai thường còn.

- Bạch Thế Tôn! Ca Diếp thưa. Bình đèn còn nhưng bình đèn là vật vô thường, chẳng lẽ Pháp thân Như Lai đồng như vật chất vô thường sao?

Phật dạy: Ca Diếp! Ông đừng nạn vấn như vậy. Vật chất thế gian vô thường, Như Lai không phải vật chất, Như Lai không vô thường. Trong tất cả pháp Niết Bàn là thường. Như Lai tức Niết Bàn nên Như Lai là thường. Đức “ Thường ” của Như Lai không phải cảnh giới hàng Thanh Văn, Duyên Giác suy lường để biết được.

Này Ca Diếp! Được Niết Bàn ví như dầu hết ngọn lửa đèn tắt, đó là nói Niết Bàn của hàng La Hán chứng được. Vì A La Hán diệt tham ái phiền não, chúng đắc Niết Bàn nên ví dụ dầu hết, lửa đèn tắt. Cùng là Thanh Văn, nhưng A Na Hàm, Tư Đà Hàm không được gọi là thường. Ví như dầu hết đèn tắt, vì chưa dứt sạch hoặc KIẾN, TU. Ngày trước Như Lai nói “nhập Niết Bàn” ví như dầu hết đèn tắt là nói Niết Bàn của người A La Hán chứng. Nói đến Đại Niết Bàn thì không thể ví như dầu hết đèn tắt! Vì Đại Niết Bàn là THƯỜNG.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế tôn! Theo con hiểu Như Lai có mật ngữ mà không có bí mật tàng.

Phật khen: Đúng như cái hiểu của ông. Như Lai không có mật tàng. Như trăng tròn giữa đêm thu, trời trong xanh, thăm thẳm không có mây mù, mọi người ai cũng thấy rõ vằng trăng sáng. Lời của Như Lai khai

phát, hiển lộ chân lý rõ ràng. Kẻ ngu phu không hiểu hết ý nghĩa, lời của Như Lai rồi cho Như Lai còn dấu kín kho tàng bí mật. Người trí thấu suốt tiếp thu chân lý nhận rõ lẽ thật, thấy rằng Như Lai không hề có dấu kín kho tàng bí mật nào.

Bí mật tàng có nghĩa là cất chứa dấu kín một cách khéo léo, ngoài mình ra, không ai biết được. Ví như người giàu, có nhiều bạc vàng, châu báu, vì tánh keo kiệt bủn xỉn, không bố thí, không giúp đỡ cho ai, chôn dấu kỹ, khóa cất kín không cho ai biết. Người như thế, gọi là người có bí mật tàng (kho tàng bí mật). Như Lai thì không vậy. Từ vô lượng kiếp chứa để vô lượng diệu pháp, lòng không bủn xỉn thường đem ban bố cho tất cả mọi loài vì vậy, không thể gọi là Như Lai có bí mật tàng. Ví như người có nhiều ác bệnh: cùi cụt, lở loét, thối hôi, vì hổ thẹn không muốn cho người thấy, họ băng bó che dấu kỹ. Như thế, gọi là người có dấu kín, bí tàng. Như Lai thì không có như vậy. Bao nhiêu chánh pháp hiện hữu trong cõi đời Như Lai đem chỉ dạy hết cho tất cả chúng sanh. Thế nên không thể gọi Như Lai có bí tàng được.

Ví như người nghèo thiếu nợ quá nhiều, vì sợ chủ nợ đòi mà ẩn trốn. Trốn mất tích là một hình thức bí tàng. Như Lai thì không như vậy. Như Lai không có nợ chúng sanh về tiền tài, sự nghiệp, công danh thế gian.

Như Lai có nợ chúng sanh pháp xuất thế gian, nhưng Như Lai cũng chẳng ẩn mặt tránh trốn, vì Như Lai thương tất cả chúng sanh như con, thường diễn nói pháp nghĩa thậm thâm vô thượng, cho nên không thể gọi là Như Lai có bí tàng.

Ví như ông trưởng giả giàu có chỉ có con trai. Vì thương con, bao nhiêu vàng bạc, châu báu ngọc ngà ông đều chỉ cho con ông biết hết. Cũng vậy, Như Lai xem chúng sanh đồng như con một. Vì vậy, Như Lai không hề có bí mật tàng!

Ví như dòng Bà la môn, có những luận điệu không có tánh thuyết phục, không phù hợp chân lý, họ không muốn cho những người dòng Sát đế lợi, Tỳ xá, Thủ đà la nghe biết. Che dấu như vậy, gọi là bí mật tàng. Như Lai thì không vậy. Chánh pháp của Như Lai thuyết ra tất cả đều lành, không giấu giếm, vì vậy không thể nói Như Lai có bí mật tàng.

Này Ca Diếp! Ví như ông trưởng giả tài đức kiêm toàn, ý muốn con mình có tài đức ngang bằng mình thì vừa lòng thỏa nguyện. Nhưng giờ đây đưa nó vào trường, dạy cho nó chương trình bậc đại học, nó không hiểu nổi vì đưa con tuổi nhỏ, trí còn non nớt. Ông trưởng giả đành phải đem con về, dạy cho nó chương trình bậc tiểu học. Tuổi trẻ, trí thiếu tâm thô, dạy cho

nó chương trình tiểu học nó vui vẻ tiếp thu dễ dàng. Dù không dạy ngay cho con chương trình đại học, nhưng không vì vậy mà cha có lỗi “bí tàng” giấu giếm cất chứa lại cho riêng mình.

Như Lai cũng vậy, với hàng Thanh Văn chưa đủ trí tuệ, Như Lai dạy cho họ giáo lý bán tự và chín bộ kinh thuộc hệ tư tưởng Tiểu thừa. Như Lai chưa dạy cho hàng Thanh Văn luận Tỳ Già La, hệ phương đẳng Đại thừa trong mười hai bộ kinh.

Này Ca Diếp! Nếu như đứa con trai đã lớn khôn đủ sức học đại học mà trưởng giả không dạy cho con mình học đại học như vậy gọi là ông trưởng giả bí tàng giấu giếm con mình. Nếu hàng Thanh Văn đủ sức lãnh thọ giáo lý phương quảng Đại thừa. Sự thực Như Lai không như vậy, cho nên Như Lai không hề có tàng bí mật riêng tư. Cũng như Trưởng giả dạy cho con xong bậc tiểu học rồi giảng dạy hết cho con những gì ở chương trình đại học. Như Lai vì các đệ tử dạy bán tự trong chín bộ kinh rồi tiếp dạy cho Tỳ Già La phương quảng Đại thừa. Đó là mật ý của Như Lai vận dụng trong hành trình giáo hóa chúng sanh.

Này Ca Diếp! Như tháng mùa hạ, kéo mây, nổi sấm tuôn mưa, khiến nhà nông cày cấy được mùa. Người không gieo giống thì không có gì để được. Đó

không phải lỗi ở mây mưa và mây mưa cũng không hề có lẫn tiếc, hạn chế hay cất dấu bớt lượng nước với người nào. Như Lai cũng vậy, tuôn mưa pháp lớn: Kinh Đại Niết Bàn. Nếu chúng sanh gieo hạt giống phước đức trí tuệ thì sẽ có cây trái trí tuệ phước đức trở hoa kết trái. Nếu không gieo hạt nhân thì hoa trái không từ đâu mà có được. Đấy không phải lỗi ở Như Lai, mà Như Lai trước sau không hề có chứa cất “bí tàng”.

Bạch Thế Tôn! Ca Diếp thưa: Nay con biết rõ một cách quyết định: Rằng Như Lai thương tất cả chúng sanh như con một. Vì lợi lạc chúng sanh, chỉ bày chân lý Như Lai không có bí tàng.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: Nếu tu học phương quảng Đại thừa thì biết rõ “ Như Lai thường trụ không biến đổi”. Vậy cơ sao ngày trước, Phật nói bài kệ:

“ *Chư Phật cùng Duyên Giác*

“ *Nhẫn đến chúng đệ tử*

“ *Còn bỏ thân vô thường*

“ *Hướng là hạn phạm phu*”

Rồi nay Phật lại nói Như Lai Phật thường trụ không biến đổi. Vậy nghĩa ấy phải hiểu như thế nào?

Đức Phật dạy: Như Lai ngày trước vì hàng Thanh Văn đệ tử mà dạy “bán tự” nên nói bài kệ “vô thường” ấy. Như Lai cũng dùng bài kệ ấy mà an ủi vua Ba Tư Nặc lúc nhà vua quá buồn khổ vì Hoàng Thái Hậu băng hà. Như Lai còn khuyên: Đại vương chớ nên quá sầu khổ. Tất cả chúng sanh hễ thọ mạng hết gọi là chết. Chư Phật, Duyên Giác, Thanh Văn còn bỏ thân này hướng là phạm phu!

*** *P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật*
10/6/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 32

Này Ca Diếp! Thâm ý của Như Lai nhằm dạy “bán tự” cho vua Ba Tư Nặc mà nói bài kệ ấy. Nay Như Lai vì hàng Thanh Văn đệ tử giảng nói luận Tỳ Già La phương quảng Đại thừa: Rằng Như Lai thường còn không biến đổi.

Bạch Thế Tôn! Ca Diếp thưa: Bài kệ sau đây, Thế Tôn đã dạy, có ý nghĩa thế nào?

“ *Không tích lũy cất dấu*

“ *Vật thực cần vừa đủ*

“ *Như chim bay trong không*

“ *Dấu vết không tìm thấy* ”

Bạch Thế Tôn! Trong hải hội này ai được gọi là người không tích lũy cất giấu? Ai là người tri túc trong việc uống ăn? Và sự bay của chim nhận, việc đi của người này rồi sẽ đến nơi nào?

Phật dạy: Nói về tích lũy cất giấu là muốn đề cập về của báu. Tích lũy có hai: Một, tích lũy hữu vi; hai, tích lũy vô vi. Tích lũy hữu vi là hạnh Thanh Văn. Tích lũy vô vi là hạnh Như Lai Phật. Lại nữa, hàng Thanh Văn Tăng đệ tử Như Lai không tích lũy tiền tài, sự nghiệp, tột tố, súc vật ... những vật phi pháp bất tịnh. Người thực hành được hạnh không tích lũy cất giấu, đồng thời người này cũng là người tri túc về uống ăn. Trái lại, là người tham lam, không phải đệ tử của đấng Như Lai.

Người khó tìm dấu như bóng nhận trong không là người gần với đạo Vô Thượng Bồ Đề. Như Lai nói người này dù đi mà không dụng ý đi, dù đến mà không điểm trụ.

DẤU VẾT KHÔNG TÌM THẤY đấy chính là *NIẾT BÀN*! Vì Niết bàn không có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, không có lạnh, nóng, gió, mưa; không có sanh, già, bệnh, chết; xa lìa ngoài hai mươi lăm cõi, xa lìa hết phiền não vô minh ưu bi khổ não. Niết Bàn như vậy là cảnh giới Như Lai an trụ. Đó là cảnh giới *THƯỜNG*

không có biến đổi. Vì vậy, Như Lai đến rừng Sa La Song Thọ nơi *ĐẠI NIẾT BÀN* mà *NHẬP ĐẠI NIẾT BÀN*.

Này Ca Diếp! *ĐẠI* có nghĩa là rộng lớn, châu biến khắp cùng. Cho nên người có ý chí can cường, thanh liêm, khí khái, trong sáng, gọi là Đại trượng phu. Người có chí hướng thượng, có khả năng tư duy quán chiếu chân lý hướng lên địa vị Giải thoát, Giác ngộ, Như Lai gọi đó là *ĐẠI NHÂN*. Như kinh *BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC* mà Như Lai đã dạy.

Lại nữa, *NIẾT BÀN* còn có nghĩa: *LIÊN LẶN KHÔNG TỶ VẾT*. Ví như người bị trúng tên độc, đau nhức vô cùng. Bỗng gặp lương y, nhổ tên độc ra, tra thuốc vào, người này hết đau nhức, thịt da liền lặn, an vui. Rồi vị lương y đi đến chốn nơi thành thị khác, chỗ nào có người thương tật, khổ đau, điều trị cho họ được lành. Cũng vậy, Như Lai thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, làm vị Đại Y vương, thấy chúng sanh chịu khổ não ở cõi Ta bà, từ vô lượng kiếp bị tên độc phiền não làm nhức nhối cùng cực. Như Lai nói kinh Đại thừa cam lộ pháp dược để điều trị bệnh khổ cho. Điều trị xong, Như Lai đến xứ khác nơi nào có người bị phải tên độc phiền não, thị hiện làm Phật để thí cho *ĐẠI THỪA PHÁP DƯỢC* cứu khổ cho họ. Do nhân duyên đó mà gọi là *NHƯ LAI ĐẠI BÁT NIẾT BÀN*.

***** *P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
17/6/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 33***

Bạch Thế Tôn! Ca Diếp thưa: Y sư trong đời có thể điều trị lành hết thương tích cho tất cả mọi người chăng?

Phật dạy thương tích bệnh đau của người đời kể ra có hai thứ : Một, bệnh có thể trị. Hai, bệnh không thể trị. Bệnh có thể trị, y sư trị lành. Bệnh không thể trị, y sư không trị được.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Cứ như lời Phật dạy thì Như Lai đã trị xong cho chúng sanh cõi Diêm Phù Đề rồi. Nếu nói đã trị rồi, sao cõi này còn nhiều chúng sanh chưa có được Niết Bàn? Nếu còn nhiều người chưa hề được Niết bàn, cố sao Như Lai nói: Rằng Như Lai điều trị đã xong và định đi đến một xứ khác?

Đức Phật dạy: Chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề này có hai hạng: Một hạng có đức tin. Một hạng không có đức tin. Hạng có đức tin, gọi là trị được, vì họ sẽ đoạn trừ phiền não quyết định được Niết Bàn. Thế nên Như Lai nói: Rằng Như Lai đã trị cho chúng sanh ở Diêm Phù Đề rồi và Như Lai có thể đi làm phật sự ở một nơi khác. Còn hạng không có đức tin gọi là *NHẤT*

XIỂN ĐỀ. Hạng người này Như Lai gọi là không trị được. Trừ hạng Nhất Xiển Đề ra, *được xem đều đã trị xong. Thế nên NIẾT BÀN có nghĩa LIÊN LẶN KHÔNG THƯƠNG TÍCH*.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn! Con muốn hiểu rõ hơn: *NHỮNG GÌ GỌI LÀ NIẾT BÀN ?*

Phật dạy : *NIẾT BÀN LÀ GIẢI THOÁT. GIẢI THOÁT GỌI LÀ NIẾT BÀN.*

- Bạch Thế Tôn! Giải thoát là *SẮC* hay chẳng phải *SẮC*.

- Hoặc là sắc, hoặc là không phải sắc. Giải thoát của Thanh văn, Duyên giác không phải sắc. Giải thoát của chư Như Lai là sắc.

- Bạch Thế Tôn! Nếu không phải sắc, hàng Thanh văn, Duyên giác dựa vào đâu để an trụ?

- Những nghĩa như thế, là cảnh giới của chư Phật biết chẳng phải Thanh văn, Duyên giác hiểu được. Đến như ý nghĩa *GIẢI THOÁT* cũng vậy.

Này Ca Diếp! Trời Phi Tướng, Phi Phi Tướng cũng là sắc, cũng chẳng phải sắc. Như Lai cũng nói chẳng phải sắc. Có người nạn hỏi : Rằng trời Phi Tướng, Phi Phi Tướng nếu chẳng phải sắc, họ nương tựa nơi gì (trụ) để sinh hoạt đi lại tới lui ... Ca Diếp!

Những nghĩa như vậy thuộc về cảnh giới của chư Phật, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được.

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
24/6/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 34**

Giải thoát cũng vậy. Cũng là sắc cũng là chẳng phải sắc. Như Lai nói: chẳng phải sắc. Rồi cũng là tướng cũng là chẳng phải tướng. Như Lai nói: Chẳng phải tướng. Những nghĩa như vậy, thuộc về cảnh giới của chư Phật, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn thương xót nói rộng về diệu nghĩa *GIẢI THOÁT* của *ĐẠI NIẾT BÀN*!

- Phật dạy: Giải thoát có nghĩa là cởi bỏ, là viễn ly. Cởi bỏ viễn ly tất cả những ràng buộc ở nội tâm, ở ngoài thân. Viễn ly sự hòa hợp, sự phát sanh. Viễn ly và cởi bỏ như thế gọi là *CHÂN GIẢI THOÁT*.

Giải thoát còn có nghĩa *KHÔNG HOÀ HỢP* và *KHÔNG SANH*. Ví như cha mẹ do hòa hợp mà sanh ra con. Chân giải thoát thì không vậy. Không có hòa hợp và không có phát sanh là chân giải thoát. Như Lai cũng vậy. Như Lai không do sự hòa hợp của cha mẹ

mà sanh. Tánh Như Lai thanh tịnh bản nhiên. Như Lai thị hiện có cha mẹ chỉ vì lợi ích hóa độ chúng sanh. Do nghĩa đó, Như Lai không do sự hòa hợp mà có và Như Lai không thực có sanh. Cho nên, chân giải thoát tức Như Lai. Như Lai cùng giải thoát không hai, không khác.

Lại giải thoát là pháp vô vi. Nó hoàn toàn khác với pháp hữu vi. Ví như thợ gốm làm ra đồ gốm, rồi sẽ bị bể. Giải thoát thì không như vậy. Chân giải thoát không có sanh vì không sanh cho nên không có diệt. Không sanh, không diệt tức là Như Lai. Như Lai không sanh, không diệt, không già, không chết, không có hư hoại. Do những nghĩa đó mà gọi là Như Lai **NHẬP ĐẠI NIẾT BÀN**.

Lại giải thoát là không già, không bệnh, không chết. Không già, không bệnh, không chết là chân giải thoát. Chân giải thoát tức Như Lai.

Lại giải thoát là không ưu sầu. Có ưu sầu, như vị quốc vương lo sợ nước láng giềng hùng cường xâm phạm biên cương... Giải thoát, không như vậy. Như tiêu trừ hết oán tặc thì không còn lo sợ nữa. Giải thoát cũng như vậy, trong giải thoát không còn nguyên nhân lo sợ. Không lo sợ là chân giải thoát. Chân Giải thoát tức Như Lai.

Giải thoát là không có tạp tướng ví như vàng ròng. Ai được vàng ròng thì tự biết là mình có của báu. Tánh giải thoát thanh tịnh như chất vàng ròng. Thanh tịnh như vàng ròng, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát tức Như Lai.

Lại nữa, giải thoát là đoạn hết sự tham muốn, sự hệ phược, đoạn hết phiền não sanh tử, nhân duyên, quả báo trong tam giới. Đoạn hết như vậy là chân giải thoát. Chân giải thoát tức Như Lai. Như Lai tức Đại Niết Bàn. Đại Niết Bàn tức vô tận. Vô tận tức Phật tánh. Phật tánh tức quyết định. Quyết định tức là Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác.

Ca Diếp thưa: Nếu Niết Bàn, Phật tánh, Quyết định, Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác và Như Lai là một nghĩa, thế sao pháp quy y lại phải nói có ba?

- Phật dạy: Tất cả chúng sanh vì sợ sanh tử nên cầu tam quy y. Nhờ nền tảng tam quy y rồi bước lên hiểu được Niết Bàn, Như Lai, Phật tánh, Quyết định và Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác.

Này Ca Diếp! Có pháp tên thì một mà nghĩa thì khác. Có pháp tên cùng nghĩa đều khác. Có pháp tên khác mà nghĩa thì một. Tên khác, nghĩa một như: Phật thường, Pháp thường, Tăng thường. Niết Bàn, Hư không cũng đều thường. Tên cùng nghĩa đều khác

như: Phật gọi là Giác. Pháp gọi là Bất giác (bởi vì pháp chỉ cho tất cả những sự vật vô tình). Tăng gọi là Hoà hợp Niết Bàn gọi là giải thoát. Hư Không gọi là Vô ngại.

Này Ca Diếp! Tam quy y danh và nghĩa đều khác. Vậy mà có lần Như Lai bảo Kiều Đàm Di: Bà khởi cúng dường Như Lai. Bà chỉ cúng dường Tăng thôi. Bà cúng dường Tăng là bà đã cúng dường Tam Quy đầy đủ rồi vậy. Vì sao vậy? Vì tuân lời Phật là cúng dường Phật rồi. Vì mục đích giải thoát mà cúng dường, là cúng dường Pháp rồi. Chư Tăng thọ nhận phẩm vật, là cúng dường Tăng rồi.

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
01/7/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 35**

Này Ca Diếp! Có khi pháp sự có một Như Lai nói thành ba. Có lúc pháp sự ba Như Lai nói thành một. Những duyên cố ấy là cảnh giới của chư Phật, hàng Thanh Văn, Duyên Giác không thể biết được.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Như lời Thế Tôn dạy: “Rốt ráo an vui gọi là Niết Bàn”. Bạch Thế Tôn: Người được Niết Bàn có cần rời bỏ thân, bỏ tâm, bỏ trí

không? Nếu rời bỏ thân, bỏ tâm, bỏ trí thì ai là người lãnh thọ cái vui Niết Bàn? Kính mong Thế Tôn dạy bảo.

Phật dạy: Nay Ca Diếp! Ví như người ăn phải độc tố khó chịu buồn nôn, đi ra ngoài sân mà ói. Ói rồi trở vào nhà. Bạn bè xúm lại hỏi thăm “anh đã lành mạnh chưa mà trở vào nhà?” Người ấy đáp: Tôi đã lành mạnh. Thân tôi được an vui. Như Lai cũng như vậy. Hoàn toàn xa lìa những ưu bi trong hai mươi lăm cõi, trọn vẹn được Niết Bàn an vui. Như Lai không động chuyển bởi ngoại duyên, không có cái gọi là diệt tận. Dứt hết các thọ, gọi đó là sự vui không thọ. Sự vui không thọ như vậy gọi là vui thường trụ. Cho nên, nói Như Lai có thọ vui là không đúng. Do nghĩa đó, cho nên *RỐT RÁO AN VUI CHÍNH LÀ NIẾT BÀN*. Niết Bàn tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Ca Diếp Bồ tát hỏi : Bất sanh bất diệt là chân giải thoát ư?

- Phật dạy: Đúng vậy. Bất sanh bất diệt là chân giải thoát . Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

- Nếu bất sanh bất diệt là chân giải thoát thì hư không cũng không sanh không diệt. Vậy thì hư không

cũng là chân giải thoát và cũng là *NHU LAI*? Ca Diếp thưa.

- Không nên lý luận như vậy. Cũng là tiếng hót. Nhưng không thể đem tiếng hót của chim quạ, chim cú sánh với tiếng hót của chim sơn ca, chim họa mi. Giải thoát và Như Lai không phải pháp có thể so sánh. Ví dụ nhằm để giáo hóa chúng sanh cho nên Như Lai mượn hư không chưa đúng mức ví dụ, để làm dụ. Người đệ tử Phật phải biết: Giải thoát tức là Như Lai. Tánh Như Lai tức là tánh giải thoát.

Ca Diếp nên biết. Vật không có gì sánh bằng, không thể dẫn vật khác làm dụ. Vì có nhân duyên, có thể ví dụ. Như Lai nói: diện mạo đoan trang, tươi mát và đẹp dường như mặt trăng tròn. Voi trắng sạch sẽ như núi tuyết. Trăng tròn không đồng với gương mặt. Núi tuyết không được nói là voi trắng. Làm sao có ví dụ đúng mức để dụ cho chân giải thoát được. Ví dụ chỉ là phương tiện thôi. Người trí nhân nơi ví dụ để có khái niệm. Từ khái niệm để nhận biết pháp tánh ...

Này Ca Diếp! Giả như đứa con nghịch ác muốn hại mẹ nó. Nhằm lúc mẹ con cùng ở gần bên đồng thóc. Mẹ nó đang lúi húi xốt sữa thức ăn và đem cơm cho nó ăn. Khi trông thấy mẹ, nó liền đi mài dao để giết mẹ. Bà mẹ biết ý, khéo léo lẩn chui vào đồng

thóc trốn. Nó cầm dao chém khắp đồng thóc. Nó tự thỏa mãn, vừa lòng và in trí mình đã giết được mẹ rồi. Lát sau mẹ nó lén chui ra khỏi đồng thóc, trở về nhà.

Ca Diếp! Thầy nghĩ thế nào? Đứa con ấy có thành tội nghịch vô gián không?

Ca Diếp thưa! Không quyết định được. Vì nếu nói thành tội, thì mẹ nó chưa bị giết chết. Nếu nói là không tội, thì chính nó tự cho là đã giết được mẹ và nó rất vừa lòng. Nó đâu không đầy đủ tội nghịch mà cũng là nghịch. Do nhân duyên sự kiện như vậy, nên dẫn các ví dụ để suy biết pháp chân thực.

Phật khen: Hay! Hay lắm! Vì nhân duyên ấy nên Như Lai thường phương tiện dẫn nhiều ví dụ để dụ giải thoát. Dù dẫn vô số ví dụ mà thật ra không thể đem dụ để sánh được. Thế cho nên, giải thoát thành tựu vô lượng công đức. Do vì thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy, nên gọi là ĐẠI NIẾT BÀN.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Nay con mới biết chỗ đến của Như Lai thật không cùng tận, vì vậy, thọ mạng của Như Lai cũng không cùng tận.

Phật khen: Hay lắm! Này Ca Diếp! Thầy hãy khéo hộ trì chánh pháp. Nếu có người phát tâm ra khỏi sanh tử ưu bi, đoạn trừ phiền não trói buộc thì phải nên học chánh pháp, hành chánh pháp và hộ trì chánh pháp như vậy.

*
* *
*

TRỰC CHỈ TỬ TƯỚNG (B)

„ Thông thường người ta cho rằng: ngọn đèn dầu, nếu dầu hết thì ngọn đèn tắt. Ca Diếp Bồ tát cũng cùng ý nghĩ như vậy rồi đem quan niệm đó làm ví dụ để nạn vấn Phật về ý nghĩa nhập NIẾT BÀN. Nhập Niết Bàn có phải chẳng là sự diệt tận, DỨT MẮT HẮN, giống như sự “ mất hẳn ” của ngọn đèn tắt khi dầu hết ?

Phật dạy: Dầu hết đèn tắt, nhưng còn một cái còn, đó là bình đèn. Bình đèn là vật chất, bình đèn giả sử có thể bể nát tiêu tan đi nữa nhưng không vì vậy mà lửa đèn “diệt tận” chẳng còn gì! Như Lai há chẳng dạy “TÁNH HỎA CHÂN KHÔNG, TÁNH KHÔNG CHÂN HỎA THANH TỊNH BẢN NHIÊN CHÂU BIẾN PHÁP GIỚI, TÙY CHÚNG SANH TÂM ỨNG SỞ TRI LƯỢNG, TUÂN NGHIỆP PHÁT HIỆN, trong kinh Thủ Lăng Nghiêm đó sao ? Do nghĩa đó, Niết Bàn không diệt tận, không dứt mất hẳn như phàm phu quan niệm dầu hết ngọn đèn diệt tận không còn gì !

Thế cho nên, người đệ tử Phật hiểu rằng : **NIẾT BÀN** tức **NHƯ LAI**. **NHƯ LAI** tức **NIẾT BÀN**. Vì vậy Niết Bàn là **THƯỜNG TRỤ**. **NHƯ LAI** cũng **THƯỜNG TRỤ** như vậy.

Tuy nhiên, cũng có lúc Như Lai nói: Được Niết Bàn ví như ngọn đèn tắt vì dầu hết. Dầu phiền não **KIẾN TƯ HOẶC** hết thì lửa sanh tử ưu bi khổ não hết, gọi đó là Niết Bàn. Những lần Như Lai nói thế, là nói Niết Bàn của người A La Hán chứng được. Niết Bàn đó chưa được gọi là **ĐẠI NIẾT BÀN**. Niết Bàn của hàng A La Hán chứng đắc cũng được gọi là “thường”. Nhưng Niết Bàn đó “còn dư”. Cho nên Niết Bàn của người A La Hán chứng chưa phải **VÔ THƯỢNG NIẾT BÀN**, chưa được gọi **ĐẠI NIẾT BÀN**. **ĐẠI NIẾT BÀN** là **NIẾT BÀN** của **NHƯ LAI PHẬT**. Nó “không còn dư ..” cho nên có tên **VÔ THƯỢNG NIẾT BÀN**.

„ Giấu kín chừa lại cho riêng mình, Bồ tát Ca Diếp gọi đó là “bí tàng” hay “bí mật tàng”. Bồ tát Ca Diếp nêu vấn đề “bí mật tàng” hỏi Phật: Rằng trong hành trình giáo hóa chúng sanh Như Lai có dành riêng cho mình những gì mâu nhiệm, kín đáo, bí mật chăng?

„ Phật dạy: Trong quá trình cũng như tiến trình giáo hóa chúng sanh, Như Lai không hề có nắm tay lại mà luôn luôn mở rộng vòng tay. Như Lai không như các

võ sư dạy cho học trò còn chừa lại “tuyệt chiêu” không truyền, phòng để hộ thân. Như Lai không giống những người cự phú vì quá sợ trộm cướp đánh cắp nên chôn giấu kín đáo bí tàng và Như Lai không phải như nhà phát minh vũ khí tối tân, cho nên không cần có bí tàng bí mật tuyệt đối để củng cố quốc phòng, ngõ hầu thống lãnh địa vị bá quyền.. Như Lai không hề có ý niệm đó trong vô lượng kiếp rồi. Như Lai không hề có gì hết, nhưng Như Lai có tất cả. Nên biết! Tất cả pháp mà Như Lai dạy cho chúng sanh, không có pháp nào là pháp của Như Lai. Nhưng không có một chúng sanh nào có khả năng chiếm hữu, khiến cho giáo pháp kia hao mòn suy giảm tí ti nào. Vì vậy, cho nên Như Lai cần chi làm cái việc “bí tàng” !

*** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
08/7/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 36

Tuy nhiên nên nhớ: Như Lai không có **BÍ MẬT TÀNG**, nhưng Như Lai thường sử dụng “**MẬT Ý**”. Mật ý hay “dị ý” là phương tiện sử dụng có hiệu quả trong hành trình hóa độ chúng sanh của Phật. Giáo lý **TỬ CHÂN ĐẾ**: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Những chân lý **VÔ THƯỜNG**, **KHỔ**, **VÔ NGÃ** và **BÁT TỊNH** cũng vì có “mật ý” mà Như Lai thuyết giảng như thế. Như ông

trưởng giả chưa vội cho con vào trường Đại học mà bằng lòng dạy chương trình tiểu học cho con mình. Như Lai cũng vậy. Vì mật ý mà dạy cho hàng Thanh văn giáo lý “TỬ CHÂN”. Vì “mật ý”, Như Lai dạy cho hàng Nhị thừa chỉ có chín bộ kinh. Vì “mật ý” mà Như Lai nói “VÔ THƯỜNG”, “KHỔ”, “VÔ NGÃ” và “BÁT TỊNH”

Như Lai vận dụng giáo lý “bán tự” dạy cho hàng Thanh văn chín bộ kinh điển Tiểu thừa. Đến khi hàng Thanh văn đủ sức tiếp thu Như Lai dạy cho họ luận Tỳ Già La, tức giáo lý phương quảng Đại thừa qua mười hai bộ kinh. Đây gọi là giáo lý “mãn tự”, như ông trưởng giả truyền dạy cho con mình hết những gì ở chương trình Đại học khi nó đủ trí lớn khôn. Vì nhân duyên ấy, ông trưởng giả không có lỗi xan lẫn, giấu giếm sự hiểu biết đối với con. Cũng như Như Lai không có “bí tàng” đối với hàng Thanh văn dù đang dạy họ học tu giáo lý “bán tự” !

“ Như chim bay trong không ”

“ Dấu vết không tìm thấy ”

Đó là trạng thái Niết Bàn của người chứng đắc (nhập) NIẾT BÀN. Bởi vì Niết Bàn không là gì hết. Niết Bàn không phải vật, cho nên Niết Bàn không có hình sắc: dài ngắn, rộng hẹp, vuông tròn.. Niết Bàn không

có màu cho nên Niết Bàn không phải hiển sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng.. Không cần có ánh sáng mặt trời, mặt trăng mới có Niết Bàn. Cũng không cần không có ánh sáng mặt trời mặt trăng mới có Niết Bàn. Không phải ở xứ lạnh mới có Niết Bàn. Cũng không đòi hỏi xứ nóng mới có Niết Bàn. Người được Niết Bàn là người được nhỏ tên độc phiền não, được tra vào vết thương một diệu dược linh đơn, là người được điều trị hoàn toàn an lành. Một trạng thái an lành, thanh thoát “ ất tư nghi ” chỉ có người ấy mới biết. Niết Bàn không hạn cuộc ở không gian, thời gian, nơi chốn, không do có sáng cũng không cần có tối.. mới có Niết Bàn. Vì vậy Niết Bàn không lệ thuộc ngày đêm. Đó là “cảnh giới” NIẾT BÀN của những người được nhập ĐẠI NIẾT BÀN.

Vì vậy, Như Lai đến rừng TA LA SONG THỌ nơi ĐẠI NIẾT BÀN mà NHẬP NIẾT BÀN.

„ Đức Phật dạy Ca Diếp Bồ tát: Rằng Như Lai thường trụ trong Niết Bàn mà giáo hóa chúng sanh ở cõi Ta bà ngót năm mươi năm . Như Lai đến rừng Sa La Song Thọ, NHẬP NIẾT BÀN chỉ là một sự kiện ghi dấu chấm dứt một giai đoạn, một hành trình giáo hóa độ sanh viên mãn của đức Phật. Người đệ tử Phật chân chính không được hiểu đức Phật đến rừng Sa La Song Thọ NHẬP NIẾT BÀN và từ đó đức PHẬT MỚI CÓ ĐƯỢC NIẾT BÀN. Cũng không được hiểu rằng PHẬT

NHẬP NIẾT BÀN đồng nghĩa như đức **PHẬT ĐÃ CHẾT**.

„ Lương y trị bệnh dịch tễ cho những người mắc bệnh, khi những con bệnh lành rồi thì lương y đến xứ khác để tiếp tục công việc trị liệu cứu nhân độ thế của mình. Đức Phật ban pháp được điều trị chúng sanh cõi Ta bà rồi thì đức Phật sang thế giới khác tiếp tục làm công việc trị bệnh ưu bi khổ não cho chúng sanh đang cần thầy thuốc.

„ Nói là Như Lai đã trị bệnh xong, cũng có người thấy rằng Như Lai trị bệnh chưa xong ở cõi Ta bà. Đức Phật dạy: xong hay chưa xong là tùy đối tượng khách quan của chúng sanh có bệnh. Như Lai trị xong với những ai có đức tin Tam Bảo chân chánh, có hạt giống chánh pháp Đại thừa. Người không có lòng tin như hạt Nhất xiển đề hoặc có lòng tin mà tà kiến, tin huyễn hoặc hoang đường. Nhìn vào số người này, người ta nói Như Lai “trị bệnh” chưa xong. Nói cũng đúng đó chứ !

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
15/7/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 37**

Phật dạy Bồ tát Ca Diếp: Rằng giải thoát có nhiều nghĩa, như cởi bỏ, xa lìa, không hòa hợp, không sanh, không già, không ưu sầu, không tạp tưởng, dứt hết tham muốn. Không còn dục vọng, dứt hết phiền não, vượt ra nhân duyên quả báo trong tam giới, viễn ly những nguyên nhân bất như ý như vậy gọi là chân giải thoát. Chân giải thoát tức Như Lai. Như Lai tức Đại Niết Bàn. Đại Niết Bàn tức Vô tận. Vô tận tức Phật tánh. Phật tánh tức Quyết định. Quyết định tức Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác.

Đó là thứ pháp, tên thì một, mà nghĩa thì khác.

Có thứ pháp, tên khác nghĩa khác, như pháp Tam Quy Y: Phật là Giác. Pháp là Chánh. Tăng là Tịnh .

Có thứ pháp, tên khác mà nghĩa một, như Thường, Lạc, Ngã, Tịnh ..

Lại có thứ pháp, Như Lai nói hoặc bốn hoặc ba hoặc hai hoặc một.. cho đến một cũng không có.. Đó là cảnh giới của chư Phật, hàng Thanh văn, Duyên Giác không thể biết được.

Người được NIẾT BÀN, không cần hủy bỏ thân. Không cần diệt tận tâm trí mà cũng chẳng cần có ý tưởng lãnh thọ NIẾT BÀN. Bởi vì Niết Bàn chẳng có cái gì để cho ai đó lãnh thọ. Người được NIẾT BÀN như người trí chỉ cần biết cách “Ói”. Và trước lúc ói, biết

rằng mình đã ăn nhầm những thức ăn có độc tố cho nên bị đau như vậy. Người trí nầy tạo cho mình một cách Ói để ói hết ra, vậy thôi ! Cho nên, ai đó nói Như Lai có THỌ VUI NIẾT BÀN là không đúng. Bởi vì cái vui Niết Bàn không phải là cái vui mới có mà là cái vui vẫn có. Vì tánh của Niết Bàn là Thường. Như Lai tánh là Thường.

Tuyệt đối AN VUI là NIẾT BÀN. NIẾT BÀN LÀ CHÂN GIẢI THOÁT. CHÂN GIẢI THOÁT TỨC NHƯ LAI.

Niết Bàn, chân giải thoát và Như Lai là pháp bất sanh bất diệt. Hư không cũng là pháp bất sanh bất diệt. Có lúc Như Lai mượn hư không để dụ Niết Bàn. Cũng mượn hư không dụ Phật tánh, dụ Như Lai .. Hư không chưa phải là pháp cân xứng để tỷ dụ, chỉ là phương tiện tạm mượn làm dụ, vì hư không là pháp đối đãi trong đối đãi. Không thể đem mắt của cá sánh với ngọc minh châu .

GIẢI THOÁT là kết quả của sự thành tựu vô lượng vô biên công đức. Thế cho nên, GIẢI THOÁT tức là ĐẠI NIẾT BÀN vậy ./.

HẾT PHẦN (B)

PHẨM THỨ TÁM

TỨ Y

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật**
22/7/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 38

Phật dạy: Trong Đại Niết Bàn vi diệu này có bốn hạng người hay hộ trì chánh pháp, kiến lập chánh pháp. Những hạng người này có thể làm lợi ích và chỗ nương tựa cho thế gian.

Một là người phàm phu có ý chí xuất thế.

Hai là Tu Đà Hoàn và Tư Đà Hàm.

Ba là A Na Hàm.

Bốn là A La Hán.

Bốn hạng người trên đây là những người từng gieo trồng hạt giống Đại thừa, có khả năng nghe hiểu

chánh pháp Đại thừa, hành chánh pháp và sống theo chánh pháp. Họ thường truyền bá chánh pháp đến mọi người, thường tán thán đời sống phạm hạnh thiếu dục tri túc, thường quở trách tội lỗi của đa dục. Xiển dương nếp sống “An bản lạc đạo”, “Duy tuệ thị nghiệp”... Tám điều giác ngộ của bậc Đại nhân.

Đấy là bốn hạng người xuất hiện nơi đời xót thương nhân thế làm nhiều lợi lạc cho thế gian, làm chỗ nương tựa cho trời người. Họ là những người đáng được tôn quý như tôn quý Phật vậy.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn! Con nghĩ rằng không nên đặt niềm tin tuyệt đối vào bốn hạng người mà Như Lai vừa dạy. Con còn nhớ trong Kinh Cù Sư La, Đức Phật từng dạy: Nếu có thiên ma phá hoại Phật pháp, chúng biến hiện hình Phật, đủ cả tướng tốt, vẻ đẹp trang nghiêm, hào quang sáng rỡ... cũng phải cảnh giác kiểm giảo là thiệt hay là giả, không được nhẹ dạ cả tin. Khi nhận diện chúng là ma thì dùng chánh giáo mà điều phục cho chúng cải tà quy chánh... Cứ theo lời dạy của Phật, con không thể tin tưởng lời nói của bốn hạng người trên và cũng không hy vọng họ là chỗ đáng nương tựa cho mình!

Phật dạy: Ca Diếp! Ý nghĩ của ông, sáng suốt lắm đó.

Này Ca Diếp! Dù cho lời nói của Như Lai mà nghe chưa hợp lý, có ý nghi ngờ còn không nên vội tin, tiếp nhận, thọ trì, huống là lời nói của bốn hạng người trên. Vì vậy, phải phân biệt rõ lời dạy đó lành hay không lành. Lợi ích hay không lợi ích. Nên làm hay không nên làm. Nguyên nhân của an lạc hay đó là nguyên nhân mang đến khổ đau. Phải cân nhắc kiểm tra rồi mới tin nghe và thật hành. Phải tu học như vậy mới đem lại sự giải thoát chân thật không biến hoại.

Này Ca Diếp! Sau Như Lai nhập Niết bàn hàng Bồ tát hộ trì chánh pháp, phương tiện giả đồng sự với các Tỳ kheo phá giới. Bồ tát hộ trì chánh pháp có thể thọ nhận của đàn việt, chứa để vật bất tịnh để cúng dường cho vị Tỳ kheo phá giới có khả năng tấn xuất trừng trị các ác Tỳ kheo phỉ báng Kinh điển Đại thừa.

Nhằm hộ trì chánh pháp Đại thừa, lợi lạc cho vô lượng nhân thiên, trong việc làm đó, Bồ tát không có tội lỗi.

Này Ca Diếp! Nếu có Tỳ kheo phạm giới mà tự kiêu mạn không sám hối, phải biết đó chính là người cố ý phạm giới và phá giới. Bồ tát đâu có lúc sai phạm, nhưng thấy rõ lỗi lầm, tự trách và nguyện sám hối tận đáy lòng nên không gọi là phá giới. Vì cơ ấy nên trong kinh khác, có lần Như Lai nói:

Có ai biết chánh pháp

Không luận già hay trẻ

Nên trân trọng cúng dường

Cung kính và lễ bái

Như hàng Bà la môn

Chí thành thờ thần lửa

Và như các thiên thần

Cung kính trời Đế Thích

Lời kệ trên Như Lai vì các Bồ tát tu học Đại thừa mà nói, chẳng phải nói với hạng người học pháp Thanh văn.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Các Bồ tát đối với việc trì giới như vậy thì rất là huân đãi. Vậy giới pháp của các vị ấy có bị tổn giảm gì chăng?

Phật dạy: vì lợi ích chúng sanh, nhằm hộ trì chánh pháp Đại thừa, tấn xuất các ác Tỳ kheo ra khỏi thanh tịnh Tăng, Bồ tát đồng sự, hợp tác vị Tỳ kheo phá giới, việc làm của Bồ tát này không được xem là có tội lỗi. Vì vậy giới pháp của Bồ tát đã thọ không bị khiếm khuyết. Vả lại, khi thấy mình có lỗi thì Bồ tát thành tâm sám hối, vun bồi thiện pháp tránh sự lỗi lầm. Vì vậy mà giới pháp của Bồ tát không bị tổn

giảm. Ví như bờ đê có một thì nước trong ruộng bị thoát đi. Nếu biết bờ có một trám nó đi thì nước trong ruộng không còn thất thoát nữa.

Này Ca Diếp! Đối với “thừa” mà huyễn đãi mới gọi là huyễn đãi. Với “giới” huyễn đãi, không quan trọng lắm nên không gọi là huyễn đãi. Các Bồ tát không trễ nãi đối với chánh pháp Đại thừa đấy mới gọi là trì giới căn bản. Bồ tát hộ trì chánh pháp dùng nước Đại thừa mà tự tắm gội. Vì vậy, nên Bồ tát dầu hiện ra tướng phá giới nhưng không phải phạm sai lầm nên không gọi là huyễn đãi.

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
29/7/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 39**

Ca Diếp Bồ tát thưa: Trong chúng Tăng có bốn hạng người như trái Am ma la khó phân biệt trái chín trái sống. Làm sao để biết được người trì giới và người phá giới?

Phật dạy: Dựa trên kinh Đại thừa vi diệu có thể nhận biết dễ dàng. Cùng một hành động nhìn qua tương tự như nhau, nhưng Tỳ kheo nào nói rằng Phật cho Tỳ kheo tích trữ tám vật bất tịnh (vàng, bạc, nô tỳ, trâu dê, kho lẫm, kinh doanh, nông nghiệp, tự tạo tài

sản) thì đó là Tỳ kheo phá giới. Tỳ kheo không tích trữ tám vật bất tịnh là Tỳ kheo giữ giới trọn vẹn dầu có khi trông như hủy phạm.

Này Ca Diếp! Như rừng Ca la ca rậm rạp rất nhiều cây. Trong rừng này chỉ có một cây Trấn đầu ca. Trái của hai thứ cây này rất giống nhau, khó mà phân biệt được. Đến mùa trái chín một thiếu nữ lượm cả hai thứ, một phần trái Trấn đầu ca mười phần trái Ca la ca đem ra chợ bán. Các trẻ nít ngu dại mua lầm trái Ca la ca ăn xong trúng độc mà chết. Hàng thức giả nghe được việc ấy, hỏi thiếu nữ lượm những thứ trái cây ấy ở nơi nào? Thiếu nữ nói là lượm ở rừng Ca la ca. Thức giả bảo: trong rừng ấy toàn là cây Ca la ca, chỉ có một cây Trấn đầu ca thôi, mọi người biết rõ đều chê rồi bỏ đi.

Này Ca Diếp! Tám pháp bất tịnh ở trong chư Tăng cũng như vậy. Trong chư Tăng phần đông đều thọ dụng tám thứ bất tịnh ấy. Chỉ có một người trì giới thanh tịnh không thọ và biết đại chúng thọ dụng tám thứ bất tịnh là phi pháp nhưng vẫn đồng sự không xa lánh, như cây Trấn đầu ca trong rừng Ca la ca vậy. Có Ưu bà tặc, Ưu bà di thấy phần đông Tăng chúng sống phi pháp nên không cung kính cúng dường kể cả vị Tăng thanh tịnh này. Nếu muốn cúng dường cho vị Tăng thanh tịnh thì nên đem tám pháp bất tịnh của

Phật dạy ra hỏi. Những chư Tăng nói Phật không cho Tỳ kheo tích trữ tám vật bất tịnh, Tỳ kheo nào chứa tám vật bất tịnh thì không cùng ở chung, không cùng thuyết giới, Bố tát, Tự tứ, Yết ma, và không uống nước một dòng sông... nếu chung cùng, cộng sự với những người phi luật phá giới sẽ đọa địa ngục như người ăn lầm trái Ca la ca.

Này Ca Diếp! Ví như có người bán thuốc ở chỗ chợ đông, họ bán có cả thuốc quý Tuyết sơn cùng nhiều thứ thuốc bồi khác, mùi vị đều giống nhau. Người mua không biết mặt thuốc, hỏi mua thuốc Tuyết sơn. Người bán dối trá lấy các thứ thuốc bồi đưa ra. Người mua nhận lầm tưởng là thuốc Tuyết sơn thật. Trả tiền mang đi và mừng thầm rằng, đã mua được thuốc quý Tuyết sơn!

Này Ca Diếp! Trong Tăng chúng Thanh văn có giả danh Tăng, có chân thật Tăng và hòa hợp Tăng, hoặc có trì giới hoặc có phá giới. Đối với đại chúng như vậy nên bình đẳng cúng dường, vì với nhục nhãn hàng Ưu bà tắc chẳng phân biệt được vị nào là chân thật Tăng, vị nào là giả danh Tăng, vị nào trì giới, vị nào phá giới, như người mua thuốc khó phân biệt được thuốc quý Tuyết sơn. Chỉ người có thiên nhãn mới có thể biết rõ.

Này Ca Diếp! Nếu biết là Tỳ kheo phá giới hay Tỳ kheo chứa tám thứ vật bất tịnh thì không nên cung kính cúng dường. Bởi lẽ người Ưu bà tắc, Ưu bà di, cư sĩ sẽ không được nhờ cậy học hỏi gì ở nơi họ, trên bước đường giải thoát giác ngộ...

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
5/8/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 40**

Bạch Thế Tôn! Ca Diếp thưa. Lời Phật dạy chân thật không hư. Con sẽ trân trọng tuân hành, xem như bảo vật Kim cang. Con cung kính phụng hành lời Phật dạy: các Tỳ kheo phải dựa trên pháp tứ y mà tu học.

- * Một, Y pháp không y người
- * Hai, Y nghĩa không y lời
- * Ba, Y trí không y thức
- * Bốn, Y kinh liễu nghĩa, không Y kinh bất liễu nghĩa.

1/ Y pháp không y người là thế nào?

Y pháp tức là phải học hỏi về *PHÁP TÁNH*. Pháp tánh là tánh thanh tịnh bản nhiên của vạn pháp. Tánh thanh tịnh đó cũng chính là Phật tánh là Như Lai. Vì

vậy Như Lai là pháp *THƯỜNG TRỤ*. Pháp thường trụ chính là Phật tánh. Phật tánh tức Như Lai. Người y chỉ pháp tánh không bao giờ có ý niệm Như Lai vô thường, không bao giờ tuyên thuyết rằng Như Lai vô thường biến đổi. Không y người, tức là không y chỉ nương tựa với hàng Thanh văn, vì Thanh văn chưa rời khỏi ý niệm hữu vi. Thanh văn còn có ý niệm Như Lai vô thường mà chân lý đích thực thì Như Lai thường trụ.

Này Ca Diếp! Chỉ có Tỳ kheo phá giới, Tỳ kheo vì lợi dưỡng nói Như Lai vô thường biến đổi. Người có trí không nên y, không nương tựa với những người đó.

2/ Y nghĩa không y lời là thế nào?

NGHĨA tức *GIÁC LIỄU*. *NGŨ* tức *NGÔN TỪ*. Lời nói có thể ứng dụng đem lại hiệu quả đích thực gọi đó là Nghĩa. Lời nói không thể ứng dụng hoặc ứng dụng đem lại hiệu quả nhỏ nhen, thậm chí không có hiệu quả gì gọi đó là Ngũ. Nếu Tỳ kheo tuyên thuyết Phật, Pháp, Tăng thường trụ không biến đổi thì nên y theo. Đó là người y nghĩa. Nếu có những kinh điển tà ngụy nhằm mục đích tham cầu lợi dưỡng, trau chuốt ngôn từ hoa mỹ, phục dịch cho bạch y, lập lời đánh lộn: Rằng Đức Phật cho các Tỳ kheo được tích lũy sự nghiệp tiền tài, tự tiện khẳng định: Như Lai vô thường, Pháp Tăng

cũng vô thường biến đổi ... Đó là “Ngũ ngôn” không có *GIÁC LIỄU* không nên y theo.

3/ Y trí không Y thức là thế nào?

Này Ca Diếp! Nếu thầy Tỳ kheo hiểu rằng: Như Lai tức Phật tánh. Phật tánh tức Pháp thân thường trụ không biến đổi. Hiểu như vậy là Trí, đó là Chân Trí nên y theo. Nếu có hàng Thanh văn không biết công đức Như Lai, bằng nhục nhãn của mình nhìn thấy Ứng hóa thân phương tiện của Như Lai, rồi cho rằng thân Như Lai vẫn là thân hòa hợp bởi ngũ ấm, lục nhập, thập bát giới ... Thân Như Lai cũng do sự ăn uống mà được sống còn. Hiểu biết như thế là hiểu biết bằng *THỨC*, sự hiểu biết của nhục nhãn phàm phu không nên y theo.

4/ Thế nào là Y kinh Liễu nghĩa không Y kinh Bất liễu nghĩa?

Này Ca Diếp! Trí của hàng Thanh văn chỉ có thể tiếp thu kinh điển bán tự, giáo lý phương tiện của Như Lai. Đấy gọi là Bất liễu nghĩa. Trí của hàng Đại Bồ tát tiếp nhận trọn vẹn những giáo lý thậm thâm vi diệu tối thượng Đại thừa. Đấy gọi là Liễu nghĩa. Lại nữa, Thanh văn thừa là không liễu nghĩa. Tối thượng Đại thừa là Liễu nghĩa. Nói Như Lai vô thường biến đổi là không liễu nghĩa. Nói Như Lai thường trụ không biến

đổi là liễu nghĩa. Học hiểu với lời dạy của hàng Thanh văn là không liễu nghĩa. Học hiểu lời dạy của Bồ tát là liễu nghĩa. Nếu nói Như Lai nhập Niết bàn ở Ta la song thọ, nhưng Như Lai thường trụ không biến đổi. Đây là lời nói liễu nghĩa. Nói Như Lai nhập Niết bàn như củi hết lửa tắt. Đây là lời nói không liễu nghĩa. Nói Như Lai nhập Niết bàn là hòa quang với Pháp tánh, hồi nhập bản thể chân như, tùy thuận với Pháp thân. Những hiểu biết như vậy, lời nói như vậy, kinh điển như vậy đều thuộc hệ Liễu nghĩa thượng thừa nên y theo.

Này Ca Diếp! Giáo pháp Như Lai dạy cho Thanh văn thừa là bán tự giáo. Ví như nhà nông mới cày xới trồng tía chưa có hoa trái. Vì vậy gọi là Bất liễu nghĩa. Phải nương tựa học pháp Đại thừa của Bồ tát là giáo pháp Liễu nghĩa cần phải nên “Y theo”. Đó là chỗ nương tựa vững chắc.

Đây là “bốn điều nên y theo” phải tu học.

Lại nữa này Ca Diếp! Tất cả pháp là *PHÁP*. Pháp tánh cũng là *PHÁP*. Phật tánh cũng tức là Pháp tánh. Pháp thân Tỳ Lô Giá Na cũng là *PHÁP*. Đại Niết bàn cũng là *PHÁP*. Tất cả đều thường trụ bất tư nghì, chẳng cầm nắm được, chẳng buộc, chẳng nhốt được. Nhưng tất cả đều *CHỨNG BIẾT* được. Nếu có kẻ nào

nói: *KHÔNG THỂ CHỨNG BIẾT ĐƯỢC PHÁP* thì không nên y theo kẻ đó. Vì vậy mà Y pháp không Y người.

Nếu có người chỉ biết tuyên nói lý vô thường, vô ngã... một cách tự tin và quyết định, không nên y theo. Vì thế Y Nghĩa mà không Y theo Lời (Ngữ).

Nếu người nhận biết rõ: Phật, Pháp, Tăng thường trụ không biến đổi và kiên cố chấp trì lời Phật dạy: Rằng một Tỳ kheo đệ tử Phật không được tích lũy tám thứ vật bất tịnh. Đây là Y Trí không Y Thức.

Liễu nghĩa còn có nghĩa là tri túc. Người thọ trì liễu nghĩa kinh không bao giờ dối hiện oai nghi. Đời sống thanh bạch, không kiêu mạn tự cao, không tham cầu lợi dưỡng. Đối với giáo pháp của Như Lai biết rõ lời dạy nào phương tiện, lời dạy nào cứu kính liễu nghĩa không nghi ngờ, không chấp dính và thắc mắc. Nếu người nào an trụ được những điều đó, phải biết người đó đã an trụ *ĐỆ NHẤT NGHĨA*, là người *Y KINH LIỄU NGHĨA*. Trái lại, người chỉ biết nói: Tất cả đều phùng cháy, tất cả đều vô thường, vô ngã và bất tịnh ... Đây gọi là người chỉ mới tiếp thu pháp *BẤT LIỄU NGHĨA*, dễ khiến chúng sanh đọa địa ngục A tỳ, vì không hiểu chân lý, không hiểu sự thật.

Này Ca Diếp! Nếu có người nói: Như Lai vì thương xót chúng sanh, khéo biết thời nghi, khéo dùng phương tiện, nên có lúc Như Lai nói nhẹ là nặng, hoặc nói nặng là nhẹ. Đối với tám thứ vật bất tịnh cũng vậy, có lúc Như Lai cấm tuyệt đối rồi có lúc Như Lai không cấm tuyệt đối, với điều kiện tri túc kèm theo.

Đây là pháp *TỨ Y*, người đệ tử Phật nên y theo. Nếu có các Kinh, Luật, Luận nào không trái với tiêu chuẩn tứ y cũng nên y theo, vì cũng lợi ích trên đường hành đạo... giải thoát...

*
* *
*

TRỰC CHỈ

Y có nghĩa là chỗ nương tựa. Dân nương chính phủ. Con nương cha mẹ. Phi công, thuyền trưởng nương la bàn. Tất cả ngành, nghề sinh hoạt trong cuộc sống đều phải có chỗ nương tựa, chỉ khác nhau ở đối tượng nương tựa mà thôi. Người đệ tử Phật cũng vậy. Đối tượng nương tựa của người đệ tử Phật là “*Y*”. Là “*Tam Quy Y*”. Là “*Tứ Y*”.

Tam Quy Y thông thường của mọi Phật tử quy y đó là cái lễ “xin vào ngôi nhà Phật” và được mời vào nhà Phật vậy thôi. Có được uống nước trà, dự tiệc chay hay không còn là việc ở hồi sau.

Học phẩm *Tứ Y*, hành theo giáo lý phẩm *Tứ Y* mới là đích thực Phật tử, được thọ dụng hết những tiện nghi an lạc giải thoát trong ngôi nhà Phật ấy.

Người phát tâm đi vào con đường Phật nên chọn người mà tôn kính làm thầy cho mình. Vị thầy để cho người trí *Quy y* không cần hình thức bề ngoài bất cứ dạng, dáng vẻ thế nào mà chỉ nên quan sát, tìm hiểu **CHÚNG TÁNH** qua hành động, ngữ ngôn, qua sự sinh hoạt, giáo hóa của vị ấy.

*** *P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật*
12/8/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 41

Phẩm Tứ Y kinh Đại Bát Niết Bàn này, Phật nêu bốn hạng người có thể làm chỗ *Quy y*:

Hạng người thứ nhất. Có thể là Phạm phu tăng mà có ý chí xuất thế, có chủng tánh Đại thừa, người này làm chỗ *Quy y* được. *Quy y* với người này có được nhờ cậy, có cơ hội tiến lên trên đường xa rộng của giải thoát giác ngộ.

Hạng người thứ hai, Tu Đà Hoàn và Tư Đà Hàm quả.

Hạng người thứ ba, A Na Hàm quả.

Hạng người thứ tư, A La Hán quả.

Bốn hạng người trên có thể làm chỗ quy y, người đệ tử Phật nên quy y với họ, nên tôn trọng các bậc ấy làm thầy hướng dẫn sự tu học của mình.

Nguyên tắc, lý lẽ là vậy, người đệ tử Phật muốn vào đạo Phật cần phải “Quy y”. Nhưng để vững chắc không gì làm lay chuyển được đạo tâm, đạo hạnh của ta, còn phải đề cao cảnh giác với bốn bậc người trên. Họ phải là người thuộc chủng tánh Đại thừa. Hiện tại danh nghĩa của họ là Thanh văn nhưng phải là Thanh văn TUỆ TÁNH. Thanh văn cầu tiến hướng thượng đối với quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì mới nên Y theo. Họ phải hiểu kỹ về Pháp thân Phật, về Báo thân Phật. Thế nào là Ứng thân Phật. Thế nào là thiên bách ức Hóa thân Phật. Phải hiểu rõ Phật là Phật tánh, thường trụ bất biến ..

Hàng TUỆ TÁNH THANH VĂN hiểu rõ rằng pháp Phật nói ra cũng như tất cả vạn pháp cùng có chung một tánh thanh tịnh bản nhiên. Tánh thanh tịnh đó gọi là PHÁP TÁNH. Pháp tánh không phải pháp riêng của Phật càng không phải cái độc quyền đặc lợi của một “siêu nhân”, “siêu nhiên” với bất cứ một danh nghĩa

nào. Vì vậy, bậc nương tựa của người và trời, phải hiểu và dạy rõ : Pháp là thường trụ không biến hoại.

TĂNG TÁNH là tánh thanh tịnh bản nhiên, là trí tuệ nhận thức PHẬT TÁNH và PHÁP TÁNH một cách chính xác và đích thực : Rằng Phật tánh và Pháp tánh “không hai”. PHẬT TÁNH là tánh thanh tịnh bản nhiên của chúng sanh HỮU TÌNH. PHÁP TÁNH là tánh thanh tịnh bản nhiên của chúng sanh VÔ TÌNH. Danh thì hai, nghĩa thì một. Đó là ý nghĩa HÒA HỢP TÁNH của Tăng. Vì vậy, Phật thường trụ. Pháp thường trụ. Tăng cũng thường trụ.

Hiểu được vậy, là hiểu được chân lý THẬP PHƯƠNG PHÁP GIỚI THƯỜNG TRỤ TAM BẢO. Hiểu như vậy, mới là người mà người và trời nên nương tựa làm chỗ Quy y. Y như vậy, là quy y NHẤT THỂ TAM BẢO mười phương. Không rườm rà, khỏi sấm lể lộc, miễn “tác bạch” dài dòng lượm lượm lời thôi.

Còn nữa! Thông thường người ta mượn đá để biết tuổi vàng. Với bốn hạng người có thể làm chỗ nương tựa để ta quy y, Phật dạy hãy mượn tám pháp bất tịnh để thử chất liệu thanh tịnh hay không của đối tượng khả kính mà mình sắp Quy Y. Dựa vào tám pháp bất tịnh trắc nghiệm như tâm “khả kính” sẽ biết trái nào là Calaca, trái nào là Trấn đầu ca để mà “chọn mặt gửi vàng” ! ./.

PHẨM THỨ CHÍN TÀ CHÁNH

Bồ tát Ca Diếp thưa: Theo lời Phật dạy người đệ tử Phật trên đường tu hành nếu lời cảnh giác có thể nhận lầm lời nói của ma mà tưởng là lời Phật dạy. Vậy chúng con phải làm sao để phân biệt được lời Phật và lời mê hoặc của ma ?

Phật dạy: Sau Như Lai nhập Niết bàn, hậu thế sẽ có ma ba tuần nhiều loạn chánh pháp, lập lẽ dối hiện hình tướng sa môn mặc ca sa của Tỳ kheo mà tâm địa là anh thợ săn đố kỵ. Ma ba tuần giả làm Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di. Nó còn thể hiện hình tướng Tu Đà Hoàn... A La Hán. Nó cũng hóa làm hình Phật. Chúng tuyên thuyết rộng rãi rằng: Xưa kia Bồ tát ở cung trời Đâu suất chết rồi sanh vào hoàng tộc của Tịnh Phạn Vương, thành Ca Tỳ La Vệ. Nương sự ái dục hòa hợp của cha mẹ mà có thân. Không bao giờ

có người nào sanh trong loài người mà được đại chúng, người trời cung kính tôn trọng như vậy. Chúng còn nói xưa kia Phật từng tu hạnh bố thí. Cho cả đầu, mắt, tay, chân, quốc thành, thê tử nên nay được thành Phật. Vì vậy, nay được người, trời và đại chúng tôn trọng cung kính. Nếu kinh, luật, luận nào nói như vậy là lý lẽ của ma. Nó lấp liếm, lập lẽ nhằm làm chiết giảm giá trị Pháp thân thường trụ bất sanh bất diệt của Như Lai.

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
19/8/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 42**

Này Ca Diếp! Kinh luật luận nào nói Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác đã thành Phật từ lâu, vì muốn hóa độ chúng sanh nên nay thị hiện làm Phật, vì tùy thuận thế gian nên thị hiện có cha mẹ, rồi cũng tùy thuận chân lý tục đế thế gian cũng nương ái dục hòa hợp của cha mẹ mà được sanh ra. Kinh luật nói như vậy là đúng lời Như Lai nói. Nếu ai tin theo lời của ma, những người đó là quyến thuộc của ma. Người nào nghe lời Phật tùy thuận kinh luật Phật, người đó là đệ tử Phật là Bồ tát hiện đời.

Nếu bảo rằng: Không nên tin chuyện Như Lai mới sanh ra, đi bốn phương mỗi phương bảy bước? Đó là luận điệu của ma.

Nếu nói: Như Lai sanh ra, cả tám phương mỗi phương đi bảy bước, đó là Như Lai phương tiện thị hiện. Đó là kinh điển, lời Phật nói.

Nếu nói: Sau khi Bồ tát giáng sanh, Phụ vương cho người đem đến miếu thờ trời, tất cả chư thiên thần: Đại tự tại thiên, Đại Phạm thiên... Để thích... thấy đều chấp tay lễ chân Bồ tát. Đây là lời của Phật.

Nếu gạn rằng: Trời sanh trước, Phật sanh sau, cơ sao chư thiên lễ kính Phật. Lời gạn này là luận điệu của ma ba tuần.

Nếu chỗ nào nói: Lúc làm Thái tử, vì lòng tham dục Bồ tát cưới vợ hưởng thọ khoái lạc ở hoàng cung... Đây là luận điệu của ma.

Nếu nói: Bồ tát từ lâu xa đã lia bỏ tham dục vợ con cho đến sự vui vi diệu của cõi trời Đạo lợi như bỏ đàm mĩ, hưởng là sự vui ngũ dục ở cõi người. Bồ tát cạo bỏ râu tóc xuất gia hành đạo chỉ là phương tiện thị hiện. Đây là lời Phật nói.

Nếu kinh điển nào nói: Tại Kỳ hoàn tịnh xá ở nước Xá Vệ, do lòng đại từ thương xót chúng đệ tử, đức Phật cho phép các đệ tử Tỳ kheo nuôi tôi tớ, trâu dê... chứa vàng bạc châu báu... cho buôn bán gieo trồng... gây dựng sự nghiệp... Phải biết, đây là lời của ma.

Nếu nói rằng: Tại nước Xá Vệ, nơi tịnh xá Kỳ hoàn trước vua Ba Tư Nặc và Cổ Chi Đức Bà la môn, đức Phật cấm các Tỳ kheo không được nuôi, chứa tám thứ vật bất tịnh đã nói trên. Trái phạm các điều này không được ở trong hàng Tỳ kheo Tăng. Phải đưa ra khỏi đại tăng, như cỏ mọc trong ruộng lúa cần phải nhổ bỏ. Đây là kinh điển Phật nói.

Nếu nói rằng Thái tử là Bồ tát, thị hiện vào miếu thờ trời, ở trong pháp ngoại đạo xuất gia tu hành, thị hiện học tất cả oai nghi lễ giáo, biết tất cả văn tự kỹ nghệ, thị hiện làm bậc tôn quý nhất trong các giai cấp của xã hội; dù vậy, nhưng Bồ tát chẳng có lòng luyến ái, như hoa sen không nhiễm nước đục bùn nhơ. Vì độ chúng sanh, Bồ tát thị hiện tùy thuận thế pháp. Nói những lời trên là lời Phật. Nói trái lại, lời của ma.

Nếu có người cố chấp chín bộ kinh, không tin kinh điển Phương Đẳng Đại thừa. Họ cho rằng không phải lời Phật nói, vì kinh điển của họ không có. Phải biết, người này có tội. Không phải đệ tử chân chính của Phật.

Nếu sách vở nào nói: Như Lai không phải là kết quả của vô lượng công đức mà là vô thường, biến đổi. Do tu chứng pháp không nên tuyên nói lý vô ngã không thuận với thế gian. Đây là lời của ma.

Nếu nói: Như Lai là bậc Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác không thể nghĩ bàn, là kết quả của vô lượng công đức, là thường trụ không biến đổi. Đây là lời Phật.

Nếu có thầy Tỳ kheo đối với đạo giải thoát giác ngộ không có chứng đắc gì mà đối hiện tượng oai nghi ra vẻ người chứng đắc và cũng nói được các pháp hơn người, Người này phạm tội tứ trọng. Như viên đá bẻ hai, không liền lại được nữa.

Nếu có thầy Tỳ kheo giới đức trong sạch, ít muốn biết đủ, ở chốn vắng vẻ, tự tại khinh an. Vua quan gặp cung kính tôn trọng cho là bậc A La Hán. Rồi ngợi khen rằng: Đại sư đây trong tương lai sẽ chứng quả Vô thượng Bồ Đề. Thầy Tỳ kheo nghe rồi liền cải chánh: rằng mình chưa chứng quả thánh và khuyên vua quan chớ nhận lầm. Nhà vua vẫn cố kính tin và loan truyền cho mọi người cùng tôn trọng cúng dường. Đây là thầy Tỳ kheo thực có giới đức trong sạch nên có hành động xử sự như thế. Thầy Tỳ kheo này dù được sự cung kính cúng dường của vua quan của mọi người mà không mắc tội Tứ trọng. Ai nói Tỳ kheo này tội là lời xuyên tạc ganh tỵ của ma.

Có thầy Tỳ kheo tuyên thuyết giáo điển Đại thừa thậm thâm của Phật: Rằng tất cả chúng sanh đều có

Phật tánh. Vì có Phật tánh nên ai cũng có thể dứt trừ vô lượng phiền não thành bậc Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác; trừ hạng người Nhất xiển đề. Nếu có người hỏi: Thầy có Phật tánh chăng? Có sẽ được thành Phật không? Thầy Tỳ kheo đáp: Chính tôi đây có Phật tánh. Còn thành Phật ngang với địa vị nào, chưa có thể nói quyết định. Bởi vì đến đỉnh cao của quả Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác còn tương quan với nghị lực của con người liên hệ với thời gian và sức tinh tấn... nữa. Lại có người hỏi Tỳ kheo: Đại đức không phải Nhất xiển đề chắc chắn được thành Phật ư? Thầy Tỳ kheo đáp: Đúng vậy.

Cương vị một thầy Tỳ kheo, xác định kiến giải của mình như thế đối với giáo nghĩa Đại thừa, thầy Tỳ kheo này xứng đáng là một Bồ tát đệ tử Phật, Nói và hiểu ngược lại là lời của ma.

Ma vương lại bảo rằng: Không có bốn tội trọng, mười ba tội tăng tàng, hai tội bất định, ba mươi tội xả đọa, chín mươi tội đọa, bốn pháp hối quá, trăm pháp phải học, bảy pháp diệt tránh, hẳn đến không có tội thô, tội nghịch, nhất xiển đề. Nếu các Tỳ kheo phạm các tội trên mà phải đọa địa ngục thì hàng ngoại đạo lẽ ra đều phải được sanh lên cõi trời, cõi Phật cả. Vì ngoại đạo chẳng có thọ giới gì nên chẳng có giới gì để phạm. Đó chẳng qua Như Lai muốn khủng bố người

nên nói các điều giới ấy. Và đây là các Luật sư vọng nói là lời Phật chế, kỳ thực không phải Phật chế như thế. Tất cả luận điệu trên là điển từ của ma.

Người trân trọng giữ gìn giới cấm thân, khẩu, ý sẽ thanh tịnh, không phạm điều tội lỗi như rùa giấu kín sáu chi. Nếu có luật sư nói: Giới cấm có phạm cũng chẳng có tội báo gì! Người chân chánh đệ tử Phật không thân cận luật sư ngụy thuyết như vậy. Giới cấm Phật chế ra, giới trọng, giới khinh mỗi mỗi đều có dị ý, đều có công năng phòng phi chỉ ác. Nếu phủ nhận công năng giữ giới thì lấy pháp gì để chỉ ác phòng phi tam nghiệp?

Trong các kinh điển Như Lai từng dạy: Nếu có phạm giới trọng cũng như khinh, phải theo luật mà trị tội. Bởi vì, nếu chúng sanh không giữ gìn cấm giới thì làm sao có được Định. Định không có làm sao có Tuệ. Không có tuệ làm sao thấy được Phật tánh? Dầu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh nhưng phải có trì giới rồi sau mới được thấy. Do thấy Phật tánh mà được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong chín bộ kinh không có Phương đẳng Đại thừa cho nên không có nói Phật tánh. Dầu không nói, người đệ tử Phật có chứng tử Đại thừa phải biết có Phật tánh. Phật tánh là tánh thanh tịnh vốn có của mọi chúng sanh.

Người nào nói và hiểu như vậy là đệ tử Phật. Ngược lại, là quyến thuộc của ma.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh nhưng trong chín bộ kinh chưa từng nghe thấy điều này. Giờ đây lại nói rằng có thì sao không phạm trong tội tứ ba la di.

Phật dạy: Nay Ca Diếp! Như lời ông hỏi. Trường hợp đó, không mắc tội tứ ba la di. Ví như có người nói trong biển cả chỉ có bảy thứ báu, không có tám thứ. Người đó không có lỗi. Cũng vậy, nếu căn cứ giáo lý của chín bộ kinh mà nói rằng không có Phật tánh thì không mắc tội. Vì Như Lai ở trong biển lớn Đại trí, Đại thừa mới nói có Phật tánh. Với tiểu trí của hàng Nhị thừa họ không thấy biết nên nói là không Phật tánh trường hợp đó, không bị phạm tội. Cảnh giới này là chỗ thấy biết của Phật, chẳng phải hàng Thanh Văn Duyên Giác biết được.

Này Ca Diếp! Người không được nghe tạng pháp thậm thâm bí mật của Như Lai thì làm sao biết có Phật tánh! Pháp thậm thâm bí mật của Như Lai, chính là kinh điển Đại thừa Phương đẳng vậy.

Này Ca Diếp! Các hàng ngoại đạo, hoặc nói ngã thường còn, hoặc nói ngã đoạn diệt. Như Lai không nói như vậy. Có nhân duyên Như Lai nói không ngã

(vô ngã). Có nhân duyên Như Lai nói có ngã (hữu ngã). Đấy gọi là Trung đạo.

Nếu có người nói: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”. Nhưng vì phiền não che lấp nên không dễ thấy biết. Vì vậy, muốn thấy biết Phật tánh cần tinh tấn tu tập gột rửa phiền não sạch hết, Phật tánh sẽ hiện ra. Ai nói lời đó, không phạm tội ba la di. Không nói như vậy là người có ý đồ “tự tôn ngẫm” mắc tội ba la di (một trong tứ trọng tội).

Nếu có người nói: “Tôi đã thành Phật, vì tôi có Phật tánh”. Nói như vậy bị phạm tội ba la di. Bởi vì dầu có Phật tánh nhưng chưa tu tập thiện pháp nên chưa được thấy. Vì phiền não chưa sạch, Phật tánh chưa hiện ra nên chưa được nói “Tôi đã thành Phật”.

Này Ca Diếp! Do những nghĩa như vậy, nên Phật pháp rất sâu xa vì diệu không thể nghĩ bàn.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Có vị quốc vương hỏi: “Thế nào là thầy Tỳ kheo mắc phải tội đại vọng ngữ?”

Này Ca Diếp! Phật dạy: Nếu có thầy Tỳ kheo vì cầu lợi, vì ăn uống làm những việc đua nịnh, gian xảo, dối trá, lừa gạt, chủ ý làm cho người đời lầm tưởng là bậc khát sĩ tu hành chân chánh, để có được danh to, lợi lớn... và để cho hàng Ưu bà tắc, Ưu bà di, người đời tưởng mình là bậc A La Hán, là bậc thánh nhân. Thầy

Tỳ kheo làm trò giả trá đó, thực chất là một kẻ ngu tự dối gạt mình, tự đánh mất mình chỉ vì cầu nhiều lợi lộc, cầu nhiều đệ tử xuất gia, tại gia kết làm quyến thuộc. Tỳ kheo này cầu danh vọng, sự nghiệp, không cầu pháp. Vì ý đồ đen tối, thường tự bó buộc, giả hiện tướng nói mỹ miều, đáng đi thanh thảo, thế ngồi bệ vệ oai nghiêm... để cho mọi người trông vào thấy mình là người chứng A La Hán. Nhờ vậy hàng Ưu bà di, hàng phụ nữ càng thêm cung kính cúng dường, đơm đà mển tưởng. Nếu có thầy Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào làm những điều như vậy thì mắc phải tội Đại vọng ngữ.

Này Ca Diếp! Ngược lại việc làm trên, nếu có thầy Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni, vì muốn kiến lập chánh pháp, truyền bá Đại thừa, tạo nơi yên vắng, tự biết mình chưa phải A La Hán, nhưng mọi người cứ tự tin tưởng. Họ tưởng mình là A La Hán thật. Thầy Tỳ kheo này dạy cho các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di những người có nhiều sai phạm, củng cố tâm lành phát nguyện trì giới, tu học chánh pháp. Do vậy, chánh pháp được kiến lập, làm rạng rỡ pháp thậm thâm vô thượng của Như Lai, phát triển Phương đẳng Đại thừa, độ vô lượng chúng sanh. Làm được việc như vậy là Tỳ kheo tốt, đáng sống đời sống tịch tĩnh vắng vẻ mà không mắc tội giả trang thiên tướng, dối hiện oai nghi, phờ phĩnh lừa dối người. Tỳ kheo này có thể

nói rộng trước mọi người: Tôi có Phật tánh. Tôi có kinh điển gọi là tạng bí mật của Như Lai. Tôi quyết định được thành Phật. Tôi có thể dứt hết vô lượng phiền não kiết sử. Rồi vì hàng Ưu bà tắc, Ưu bà di mà tuyên nói: “Tất cả các vị đều có Phật tánh. Tất cả các vị đều có khả năng làm Phật. Các vị sẽ được thành Phật”. Tỳ kheo, Tỳ kheo ni nói những lời trên là Tỳ kheo tốt, phát huy chủng tánh Đại thừa cho mình, cho nhiều người. Tỳ kheo như thế không mắc tội vọng ngữ trong tứ ba la di mà đây chính thực là Bồ tát, đệ tử Phật.

Trong Phật pháp, pháp tắc của sa môn phải sanh lòng tôn trọng, lòng từ bi làm lợi ích chúng sanh. Những tội nhỏ như: Đột kiết la, thâu lan giá, cũng phải giữ gìn, không nên sai phạm. Xa lìa rượu thịt, sắc dục lúc tỉnh cũng như lúc mộng mị chiêm bao. Đi khát thực khi nhận được sự cúng dường khởi niệm tưởng “bất đắc dĩ” như người ăn thịt con trong thời đói kém!

Đây là pháp tắc hành đạo của sa môn. Đây là kinh luật của Phật nói. Thuận theo lời này là Bồ tát. Ngược lại là lời ma, thuận theo nó là quyến thuộc của ma.

Nếu có nói: Đức Phật đã tu khổ hạnh, nên Phật cho đệ tử mình tu khổ hạnh: Như đứng một chân, co

một chân. Tay nắm chắc, đưa lên bất động, miệng nhai lá đắng. Nằm lăn lộn trên tro đất, phân nhơ. Nhịn đói không ăn hoặc ăn phân bò. Nằm trên than lửa. Tự đốt thân thể. Tự trói cột tay chân. Nín câm không nói. Hoặc tuyên nói: Như Lai cho phép đệ tử tự sát bằng nhiều cách: Từ núi cao nhảy xuống. Nhảy xuống hố thẳm vực sâu. Nhảy từ ngọn cây. Nhảy vào lửa dữ. Uống thuốc độc. Tự mổ bụng mình. Xông pha chỗ hiểm nạn... Kẻ nào nói Như Lai chủ trương tu bằng phương pháp khổ hạnh; nói Như Lai cho phép tự sát bằng mọi hình thức, đó là lời của ma. Như Lai không bao giờ dạy những điều phi chân lý cho những ai muốn đi con đường giải thoát giác ngộ.

Lại này Ca Diếp! Những người tà kiến họ luyện bùa mê, ngải lú, sai sử hại người. Những con nhà đồ tể, những người không căn, hai căn, bất định căn, hoặc lục căn không đủ Phật không cho xuất gia hành đạo. Kẻ nào nói Như Lai thâu nhận những người này làm sa môn, cộng trụ với Tỳ kheo chúng là ma tráo trở. Người đó bản chất quyến thuộc của ma.

Này Ca Diếp! Người đệ tử Phật phải nhớ rành rõ về tám pháp bất tịnh để viễn ly. Phải có chánh niệm nhớ lời Phật: Là Tỳ kheo “Tam thường bất túc” mới xứng đáng “thiểu dục đạo nhơn”. Sống trái tiêu chuẩn đó là lối sống của ma, dân ma và quyến thuộc của ma.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nay con mới biết rõ chỗ sai biệt giữa lời Phật nói cùng lời ma nói, Nhưn đây, con ngộ nhập nghĩa nhiệm mầu sâu xa của Phật pháp.

*
* *

TRỰC CHỈ

*** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
23/9/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 43

Tà chánh cặp phạm trù này phổ biến trong nhiều lãnh vực. Tùy dân tộc, quốc gia, chế độ, tín ngưỡng, tôn giáo, mà sự nhận thức đánh giá tà chánh không có khuôn mẫu mực thước nào làm tiêu chuẩn chung nhất cho tất cả mọi lãnh vực. Riêng Phật giáo, qua tư tưởng của tam thừa nhận thức và đánh giá Tà chánh cũng đã không nhất trí với nhau được. Thậm chí còn tương phản hoàn toàn trong hệ tư tưởng “Đại thừa bất cộng pháp” như kinh Đại Bát Niết Bàn là một nguồn giáo lý chứng minh cụ thể.

Đọc học phẩm TÀ CHÁNH của kinh Đại Bát Niết Bàn phải sử dụng nhãn quang “Đại thừa bất cộng pháp” mà nhìn thì mới tiếp thu tốt.

*Phải hiểu Phật qua **PHÁP THÂN NHƯ LAI** là chánh. Hiểu Phật qua Ứng hóa thân là đã thành quyến thuộc của ma rồi. Phải hiểu Phật: “Tỳ Gia thành lý bất tăng sanh. Ta La thọ vương bất tăng diệt” là chánh. Hiểu Phật nhập diệt tại rừng Sa la song thọ là ma rồi. Nếu không phải đích thực ma thì cũng là quyến thuộc của ma.*

Như Lai chết từ cung trời Đâu Suất thọ sanh vào hoàng tộc Tịnh Phạn vương cung. Như Lai tu phước bố thí... mà thành Phật! Đó là hiểu biết của ma! Thọ lượng của Như Lai “bất khả thuyết, bất khả thuyết vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp”. Đó là cái hiểu của người đệ tử Phật chân chính.

Thái tử mới sanh ra liền đi mười phương bảy bước. Đó là lời Phật nói. Việc làm đó có mục đích và ý nghĩa của nó. Đó là phước tiện của Như Lai. Không tin điều này là cái hiểu thiển cận của ma, của quyến thuộc loài ma !

Lý luận rằng: “Trời sanh trước, Phật sanh sau là lý lẽ thiển cận. Phải hiểu rằng: Các trời đều ở trong tam giới lục đạo. Vì vậy khi đến miếu thờ trời tất cả

đều cung kính tôn trọng “ Ứng thân thị hiện” của Như Lai.

Sanh vào hoàng cung thọ hưởng dục lạc, sau đó Thái tử tu hành thành Phật. Đó là cái biết thiển cận. Phải hiểu Như Lai xa lìa ái dục từ vô lượng vô biên... kiếp rồi.

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
30/9/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 44**

Trên đường tu, lấy tám pháp bất tịnh làm chuẩn. Xa lìa tám pháp bất tịnh là đi ngược đường lối giải thoát rồi!

Người khư khư cố chấp giáo lý trong chín bộ kinh, không tiếp thu tin thuận giáo lý Phương đẳng Đại thừa là người tiểu trí. Chỉ bằng lòng xe dê mà không dám thọ dụng xe trâu trắng to đẹp tuyệt trần mà mình có quyền thọ dụng.

Nói rằng ta là Phật với ý đồ phờ phĩnh lừa dối mê hoặc nhân tâm, mục đích tham cầu sự nghiệp danh lợi là tà. Tuyên bố rộng rãi: Rằng tôi có Phật tánh, tôi sẽ thành Phật. Mọi người đều có Phật tánh, mọi người tu hành đều được thành Phật ngoại trừ hạng người “ nhất xiển đề”. Người nói được như thế, là Bồ tát hiện đời.

Phủ nhận Giới là có tội. Thất tụ Giới Học là nền tảng của tòa lâu đài Bồ Đề vô thượng. Ngũ giới, thập giới, Bát quan trai giới cũng là những viên đá góp vào xây đúc nền móng của tòa lâu đài ấy. Phật dạy phải trân trọng Giới như người trí quý trọng con người của mắt mình. Định tuệ có được, do giới mà nên. Bồ Đề vô thượng có được, do Định và Tuệ.

Phải tu học chân lý TRUNG ĐẠO. Nói NGÃ, cực đoan. Nói VÔ NGÃ cũng cực đoan. Nói các pháp đoạn diệt, cực đoan. Nói các pháp thường tại cũng cực đoan. VÔ THƯỜNG THỊ THƯỜNG. THƯỜNG VÔ THƯỜNG TRUNG. Vô thường là tánh thường của vạn pháp. Tánh thường của vạn pháp duyên khởi hiện tượng VÔ THƯỜNG. Bản thể hiện tượng “ bất ly bất tức”.

Bồ tát Long Thọ tuyên cáo:

“Chúng nhân duyên sanh pháp

“Ngã thuyết tức thị không

“Diệc vi thị giả danh

“Diệc thị trung đạo nghĩa

“Vị tăng hữu nhất pháp

“Bất tùng nhân duyên sanh

“Thị cố nhất thuyết pháp

“Vô bất thị không giả...”

Người đệ tử Phật phải tập nhìn, tập nghe, tập nhận thức vạn pháp bằng chân lý TRUNG ĐẠO ấy.

Ngũ thừa, tam thừa, nhị thừa, nhất thừa là phương tiện của Như Lai.

Bán tự giáo. Mãn tự giáo. Chín bộ kinh. Mười hai bộ kinh là phương tiện của Như Lai.

Tứ đế, tam đế, nhị đế, đệ nhất nghĩa đế là phương tiện của Như Lai.

Nhị thời, tam thời ngũ thời... là phương tiện của Như Lai.

Khế cơ, khế lý. Tứ tất đàn ... là phương tiện của Như Lai.

Cho các Tỳ kheo thọ dụng: Cửu tịnh nhục, ngũ tịnh nhục, tam tịnh nhục là phương tiện của Như Lai.

Nói các pháp trên cõi đời: vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh là phương tiện của Như Lai. Nói hiện cõi đời có: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh cũng là phương tiện của Như Lai.

Nói vạn pháp là không. nói vạn pháp là có. Thậm chí có lúc Như Lai nói tội nặng thành nhẹ, tội nhẹ

thành nặng cũng là phương tiện của Như Lai ... Đệ tử Phật phải hiểu Phật là chánh. Không hiểu Phật có cao đàm diệu luận vạn ngữ thiên ngôn đều là TÀ, quyến thuộc của ma tất . /.

PHẨM THỨ MƯỜI TỨ THÁNH ĐẾ

*** *P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
07/10/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 45*

Phật dạy: Này Ca Diếp! Khổ Thánh Đế là pháp tu để dạy cho người tu tập pháp Tứ Thánh Đế. Chí như trâu, bò, lừa, ngựa. v.v... chở chuyên cày kéo tận cùng khổ cực nhưng chỉ có khổ, không phải khổ Thánh đế.

Này Ca Diếp! Người không biết cảnh giới mâu nhiệm sâu kín của Như Lai, không biết *PHÁP THÂN* vi mật thường trụ của Như Lai, không biết phước đức trí tuệ oai lực của Như Lai, cho rằng thân Như Lai cũng chỉ là thân tạp thực như thân của mọi chúng sanh, không có *PHÁP THÂN NHƯ LAI* nào nữa. Vì không có mắt trí tuệ nên chánh pháp thấy là phi pháp. Phi pháp

thấy là chánh pháp. Hiểu biết và tu hành như vậy chỉ có *KHỔ*, không phải *KHỔ THÁNH ĐẾ*.

Người biết Như Lai thường trụ không biến hoại hoặc có người nghe danh tự Như Lai “thường trụ” một lần thôi, họ được sanh cõi trời. Về sau, khi được giải thoát họ chứng biết đích thực: Rằng Như Lai thường trụ không biến hoại. Rồi tự nhủ: Ngày trước ta từng nghe danh tự... “thường trụ” nay được quả giải thoát mới chứng biết rõ ràng. Đối với bản thể thanh tịnh pháp thân tỳ lô giá na, không rõ biết nên luân hồi trong sanh tử ưu bi. Nay mới đích thực chứng biết bằng cái biết của chính mình.

Phật dạy: Này Ca Diếp! Người có sự hiểu biết như vậy, là người đích thực tu tập *KHỔ THÁNH ĐẾ*. Họ sẽ được quả báo lớn lao trên bước đường đi tới Đại Niết Bàn.

Người không hiểu biết Pháp thân Như Lai thường trụ, dù siêng năng tu tập cũng không được lợi ích gì. Đấy gọi là tu khổ để chịu cực khổ, không tương quan gì đến *KHỔ THÁNH ĐẾ* của Như Lai dạy.

Này Ca Diếp! Khổ tập Thánh Đế là đối với pháp chân chính không sanh chân trí. Tam thường bất tức là cận nhơn của sự giải thoát. Thế mà ở nơi đây thọ tám thứ vật bất tịnh để tự vui. Ngộ nhận phi pháp cho là

chánh pháp. Chánh pháp cho là phi pháp. Do nhân duyên đó tà pháp có cơ hội thành hành. Chánh pháp ngày càng mai một. Đối với pháp tánh hoàn toàn mờ mịt như người khiếm thị đi đêm.

Sự thiếu hiểu biết chánh pháp làm cho người tu hành không có giải thoát mà luôn luôn lăn lộn xuống lên trong vòng luân hồi sanh tử ưu bi. Phước lạc cõi trời cũng không có cơ may thọ dụng. Sự hiểu biết nông cạn, làm tổn giảm chánh pháp của Như Lai. Đó gọi là Tập đế, không phải *TẬP THÁNH ĐẾ*. Biết được pháp tánh là thường trụ là biết *TẬP THÁNH ĐẾ*.

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
14/10/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 46**

Phật dạy: Này Ca Diếp! Diệt Thánh Đế là cách gọi khác của Niết Bàn. Nói khác đi, Diệt Thánh Đế tức là Niết Bàn. Do vậy, Diệt Thánh Đế không phải là *KHÔNG*, rỗng không như ngoại đạo lầm tưởng. Thế cho nên người ta tu *QUÁN KHÔNG* rồi trụ chấp ở pháp *KHÔNG*, đó là tu sai lầm chánh pháp, không phải tu Diệt Thánh Đế. Nếu Diệt Thánh Đế là *KHÔNG*, các hàng ngoại đạo cũng tu pháp *KHÔNG* lẽ

ra họ cũng có Diệt Thánh Đế? Pháp tu của ngoại đạo họ *QUÁN KHÔNG*, rồi trụ chấp ở pháp *NGOAN KHÔNG*, đó là tu sai lầm chánh pháp, không phải Diệt Thánh Đế. Ngoại đạo không hề có Thánh Đế. Thế nên chúng ngoại đạo dù có khổ công tu luyện nhưng thường ở trong vòng luân chuyển trong tam giới bất an. Người biết được rằng Diệt Thánh Đế là chân pháp, không đồng với pháp *KHÔNG* của ngoại đạo. Đó là người hiểu được bí mật tạng Như Lai. Người này đâu chưa thấy, chưa chứng, nhưng đến khi trừ hết phiền não thì hoát nhiên trong một niệm được tự tại đối với tất cả pháp. Lúc bấy giờ quán sát thấy: Tất cả pháp đều là Phật pháp. Người có nhận thức như vậy, là người thực biết Diệt Thánh Đế. Nếu hiểu biết sai lầm Diệt Thánh Đế, có thể rơi vào tánh “ngoan không” của ngoại đạo, không phải là đệ tử của Như Lai Thế Tôn.

Này Ca Diếp! Đạo Thánh Đế tức là Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo và chánh giải thoát. Có hạng người bực địa phàm phu cho rằng: không Phật, không Pháp, không Tăng và không có chánh giải thoát. Do kiến chấp này (đoạn) nên luân chuyển trong ba cõi chịu nhiều bức não ưu bi. Nếu người có trí tuệ nhận

biết: Rằng Phật thường trụ, Pháp, Tăng và chánh giải thoát cũng thường trụ. Nhờ niệm chân chính sanh khởi, mà hiện đời cũng như hậu thế vô lượng kiếp được quả báo tự tại đối với các pháp.

Phật dạy: chính như ta đây, trong nhiều kiếp lâu xa do bốn thứ điên đảo nên phải nhận lấy vô lượng nghiệp quả xấu. Nay ta đã diệt hết kiến chấp sai lầm điên đảo thành tựu quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tức là thành tựu Đạo Thánh Đế !

Nếu có người tu tập nhận biết rằng Tam Bảo là thường trụ, chánh giải thoát là thường trụ, người này là đệ tử của Phật, chân chánh tu tập “Tứ Thánh Đế” pháp của Phật dạy.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Thế Tôn! Nay con mới biết: *TỨ THÁNH ĐẾ PHÁP* rất sâu xa, mầu nhiệm, con nguyện y giáo phụng hành.

*
* *

TRỰC CHỈ

Giáo lý TỨ ĐẾ trong đạo Phật có nhiều người Phật tử, thậm chí chưa chánh thức là Phật tử, đọc qua một ít trang kinh sách Phật, người ta có thể tự cho rằng mình đã biết đã hiểu giáo lý TỨ ĐẾ rồi. Rằng đó là KHỔ ĐẾ, TẬP ĐẾ, DIỆT ĐẾ và ĐẠO ĐẾ, đâu có gì lạ!

Đúng! Nhưng giáo lý Tứ Đế không chỉ có vậy. Giáo lý TỨ ĐẾ có thể gọi nhiều tên: TỨ ĐẾ. TỨ DIỆU ĐẾ. TỨ CHÂN ĐẾ. TỨ THÁNH ĐẾ. Mỗi tên có ý nghĩa khác nhau, vì vậy phải học giáo lý TỨ ĐẾ qua bốn tên và bốn tầng sâu cạn cao thấp do nhãn quan của con người, tùy chứng đắc, tùy trình độ căn cơ.

Giáo lý TỨ ĐẾ, Phật thuyết thời pháp đầu tiên sau khi thành đạo, được Vô Thượng Bồ Đề, Vô Thượng Niết Bàn dưới cội cây Tất Bát La, dạy cho năm vị Thiện lai Tỳ kheo, nhóm ông Kiều Trần Như... ở Lộc giả uyển. Thời pháp TỨ ĐẾ này độ cho năm người chứng được quả thánh: A La Hán quả. Từ đây có được cái từ TAM BẢO TỐI SỞ: Phật Thích Ca Mâu Ni. Pháp Tứ Đế. Tăng gồm năm vị Tỳ kheo: Kiều Trần Như. A Thấp Bệ.

Bạt Đề. Ma Ha Nam và Thập Lực Ca Diếp. Giáo lý Tứ Đế này Phật dựa trên hiện tượng có sanh có diệt của vạn pháp chia thành hai phạm trù nhân quả. Nhân quả còn ở trong thế giới MÊ mờ: KHỔ ĐẾ. TẬP ĐẾ. Nhân quả của người ở trong thế giới tỉnh NGỘ: DIỆT ĐẾ. ĐẠO ĐẾ. Đây gọi là SANH DIỆT TỬ ĐẾ. Sanh diệt Tứ Đế thường gọi với cái tên SỬ ĐẾ mà thôi.

Ngày Xuân Suy Gẫm
Dưới ánh quang của người tu chứng chân lý, có

Ngủ nhắm mắt, cảnh vật hoàn toàn không, thấy có : Mộng

Thức mở mắt, cảnh vật giả có, thấy thực có : Tưởng

Thấy do Mộng tưởng là thấy điên đảo

Viên ly Mộng tưởng điên đảo, lúc thân Thành Phật

Rong chơi chốn chốn Niết bàn

Xuân Nhâm Ngọ
DL. 2002



HT. THÍCH TỬ THÔNG

*** *P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
21/10/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 47
(Thầy giảng thiệp chúc Tết năm 2002
trong băng giảng 47 lúc 08^h09'32")*

Bằng cách nhìn khác của con người chứng đạo có được tuệ nhãn, các ngài thấy rằng **KHỔ ĐẾ** không phải chỉ có người nghèo thiếu, đói rách, cực nhọc, vất vả một nắng hai sương để đổi lấy miếng ăn cái mặc mới là **KHỔ**. Người chứng đạo còn thấy tất cả: Quốc vương, Tổng thống, Bộ trưởng, Đại thần, cán bộ, tam công bách quan vạn dân đều khổ hết. Chẳng qua mỗi địa vị, mỗi đẳng cấp chịu lấy cách khổ khác nhau mà thôi. Nhìn sâu thực trạng cuộc sống hoàn cảnh, môi trường, hành động, thực hiện ... đều có sự vô an bất trắc như luôn luôn rình rập sẵn sàng đoạn mạng con người! Vì vậy dưới nhãn quan của người đạt đạo: khổ nhiều lắm, nhìn đâu cũng có cái mầm khổ ở trong nội tại: **KHỔ ĐẾ VÔ LƯỢNG!** Nhìn qua khu vực **TẬP ĐẾ**, **DIỆT ĐẾ** và **ĐẠO ĐẾ**, người chứng đạo cũng thấy rõ tánh chất **VÔ LƯỢNG** của mỗi đế.

Làm quan, làm vua, làm Tổng Thống ai chẳng nghĩ rằng: mình đạt đến “vinh quang tột đỉnh”! Uy quyền cái thế chấn bị sơn hà! Có mấy ai ngờ rằng: Vinh quang đó, uy dũng chấn sơn hà đó có thể làm nên bản án, tù tội cho mình! Những người làm nông không phải là nghề tội lỗi, vậy mà có người làm nông gây cho mình tội lỗi, thậm chí có trường hợp mất mạng với nhau. Lương y, bác sĩ là nghề nghiệp để làm việc “độ thế cứu nhơn” vậy mà cũng có bác sĩ, lương y không

làm ra được chút phước đức nào mà còn tạo ra vô vàn bất thiện nghiệp! Hàng giáo sĩ, bậc sa môn, đức giáo chủ ... ai cũng những tưởng đó là bậc thánh thiện khả kính bậc nhất trên đời. Vậy mà đặt trọn niềm tin, gửi hết lòng tôn kính vào các ngài “thay mặt cõi trên” ấy cũng cần phải vận dụng “văn tư tu”, lấy “tứ y pháp” ra làm chuẩn, may ra mới khỏi thất vọng và thiệt thòi! **DIỆT ĐẾ** và **ĐẠO ĐẾ** cũng vô lượng. Bởi lẽ người đạt đạo nhìn đâu cũng thấy Niết bàn. Ở đâu cũng là Niết Bàn. Nhìn đâu cũng là pháp thiện. Ở đâu cũng có thiện pháp để thực hành, trang nghiêm thế gian. Do vậy, qua cái thấy biết, nhận thức của người đạt đạo: **KHỔ ĐẾ**, **TẬP ĐẾ**, **DIỆT ĐẾ**, **ĐẠO ĐẾ**, đế nào cũng “vô lượng”. Đó là sự thật. Đó là chân lý. Vì vậy có tên gọi “Tứ chơn đế”. **TỨ CHƠN ĐẾ** tức là **VÔ LƯỢNG TỨ ĐẾ** vậy.

Dùng Phật nhãn quan sát vũ trụ nhân sanh, **PHÁP GIỚI NHẤT CHÂN**, **BÌNH ĐẰNG BÁT NHỊ!** Giáo lý **TỨ ĐẾ** Phật dạy hơn 45 năm qua, sử dụng Phật nhãn và Phật trí, mà soi rọi thì không có **ĐẾ** nào! Phiền não và Bồ đề không có hai tánh. Phiền não tức Bồ Đề. Sanh tử và Niết Bàn không có hai cảnh. Sanh tử tức Niết Bàn. Khi mê, chỉ thấy phiền não, không thấy giác tánh Bồ đề. Lúc ngộ, Bồ đề giác tánh hiển hiện ra, mê tình tan biến mất. Tùy thuận chơn lý, ngay trong cõi đời sanh tử đã tự thọ dụng Niết Bàn. Không nhận thức giác

ngộ chân lý, tự mình đánh mất Niết Bàn mà mình đang thọ dụng. Đó là ý nghĩa: **VÔ TÁC TỬ ĐẾ**. Nói cách khác, **VÔ TÁC TỬ ĐẾ** là không làm gì hết, không có ĐẾ nào hết. Đối với Phật nhân: **PHÁP NHĨ NHƯ THỊ**. Ai hiểu được chân lý đó mới là người hiểu biết **TỨ THÁNH ĐẾ** ở kinh Đại Niết bàn ./.

PHẨM THỨ MƯỜI MỘT TỨ ĐẢO

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
28/10/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 48**

Phật dạy: Này Ca Diếp! Có bốn thứ điên đảo tương quan mật thiết trong sinh hoạt của chúng sanh. Bốn thứ điên đảo này, hàng phàm phu thường mắc phải, bọn ngoại đạo thì không sao biết được.

1/ Không khổ khởi tưởng cho là khổ.

2/ Vô thường khởi tưởng thường.

Thường, tưởng là vô thường.

3/ Vô ngã khởi tưởng ngã. Ngã, tưởng là vô ngã.

4/ Bất tịnh khởi tưởng tịnh. Tịnh tưởng là bất tịnh.

1/ Đây Ca Diếp! Như Lai là thường. Như Lai là bất động, như như.

Như Lai dù có nhập Niết bàn ở rừng Ta La song thọ, nhưng không phải như củi hết lửa tắt. Như Lai thường trụ vì Như Lai không phải hữu vi. Như Lai dù có bỏ thân ngũ uẩn, thất đại, nhưng đó là ứng thân thị hiện tùy thuận pháp tướng để hóa độ chúng sanh, cho nên không vì có “bỏ thân” mà tướng Như Lai vô thường!

Này Ca Diếp! Khởi tướng Như Lai vô thường; Tướng Như Lai nhập Niết bàn giống như củi hết lửa tắt; Tướng Như Lai bỏ thân ngũ uẩn là Như Lai không còn gì! Nên biết! Như Lai không hề tương quan và phải chịu sự chi phối như vậy. Như Lai không có khổ. Thế mà khởi tướng *KHỔ*. Đó là món điên đảo thứ nhất.

2/ Vô thường tướng thường. Thường tướng là vô thường. Đây là điên đảo. Người không tu pháp *KHÔNG*, không biết được “thật tướng” các pháp. Cho nên họ chỉ thấy sự sinh diệt vô thường, sự thọ mạng ngắn ngủi trong một khoảng thời gian nhất định. Người tu pháp *KHÔNG*, nhận thức được “thật tướng” các pháp, biết rõ nguyên ủy của các pháp là chân thường không gì phá hoại được.

Vậy mà có người cho rằng không nên tu pháp *KHÔNG*. Họ không hiểu rằng chân lý vô thường ở trong tánh thường. Tánh chân thường lưu xuất vô thường. Những pháp hiện có là sự duyên khởi hình thành bởi vô lượng vô số pháp không. Sự hiểu biết nông cạn sai lầm là món điên đảo thứ hai.

*** *P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
04/11/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 49*

3/ Vô ngã tướng ngã.

Ngã tướng là vô ngã. Phạm phu nói có ngã, Phật pháp cũng nói có ngã. Phạm phu nói “ngã”, nhưng không biết Phật tánh. Thế là ở nơi pháp “vô ngã” tướng là “ngã”. Đây là điên đảo. Phật pháp nói “ngã” tức là Phật tánh. Phạm phu lập luận rằng: vì trong Phật pháp không có “ngã”, cho nên Phật dạy chân lý “vô ngã” cho các đệ tử mình. Hiểu biết và lý luận như thế, tức là điên đảo: “Ngã” tướng “vô ngã”, “vô ngã” tướng là “ngã”. Đó là món điên đảo thứ ba.

4/ Tịnh tướng bất tịnh. Bất tịnh tướng là tịnh.

TỊNH, có nghĩa là phải hiểu *NHƯ LAI THƯỜNG TRỤ*. Thân Như Lai chẳng phải thân tạp thực; chẳng phải thân phiền não; chẳng phải thân huyết nhục;

chẳng phải thân “phát, mao, trảo, xỉ ... chẳng phải thân bì phu cốt nhục ...” giả hợp hình thành. Thân Như Lai chính là *PHÁP THÂN* thường trụ; Thân Như Lai “Biến Nhất Thiết Xứ”. Nếu có người hiểu rằng: Như Lai vô thường. Thân Như Lai là thân tạp thực, là thân bì, phu, cốt, nhục, cân, mạch ... can, đảm, tràng, vị, tỳ, thận, tâm, phế ... giả hợp hình thành. Rồi họ cũng cho rằng: Pháp, Tăng và Giải thoát cũng đều là pháp có diệt tận. Đó là nhận thức của người không trí tuệ, ở nơi pháp Tịnh mà tưởng là Bất tịnh. Đây là món điên đảo thứ tư.

Ca Diếp Bồ tát bạch: Thế Tôn! Nhờ nghe kinh Đại Bát Niết Bàn, từ nay con mới có được chánh kiến!

Bạch Thế Tôn! Từ trước đến giờ chúng con đều là bọn người tà kiến! Vậy mà chúng con tưởng mình đã hiểu được chánh pháp nhiều rồi!

*
* *

TRỰC CHỈ

Căn cơ chủng tánh Tiểu thừa, tu học giáo lý “*BÁN TỰ*” : *VÔ THƯỜNG, KHỔ, VÔ NGÃ* và *BẤT TỊNH* là

bốn chân lý phải luôn luôn quán chiếu tư duy, cho đến khi tự mình thực chứng, tự mình thể nhập: Rằng đó là sự thực bằng trí tuệ, bằng cái thấy của chính mình. Từ bốn chân lý vô thường, khổ, vô ngã và bất tịnh này làm cơ sở để tiến lên nhận thức bốn chân lý: KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO; gọi chung với cái tên: TỬ ĐẾ, TỬ ĐIỀU ĐẾ, TỬ CHÂN ĐẾ, TỬ THÁNH ĐẾ là giáo lý tu học để được quả giải thoát, xuất ly tam giới: A LA HÁN . Do vậy, mà hàng Phật tử tại gia có, xuất gia cũng có, nói được tên, nhận thức qua loa rằng: đời là “vô thường”, đời là “khổ” ... Rồi tưởng mình đã hiểu đạo Phật khá rồi. Sự thực, học hiểu ngang đó chưa khá. “Học, học nữa và học mãi”! Nhà lãnh tụ thiên tài Lê Nin khuyên thế. Bởi vì học bốn chân lý “vô thường” v.v... Bốn chân lý “Tứ đế” chỉ là người mới học “Bán tự giáo”, học pháp tu của Tiểu thừa, của người A La Hán, của địa vị chứng đắc “Hóa thành”. Đối với Đại thừa “Bảo sở” hãy còn phải nỗ lực mà đi, sẽ thấy được ánh bình minh rạng rỡ, soi vọng lung trời và một chân trời trong sáng chói chang muôn hồng nghìn lục lung linh rực rỡ của ánh hoàng hôn: NHẬT MỘT HOÀN CHIẾU!

Thế cho nên học chân lý “vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh” chưa đủ. Mà phải học hiểu Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, cũng bằng trí tuệ đích thực, do công phu tư duy

quán chiếu của chính mình. Nếu không tu học được như vậy, bốn chân lý lại trở thành bốn thứ điên đảo, bốn ý niệm lộn sòng: Cái "Thường" tưởng "Vô thường". Cái "Vô thường" lại tưởng "Thường"... "Tịnh" lại cho là "Bất tịnh". Cái "Bất Tịnh" tưởng là "Tịnh". Đó là lý do, là điều kiện mà nhà văn Kim Dung sáng tạo cho sự sai lầm ấy qua cái từ "tẩu hỏa nhập ma"! Tức là tu luyện không đúng chánh pháp, tu sai lạc thành "khùng"!

Tóm lại phẩm TỬ ĐẢO ở Kinh Đại Bát Niết Bàn, đức Phật đảnh ninh dạy rõ rằng: Ngoài chân lý "Vô thường, Khổ, Vô ngã, Bất tịnh còn phải học bốn chân lý: THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH nữa. Chưa hết. Khi đã có ý thức để nhận thức KHỔ, LẠC, THƯỜNG, VÔ THƯỜNG. NGÃ, VÔ NGÃ. TỊNH, BẤT TỊNH còn phải áp dụng GIỚI học, ĐỊNH học, TUỆ học; còn phải hành xử VĂN, TU, TU để quán chiếu, tư duy thì mới đem lại cho người đệ tử Phật kết quả an vui, giác ngộ, giải thoát bất tư nghì hiện ở cõi đời này ./.

PHẨM THỨ MƯỜI HAI NHƯ LAI TÁNH

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
11/11/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 50**

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn! Chúng sanh trong hai mươi lăm cõi có NGÃ không?

Đức Phật dạy: Này Thiện Nam tử! NGÃ đồng nghĩa với NHƯ LAI TÀNG. NHƯ LAI TÀNG đồng nghĩa với PHẬT TÁNH. Tất cả chúng sanh đều có PHẬT TÁNH ấy. Do vậy, chúng sanh trong hai mươi lăm cõi đều có NGÃ. NGÃ hay PHẬT TÁNH là cái vốn có của chúng sanh trong hai mươi lăm cõi; vậy mà từ lâu chúng sanh bị vô minh phiền não ngăn che lấp kín nên không nhận biết. Giống như cô gái nghèo, trong nhà đã sẵn có kho tàng ngọc báu, vàng ròng chôn dấu

từ lâu mà không tự biết. Trong một dịp may, nhờ có người khách thông minh nhận biết chỉ bày cách khai quật, kho tàng châu báu hiển lộ ra, cô gái vui mừng khôn xiết, rất đỗi ngạc nhiên và kính trọng người khách tài ba đã làm việc hy hữu giúp mình!

Phật dạy: Này Ca Diếp! Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Tất cả chúng sanh chẳng nhận thấy được, có khác gì cô gái nhà nghèo kia có kho vàng mà không biết. Nay Như Lai chỉ bày Phật tánh sẵn có của tất cả chúng sanh đang bị phiền não vô minh che lấp. Như Lai chỉ bày kho báu giác tánh vốn có của chúng sanh. Giác tánh đó, chính là Phật tánh. Chúng sanh nhận thấy được, lòng rất vui mừng, trân trọng quy ngưỡng Như Lai.

Người khách thông minh giúp cô gái chỉ là người biết sự thật đã có. Như Lai chỉ bày Phật tánh của chúng sanh cũng chỉ là người chỉ ra một sự thật vốn có của chúng sanh mà thôi!

Này Ca Diếp! Ví như cô gái có đứa con bệnh tìm đến y sĩ. Thầy thuốc bảo: sau khi con uống thuốc, cô không nên cho nó bú sữa mẹ, vài hôm bệnh cháu sẽ lành. Nhằm trị bệnh cho con, cô gái lấy chất đắng màu đen thoa lên vú bảo đứa bé: vú mẹ có chất độc và nhớp con không nên bú ... Đứa bé thấy nhớp và có mùi đắng không dám gần, dù khát, đói và thèm sữa mẹ.

Vài hôm sau, thuốc đứa bé uống đã tiêu hóa bệnh đã lành. Người mẹ lấy nước rửa vú sạch, gọi con đến bú. Bấy giờ đứa bé rất đói khát, nhưng nhớ mùi đắng, chẳng dám đến bú. Người mẹ bảo: mấy ngày qua vì con uống thuốc phải kiêng sữa, mẹ lấy chất đắng thoa vào vú, bôi đen để con sợ mà không đòi. Nay thuốc con đã tiêu hóa, không cần phải kiêng sữa nữa. Con bú rất tốt chẳng có hại gì. Đứa bé nghe mẹ bảo vui mừng đến bú.

Này Ca Diếp! Như Lai cũng như vậy. Nhằm hóa độ chúng sanh, Như Lai dạy tu quán niệm pháp vô ngã. Nhờ quán niệm pháp vô ngã mà dứt được ý niệm chấp ngã nên thọ dụng được Niết bàn. Nhằm trừ bỏ những vọng kiến trên đời, Như Lai chỉ dạy pháp xuất thế gian. Chỉ rõ quan niệm chấp ngã của người đời là hư vọng, không chân. Tu quán niệm pháp vô ngã để thân tâm được nhẹ nhàng thanh thoát. Lời dạy đó của Như Lai, giống như cô gái kia nhằm chữa bệnh cho con, lấy chất đắng màu đen bôi lên vú... Như Lai vì muốn dạy tư duy quán niệm tánh “KHÔNG” của vạn pháp nên nói các pháp *VÔ NGÃ*. Cô gái khi rửa sạch vú rồi, gọi con đến bú. Hôm nay Như Lai chỉ dạy Như Lai Tàng (có ngã) các Tỳ kheo chớ có sanh lòng kinh

ngghi sợ sệt mà nên phân biệt nhận rõ Như Lai Tàng là sự thật. Đó chính là tánh chân ngã, chân tịnh, chân thường, chân lạc của vạn pháp.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn! Theo ý nghĩ của con thì có lẽ không có tánh NGÃ chân thật! Bởi vì lúc đũa trẻ mới sanh không có hiểu biết. Nếu có ngã lẽ ra mới sanh liền có hiểu biết. Do lẽ đó, suy luận biết rằng: không có NGÃ. Nếu quyết định có ngã, sau khi thọ sanh lẽ ra không bị chết mất! Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và thường trụ, lẽ ra không có sự biến đổi hư hoại. Nếu không có biến đổi hư hoại, tại sao có Bà la môn, Sát đế ly, Phệ xá, Thủ đà la ... giai cấp sai biệt? Hiện tiền ai cũng thấy rõ: Nghiệp báo không đồng, chủng tộc, màu da, ngữ ngôn sinh hoạt đều riêng khác. Nếu quyết định có ngã thì tất cả chúng sanh lẽ ra không được có hơn kém và sai khác nhau như vậy.

Do những luận cứ trên, quyết định biết Phật tánh chẳng phải pháp thường trụ. Nếu cho rằng: Phật tánh là thường trụ thì duyên cớ gì lại nói có: sát sanh, trộm cướp, tà dâm. Có vọng ngôn, ỷ ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu. Có dâm dục, sân nhuế và vô minh tà kiến. Nếu ngã tánh là thường trụ cớ gì sau khi uống rượu lại say

men, mê muội! Nếu ngã tánh là thường trụ, người mù lẽ ra thấy sắc, người điếc lẽ ra nghe thanh, người câm lẽ ra nói được. Nếu ngã tánh là thường trụ, lẽ ra chẳng cần sợ tránh kẻ ác ... thú dữ, thuốc độc, dao gươm làm hại. Nếu ngã tánh là thường trụ thì những việc đã từng nghe thấy lẽ ra không quên. Nếu ngã tánh là thường trụ, lẽ ra không có hài đồng, tráng niên, thiếu nữ, lão thành ... Nếu ngã tánh là thường trụ thì nó ở chỗ nào trong thân thể?

Phật dạy: Này Ca Diếp! Ví như Đại lực sĩ của nhà vua dũng kiện tài ba, trên trán Đại lực sĩ có nạm viên bảo châu vô giá. Trong lúc Đại lực sĩ tranh tài đọ sức với một địch thủ kỳ phùng, họ tận dụng những đòn đánh đầu, những pha chạm trán hiểm hóc để dành phần chiến thắng. Do vậy, hạt bảo châu trên trán của Đại lực sĩ bị lún sâu vào trán, chỉ để lại nơi đây một dấu thương tích rướm máu và ê ẩm! Đại lực sĩ bèn mời lương y chữa trị vết thương. Lương y tài giỏi, xem vết thương biết là do hạt bảo châu lún vào ở khuất dưới da. Lương y hỏi: Hạt bảo châu trên trán lực sĩ đâu rồi? Đại lực sĩ kinh hãi đáp: Hạt bảo châu trên trán của tôi đã mất rồi ư? Nói xong, lo rầu buồn bã.

Lương y an ủi: Ông không nên buồn rầu đau khổ như vậy. Tại vì lúc ông tranh tài đấu vật với lòng hiếu

thắng quá hăng say khiến hạt bảo châu bị lún khuất dưới thịt da mà không hay biết.

Lực sĩ chưa tin lời của Lương y sĩ. Nghĩ rằng: Nếu hạt châu ở dưới da, máu me rịn ứa, cố sao hạt châu lại chẳng trôi lên. Còn như hạt châu ở trong gân, xương lẽ ra không thể thấy. Lương y sĩ này gạt gẫm ta chăng ?

Bấy giờ, Lương y sĩ cầm gương soi trên mặt Đại lực sĩ. Hạt bảo châu hiện ánh sáng trong gương. Lực sĩ nhìn thấy ngạc nhiên mừng rỡ.

Này Ca Diếp! Tất cả chúng sanh cũng giống như vậy. Tại vì không được gần gũi bậc Thiện tri thức cho nên dầu có Phật tánh mà không thấy biết. Vì vậy phải sống trong đời sống địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A tu la, Bà la môn, Sát đế lợi, Tỳ xá, Thủ đà la; thậm chí Chiên đà la, hạng người ngoại cấp. Sanh trong các đường sai khác như vậy đều do TÂM TƯỚNG và NGHIỆP DUYÊN gây tạo ra. Dầu được thân người, nhưng phải chịu điếc, đui, câm, ngọng, tật bệnh khác nhau, ê chề trong hai mươi lăm cõi. Tất cả chỉ vì vô minh. Tham, sân, si, phiền não che lấp bốn tâm nên không biết Phật tánh, không hay mình có Phật tánh.

Như chàng Đại lực sĩ kia, hạt bảo châu vẫn ở trong thân mà hốt hoảng tưởng là đã mất!

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
18/11/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 51**

Người không thân cận thiện tri thức, không biết được *NHƯ LAI TÁNH*, nên chỉ biết tu vô ngã.

Hạng chưa phải thánh nhân xuất thế, dầu nói có ngã, nhưng chẳng biết được tánh chân thực của ngã.

Hạng đệ tử Phật, không gần gũi thiện tri thức, thường tu học vô ngã, mà không biết được tánh chân thực của vô ngã.

Này Ca Diếp! Như Lai nói: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và chỉ rõ Phật tánh như Lương y sĩ chỉ viên bảo châu cho chàng Lực sĩ thấy rõ trước gương.

Lại nữa! Ca Diếp! Ví như đất ở vùng núi tuyết có thứ thảo mộc tên A Đà Đà (vị thuốc thượng hảo hạng trị lành những chứng bệnh ngặt nghèo), được vị hảo hạng này vốn đã có cũng như đang có và sẽ có mãi mãi ở vùng đất ấy; nhưng vì nó mọc len lỏi với cỏ cây, lẫn lộn trong lùm rừng cho nên người thường chẳng mấy ai biết được. Vả lại với người thường được vị chỉ là một

thứ thảo mộc có thể trở thành vị đắng, vị chua hay chát, thậm chí trở thành vị độc có hại cho người. Chỉ có người giỏi thuốc (đại lương y) mới nghe được mùi, biết giá trị của thuốc và phát hiện tìm ra được nó mà thôi. Nếu không phải bàn tay của đại y vương thì không ai nhờ cậy được gì. Nhờ bàn tay đại y vương làm cho A Đà Đà trở thành linh dược cứu khổ cho những người đang bị bệnh khổ hoành hành.

Này Ca Diếp! Như Lai Tánh, vốn có trong mọi con người, cũng như dược vị A Đà Đà vốn có trong vùng đất núi tuyết vậy, vì dược vị A Đà Đà đã mọc lẫn lộn với cỏ cây, len lỏi trong lùm rừng thường nhân không mấy ai tìm phát hiện được. Chỉ có y vương tài giỏi mới phát hiện, tìm ra và chế biến nó thành vị thuốc quý. Như Lai Tánh bị tánh phiền não vô minh lẫn lộn và len lỏi chung cùng làm cho chúng sanh thường nhận không ra. Chỉ có Như Lai Thế Tôn xuất hiện ra đời mới phát hiện, mới có khả năng chế biến bằng cách chỉ rõ Như Lai Tánh cho tất cả chúng sanh. Vì lùm bụi vô minh che lấp khiến mọi người không nhờ cậy dược tánh Như Lai vốn có của mình. Thậm chí biến chất trở thành tánh: Tỳ xá, Thủ đà la ... tánh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh trong hai mươi lăm cõi, như vị A Đà Đà trở thành độc dược trong tay người vô trí!

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn! Do duyên cố gì, Như Lai nói kinh Đại thừa phương đẳng như chất cam lồ mà cũng có lúc như độc dược?

Phật bảo: Này Ca Diếp! Nay ông muốn biết nghĩa chân thực của kho tàng Như Lai (Như Lai Tàng) ta sẽ vì ông mà chỉ dạy:

Bấy giờ đức Thế Tôn nói kệ:

Có người uống cam lồ

Hại mạng bị chết sớm

Cũng có người uống cam lồ

Thêm tuổi thọ sống lâu

Có người uống thuốc độc được sống

Có người uống thuốc độc bị chết

Kinh Đại thừa cũng thế

Người có trí vô ngại là cam lồ

Kẻ chấp nê là độc dược

Sữa bơ “phô mai”, “yaua”

Đường phèn, mật ong, nước trái cây

Uống tiêu hóa là thuốc bổ

Không tiêu hóa thành độc dược

Kinh Đại thừa cũng vậy
 Với người trí: cam lồ
 Kẻ mê mờ Phật tánh
 Nghe Đại thừa: độc dược
 Cũng như trong các vị
 Vị sữa bơ hơn cả
 Người tinh tấn tiến tu
 Nương nơi pháp Đại thừa
 Được chứng nhập Niết bàn
 Người chứng biết Phật tánh
 Thọ dụng vị cam lồ
 Không tử cũng không sanh
 Đây Ca Diếp! Nên biết
 Khéo phân biệt “Tam quy y”
 Thật tánh của “tam quy”
 Là chân tánh của “ngã”
 Gắm kỹ tư duy sâu:
 Tánh NGÃ là tánh Phật
 Người mà hiểu được vậy

Thể nhập Như Lai Tàng
 Biết NGÃ và NGÃ SỞ
 Là hạng người xuất thế
 Hiểu thực tánh Tam Bảo
 Là vô thượng trên đời
 Kệ Như Lai vừa nói
 Chỉ Phật tánh mọi người!

Ca Diếp Bồ tát nói kệ hỏi Phật:

Con nay chưa biết rõ
 Quy Tam Bảo thế nào?
 Được vô thượng, vô úy
 Quy y Phật thế nào?
 Để được sự an ổn
 Thế nào quy y Pháp?
 Xin Phật dạy bảo cho!
 Quy y Tăng thế nào?
 Được lợi lớn vô thượng
 Đức Phật trí tuệ lớn

Xin thương, phân biệt rõ

Bí mật tạng Như Lai

Đức Phật dạy qua bài kệ:

Ca Diếp! Ông nên biết:

Như Lai sẽ vì ông

Mở kho tàng bí mật

Khiến ông được dứt nghi

Nay hãy khéo lắng nghe

Ông trong hàng Bồ tát

Cùng đồng một danh hiệu

Với đức Phật thứ bảy

Người quy y Phật

Đích thực Ưu bà tắc

Không quy y ai nữa

Dầu xưng “đấng thân tiên”!

Quy y với pháp rồi

Lánh xa đường sát hại

Quy y thanh tịnh Tăng

Không theo thờ ngoại đạo

Nương về với Tam bảo

Ắt được vô sở úy

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật:

Con quy y Tam bảo

Là đi trên đường chánh.

Cảnh giới của chư Phật.

Tánh bình đẳng nhất chân.

Nhìn đời bằng tuệ nhãn.

Tánh ngã và tánh Phật.

Không hai, không sai khác

Hiểu vậy, Phật ngợi khen

Thẳng đến nơi an ổn

Cũng gọi Chánh biến tri

Thường được Phật tán thán

Đi hết con đường Phật

Thọ dụng vị cam lồ

Các cõi không hiện hữu

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Nay Ca Diếp! Nay ông chẳng nên giống hàng Thanh văn và phàm phu mà phân biệt Tam bảo! Đối với tư tưởng của người Đại thừa, không có tướng “Tam quy y” sai khác. Bởi ngay nơi Phật tánh có Pháp tánh và Tăng tánh rồi. Vì hóa độ hàng Thanh văn và phàm phu nên phân biệt nơi tướng Tam quy y sai khác đó thôi!

Này Ca Diếp! Chân lý đích thực không cần phải có ba pháp quy y. Quy y Phật là đủ cả rồi. Ví như thân người, đầu trên tất cả, không đồng với tay chân lóng đốt. Phật là bậc tối tôn, tối thượng không sánh với Pháp cùng Tăng. Chỉ vì hóa độ thế gian, thị hiện những tướng tam quy sai khác. Vì thế, ông chẳng nên như hàng phàm phu, nhận biết ba pháp quy y sai khác. Đối với Đại thừa, ông phải như dao bén mạnh mẽ cắt đứt lưới nghi!

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn! Con vẫn biết nhưng dụng ý hỏi. Con vì hàng Bồ tát đại dũng mãnh mà bạch hỏi yếu điểm thực hành đem lại kết quả giải thoát quyết định. Con cũng muốn Như Lai vì các Bồ tát tuyên dương kinh điển phương đẳng Đại thừa Đại Niết bàn và hôm nay con cũng đã an trụ trong đó. Con đã chứng biết pháp Tam Quy chân thực. Nếu có chúng sanh nào tin kinh Đại Niết bàn, người đó tự nhiên rõ thấu ba pháp Quy y. Biết rõ: Rằng Phật

tánh có đủ Pháp tánh và Tăng tánh đồng thời. Người này không cần ba pháp quy y ở đâu xa và biết chắc rằng vị lai đây, thân ta sẽ thành tựu ngôi vị Tam Bảo. Vì vậy, ta siêng năng tinh tấn tu học Đại thừa.

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Lành thay! Nay Thiện Nam tử, ông đã thành tựu trí tuệ rất sâu. Nay ta sẽ vì ông chỉ bày pháp tư duy, mở mang trí tuệ ngộ hầu chứng nhập kho tàng bí mật của Như Lai.

Nếu NGÃ là có thì rơi vào chấp thường, không thể rời khổ. Nếu NGÃ là không, rơi vào đoạn kiến, dù có tu hành thanh tịnh cũng chẳng được lợi ích gì.

Nếu cho rằng tất cả hành pháp vô thường, thì rơi vào đoạn kiến. Nếu cho rằng tất cả hành pháp là thường thì rơi vào thường kiến.

Nếu nói đời hoàn toàn khổ, là nhìn đời bằng đoạn kiến. Nếu nói đời là cảnh an lạc, rơi vào thường kiến rồi!

Chấp thường, chấp đoạn là còn vướng trong phạm trù cực đoan thiên kiến. Do vậy, người tu pháp khổ là không tốt. Người tu các pháp lạc được coi là tốt. Người tu các pháp vô ngã, thuộc về phiền não. Người tu các pháp thường gọi là người có khả năng thể nhập kho tàng bí mật Như Lai.

Niết bàn không có nơi chốn cố định. Tu những pháp vô thường ... thì vướng vào tiền tài vật chất hữu vi. Tu những pháp thường ... là môi trường thể nhập Phật tánh, Pháp tánh, Tăng tánh và chánh giải thoát Niết bàn. Nên biết! Phật Pháp là trung đạo. Phải xa lìa hai bên mà nhận thức các pháp. Người phạm phu ngu mê tiếp thu được những tư tưởng Đại thừa liễu nghĩa đó không nghi hoặc sẽ giống như người gầy yếu được uống thuốc bổ “thánh dược thần phương” chắc chắn khí lực tăng, thân thể phục hồi khỏe mạnh. Những pháp “**hữu**”, “**vô**”, “**thường**”, “**đoạn**” không có tánh cố định. Ví như tứ đại tánh không có chuẩn quân bình, cho nên chúng thường tương phản. Lương y khéo biết, tùy tướng đại nào thịnh suy tăng giảm mà điều chỉnh, thân thể sẽ an khang.

Này Ca Diếp! Như Lai đối với các chúng sanh cũng như vị Lương y. Chỉ vẻ rõ ràng thể tướng sai khác của các loại vô minh phiền não để diệt trừ. Phật cũng khai thị kho tàng bí mật của Như Lai: Rằng Phật tánh, Pháp tánh, Tăng tánh thanh tịnh, thường trụ không biến hoại.

Người phạm phu không hiểu kho tàng bí mật của Như Lai. Nếu nói *KHỔ*, họ cho thân là vô thường tuyệt đối không có tánh lạc. Nếu nói *VÔ THƯỜNG*, họ chấp

tất cả thân đều mục bở vô dụng như gạch ngói chưa hầm.

Nếu là người trí phải quán sát, phải tư duy, chẳng nên nói tất cả đều vô thường, vì chính thân tâm ta có chủng tử Phật, có Phật tánh.

Nếu nói *VÔ NGÃ*, phạm phu sẽ cho rằng tất cả Phật, Pháp, Tăng đều không thực chất (vô ngã). Người trí phải biết *VÔ NGÃ* là giả danh, là phương tiện của Như Lai. Nó có giá trị ở lớp học khi còn “bán tự giáo” mà thôi. Là người trí không được nghi ngờ!

Nếu nói Như Lai Tạng là không tịch, người phạm phu sanh kiến chấp đoạn diệt. Người trí phải hiểu Như Lai thường trụ không biến hoại.

Nếu nói giải thoát không có tướng mạo, người phạm phu cho rằng chứng giải thoát là dứt mất. Người trí quán biết Như Lai giải thoát dù có đi đứng, ra vào ... nhưng vẫn thường trụ không biến đổi.

Nếu nói vô minh làm nhân mà có các hành pháp, phạm phu phân biệt tưởng rằng có hai pháp: *MINH* và *VÔ MINH*. Người trí rõ biết không có hai tánh. Tánh không hai là thật tánh, tức là tánh Phật!

Nếu nói các hành (sự vận động duyên khởi nương gá kết hợp thành vật chất) là nhân, duyên khởi

có thức, phàm phu cho rằng “hành” và “thức” hai tánh riêng nhau. Người biết rõ không có hai tánh. Tánh không hai tức là Phật tánh.

Nếu nói thập thiện, thập ác có thể tạo tác đường lành, đường dữ, pháp lành, pháp dữ. Người phàm phu nghe rồi cho rằng có hai con đường. Người trí rõ biết “đường” không có hai. Tánh không hai, tức là thực tánh ...

Kho tàng bí mật của Như Lai (Như Lai Tàng) ý nghĩa về *TÁNH* vô lượng vô biên như thế. Đó là chỗ mà chư Phật đều tán thán.

Này Ca Diếp! Ngã và vô ngã, tánh và tướng không có hai thứ. Ông phải thận trọng mà thọ trì, ghi nhớ, giữ gìn kinh điển này!

Này Ca Diếp! Ví như sữa. Từ sữa có bơ, có “phó mát”, “yaua”. Do đổi nhân thay duyên mà sanh ra bốn thứ tên khác nhau và bốn thứ hương vị sai khác. Dù có bốn tên và bốn tánh như vậy. Nếu sữa là bơ thì không gọi nó là sữa. Nếu bơ không từ sữa, bơ hiện hữu từ đâu? Tánh và vị của sữa bơ không thể nói hai, cũng không thể nói một. Phó mát, yaua cũng vậy.

***** *P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
25/11/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 52***

Do cỏ lúa làm nhân duyên, con bò cái được ăn cỏ lúa tươi tốt thì sữa bò có chất lượng, khi chế biến thành bơ, phó mát ... hương vị sẽ ngon, nhiều bổ dưỡng. Nếu bò cái ở chỗ cỏ cháy đồng khô thì sữa của nó không đạt yêu cầu chất lượng, khi chế phẩm làm ra. Cũng như vậy, các chúng sanh do *MINH* cùng với *VÔ MINH*, do nghiệp làm nhân duyên mà sanh, có hai thứ tướng. Nếu *VÔ MINH* được chuyển hóa sẽ biến thành *MINH*.

Tất cả những pháp thiện, bất thiện; khổ hay lạc; triền phược hay giải thoát ... cũng như vậy, không có hai thứ. Đó là chân lý “*BÁT NHỊ*”, Như Lai đem dạy về cho các ông!

Này Ca Diếp! Chân lý “nhân duyên sanh”, người trí đừng bao giờ có ý mong tìm đầu mối.

Này Ca Diếp! Do vì phiền não che đậy chúng sanh không thấy biết Phật tánh, như người phước mỏng không được gặp con bò cái ăn cỏ phì nhị ở Tuyết sơn.

Nên biết, trong biển lớn nước chỉ có một vị mặn, nhưng trong đó cũng có nước ngọt ngon. Đất núi Tuyết sơn dù sanh nhiều cỏ thuốc quý, nhưng cũng có cỏ độc. Thân tâm chúng sanh cũng vậy, dù có rắn độc tứ đại nhưng trong đó cũng có diệu dược Phật tánh. Phật tánh ấy không phải pháp mới kiến tạo, mới làm ra, chỉ vì phiền não khách trần che khuất. Nếu chúng sanh dứt trừ phiền não thì liền thấy Phật tánh thành đạo Vô thượng Bồ đề. Ví như giữa hư không, mây đen giăng, sấm nổ nổi lên lúc này trên ngà của tất cả voi đều hiện ra bông. Nếu không có sấm nổ thì bông không hiện. Phật tánh của chúng sanh cũng vậy, thường bị phiền não che khuất nên không thấy được. Nếu được nghe, bằng lòng tiếp thu kinh Đại thừa Đại Niết bàn vi diệu này thì được thấy Phật tánh, như bông hiện trên ngà voi. Giả sử nghe hiểu tất cả tam muội, giáo nghĩa trong kệ kinh mà chưa nghe kinh Đại Niết bàn này thì chẳng biết được kho tàng vi diệu bí mật của Như Lai. Như lúc không có tiếng sấm thì không sao tìm thấy bông trên ngà voi vậy.

Ca Diếp! Nên biết nếu có thiện nam tử, thiện nữ nơn nào có thể tu học kinh Đại Niết bàn này, đó là người báo được ơn Phật, là Phật tử chân chính.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: Thế tôn! Như lời Phật dạy, Phật tánh rất sâu, màu nhiệm, khó thấy, khó thể nhập. Hàng Thanh văn, Duyên giác có thể không đến được?

Đức Phật khen: Ca Diếp! Đúng như lời ông vừa tán thán. Kinh Đại Niết bàn là kho tàng bí yếu của Như Lai, cho nên tiểu trí như hàng Thanh văn, Duyên giác khó thâm nhập.

Ca Diếp! Nên biết, kinh Đại Niết bàn vi diệu này, lúc Như Lai chưa nói, các Bồ tát đầy đủ các ba la mật như hàng Thập Trụ Bồ tát mà chỉ thấy biết một phần ít. Khi chứng địa vị Thập Địa hãy còn chưa thấy Phật tánh rõ ràng.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn! Phật tánh vi diệu khó thấy như vậy, những người nhục nhĩ làm sao thấy được?

Phật dạy: Người và trời chỉ tin thuận lời kinh mà biết. Hàng Thanh văn, Duyên giác tin thuận kinh Đại Niết bàn này sẽ tự chứng biết nơi thân mình có Phật tánh. Vì vậy, phải tinh tấn tu tập kinh Đại Niết bàn. Phật tánh chỉ có Phật mới biết rõ.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sanh phàm phu chưa chứng thánh đều nói có NGÃ. Kiến giải đó, như thế nào? Xin Thế tôn dạy bảo.

Phật nói: Sự hiểu biết đó giống như câu chuyện “một con dao”.

Hoàng tử của một Quốc vương, thường có một gia nô hầu hạ đỡ đần. Thỉnh thoảng đôi lúc gia nô trộm thấy Hoàng tử có con dao quý báu. Dao này vốn là bảo vật trong kho của quốc vương. Chàng gia nô đem lòng mơ tưởng ham thích một con dao như vậy. Dịp nọ, Hoàng tử đào tẩu lưu vong đem theo con dao báu sang nước khác. Dân trong cả nước ai cũng biết trong kho tàng bảo vật của Quốc vương có một con dao báu. Một hôm chàng gia nô ngủ trọ nhà dân, nửa đêm mơ nói: “con dao! con dao!”. Người nhà nghe được bắt nạt cho vua. Vua gạn hỏi: “Nhà người nói con dao. Nay con dao ở đâu?” Người gia nô thuật rõ lại mọi việc liên hệ với Hoàng tử trước kia và tâm rằng: Hiện nay nhà vua có giết chết thần cũng không có khả năng tìm ra con dao ấy. Là một gia nô, muốn nhìn cho rõ con dao báu còn không dám, làm sao được chạm đến và đánh cắp con dao. Xin Đại vương lượng xét.

Vua hỏi: Lúc nhà người trộm thấy dao, hình dạng con dao giống thứ gì?

Gia nô thưa: Tâu Đại vương! Thần thấy con dao giống như sừng dê đen.

Vua nghe xong cả cười bảo: Nhà người đừng sợ, ta tha cho người. Trong kho báu vật của ta không có thứ dao ấy, làm sao người thấy con dao như thế ở nơi vương tử!

Sau sự kiện đó, vị Quốc vương băng hà.

Triều thần liền lập Vương tử khác kế vị làm vua. Tân vương đem chuyện con dao hỏi các quan: Chư khanh có ai từng thấy con dao báu đó chẳng? Hình dáng nó như thế nào? Các quan đồng tâu: Chúng thần từng thấy hình con dao như sừng dê đen.

Vua nói: Trong kho báu vật của trẫm không có thứ dao hình dạng như vậy.

Lần lượt năm tháng trôi qua, bốn triều đại Tân vương thừa kế, cũng tra hỏi con dao ấy, nhưng đều không kết quả.

Sau đó, vị Vương tử bỏn đào lưu vong ngày trước trở về nước, được nhân dân trăm họ tôn làm vua. Sau khi lên ngôi xong, Tân vương lại đem chuyện con dao

hỏi các triều thần văn võ: Các khanh trong triều có thấy con dao đó không? Hình mạo nó như thế nào?

Các quan tâu: Chúng tôi có thấy. Rồi lần lượt mỗi người nói lên cái thấy của mình. Người nói con dao màu đen như sừng dê đen. Người nói con dao có dáng cong cong như trái cà tím. Kẻ nói con dao có màu xanh nhạt cong và nhọn nhọn như trái đậu bắp. Người nói chính tôi thấy con dao đen và dài như trái ô môi

Vua nghe cả cười phán: Các khanh đều chẳng thấy biết hình dáng đích thật con dao của ta !

Phật bảo: Nay Ca Diếp! Bồ tát xuất hiện ở nơi đời nói tướng chân thật của *NGÃ* cũng như vậy. Nói xong, bỏ đi cũng như Vương tử mang con dao quý bên đào lưu vong qua nước khác.

Người phàm phu u mê cho rằng tất cả đều có *NGÃ*. Như người gia nô kia ngủ nhờ nhà người, mơ nói: “con dao! con dao!”

Hàng Thanh văn, Duyên giác cùng các chúng sanh luận đàm tướng *NGÃ*. Người nói, tôi thấy tướng của *NGÃ* lớn bằng ngón tay cái. Người nói tướng *NGÃ* cỡ hạt đậu xanh. Kẻ nói nhỏ như hạt cải. Cũng có kẻ

nói: Tướng của *NGÃ* ở trong tâm, nó sáng rõ như mặt trời ... Đích thực, những chúng sanh đó đều chẳng biết tướng của *NGÃ*, như các quan của năm triều đại, chẳng có ông nào biết được hình dáng đích thực của con dao.

Bồ tát nói tướng trạng của *NGÃ*, hàng phàm phu chẳng rõ biết, vọng tưởng vọng ra các hình tướng của *NGÃ*, như những ông quan các tiên triều diễn tả hình dáng con dao.

Các hạng phàm phu đó, lần lượt nối nhau mà sanh những tà kiến cho riêng mình.

Nhằm dọn quét sạch những tà kiến cho chúng sanh, Như Lai xuất hiện ra đời nói pháp “*VÔ NGÃ*”. Như Vương tử bảo các quan: “ Trong kho tàng của ta không có thứ dao như vậy.”

Này Ca Diếp! Hôm nay Như Lai nói *NGÃ* đích thực là *PHẬT TÁNH*. Phật tánh đó, ở trong giáo pháp của Như Lai, như con dao báu kia.

Này Ca Diếp! Nếu có người khéo phân biệt, diễn đạt rõ ràng, xiển dương chánh pháp Đại thừa Đại Niết bàn. Nên biết người đó chính là Bồ tát.

*
* *

TRỰC CHỈ

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật**
09/12/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 53

NHƯ LAI, một điều kiện trong mười đức hiệu của một vị Phật. Chữ Phật trong mười phương đều có mười đức hiệu như nhau: Như Lai. Ứng Cúng. Chánh Biến Tri. Minh Hạnh Túc. Thiện Thệ. Thế Gian Giải. Vô Thượng Sư. Điều Ngự Trượng Phu. Thiên Nhơn Sư. Phật. Thế Tôn. Như Lai được hiểu là Phật, nhưng đặc biệt chỉ Phật Pháp thân Tỳ Lô Giá Na.

NHƯ LAI TÁNH, tức Phật tánh hiểu vậy không sai. Nhưng phải hiểu “Phật tánh” kinh Đại Bát Niết Bàn là PHÁP THÂN TỖ LÔ GIÁ NA. Tánh thanh tịnh bản nhiên BIẾN NHẤT THIẾT XỨ. Tánh hiện hữu tồn tại vĩnh cửu với không gian vô tận, thời gian vô cùng. NHƯ LAI TÁNH ở kinh Đại Niết Bàn, Như Lai dạy: TÁNH PHÁP THÂN NHƯ LAI.

Tất cả chúng sanh đều có, vốn có Phật tánh. Thế nhưng chúng sanh không biết, như cô gái nhà nghèo, chịu cảnh nghèo trong khi dưới nền nhà của mình có kho tàng vàng ròng, châu báu...

Người khách thông minh phát hiện chỉ giúp cho cô kho báu cô vừa cảm ơn, vừa thán phục. Sự thực, cô thọ dụng những gì vốn có của cô mà thôi !

Phật đối với chúng sanh, chỉ là người khách thông minh ấy!

Vô ngã hay ngã trong Phật pháp là vấn đề phải có học kỹ, có tu thật mới đúng được. Giáo lý của đạo Phật có: vô tự giáo, bán tự giáo và mãn tự giáo. Khi luận về vô ngã hay ngã phải đặt mình vào loại hiểu biết văn tự nào trong ba thứ văn tự ngôn giáo ấy.

Vô ngã là Như Lai dạy. Ngã cũng là lời Như Lai dạy. Dạy giáo lý “vô ngã”, Như Lai dạy “lớp bán tự” cho Nhị thừa. Đại thừa Bồ tát học “mãn tự giáo” phải biết Ngã chính là Như Lai Tánh thường trụ không biến hoại. Như Lai dạy “vô ngã” cho hàng phàm phu, Nhị thừa, trong lúc “bệnh chấp” của họ còn tác động âm ỉ chưa tiêu.

Như Lai hành sử cách giáo hóa đó như người mẹ tự bôi đen vú mình và thoa chất đắng cay để cho con

đừng đòi bú trong lúc thuốc trong bụng bé uống chưa tiêu.

Thuốc đã tiêu hóa bụng của bé ổn, người mẹ rửa sạch vú kêu con cho bú trở lại, vì sữa mẹ rất tốt con ạ!

Kinh Đại Bát Niết Bàn Như Lai dạy NGÃ, phải biết cho rõ. Có NGÃ. NGÃ là PHẬT TÁNH. PHẬT TÁNH là NGÃ. NGÃ TÁNH tức là NHƯ LAI TÁNH thường trụ không biến hoại. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh cũng là tánh chân thực không biến hoại như vậy.

NGÃ tánh thường trụ không biến hoại nhưng có thể biến dạng. Tùy “duyên cớ”, hoàn cảnh, môi trường đến lúc kết quả NGÃ TÁNH mỗi mỗi đều khác biệt. Ví như tánh vàng ròng, người ta ứng dụng chế tạo: kiềng, vòng, trâm nhẫn, hoa tai, nút áo, gọng kính, dây đồng hồ ...Thực chất, vàng không có nhiều tên và nhiều dạng như vậy. Vậy mà thực tế, không tên và những dạng ấy, không có món nào không phải vàng. Vàng ròng một, có thể biến dạng ra nhiều. Đến tay người thợ kim hoàn tài giỏi, tất cả vàng tản mạn sẽ hoàn nguyên trở thành vàng khối.

Đối với Phật tánh của chúng sanh, phân tán trong ba giới, sáu đường và hai mươi lăm cõi, đức Thế Tôn làm công việc như người thợ kim hoàn tài giỏi chỉ dạy chúng sanh nấu lọc quặng mỏ vô minh, phân chất thiện

ác chánh tà để cô đọng, hoàn nguyên Phật tánh vốn có của mình.

Thuốc A dà đà thượng vị vốn có ở vùng núi Tuyết. Đối với người bình thường không biết, thuốc dù có cũng như không có. Phải nhờ bậc y vương tài giỏi mới phát hiện được vị và biến chế được vị thành thứ thuốc vô giá phục vụ lợi ích cho người.

Phật là bậc y vương tài năng ấy.

Cao ly nhân sâm có người uống khỏe, tăng tuổi thọ. Cũng có người uống cao ly nhân sâm bị chết là sự có thực. Đại thừa, Phật tánh, Pháp thân, Niết bàn vô trụ xứ Với người trí, nghe qua được lợi ích vô lượng vô biên. Họ sẽ tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc trên đường giải thoát giác ngộ. Bậc hạ lưu không tiếp thu được thậm chí có kẻ hủy báng Đại thừa, tự biến mình thành “nhất xiển đề”, há chẳng phải “nhân sâm thành độc dược” đó sao?

Người chửi báng Đại thừa Quy y Phật, vĩnh viễn không thay lòng đổi dạ, không theo quy y với ai khác, dù họ giới thiệu: họ là đấng thần tiên... Quy y chánh pháp không quy y tà giáo, lánh xa việc làm ác, có tánh giết hại chúng sanh... Quy y Tăng không quy y với ngoại đạo, những người không tin khả năng giải thoát

giác ngộ của mình. Quy y theo chánh pháp Đại thừa là Ưu bà tắc chân chính ắt được an ổn vô úy.

Người chứng tánh Đại thừa nhận thức rằng: Quy y Phật là đủ Pháp và Tăng, không cần ba pháp quy y riêng biệt. Bởi Phật tánh, Pháp tánh, Tăng tánh cùng một thể: THANH TỊNH BẢN NHIÊN. Quy y như vậy là người Đại thừa quy y NHẤT THỂ TAM BẢO .

Vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh cũng là một lối chấp. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, lại cũng là một lối chấp khác mà thôi. Người mẹ thông minh thương con cho con bú. Rồi không cho con bú (thoa chất đắng cay bôi vú đen nhơ). Rồi lại dỗ dành kêu con đến bú. Ba việc làm, một mục đích: vì con, thương con. Vì sợ chúng sanh chấp “thường”, Như Lai nói VÔ NGÃ. Vì sợ chúng sanh chấp “đoạn”, Như Lai nói HỮU NGÃ. Phật tánh, không phải VÔ NGÃ cũng không phải NGÃ. Phật tánh cũng NGÃ cũng VÔ NGÃ. Do nghĩa đó, Phật tánh có thể “biến tướng”: Bà la môn, Sát đế ly, Thủ đà la ... như sự biến tướng của vàng ròng qua các dạng nữ trang, vật dụng...

Là đệ tử Phật, người có trí phải học nghĩa TRUNG ĐẠO trong Phật pháp, mới vượt ra phạm trù đối đãi: HỮU, VÔ, THƯỜNG ĐOẠN ... nguyên nhân của mọi vướng mắc khổ đau.

TRUNG ĐẠO là chân lý KHÔNG HAI . Hãy nhìn vạn pháp qua tuệ nhãn, để nhận thức tánh KHÔNG HAI. Hãy tư duy, quán chiếu: Minh và vô minh, không hai. Sanh tử, Niết bàn không hai. Phiền não và Bồ đề không hai. Mê, giác không hai. Thiện, ác không hai. Thường, vô thường không hai. Ngã, vô ngã không hai. Khổ, lạc không hai. Tịnh, bất tịnh không hai. ...

Là đệ tử Phật, người có trí phải tu học kinh Đại thừa Đại Niết Bàn, đàm luận về NGÃ rồi chấp NGÃ chỉ là lời đàm luận của anh chàng gia nô và các quan lại ù oơ vô liêm, vô trí mô tả con dao báu của vua theo ức đoán, tưởng tượng của mình.

Chỉ có vua, hoàng tử đích thực của vua mới thật biết con dao vốn có trong kho báu của nhà vua ! ./.

PHẨM THỨ MƯỜI BA VĂN TỰ

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật**
16/12/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 54

Đức Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Phật có thể sử dụng nhiều ngôn ngữ, văn tự, kể cả những dị luận chú thuật như các hàng ngoại đạo và còn có khả năng siêu việt ngoại đạo nữa.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Thế Tôn sử dụng văn tự như thế nào?

Phật dạy: Văn tự căn bản Như Lai sử dụng có: bán tự và mãn tự. Ngoài ra, đối với hàng bậc địa phàm phu còn có một thứ văn tự nữa, gọi đó là vô tự. Văn tự dụng văn tự giáo hóa chúng sanh, ban đầu Như Lai sử dụng bán tự, để ghi nhận những sự kiện có thực trên

cõi đời như sách vở, dị luận, chú thuật, văn chương và các âm. Phàm phu đọc học bán tự căn bản sẽ biết được những gì chánh pháp, những gì chẳng phải chánh pháp.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bán tự Thế Tôn dạy có ý nghĩa thế nào?

Phật dạy: Bán tự có mười bốn âm: A. A giọng ngắn. A giọng dài. Y. Y giọng ngắn. Y giọng dài. Ưu. Ưu giọng ngắn. Ưu giọng dài. Yên. Đa. Phao. Am. Á. Ca. Khư. Đà.

Mười bốn âm là căn bản của bán tự, để diễn đạt nghĩa lý chơn phi chơn trên đường đến đích: Đại Niết Bàn. TỰ có nghĩa: Đích đến, Niết Bàn.

Hít thở không khí cong lưng lượn theo chiều, tác động vào răng nướu, thanh theo giọng mũi, giọng răng để giải bày ý nghĩa. Có tiếng ngắn, tiếng dài, giọng cao, giọng thấp khác nhau. Âm thanh phát ra chủ yếu có: Răng. Nga. Giá. Xa. Xà. Thà. Nhã. Tra. Trạch. Trà. Tô. Noa. Đa. Tha. Đà. Đạn. Na. Ba. Phả. Bà. Phạm. Ma. Gia. Ra. Là. Hoa. Sa. Sá. Ta. Ha. La. Lô. Lưu. Lư. Lâu.

Văn tự và âm thanh có khả năng diễn đạt và chứa đựng những cú nghĩa:

A Tam bảo thường trụ, rắn chắc như kim cương không thể phá hoại.

AA Như Lai thường trụ, thân Như Lai không có tiết ra những thứ bất tịnh, vì thân Như Lai không do huyết nhục tạo tác mà hình thành. Thân Như Lai không phải do cửu khiếu, thất huyết hòa hợp nương gá mà có.

AA Có nghĩa A xà lê là người mô phạm được người đời tôn trọng, vì là người thiếu dục tri túc. Người có thể cứu độ chúng sanh vượt ra biển khổ tử sanh trong ba cõi

Y Phật Pháp Tăng là tánh thanh tịnh trong sáng như mặt trăng tròn. Người đệ tử Phật phải biết việc nên làm, việc không nên làm. Phải phân biệt thế này lời Phật nói. Thế kia lời ma nói. Người đệ tử Phật dứt bỏ tật đố như nhà nông dọn sạch cỏ rác ruộng vườn để cho hoa màu thêm tươi tốt.

ƯU Kinh Đại Niết Bàn là kinh tối thượng đối với các kinh. Như Lai Tánh, hàng Thanh văn, Duyên giác chưa từng nghe biết. Bồ tát nghe và lãnh thọ kinh này là người tối tôn đối với đại chúng. Trái lại, người không tiếp nhận còn chê bai Như Lai Tánh là người mê mờ không trí tuệ, đánh mất nhân bản của mình, rất đáng thương xót. Họ không có cơ hội trông thấy kho

tàng bí mật Như Lai. Họ không thể tiếp nhận thế nào là *NGÃ*, thế nào là *VÔ NGÃ*, thế nào là *PHÁP*, thế nào là *PHI PHÁP*.

YÊN là mật khẩu của Phật tánh, Niết bàn

DÃ nói về tam nghiệp thân, khẩu, ý của Như Lai, nhất cử nhất động đều lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Ô chứa đựng ý nghĩa phiền não, nhiễm ô. Như Lai thì dứt hết những phiền não nhiễm ô ấy...

PHAO bao quát hết ý nghĩa Đại thừa và ý nghĩa của mười bốn âm. Kinh Đại Niết Bàn cũng vậy, bao quát hết ý nghĩa vi mật của các kinh luận khác.

AM chứa đựng ý nghĩa thanh tịnh. Ngăn dứt hành vi tích lũy tám pháp bất tịnh. Xem thường hoặc vứt bỏ vàng bạc châu báu như vứt bỏ tấm xà răng trong tay.

Á có nghĩa thù thắng. Kinh Đại Niết Bàn hơn hết trong các kinh.

CA chứa đựng ý nghĩa từ bi. Đối với chúng sanh xem như con một của mình. Bình đẳng làm lợi ích, tốt đẹp cho tất cả.

KHU có ý nghĩa là bạn chẳng lành, ô trược. Không có khả năng tiếp nhận kho tàng bí mật của Như Lai.

DÀ có ý nghĩa kho tàng bí mật của Như Lai. Trong đây chỉ dạy tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

RẰNG chứa ý nghĩa Như Lai thường hằng không biến hoại.

NGA diễn đạt ý tất cả hành pháp đều là tướng bị bại hoại.

XA Như Lai ví như cây lọng lớn, che mát tất cả chúng sanh.

XÀ nói lên tánh giải thoát không có tướng già.

THÀ diễn đạt tánh phiền não rậm rạp như lùm rừng.

NHÃ nhận rõ tánh chơn thực không hư của trí tuệ đối với sự nhận thức pháp tánh.

TRA chỉ rõ tánh tham, sân, si là ba mũi tên độc, người trí cần xa lánh.

TRẠCH người nghe được kinh Đại Niết Bàn như đã được nghe và thọ trì tất cả Kinh Đại thừa rồi!

Văn tự là phương tiện cụ thể hóa ý thức tư duy trừu tượng. Âm thanh là công cụ diễn đạt những ý tứ văn tự chuyển tải ở trong. Những *VĂN TỰ* và *ÂM THANH* như vậy có thể làm cho tam nghiệp chúng sanh được thanh tịnh. Tuy nhiên, Phật tánh của chúng

sanh không phải nhờ văn tự rồi sau đó mới được thanh tịnh. Bởi vì Phật tánh vốn thanh tịnh nên dù hòa hợp trong ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, nhưng không bị đồng hóa bởi ấm, nhập, xứ, giới. Vì vậy đối với Phật tánh, tất cả chúng sanh nên quy y. Các Bồ tát hành sử theo Phật tánh, tùy thuận Phật tánh nhìn xem chúng sanh bình đẳng không có sai khác.

Vì vậy, bán tự giáo là căn bản tất cả kinh, sách, ký luận, văn chương... Mặt khác, bán tự giáo lại cũng là thứ văn tự, âm thanh, ngôn thuyết chứa đựng vô lượng vô biên phiền não.

Trái lại, âm thanh, ngôn thuyết của mẫn tự chứa đựng tất cả thiện pháp, chuyên chở con người đến bờ giải thoát, giác ngộ.

Đâu là ranh giới để biết thế nào là bán tự, mẫn tự? Ví như ở đời, người chưa đủ tư cách con người hoàn thiện, người ác, gọi là “bán nhơn”. Người đầy đủ tư cách, người thánh thiện, gọi là “mẫn nhơn”.

Tất cả kinh sách, ký luận, ngôn thuyết, văn tự Như Lai đều vận dụng hành sử trong việc giáo hóa chúng sanh. Như Lai nói giáo lý bán tự, nhưng Như Lai có chánh giải thoát, Như Lai xa rời tất cả danh tự cho nên đối với tất cả pháp Như Lai không bị chướng ngại, không nhiễm thắm, dính mắc; Như Lai được chơn giải

thoát. Người hiểu được như vậy là người hiểu VĂN TỰ của Như Lai nói.

Người mà không tiếp thu nổi “mãn tự”, chạy theo nghĩa lý “bán tự”, người này sẽ không có khả năng biết được *NHƯ LAI TÁNH* (Phật tánh).

Trong giáo lý Như Lai dạy, ngoài hai nguồn giáo lý “bán tự” và “mãn tự” còn có thứ “văn tự” vô văn, đó là *VÔ TỰ*.

Thế nào là *VÔ TỰ*? Người gàn gù kẻ bất lương, tu tập pháp bất chánh, bất thiện, gọi là tu học *VÔ TỰ*. Thành phần vô tự giả sử có tu tập được pháp lành, nhưng cũng không thể hiểu Như Lai thường hay vô thường, hằng hay phi hằng. Đối với pháp và tăng cũng vậy. Họ không thể biết thế nào lời ma, thế nào lời Phật. Người như thế là người chạy theo *VÔ TỰ*.

Này Ca Diếp! Người chạy theo *VÔ TỰ*, vĩnh viễn xoay vần trong ba cõi, qua lại trong sáu đường, không có ngày an ổn. Bán tự là con đường giải thoát nửa vời, hàng Thanh văn đi theo con đường này.

Là Bồ tát phát tâm Đại thừa, cầu quả giác ngộ, giải thoát vô thượng phải tu học *MÃN TỰ*.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Thế Tôn! Chúng con phải khéo tu học tự số. Nay con gặp được bậc Đạo sư vô

thượng. Con đã lãnh thọ những lời dạy bảo ân cần của Như Lai.

Phật khen: Lành thay! Người ưa thích chánh pháp, muốn đến tột đỉnh cao của giải thoát giác ngộ phải tu học như vậy.

*
* * *

TRỰC CHỈ

VĂN TỰ là ký hiệu để cụ thể hóa âm thanh. Âm thanh là biểu hiện để diễn đạt ý tưởng của tâm tư của nhận thức. Ngữ ngôn là phương tiện để chuyển đạt ý tưởng nhận thức cho đồng loại với nhau trong cuộc sống.

Do nghĩa đó, cuộc sống của loài người, quốc gia nào, chủng tộc nào trên toàn thế giới hay nói rộng ra, trong mười phương thế giới cũng đều có những thứ phương tiện tối cần thiết ấy. Hòa mình trong cuộc sống của nhân loại, Như Lai cũng không ngoại lệ, mặc dù Như Lai thừa hiểu chân lý: “NHẤT THIẾT CHƯ PHÁP TÙNG BẢN DĨ LAI, LY VĂN TỰ TƯỚNG, LY NGÔN THUYẾT TƯỚNG, LY TÂM DUYÊN

TƯỚNG, TẮT CÁNH BÌNH ĐẲNG, BẤT KHẢ PHÁ HOẠI, DUY THỊ NHẤT TÂM, CỔ DANH CHƠN NHƯ”. Mã Minh Đại sĩ, đệ tử của Như Lai, sau Phật mấy trăm năm còn phát kiến cái chân lý cao ngút tận trời xanh ấy. Vậy mà trên hành trình giáo hóa chúng sanh, Như Lai sử dụng VĂN TỰ, ÂM THANH, NGÔN NGỮ, há chẳng phải là phương tiện trong phương tiện của bậc giác ngộ chí tôn vô thượng đó sao?

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
23/12/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 55**

Nhận thức được mật ý của Như Lai, người đệ tử thông minh của Phật, không cần đặt vấn đề mười bốn “âm”, ba mươi mốt thanh ấy thuộc về thứ văn tự gì trong những văn tự cổ kim của nhân loại.

Đừng tìm hiểu VĂN TỰ, ÂM THANH của phẩm kinh Đại Niết Bàn này theo cách định nghĩa của học vị thế gian, phí công vô ích. Văn tự mà Như Lai dụng ý dạy cho chúng sanh hậu thế có ba loại, tùy căn cơ chủng tánh, khả năng, nghị lực của chính mình mà mình thọ dụng sự giải thoát giác ngộ cho chính mình. Ba loại văn tự đó là:

a Mãn tự

a Bán tự

a Vô tự

Có khả năng tu học Mãn tự là hàng Bồ tát, quả vị chứng đắc của họ tột đỉnh giải thoát giác ngộ: Đó là quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Có khả năng tu học Bán tự thôi, đích đến tột cùng chỉ là: quả A La Hán. Bích Chi Phật.

Hạng người sống với Vô tự là hạng người không biết gì về Phật, Pháp, Tăng tam bảo. Họ vĩnh viễn trôi lăn, lặn hụp, chìm nổi trong ái hà thiên xích lãng, trong khổ hải vạn trùng ba của tam giới, tứ sanh và lục đạo !

Bởi vì VÔ TỰ là gì? Vô tự chỉ cho những người không có hạt giống Phật, hạng Nhất xiển đề, cho nên không có phút giây ngừng đau khổ bởi vô minh, dục vọng hoành hành.

Học BÁN TỰ là những người dựa trên giáo lý Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên để mà tu học. Ví vậy, đích đến của hạng người này là quả vị Tiểu thừa và Trung thừa: A La Hán và Bích Chi Phật.

Trọn cuộc hành trình giáo hóa chúng sanh, bốn mươi chín năm đăng đẳng, nhằm một mục đích, một bi

nguyện là truyền trao **MĂN TỰ GIÁO** cho hàng đệ tử ưu tú của mình, vì chỉ có hàng đệ tử này mới giữ gìn gia nghiệp Đại thừa Pháp Bảo của Như Lai. Chỉ có hàng Đại thừa chúng tánh đó mới tiếp thu nối nguồn tư tưởng:

PHẬT THƯỜNG TRỤ. PHÁP THƯỜNG TRỤ.
TĂNG THƯỜNG TRỤ. GIẢI THOÁT THƯỜNG TRỤ.
NIẾT BÀN THƯỜNG TRỤ . /.

PHẨM THỨ MƯỜI BỐN ĐIỀU DỤ

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
30/12/2001, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 56**

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Này Ca Diếp! Có hai giống chim có cá tánh độc đáo riêng của chúng. Một, tên Ca lân đề. Một, tên Oan ương. Hai giống chim này lúc bay lúc ở đều cùng chung chẳng xa rời nhau. Các pháp khổ, vô thường, vô ngã cũng chẳng rời nhau như vậy.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Thế Tôn! Các pháp khổ, vô thường, vô ngã chẳng rời nhau như chim Oan ương, chim Ca lân đề là thế nào?

Phật bảo: Này thiện nam tử! Pháp khổ khác, pháp lạc khác, ví như lúa đậu khác với mè bắp. Mè

bắp khác với cải súp, khoai tây, các thứ ấy từ mầm mộng của nó cho đến lúc trở lá lên cây thành củ sanh quả có hạt đều khác nhau không có tánh đồng nhất. Khi củ, quả, bông, hạt già chín đến thời kỳ thu hoạch, người thợ dụng được thợ dụng một tánh đồng nhất “dinh dưỡng” không sai khác. Cũng vậy, nhìn bên hiện tượng tục đế qua nhục nhãn, người phàm phu thấy: khổ, vô thường, vô ngã sai khác. Đứng bên bản thể, chân đế sử dụng tuệ nhãn mà quan sát thì chỉ có một tánh đồng nhất: *THƯỜNG*. Thường là tánh chân thực, là thật tánh.

Ca Diếp Bồ tát hỏi: Bạch Thế Tôn! Tánh chất đồng nhất là tánh dinh dưỡng của trái hạt, được ví tánh *THƯỜNG*. Vậy tánh thường đó có đồng với Như Lai chăng?

Phật dạy: Thiện nam tử! Ông không nên dính mắc vào tỉ dụ. Tất cả các pháp, trừ Phật tánh và Niết bàn, không có một pháp nào thường hết. Dù có vật cứng chắc như núi Tu di cũng không thể sánh dụ với Như Lai. Bởi lẽ khi kiếp hoại núi Tu di sụp đổ, Như Lai rồi cũng bị sụp đổ hư hoại hay sao? Tánh đồng nhất ví cho tánh thường đó là mượn cái tỉ dụ chưa đủ sức tỉ dụ để làm dụ. Người trí, ông nên nương tỉ dụ mà hiểu đừng để bị kẹt vào tỉ dụ.

Này Thiện nam tử! Đức Phật dạy: Dù tu theo tất cả khế kinh, tu hết các môn thiền định, tam muội mà chưa nghe kinh Đại thừa Đại Niết bàn thì đều nói tất cả vô thường. Người nghe kinh này rồi, dù có phiền não mà như không phiền não. Sẽ là người lợi ích cho trời, cho người, vì hiểu rõ chính mình có Phật tánh. Và đương nhiên biết rõ rằng mọi người cũng có Phật tánh như vậy.

Lại ví như nấu lọc quặng vàng, loại bỏ hết vô minh tạp chất, còn lại tánh thường: vàng ròng bất hoại. Người tu theo tất cả khế kinh, học tập tất cả thiền định, tam muội mà chưa nghe kinh Đại thừa Đại Niết bàn đều nói tất cả pháp vô thường. Khi được nghe kinh Đại Niết bàn này rồi, tự sẽ biết rằng mình có khả năng tẩy bỏ tạp chất vô thường của quặng mỏ và đủ khả năng tích lũy cái “thường”, cái tánh bất hoại của vàng ròng. Đó là Phật tánh của chính mình. Sau đó, mình sẽ làm lợi ích cho trời, cho người, từ nơi nhận thức Phật tánh *THƯỜNG* vốn có của mình.

Này Thiện nam tử! Ví như nước sông ngòi, lạch suối đều chảy về biển. Tất cả khế kinh các môn thiền định, tam muội đều quy về kinh Đại thừa Đại Niết bàn, vì kinh này chỉ rõ Phật tánh của mọi người một cách khéo léo biểu lộ hết bi tâm chí thiết của Như Lai khiến cho người trí nghe rồi có thể trác nghiệm và trực

nhận được Phật tánh của mình. Vì vậy, Như Lai nói: Pháp thường khác, pháp vô thường khác, cho đến pháp ngã, vô ngã ... cũng vậy.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Thế Tôn! Theo chỗ con biết Như Lai đã lia hẳn tên độc ưu bi khổ lạc. Phạm có ưu bi khổ lạc là người, Như Lai thì không phải người. Có ưu bi khổ lạc là trời, Như Lai thì không phải trời. Có ưu bi khổ lạc là hai mươi lăm cõi, Như Lai thì không phải hai mươi lăm cõi hữu lậu. Vậy thì lẽ ra Như Lai không có ưu bi, vì sao lại nói Như Lai có ưu bi ...? Bởi vì, nếu Như Lai không có ưu bi thì cần chi làm lợi ích chúng sanh hoằng hóa Phật pháp. Và nếu không có ưu bi sao lại nói Như Lai bình đẳng xem chúng sanh như La Hầu La? Nếu không bình đẳng xem như La Hầu La thì lời nói Như Lai lia hẳn ưu bi là hư vọng!

Phật dạy: Này Thiện nam tử! Phật pháp sâu nhiệm khó hiểu. Như Lai không có ưu bi khổ lạc, mà đối với chúng sanh khởi lòng đại bi, hiện có ưu bi và coi tất cả chúng sanh như La Hầu La.

Này Thiện nam tử! Ví như nhà ảo thuật làm các thứ lâu đài nhà cửa, bắt nhốt, mổ thả, thậm chí giết người,...rồi lại hóa ra vàng bạc, chim cá... nhưng tất cả đều không có tánh chơn thật. Cũng như vậy, Như Lai thị hiện ưu bi ... tùy thuận thế gian mà không có chơn

thật. Như Lai đã chứng nhập Đại Niết bàn, làm gì còn có ưu bi khổ lạc được nữa! Nếu người nào nói rằng Như Lai chứng nhập Niết bàn là vô thường, nên biết, người đó có ưu bi khổ não. Trái lại, người nói Như Lai nhập Niết bàn nhưng Như Lai thường trụ không có biến hoại. Nên biết! Người này không còn có ưu bi, hàng phạm phu và nhị thừa khó mà biết được! Bởi vì người bậc hạ biết được pháp bậc hạ, không biết được pháp bậc trung. Người bậc trung biết được pháp bậc trung, không biết được pháp bậc thượng. Người bậc thượng thì biết cả pháp bậc trung và bậc hạ. Do nghĩa đó, hàng Thanh văn, Duyên giác chỉ biết ngang chững bậc của mình. Như Lai thì không như vậy, biết rõ bậc của mình và biết rõ cả những bậc khác. Vì thế Như Lai được gọi là bậc vô ngại trí, tùy thuận theo thế gian mà hóa hiện. Kẻ phạm phu, nhìn Như Lai qua nhục nhãn họ cho là Như Lai có ưu bi thật. Với căn cơ trình độ ấy mà muốn biết hết vô ngại trí vô thượng của Như Lai là điều không thể có được. Do lý lẽ đó, pháp ngã khác, pháp vô ngã khác; pháp thường khác, pháp vô thường khác; pháp khổ khác, pháp lạc khác. Đây gọi là **ĐIỀU DỤ**: Chim oan ương, chim Ca lân đề.

Này Thiện nam tử! Phật pháp cũng dường như hai thứ chim: Oan ương và Ca lân đề vậy. Mùa thanh hạ nước dâng lên, lựa chọn gò nổi cao làm ổ để cho

con chúng ở. Việc đã ổn rồi, sau đó chúng nó mới trở về chốn cũ mà ưu du an ổn thong dong! Như Lai xuất thế giáo hóa làm cho chúng sanh đều được trụ nơi chánh pháp như chim kia lựa gò cao mà lót ổ cho con chúng nó ở. Như Lai làm cho chúng sanh đều được giải thoát, việc làm đã xong, bèn nhập Đại Niết bàn như chim kia bay về chốn cũ mà ưu du an ổn ...

Này Thiện nam tử! Như thế đấy, Như Lai gọi là pháp khổ khác, pháp vui khác. Những hành pháp là khổ. Niết bàn là vui vi diệu bậc nhất, vì đã phá hoại, tiêu vong hết các hành pháp rồi!

Ca Diếp Bồ tát thưa! Bạch Thế Tôn! Tại sao chúng sanh chứng được Niết bàn gọi là an vui đệ nhất?

Phật dạy: Thiện nam tử! Đúng như lời Như Lai đã dạy: Các hành pháp hòa hợp, gọi là pháp lão tử ưu bi :

Tinh tấn không phóng dật

Đấy gọi là cam lộ

Phóng dật chẳng tinh tấn

Đây gọi là tử cú

Nếu người không phóng dật

Thì được chỗ bất tử

Những kẻ phóng dật kia

Thường vướng vào tử lộ.

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
06/01/2002, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 57**

Phóng dật gọi là pháp hữu vi. Pháp hữu vi là khổ đệ nhất. Không phóng dật gọi là Niết bàn. Niết bàn, gọi là cam lộ, an vui đệ nhất.

Thế nào là phóng dật? Thế nào là không phóng dật? Hạng phàm phu không phải thánh, gọi là phóng dật cho nên thường chịu đựng sự ưu bi lão tử. Bậc thánh nhân xuất thế không phóng dật, không có ưu bi lão tử, vì chứng nhập Niết bàn an trú trong thường lạc đệ nhất.

Do nghĩa đó, nên Như Lai nói pháp khổ khác, pháp lạc khác, pháp vô ngã khác. Người phàm phu, ngoại đạo khó biết, như người đứng dưới đất, ngược mặt nhìn lên hư không, chẳng thấy dấu chim bay.

Này Thiện nam tử! Chúng sanh không có thiên nhãn, sống trong phiền não vô minh, không tự thấy được Như Lai tánh và người không có thiên nhãn

chẳng biết được chân ngã, vọng chấp có ngã, cho nên Như Lai bí mật mà nói với chúng sanh về pháp “vô ngã”.

Do các phiền não tạo nghiệp hữu vi. Chính đó là vô thường. Cho nên, Như Lai nói pháp thường khác, pháp vô thường khác.

Này Thiện nam tử! Mọi việc xảy ra đều có như duyên. Đối với Như Lai tùy chỗ có chúng sanh đáng được hóa độ, Như Lai thị hiện thọ sanh ở đó. Dầu thị hiện thọ sanh nhưng thật không có sanh. Vì vậy nên Như Lai là *PHÁP THƯỜNG TRỤ*, như chim Oan ương và chim Ca lân đề ... tìm đôi nông cao ráo để làm ổ cho con và vì con !

*
* *

TRỰC CHỈ

Điều dụ mượn hai giống chim: chim Oan ương và chim Ca lân đề để tỷ dụ. Hai giống chim này lúc ở cũng như khi bay đi không bao giờ riêng lẻ. Chúng khắng khít nhau không thể tách rời. Cho nên hễ có con một thì

có con hai, con ba, con bốn. Con bốn không rời con một. Bốn và một không ngoài nhau.

Chân lý vô ngã, vô thường, khổ và bất tịnh cũng “là” nhau, “tức” nhau như vậy. Vô ngã tức vô thường, vì là vô thường cho nên vô ngã. “Vô thường”, “vô ngã” tức là “khổ”, không thể nào có vui được. Đã “vô thường”, “vô ngã”, “khổ” thì rõ ràng là cái thứ pháp không đem lại sự an ổn khoái lạc cho ai. Nó là pháp khổ đau, là nguyên nhân khổ đau, nó “bất tịnh”! Hễ có một là có bốn. Bốn một không rời nhau không ngoài nhau, mà “là” nhau. Như chim Oan ương và chim Ca lân đề ấy.

Trái lại, người đệ tử thông minh của Phật hiểu rõ rằng: Phật tánh là tánh “thường”. Phật tánh là tánh bất hoại. Tánh bất hoại là “thường”. Có thường tức có an ổn. Có an ổn là có “lạc”. Đã có “thường”, có “lạc” thì có “ngã”, có “tịnh”. Một là bốn, bốn là một, không rời nhau, không ngoài nhau mà “là” nhau. Cũng như chim Oan ương và chim Ca lân đề kia vậy.

Như Lai hiện sanh cõi đời, nhìn bằng nhục nhãn, người ta thấy Như Lai chẳng có gì khác với phàm phu. Ca Diếp Bồ tát là người đại diện cho cái thấy đó. Rằng Như Lai có thể có ưu bi khổ lạc? Như Lai còn có ưu bi khổ lạc cho nên Như Lai nhìn thấy cái khổ lạc của

chúng sanh Như Lai cảm thương. Còn “cảm thương” hay “từ bi” hay ưu ái ... gì đó, thì cũng là một “vấn vương, vương vấn” chừa thoát khỏi bận bịu buộc ràng!

Người đệ tử thông minh của Phật, phải hiểu cái tỷ dụ: Chim Oan ương, chim Ca lân đề. Loại chim khôn ngoan tìm gò nổng, đến chỗ đất cao chỉ vì con, cho con mà đến. Đến lót ổ, sắp xếp chỗ ở cho con khỏi sợ nguy hiểm của mùa nước nổi rồi bay về chỗ cũ mà ưu du an ổn thong dong! Chim không hiện diện ở cùng đám con của chúng nhưng không phải là chim đã chết mà chim ưu du tự tại thong thả nơi chốn cũ của mình.

Như Lai hiện sanh ở cõi đời, chỉ dạy chân lý vô thường, vô ngã, khổ, bất tịnh cho hạng người chỉ có khả năng học lớp “Bán tự”. Rồi Như Lai cũng dạy: THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH cho những bậc đại căn chủng tánh Đại thừa. Xong việc, Như Lai nhập Đại Niết bàn ở rừng Ta la song thọ. Nhập Niết bàn rừng Ta la song thọ qua nhục nhãn của hạng người bạc địa phàm phu, họ đều thương tiếc, khóc than, vì họ nghĩ rằng Như Lai đã chết. Người đệ tử thông minh của Phật, hiểu rõ rằng Như Lai “thường trụ”, Như Lai không có chết mất, chỉ vì sự vắng bóng, không hiện diện của Như Lai!

Bắt trời, mở thả, thậm chí giết người bằng kiếm, cắt đứt bằng cưa mà nhà ảo thuật không có chút đau

lòng, không có khởi niệm oán thù, thương ghét. Người xem ảo thuật cũng chẳng sợ hãi động tâm, vì kẻ ảo thuật, người xem ảo thuật đều biết đó là “ảo thuật”! Như Lai đối với chúng sanh có lúc Như Lai gọi là “thương xót”, có lúc Như Lai gọi là “giáo hóa”, có lúc Như Lai gọi là “tế độ”, chỉ là làm cái việc “bắt trời”, “mở thả”, “chặt đầu”, “cưa cắt” của nhà “ảo thuật” tài ba ấy!

Là đệ tử thông minh của Phật, phải hiểu cho rõ rằng:

NHƯ LAI KHÔNG HỀ THƯƠNG AI !

MẶT TRỜI và ÁNH SÁNG MẶT TRỜI cho tất cả nhân loại mà KHÔNG HỀ CHO AI HẾT !

Hành pháp là pháp hữu vi bị chi phối bởi vô thường... cho nên khổ và bất tịnh.

Niết bàn là vô vi, tánh thanh tịnh bản nhiên đó, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm, bất xuất, bất nhập, bất đoạn, bất thường, bất lai, bất khứ. Niết bàn có đủ tánh chất: THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH, nếu không gọi đó là: AN VUI ĐỆ NHẤT thì phải gọi đó bằng gì? Cho nên Phật dạy người đạt đến Niết bàn là có được cái AN VUI ĐỆ NHẤT. Người có được Niết bàn là người xa lìa phóng dật, vượt ra mọi phóng dật của thân, khẩu, ý. Người có được Niết bàn là người không còn bị

KIẾN HOẶC, TƯ HOẶC, TRẦN SA HOẶC, VÔ MINH HOẶC, tác động, chi phối, hoành hành.

Do nghĩa đó. Phật dạy: Người có được Niết bàn là có cái an vui bậc nhất ./.

PHẨM THỨ MƯỜI LĂM NGUYỆT DỤ

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
13/01/2002, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 58**

Đức Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Ví như có người thấy mặt trăng lặn cho rằng mặt trăng đã mất. Thật ra mặt trăng không mất mà nó đang hiện ra ở một phương khác. Chúng sanh ở địa phương kia thì lại nói là mặt trăng mọc. Sự thật mặt trăng không có lặn mọc, chỉ vì bị khuất chướng không thấy mà người phương này, xử nọ cho là mặt trăng có lặn có mọc, đó thôi.

Như Lai Chánh Biến Tri xuất hiện cõi Đại Thiên thế giới sanh ra tại châu Diêm Phù Đề có cha mẹ. Chúng sanh đều cho rằng Như Lai giảng sanh cõi Diêm Phù Đề. Như Lai thị hiện nhập Niết bàn chúng sanh cho rằng Như Lai nhập diệt, với ý tưởng Như Lai đã chết đi! Nhưng đúng lẽ thật *NHƯ LAI TÁNH* không có sanh không có diệt. Vì giáo hóa chúng sanh, thị hiện có sanh có diệt, đấy thôi.

Này Thiện nam tử! Một mặt trăng không có khuyết có tròn. Chỉ vì sự vận hành biến dịch ẩn hiện của vũ trụ thiên nhiên mà người Diêm Phù Đề thấy: Đầu tháng trăng khuyết, giữa tháng trăng tròn, ngày cuối tháng không trăng.

Ở cõi Diêm Phù Đề, Như Lai hoặc hiện giảng sanh, đi bảy bước, hiện vào học đường, hiện kết nhân duyên, hiện xuất gia tầm đạo, hiện khổ hạnh tu hành, hiện thành chánh giác, hiện chuyển pháp luân, hiện nhập Niết bàn.

Này Thiện nam tử! Chỉ có một mặt trăng duy nhất. Không có trăng mỏng một, trăng mỏng sáu, mỏng tám hay trăng rằm; cũng không có trăng hai mươi mốt, hai mươi tám hay ba mươi, không trăng. Vậy mà chúng sanh nhìn trăng bằng đôi mắt “chất phác” vốn có của mình, họ thấy trăng nhỏ to khuyết

tròn, tròn khuyết theo thứ tự ngày tháng mà nhận thức ước định tuổi của trăng.

Này Thiện nam tử! Như Lai là thường trụ, không có thêm bớt, như mặt trăng vành vạnh không “non”, “già”. Quá trình sanh trưởng hóa đạo chúng sanh, từ vương cung đến Niết bàn ở rừng Ta la song thọ, chỉ là sự thị hiện, lợi ích chúng sanh.

Như Lai Tánh vượt ngoài sanh diệt, người phàm phu tưởng Như Lai có diệt có sanh. Như những người chất phác tính tuổi của trăng qua cái thấy trăng khuyết, trăng tròn và trăng lặn mất.

Này Thiện nam tử! Ở vào thời điểm nguyệt thực che khuất mặt trăng, người đời cho rằng mặt trăng bị nuốt! Nhưng mặt trăng vẫn luôn tròn trịa không hề có sút mẻ thêm bớt chút nào, tại vì địa cầu che chướng mà trăng ẩn dạng ngay trong thời điểm đó. Khi nguyệt thực qua rồi, người đời cho rằng trăng mọc trở lại và tưởng rằng mặt trăng đã bị nhiều khổ não hay bức ngặt. Nhưng mặt trăng vẫn không có những sự ấy. Giả sử có trăm ngàn lần nguyệt thực cũng không làm khổ não được trăng.

Như Lai thị sanh, xuất hiện ở cõi đời có những chúng sanh khởi tâm hung ác, manh tâm hãm hại, làm cho thân Phật chảy máu, bị phạm tội ngũ nghịch hoặc

tội hủy báng chánh pháp, thành người nhất xiển đề. Những việc như vậy cũng chỉ vì chúng sanh mà Như Lai thị hiện những tội nghịch ác kia. Thực lý ra, giả sử có trăm ngàn vô lượng ma chướng cũng không thể làm cho thân Như Lai chảy máu được. Vì thân Như Lai không phải thân: Huyết nhục, cốt, tủy, ...can, đả, tràng, vị ... mà thân Như Lai chính là Pháp thân thường trụ.

Trăng không vì sự che chướng của nguyệt thực mà bị bức ngặt khổ đau! Như Lai há vì ác tâm, độc địa của ai đó, mà thân phải chảy máu, tâm nhận lấy ưu bi khổ não hay sao?

TRĂNG VĨNH VIỄN TRÒN ĐẦY !

NHƯ LAI TÁNH BA ĐỜI THƯỜNG TRỤ !

Này Thiện nam tử! Nhân loại trên địa cầu hoặc sáu tháng một lần thấy mặt trăng bị nuốt, mà chư thiên trong khoảng một ức tám vạn năm mới có một lần thấy mặt trăng bị nuốt, vì sự vô thường chi phối nhân loại nhanh, sự chi phối đối với chư thiên chậm.

Này Thiện nam tử! Trời và người đều cho rằng thọ mạng Như Lai ngắn ngủi. Ví như nhân loại, chỉ trong khoảng mười năm thấy mặt trăng bị nuốt nhiều lần. Trong khoảng nghìn năm với kiếp nhân loại, Như

Lai thị hiện bao lần sanh, bao lần nhập Niết bàn, diệt tận các thiên ma, phiền não ma, ngũ ấm ma trong đó có tử ma, thứ ma mà tất cả chúng sanh đều quá sợ. Vì vậy, vạn ức loài ma đều biết Như Lai thường trụ và Niết bàn thường trụ. Như Lai thị hiện vô lượng vô biên những duyên sự bất tư nghì trên cõi đời này. Là người trí, đệ tử của Phật luôn luôn hiểu: *NHƯ LAI THƯỜNG TRỤ*, không biến hoại.

Này Thiện nam tử! Như mặt trăng tròn sáng, chúng sanh ưa thấy, nên gọi mặt trăng là lạc kiến. Chúng sanh nếu có tham sân si thì không được gọi lạc kiến. Như Lai tánh thuần thiện, thanh tịnh không cấu nhiễm, đáng gọi là lạc kiến. Những chúng sanh ưa thích chánh pháp, nhìn Như Lai không nhầm, những người tâm ác, chẳng ưa nhìn ngó, vì thế Như Lai ví như mặt trăng tròn sáng.

Này Thiện nam tử! Mặt trời mọc có ba thời kỳ khác nhau: Mùa Xuân, mùa Hạ và mùa Đông. Ngày mùa Đông thì ngắn, ngày mùa Xuân thì vừa, ngày mùa Hạ thì rất dài. Như Lai ở cõi Đại thiên thế giới này, đối với nhận thức của phàm phu và Nhị thừa, Như Lai thị hiện tuổi thọ ngắn. Vì vậy, hạng người phàm phu và Nhị thừa đều cho rằng Như Lai thọ mạng ngắn, ví như ngày mùa Đông. Đối với hàng Bồ tát, Như Lai thị

hiện tuổi thọ bậc trung, một kiếp hoặc hơn một kiếp, ví như ngày mùa Xuân. Chỉ có Phật với Phật mới thấy thọ mạng của Như Lai vô lượng A tăng kỳ Như ngày mùa Hạ, rất dài.

Này Thiện nam tử! Giáo pháp phương đẳng Đại thừa vi mật của Như Lai nói, đó là Như Lai thị hiện nhằm mục đích rưới mưa đại pháp nơi thế gian. Đời vị lai nếu có người thọ trì, giảng nói, khai thị kinh điển này, làm lợi ích cho chúng sanh. Nên biết, người này đích thực là Bồ tát hiện trên cõi đời. Như ngày thanh Hạ rưới mưa cam lồ. Còn như hàng Thanh văn, Duyên giác nghe giáo pháp vi mật của Như Lai đây chẳng khác nào gặp ngày mùa Đông tuyết giá mờ trời, rơi quá ư lạnh lẽo! Hàng Đại Bồ tát, tiếp thu giáo pháp vi mật: *NHƯ LAI TÁNH THƯỜNG TRỤ KHÔNG BIẾN HOẠI*, như ngày mùa Xuân, tất cả thảo mộc nảy lộc, đâm chồi, trở hoa, kết trái.

Đúng chân lý, Như Lai Tánh không có ngắn dài. Vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy. Đó mới đích thực, mới chính là *PHÁP TÁNH CHÂN THỰC* của chư Phật mà Như Lai muốn chỉ dạy cho chúng sanh !

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
20/01/2002, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 59**

Này Thiện nam tử! Ban ngày, các ngôi sao không hiện ra, mọi người cho rằng ban ngày các ngôi sao lặn mất. Sự thật các ngôi sao kia không hề lặn mất. Chỉ vì ánh sáng mặt trời quá sáng, làm cho các ngôi sao in tuồng như không có sự hiện hữu của sao! Hàng Thanh văn, Duyên giác không thấy được sự hiện diện của Như Lai, như người thế gian ban ngày không thấy được sự hiện hữu của vô số ngôi sao trên nền trời xanh mây trắng ấy!

Này Thiện nam tử! Cuối tháng, đêm ba mươi, tối đen ấy mặt trời mặt trăng chẳng hiện ra, kẻ thiển trí cho rằng mặt trời mặt trăng lặn mất. Nhưng thật ra, mặt trời mặt trăng có lặn mất gì đâu? Lúc chánh pháp của Như Lai diệt hết, mọi người cho rằng Tam bảo chẳng còn, nhưng thật ra Tam bảo lúc đó không phải là dứt mất hẳn. Mặt trời mặt trăng lúc “lặn mất” không hiện. Người trí rõ biết, không vì sự ẩn khuất không hiện hữu mà nói rằng mặt trời mặt trăng kia mất hẳn. Do nghĩa đó, nên biết: *NHƯ LAI THƯỜNG*

TRỤ KHÔNG BIẾN HOẠI. Vì tánh chơn thực của Tam bảo không bị những trần cấu hữu vi làm ô nhiễm được.

Này Thiện nam tử! Ví như đêm không trăng, sao chổi hiện ra, chiếu sáng giây lát rồi lặn mất. Chúng sanh ngộ thấy cho đó là điềm chẳng lành. Trong thời kỳ không Phật, hàng Bích chi Phật hiện ra nơi đời, chúng sanh cho là Như Lai diệt độ hẳn, sanh lòng buồn khổ; nhưng Như Lai thực chẳng diệt mất, như mặt trời mặt trăng kia không thật sự diệt mất.

Này Thiện nam tử! Như mặt trời mọc lên sương mù đều tan. Kinh Đại Bát Niết Bàn vì diệu này cũng vậy. Lúc kinh này xuất hiện ra đời, nếu chúng sanh nào một lần được nghe đều có thể dứt trừ tất cả tội ác, tất cả nghiệp báo vô gián. Kinh Đại Niết Bàn truyền đạt cảnh giới sâu xa mâu nhiệm khó nghĩ bàn, khéo nói lên được *TÁNH NHƯ LAI VI MẬT.*

Do nghĩa đó, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân đối với Như Lai phải để lòng tin nhận: *NHƯ LAI THƯỜNG TRỤ. CHÁNH PHÁP THƯỜNG TRỤ. TẮNG BẢO THƯỜNG TRỤ* không hoại diệt. Phải dùng nhiều phương tiện, siêng năng tu học kinh điển này. Người như vậy, sẽ chẳng bao lâu được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do vậy, kinh này có tên *ĐẠI NIẾT BÀN.*

*
* *

TRỰC CHỈ

Nguyệt dụ là mượn trăng để làm dụ. Mượn sự tồn tại hiện hữu không có lặn mọc, không có sanh diệt, như cái thấy biết của người ở địa cầu. Nguyệt dụ là chủ đề phẩm thứ mười lăm của bộ kinh Đại Bát Niết Bàn. Ngoài ra, đức Phật còn mượn hết cả mặt trời, nhật thực, nguyệt thực và tất cả vì sao trong các dải ngân hà để dụ cho sự hiện hữu, tồn tại của Như Lai Pháp thân, của Phật tánh, của Pháp tánh và Tăng tánh. Phẩm Nguyệt dụ, Như Lai đĩnh ninh tha thiết, dạy bảo kỹ lưỡng cho những người đệ tử mình, hãy nhìn Như Lai bằng TUỆ NHÃN, nhìn Như Lai qua PHÁP THÂN mới thấy Như Lai đích thực. Nhìn Như Lai qua nhục nhãn, hạng người này biết Như Lai, thấy Như Lai như những người thường tình chất phác hiểu trăng qua sự lặn mọc, đánh giá trăng qua nhận thức chủ quan ấu trĩ của mình: Trăng non, trăng già, trăng khuyết, trăng tròn, tròn rồi khuyết, thậm chí còn nói không trăng trong ngày cuối tháng !

Rõ là chất phác thật !

Sự thật:

Trăng không có mọc, lặn.

Trăng không có khuyết tròn, tròn khuyết.

Trăng không có lúc mới sanh, vừa diệt.

Trăng không có non, già.

“... Trăng bao nhiêu tuổi trăng già?”

“ Núi bao nhiêu tuổi vẫn là núi non ...?”

Ý niệm “già”, “non” ấy, dành để cho những tâm hồn thơ mộng “vịnh nguyệt ngâm phong”.

** Sự thật thì không phải vậy !*

Những phút giây Nguyệt thực, người ta tưởng mặt trăng bị nuốt, như lươn bị rắn trung cườm nuốt vào tháng trời mới đổ mưa. Lươn và rắn trung cườm vô cùng khổ não, cùng cực đau đớn rồi cả hai cùng chết. Với ý tưởng chất phác đó, người trần gian khởi ý niệm thương trăng, lo cho trăng!

Trăng xin cảm ơn những tấm lòng lo lắng cho trăng? Nhưng sự thật, trăng không hề bị “nuốt” !

TRĂNG VĨNH CỬU TRÒN

**NHƯ LAI TÁNH LÀ TRĂNG TRÒN VĨNH CỬU
ẤY !**

Hai mươi bốn tiếng đồng hồ, một lần sáng một lần tối gọi đó là ngày đêm. Sở dĩ phải trải qua hai mươi bốn giờ mới có một lần tối một lần sáng, tại vì sự vận hành quay chuyển “tốc độ vô thường” của quả địa cầu một chu kỳ hai mươi bốn giờ qui ước.

Nếu sự vô thường chi phối với tốc độ vận hành nhanh thì một giờ bốn phút có bốn lần sáng tối đối với phi hành gia ở trong phi thuyền “xôyou”, “Atlantic” đang bay quanh ngoài quỹ đạo địa cầu.

Vì từ bi nguyện, giáo hóa con người Như Lai thị hiện thân con người như vô lượng vô số con người trong vũ trụ. Cho nên thọ mạng của con người như thế nào Như Lai “xem xem” như thế ấy, vì cùng “tốc độ vô thường” quay chuyển ngang nhau.

Chúng sanh Tướng và Như Lai Tướng, cùng chung một “tốc độ vô thường” .

NHƯ LAI TÁNH của Phật và NHƯ LAI TÁNH của chúng sanh, không chịu sự chi phối của “tốc độ vô thường” nào hết. Ví như sự vĩnh cửu không hề có lặn mọc của trăng sao!

Do nghĩa đó : **NHƯ LAI THƯỜNG TRỤ.**

Qua cái nhìn nhục nhãn của người ở một địa phương nhất định, người ta thấy mặt trời mọc có ba thời điểm khác nhau. Mùa Xuân, mùa Hạ và mùa Đông. Ngày mùa Đông ngắn, ngày mùa Xuân vừa, ngày mùa Hạ thì rất dài.

Sự thật, ánh sáng mặt trời “mọc lên” không có lúc ngắn dài. Thấy có ngắn dài là bởi tại nơi ĐỊA PHƯƠNG mà mình đang ở.

Do nghĩa đó : **NHƯ LAI TÁNH KHÔNG CÓ THỌ MẠNG.**

Thọ mạng của trăng sao không thể dựa trên cái thấy lặn mọc của đêm ngày mà bàn luận !

Đêm ba mươi cuối tháng, những kẻ chất phác buồn than: trăng ... chết mất! Nhưng trăng đêm ba mươi nào có lặn có chết gì đâu !

Tam bảo có lúc “không hiện hữu” ở thế gian cũng không vì vậy mà Tam bảo hoại diệt.

Thế cho nên, người đệ tử Phật rõ biết: TAM BẢO THƯỜNG TRỤ không biến hoại, như tánh ổn định, tồn tại, hiện hữu không có lặn mọc của trăng sao ./.

PHẨM THỨ MƯỜI SÁU BỒ TÁT

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật**
03/03/2002, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 60

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Nay Thiện nam tử! Ánh sáng mặt trời mặt trăng hơn hết trong các ánh sáng. Ánh sáng kinh Đại Bát Niết Bàn ưu việt đối với ánh sáng của các khế kinh. Ánh sáng kinh Đại Bát Niết Bàn chiếu vào tâm khảm của chúng sanh, thì dầu chúng sanh đó chưa phát tâm Bồ đề, nhưng kinh Đại Bát Niết Bàn này có thể làm nhân duyên cho tâm Bồ đề.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn! Ánh sáng kinh Đại Bát Niết Bàn chiếu vào tâm khảm của những người phạm tội tứ trọng, ngũ nghịch và chiếu vào

người tu tập các pháp lành, trì giới thanh tịnh. Hai trường hợp này, đối với nhân Bồ đề có gì sai khác?

Phật dạy: Thiện nam tử! Chỉ trừ hạng nhất xiển đề, còn những chúng sanh khác được nghe kinh Đại Bát Niết Bàn đều có thể làm nhân cho Bồ đề, không có gì sai khác. Ví như một căn nhà tối có đèn, một căn nhà tối không đèn, khi ánh mặt trời mọc chiếu sáng bình đẳng khắp nơi, bấy giờ ánh sáng của hai căn nhà như nhau không có hơn kém. Do nghĩa đó, ánh sáng của kinh Đại Niết Bàn làm nhân Bồ đề bình đẳng cho tất cả chúng sanh. Bởi lẽ người đã trồng sâu gốc rễ lành đã từng cúng dường vô lượng chư Phật mới được nghe kinh Đại Niết Bàn. Người căn lành kém ít, phước mỏng không thể nghe được kinh Đại Niết Bàn. Vì đây là việc lớn một nhân duyên trọng đại. Tại sao? Tại vì đây chính là kho tàng bí mật rất sâu của chư Như Lai. Vì Đại Niết Bàn tức là Phật tánh vậy.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn! Những gì làm nhân Bồ đề cho người chưa phát tâm Bồ đề?

Phật dạy: Thiện nam tử! Nếu có người nghe kinh Đại Niết Bàn mà chưa phát khởi lòng tin, bỗng bị phải một biến cố cực kỳ sợ hãi, hoặc sự kiện khổ đau cùng cực, thậm chí trong cảnh chiêm bao. Trong cơn nguy biến hãi hùng, một niệm khởi tâm hướng về Tam bảo,

nhớ những điều trong kinh dạy: Phật thường trụ, Pháp thường trụ, Tăng thường trụ khởi niệm quy y. Nên biết, người này Bồ đề tâm đã nảy mọng, nứt mầm, theo thời gian mà thành tựu nhân Bồ đề, và tương lai người này thẳng tiến trên đường Bồ tát đạo.

Do nghĩa trên, biết rằng oai thần của kinh Đại Niết Bàn, làm nhân Bồ đề cho người chưa phát tâm Bồ đề.

Này Thiện nam tử! Như bầu hư không bỗng nhiên vẫn đục, cuộn cuộn mây đen kéo đến tuôn mưa, nơi ruộng thấp đồng bằng, hoa màu, ruộng lúa đơm nhuần tươi tốt, ao hồ đầy nước chúng sanh ở những nơi đó đều được lợi ích. Những nơi đất khô, đồi trọc, đỉnh núi gò cao, dù có mưa to nước cũng không đọng lại. Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn vi diệu này có thể trường dưỡng nhuần khắp chúng sanh, làm nảy nở tâm Bồ đề. Chỉ có hàng nhất xiển đề không nảy nở tâm Bồ đề, không được phần nào lợi ích. Như hạt giống đã cháy, dù có gặp mưa, cũng không sao nứt mọng sanh cây. Như núi cao, đồi nong không giữ nước, không thấm nhuần cho ruộng lúa vườn cây được.

Này Thiện nam tử! Ví như cây bạch đàn, cây trâm bầu, cây lòng mứt, dầu chặt nhánh, đốn cây, nhưng rồi đâm chồi mọc lên như cũ, không như cây

cau, cây dừa đốn rồi, không thể mọc lại. Những chúng sanh được nghe kinh Đại Niết Bàn này dù phạm bốn tội trọng, năm tội vô gián, vẫn có thể sanh nhân Bồ đề. Hàng nhất xiển đề thì không như vậy. Dù được nghe kinh Niết Bàn vi diệu cũng không sanh nhân Bồ đề. Ví như muỗng múc chè, dù trải qua nhiều năm tháng, chè cũng không làm cho muỗng có vị ngọt.

Này Thiện nam tử! Ví như Lương y biết rành tám khoa trị bệnh, có thể trị lành tất cả các bệnh, nhưng không thể chữa trị cho người quyết định chết. Chư Phật, Bồ tát có thể cứu độ tất cả chúng sanh có tội lỗi, nhưng không thể cứu độ cho hạng nhất xiển đề !

Này Thiện nam tử! Ví như có người ở trong biển lớn, ngồi thuyền muốn đi qua, nếu xuôi gió thuận buồm thì trong khoảnh khắc có thể qua được trăm ngàn dặm. Nếu chẳng có gió thuận buồm xuôi dẫu ngồi thuyền trải nhiều năm tháng cũng chẳng rời khỏi chỗ cũ, lại còn có lúc thuyền hư, lái gãy chìm đắm mà chết. Chúng sanh ở nơi biển lớn sanh tử ngu si, ngồi trên thuyền “công đức”, nếu gặp gió mạnh Đại Niết Bàn thì có thể đến bờ giải thoát giác ngộ nhanh chóng. Bằng chẳng gặp kinh này sẽ phải luân chuyển mãi trong sanh tử ưu bi, hoặc có lúc phá hư thuyền “công đức”, phải đọa tam đồ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Thiện nam tử! Theo chỗ biết của ông : Con rắn khi lột xác, nó có chết chăng?

- Bạch Thế Tôn! Rắn không chết.

- Nay Thiện nam tử! Như Lai phương tiện thị hiện dứt bỏ cái thân hòa hợp bất an này, ai có thể nói: Rằng Như Lai vô thường diệt tận ?

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy.

- Như Lai ở cõi Diêm Phù Đề thị hiện bỏ thân như rắn kia lột bỏ lớp da già suy thoái cũ. Người có trí nên hiểu Như Lai thường trụ như rắn kia lột da mà không có chết !

Này Thiện nam tử! Ví như người thợ kim hoàn, sử dụng vàng ròng, làm các món đồ trang sức tùy theo ý mình. Như Lai ở trong hai mươi lăm cõi, vì hóa độ chúng sanh khỏi dòng sanh tử, thị hiện các thứ sắc thân tùy ý tự tại. Vì vậy, Như Lai có đức hiệu *VÔ BIÊN THÂN*. Dù thị hiện các thứ sắc thân, nhưng Như Lai vẫn là thường trụ không biến đổi.

*** *P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật 10/03/2002, tại giảng đường chùa Vĩnh Nghiêm, Tp.HCM - Kỳ 61*

Này Thiện nam tử! Như cây am la, một năm ba lần biến đổi. Có lúc trở bông rục rở, có lúc thay lá xanh tươi, có lúc điều tàn như khô chết. Nhưng thật ra cây am la không chết. Như Lai ở trong ba cõi hiện ba thứ sắc thân, tương tự như vậy. Có lúc mới giảng sanh, có thời khôn lớn, đến lúc lại hiện nhập Niết bàn. Dù thấy vậy, nhưng thân Như Lai không có bị vô thường chi phối.

- Ca Diếp Bồ tát tán thán: Lành thay! Lành thay! Đúng như lời Phật dạy: Như Lai thường trụ không biến đổi.

Này Thiện nam tử! Như Lai có mật ngữ rất sâu khó hiểu, như *TIÊN ĐÀ BÀ* là mật ngữ của nhà vua. Mật ngữ *TIÊN ĐÀ BÀ* chỉ bốn thứ: Muối, nước, chén và ngựa. Là quan hầu có trí, đặc lực của vua, phải hiểu rành mật ngữ ấy trong lúc vua cần. Lúc vua muốn rửa tay, gọi “tiên đà bà” dâng nước. Lúc vua ăn, gọi “tiên đà bà” dâng muối. Lúc vua ăn xong, muốn uống nước, gọi “tiên đà bà” dâng chén. Lúc vua muốn du hành, gọi “tiên đà bà” liền đem ngựa dâng vua.

Quan hầu có trí phải rành hiểu ý vua trong mỗi lúc. Hệ kinh điển Đại thừa cũng có bốn nghĩa “vô thường” như mật ngữ của nhà vua kia vậy.

Khi nói Như Lai sắp nhập Niết bàn. Người trí nên biết đây là Như Lai vì người chấp *THƯỜNG* mà nói, nhằm dạy cho các Tỳ kheo tu pháp quán *VÔ THƯỜNG*.

Khi nói chánh pháp rồi sẽ diệt mất. Người trí nên biết đây là Như Lai vì người chấp *LẠC* mà nói như vậy, nhằm dạy các đệ tử tu pháp quán *KHỔ*.

Có khi Như Lai nói: Nay Như Lai có bệnh và Như Lai đang khổ tâm, vì tăng chúng bất hòa. Người trí nên biết, đây là Như Lai vì người chấp ngã mà nói như vậy, nhằm dạy các đệ tử tại gia, xuất gia nên tu tập pháp quán *VÔ NGÃ*.

Khi Như Lai dạy: Là đệ tử Phật, hãy nên tu tập pháp quán *KHÔNG*. Người trí nên biết đây là Như Lai muốn dạy: *GIẢI THOÁT ĐÍCH THỰC* là vượt ra ngoài hai mươi lăm cõi. Do nghĩa này, cho nên *KHÔNG* còn gọi là “bất động”. Vì tướng giải thoát không có *KHỔ*, không có *VÔ THƯỜNG*, *VÔ NGÃ* ... *KHÔNG* ở đây chính là không sắc, không thanh, không hương ... vị, xúc. Vì vậy, giải thoát tức *KHÔNG*. *KHÔNG* tức giải

thoát. Cho nên *GIẢI THOÁT* còn gọi là *THƯỜNG TRỤ*, *THANH LƯƠNG*, *BẤT BIẾN*.

Đức Phật cũng dạy rằng: Tất cả chúng sanh đều có *NHƯ LAI TÁNH*, người trí nên biết đây là Như Lai dạy *PHÁP THƯỜNG* muốn cho các Tỳ kheo tu tập pháp *THƯỜNG*. Các Tỳ kheo tùy thuận tu tập như vậy, nên biết người này thật là đệ tử của Phật, biết rành tạng Như Lai vi mật, như quan hầu có trí biết rành ý muốn của nhà vua.

Này Thiện nam tử! Nhà vua kia có mật ngữ như vậy, huống là Như Lai mà lại không có! Vì vậy, cho nên giáo pháp vi mật của Như Lai khó mà biết được. Chỉ có người trí mới hiểu được rằng Phật pháp rất sâu xa vi diệu, chẳng phải hạng bạc địa phàm phu trong đời mà có thể hiểu được dễ dàng!

Này Thiện nam tử! Ví như cây Ba la xa, cây Ca ni ca, cây A thúc ca, gặp lúc nắng hạn thì không sanh hoa trái, nhả đến các sinh vật dưới nước trên đất thấy đều khô héo và chết, vô phương cứu.

Với kinh Đại Niết Bàn cũng vậy. Sau khi Như Lai diệt độ, có những chúng sanh, phước mỏng đức kém, không nhận biết được giá trị thậm thâm vi mật của kinh này. Họ không có lòng tôn trọng trân quý. Vì

vậy, phước đức suy mòn như cây cỏ và sinh vật ở vào thời điểm đại hạn, không còn khả năng sinh trưởng.

Lúc chánh pháp sắp diệt, bấy giờ có ác hạnh Tỳ kheo chẳng biết kho tàng bí mật Như Lai, chảnh mảng, biếng nhác, chẳng đọc tụng thọ trì tuyên dương kinh Đại Niết Bàn, thật chẳng khác kẻ cướp ngu si, vất bỏ châu báu vàng ròng mà mang gánh lấy nồi nhôm, chảo sắt, lò đất, quả là bọn người đáng thương xót và buồn cười.

Chỉ có các Bồ tát, đối với kinh này, không chấp văn tự, tùy thuận nghĩa chân thật, vì chúng sanh mà giảng nói với tinh thần vô úy ở giữa cõi đời ...

Này Thiện nam tử! Như đứa gái chăn bò, bán sữa, vì muốn nhiều lợi nên thêm hai phần ba nước vào sữa, rồi bán cho đứa gái chăn bò khác. Đứa gái chăn bò kia lại thêm hai phần ba nước, rồi bán lại cho đứa gái ở ngoại thành. Đứa gái ở ngoại thành này, thêm hai phần ba nước nữa, rồi lại bán cho đứa gái ở trong thành. Đứa gái này lại thêm hai phần ba nước rồi đem ra chợ bán. Bấy giờ có người cần sữa tốt để đãi khách đến chợ để mua. Đứa gái bán sữa đòi giá đắt. Người mua nói sữa này pha nhiều nước quá lẽ ra không đến giá đó. Nhưng nay nhằm lúc tôi phải đãi tân khách nên

phải đành mua. Mua xong, đem về nhà nấu cháo, không có chút mùi sữa nào! Dù không có chút mùi sữa nhưng cũng ngàn lần hơn vị chất, vị đắng hoặc hôi. Vì vị sữa hơn hết trong các vị.

Này Thiện nam tử! Sau Như Lai nhập Niết bàn chánh pháp chưa dứt, kinh này sẽ lưu hành rộng rãi ở cõi Diêm Phù Đề. Lúc bấy giờ có các ác Tỳ kheo sao lược kinh này, thêm bớt làm mất mùi vị của chánh pháp. Những người này dù đọc tụng kinh, nhưng lại che dấu chất vị Đại thừa, lọc bỏ yếu nghĩa thâm mật của Như Lai, đem lời thế gian vô nghĩa, thêm dệt thêm thắt vào nhằm phục vụ ý đồ lợi dưỡng. Nên biết, các Tỳ kheo ác, họ là bè đảng của ma. Họ thọ dụng tám vật bất tịnh cung phụng đời sống ô trọc khổ đau, còn tuyên bố phỉnh phờ rộng rãi với người đời: Rằng Như Lai cho chúng tôi nhận chứa ... Như đứa gái chăn bò pha nhiều nước vào trong sữa. Cũng như vậy, các ác Tỳ kheo đem lời thế tục xen tạp vào kinh này, làm cho chúng sanh chẳng được nghe kinh điển chân chánh, lời nói chân chánh, chánh pháp vi diệu của Như Lai để tôn trọng, tán thán, cung kính cúng dường. Ác Tỳ kheo này, vì lợi dưỡng mà không lưu truyền rộng rãi kinh này. Dù có lưu truyền cũng chỉ được chút ít phần chánh pháp, như các đứa gái nọ xoay vần bán sữa. Để

rồi nấu cháo sữa mà không có mùi vị sữa, của khổ chủ đáng thương kia.

Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này có thể sẽ cũng như vậy, lần lượt giáo nghĩa sâu xa cũng sẽ mờ nhạt lạt lẽo không còn khí vị. Dù không khí vị vẫn hơn những kinh điển khác cả vạn lần, như cháo không mùi sữa vẫn hơn nghìn lần vị chất, đắng,... vì kinh Đại thừa Đại Niết Bàn là đứng đầu đối với các kinh điển Như Lai dạy cho hàng Thanh văn trong chín bộ kinh. Như vị của sữa bò hơn hết trong các vị. Vì nghĩa đó, kinh này tên gọi: *ĐẠI THỪA ĐẠI NIẾT BÀN*.

Đây Thiện nam tử! Người tiếp nhận vui vẻ tư tưởng kinh Đại thừa Đại Niết Bàn là người trượng phu có ý chí trượng phu. Vì kinh này có tướng trượng phu, tức là chỉ rõ về Phật tánh của mọi người. Người không nhận biết được Phật tánh của mình Như Lai nói đây là người không có nam tánh, không có tướng trượng phu. Trái lại, nếu người nữ biết rõ mình có Phật tánh. Chính mình đủ tư cách tu hành thành Phật. Nên biết người đó dù là người nữ mà Như Lai nói người đó là trượng phu, nam tử!

Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này chứa nhóm vô lượng vô biên công đức lành, chẳng thể nghĩ bàn, vì

kinh này nói rõ tạng bí mật của Như Lai. Thế nên, người đệ tử Phật chân chánh hãy nên siêng năng tu tập kinh này.

Lúc bấy giờ Bồ tát Văn Thù Sư Lợi thưa: Bạch Thế Tôn! Nay ông Thuần Đà còn có tâm nghi mà chưa dám hỏi Phật. Ngưỡng mong Như Lai vì ông giảng giải.

Phật dạy: Tâm nghi của Thuần Đà thế nào, hãy trình bày rõ ra, Như Lai sẽ vì các ông dạy rõ!

Văn Thù Sư Lợi thưa: Ông Thuần Đà nghĩ rằng: “*NHƯ LAI THƯỜNG TRỤ*” là do sức tri kiến thấy biết được Phật tánh. Nếu do thấy biết Phật tánh mà được *THƯỜNG TRỤ* thì lúc trước chưa thấy biết lẽ ra là *VÔ THƯỜNG*. Nếu lúc trước là *VÔ THƯỜNG* thì lúc sau cũng vô thường. Như những vật trong đời trước không, nay có, có rồi trở thành không. Những vật như vậy đều là vô thường. Do nghĩa đó, cho nên có thể biết: Chư Phật, Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn, không sai khác gì nhau! (ý nói đều vô thường tất cả).

*** *P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật*
17/03/2002, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 62

Đức Thế Tôn nói bài kệ rằng:

Trước không nay có

Trước có nay không

Ba đời đều có

Nghĩa ấy không đúng

Này Thiện nam tử! Do nghĩa như vậy, chư Phật, Bồ tát Duyên giác, Thanh văn cũng có sai khác, cũng không sai khác.

Văn Thù Sư Lợi vui mừng tán thán: Thật rất thâm sâu! Đúng như lời Như Lai dạy. Nay con mới biết rõ chư Phật, Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn cũng có sai khác mà cũng không sai khác.

Ca Diếp Bồ tát bạch: Thế Tôn! Cúi mong Thế Tôn dạy rõ về ý nghĩa: Có sai khác và không sai khác ấy, để chúng sanh được lợi ích, an lạc.

Phật dạy: Thiện nam tử! Hãy lắng nghe và suy nghĩ chín chắn. Như Lai sẽ vì ông mà nói nghĩa ấy.

Này Thiện nam tử! Ví như nhà ông trưởng giả nuôi nhiều bò sữa đủ các màu lông, sai một người chăn nuôi chăm sóc. Nhà có việc cần sữa, người chăn nuôi vắt sữa của tất cả con bò, đựng chung trong một thùng. Người này thấy sữa đồng một màu trắng, lấy làm lạ, suy nghĩ rằng: Bầy bò mỗi con đều khác màu nhau, sao sữa của chúng đều đồng màu? Người ấy suy

gẫm kỹ, và kết luận rằng: tất cả đều do nhân duyên, phước báu của chúng sanh, khiến cho sữa kia có cùng một màu, đồng một vị .

Này Thiện nam tử! Hàng Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn đồng có một Phật tánh như sữa của bầy bò đồng có một màu. Vì ba bậc người ấy đồng diệt sạch hết phiền não như nhau. Nhưng các chúng sanh thì nghĩ rằng: Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn ắt phải có sai khác. Lại cũng có hàng phàm phu và người Thanh văn tự suy nghĩ: Rằng đã có ba thừa, sao lại không có sai khác? Rồi trong một phút giây “hốt giác” tuệ giác phát sanh, người này tự hiểu rằng: Thừa dù có ba, nhưng tất cả ba thừa đồng một Phật tánh, như người chăn bò đã hiểu: “màu sữa đồng một, là do nhân duyên phước báu của chúng sanh!”

Này Thiện nam tử! Ví như quặng vàng nấu lọc tiêu dung hết tạp chất, còn lại vàng ròng, thì giá trị của nó không có thứ kim loại nào bằng. Hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát đều thành tựu một mục đích đến: PHẬT TÁNH. Vì đoạn trừ hết phiền não, như quặng vàng loại trừ hết tạp chất còn lại một tánh chất duy nhất: vàng ròng. Do nghĩa đó, suy biết tất cả chúng sanh đồng một Phật tánh không có sai khác.

Ca Diếp Bồ tát bạch: Thế Tôn! Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vậy Phật cùng chúng sanh có gì sai khác? Vả lại, nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì cớ gì ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên ... hàng A La Hán, nói chung, đều nhập Niết bàn bậc *TIỂU*? Hàng Duyên giác thì nhập Niết bàn bậc *TRUNG*. Các hàng Bồ tát thì được nhập Đại Niết Bàn? Ba hạng người như vậy, nếu đồng một Phật tánh cớ sao lại chẳng đồng nhập Đại Niết Bàn vô thượng như chư Phật Thế Tôn?

Này Thiện nam tử! Niết Bàn của chư Phật Thế Tôn, chẳng phải quả chứng của Thanh văn, Duyên giác đạt đến được. Do nghĩa đó, cho nên nhập Đại Niết Bàn gọi là *THUẦN THIÊN*, cũng gọi là *VÔ THƯỢNG NIẾT BÀN*. Tiểu và trung hai thứ Niết Bàn này, lúc thế gian trống rỗng, không có Phật ra đời, người Thanh văn, Duyên giác vẫn có chứng nhập hai thứ Niết Bàn bậc Tiểu và bậc Trung ấy.

Gọi là có sai khác, vì Niết bàn bậc Tiểu và bậc Trung, chưa đủ chất “thuần thiện”, cho nên đối với nghĩa Niết bàn còn có dư thừa (Hữu dư y Niết bàn). Không sai khác, vì tánh Thanh văn, Duyên giác hay Bồ tát, tương lai cùng đến một đích: Vô Thượng Niết

Bàn, như nước các dòng: khe, lạch, sông hồ đều chảy về biển.

Do nghĩa đó, Như Lai nói: Tánh của Tam thừa cũng sai khác, cũng không sai khác. Bởi vì tánh Thanh văn ví như sữa, Duyên giác như “yaourt”, Bồ tát như “pho mát”, Phật ví như “bơ”. Tên và hương vị khác nhau, nhưng tất cả cùng có tánh dinh dưỡng và từ chất sữa của một con bò. Riêng tánh của chúng sanh phàm phu thì vô minh và Phật tánh còn trong thời kỳ lẫn lộn chưa tách phân rõ ràng hai tướng. Ví như bò cái mới sanh: máu biến thành sữa, sữa sanh từ máu, máu sữa chưa có tướng trắng, đỏ phân minh.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn! Trong thành Câu Thi La có gã chiên đà la tên là Hoan Hỉ . Theo lời Phật dạy: Người này đã được thọ ký sớm thành Phật, một trong ngàn Phật ở thế giới Ta bà. Chỉ một lần phát khởi tín tâm mà thành quả lớn lao như thế! Cớ sao Như Lai không thọ ký cho Tôn giả Xá Lợi Phất, Tôn giả Mục Kiền Liên mau thành Phật đạo?

Này Thiện nam tử! Sự thọ ký của Như Lai: Mau thành hay lâu thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không có giá trị hơn kém, cũng không có ý nghĩa hên xui. Có người phát tâm cầu thành Phật, Như Lai thọ ký cho họ sớm thành. Có hàng Thanh văn, Duyên

giác, Bồ tát, phát nguyện mãi mãi hộ trì chánh pháp, như ông A Nan chẳng hạn, đã phát nguyện:

“ *Ngũ trước ác thế thế tiên nhập*

“ *Như nhất chúng sanh vị thành Phật*

“ *Chung bất ư thử thủ nê hoàn ...*”

Do nghĩa đó, được thọ ký mau thành Phật không phải là một cơ may “vinh dự” hay một thành tích đáng “hãnh diện” như chúng sanh phàm phu lầm tưởng!

Này Thiện nam tử! Ví như đại thương gia đem ngọc chôn chấu ra chợ bán, những đứa ngu si thấy ngọc không biết, xem rẻ và khinh cười. Thương gia truyền rao, cho biết về giá trị của ngọc. Bọn ngu nghe càng khinh cười chế diễu, bảo nhau: Đó không phải trân châu hay pha lê thì có gì gọi là quý hiếm! Cũng tương tự như vậy, hàng Thanh văn, phàm phu nếu nghe thọ ký mau thành Phật, họ sẽ giải đãi xem thường, như bọn người ngu không biết giá trị của trân châu.

Mặt khác, còn có một sự thật khó nói ra: Đời vị lai có hàng Tỳ kheo không thể siêng năng tu tập pháp lành. Vì nghèo cùng khốn khổ mà xuất gia, để mưu cầu lợi dưỡng. Thân tâm khinh tháo tà mạng, siểm cuống. Hạng người này nếu nghe Như Lai thọ ký hàng Thanh văn mau thành Phật, họ sẽ cả cười khinh mạng

chê bai. Đây là hạng người phá giới ngụy tu, thường tự khoe mình chứng thánh, hơn người. Vì lẽ đó, cho nên Như Lai tùy người, tùy nguyện mà thọ ký hoặc mau hoặc lâu thành Phật, đó thôi.

Này Thiện nam tử! Như Lai vì chúng sanh, làm cha mẹ cho tất cả chúng sanh, qua các chủng loại, thân hình: hai chân, bốn chân, nhiều chân, không chân. Hai cánh, bốn cánh, lông mao, lông vũ ... kể cả chúng sanh thủy tộc ... Như Lai dùng một âm thanh vì chúng mà thuyết pháp. Những loài chúng sanh khác nhau kia đều tự tiếp thu và nhận hiểu qua cái hiểu của chính mình ... và đều tán thán: Như Lai hôm nay vì tôi mà thuyết pháp. Đó là ý nghĩa “ Như Lai là cha mẹ ” tất cả chúng sanh.

Này Thiện nam tử! Như Lai tùy thuận mọi loài khiến cho chúng sanh an trụ trong chánh pháp. Thuận theo cái thấy biết của chúng sanh mà thị hiện các hình tướng. Nhưng không vì vậy mà Như Lai có thêm bớt, sanh diệt... đồng với pháp hữu vi!

Là đệ tử Phật, không phải hạng sanh manh, người có trí phải hiểu *NHƯ LAI THƯỜNG TRỤ*.

Người mà biết được *NHƯ LAI THƯỜNG TRỤ* là người từ lâu đã tu tập kinh Đại thừa Đại Niết Bàn rồi. Người này dù là nhục nhãn Phật nói chính người này

đã sử dụng cái thấy của thiên nhãn. Thấy biết *PHẬT THƯỜNG TRỤ*, *PHÁP THƯỜNG TRỤ*, *TĂNG THƯỜNG TRỤ*, là cái thấy biết của Bồ tát hiện ở cõi đời.

*
* *
*

TRỰC CHỈ

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật**
24/03/2002, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 63

Là một Bồ tát, không thể không tu tập kinh Đại thừa Đại Niết Bàn. Nói cách khác, không biết kinh Đại Niết Bàn, không tu học theo kinh Đại Niết Bàn thì không có chứng tử Đại thừa, không có chất liệu Bồ tát, tâm hạnh Bồ tát không có thì không là Bồ tát được. Bởi vì Bồ tát có nghĩa là:

Đại đạo tâm thành tựu chúng sanh.

Hữu tình Giác.

Giác hữu tình.

Thế cho nên, nếu không tu học kinh Đại thừa Đại Niết Bàn thì ba đức tánh của một Bồ tát không do đâu có được.

Kinh Đại Niết Bàn là kho tàng bí mật của Như Lai, Phật dạy những điều mà ba bốn mươi năm trước, không thể đem ra dạy phổ cập cho mọi hạng người. Những giáo lý:

- Phật tánh thường trụ.

- Pháp tánh thường trụ

- Tăng tánh thường trụ.

Tam bảo thường trụ là thứ giáo lý trước đây Phật chưa hề đề cập.

- Pháp thân Như Lai thường trụ

- Niết Bàn thường trụ.

Đó cũng là thứ giáo lý bốn mươi lăm năm trước Như Lai vẫn cất dấu kín trong kho tàng bí mật cho đến ngày nay.

Sau mấy mươi năm giáo hóa, đào tạo một số người có khả năng tiếp thu nghe hiểu, tin nhận và tu học giáo lý Đại thừa phương đẳng, Như Lai mới mở kho tàng bí mật đem nguồn giáo lý Đại thừa Đại Niết Bàn

trao dạy cho những hạng người chủng tánh Đại thừa, căn cơ Đại thừa, có khả năng thẳng tiến trên con đường **BỔ TÁT HIỆN Ở CÔI ĐỜI**.

Nghe hiểu, tin nhận, dù công hạnh tu tập chưa sâu, người này đã gieo rầm hạt nhân Bồ đề rồi.

Thậm chí ở vào hoàn cảnh bất đắc dĩ, trong môi trường hoảng loạn khổ đau mà nhớ: Phật thường trụ, Pháp thường trụ, Tăng thường trụ, khởi một niệm “quay về”, coi như hạt nhân Bồ đề của người này được gieo xuống đất. Nhân duyên thời tiết thuận lợi, hạt giống ấy sẽ nảy mống lên thành cây.

Ngược lại, ở kinh Đại thừa Đại Niết Bàn, có thể nói từ đầu kinh đến chấm dứt lời dạy bảo cuối cùng, đức Thế Tôn ân cần khuyên rằng nhắc nhở gần như tội ý cạm lời: Rằng **NHẤT XIỂN ĐỀ** là một bệnh tật, nếu mắc phải rồi thì đáng Vô thượng y vương cũng vô phương cứu chữa.

Vậy, “nhất xiển đề là ai?”

Nhất xiển đề là người không có đức tin đối với Tam bảo. Hoặc có đức tin, nhưng đức tin phi chân lý. Không phù hợp chánh pháp.

Nhất xiển đề đối với nhân Bồ đề ví như hạt giống bị rang không còn khả năng nảy mống lên cây. Hoặc

như hạt giống gieo trên núi đá, trên đồi cao không có mưa sương mà bị hạn hán.

Vì vậy, nhân Bồ đề của hạng người nhất xiển đề không có điều kiện sanh và phát triển. Nhất xiển đề đối với nhân Bồ đề, kinh thường ví dụ quả trách: “Hạt giống bị rang, mầm mống bị thối!” Do nghĩa đó, người đệ tử Phật là người hữu duyên, hữu phúc, là người đã từng gieo sâu hạt giống Bồ đề trong đất tốt, phân hoại, mới bình an thẳng tiến trên đường giải thoát giác ngộ, chớ không phải ngẫu nhiên mà có được!

Tuy nhiên, là đệ tử chân chính của Phật không được hiểu lầm Phật, phải học và hiểu kỹ đức Bốn sự của mình. Đức Phật không hề loại bỏ hàng nhất xiển đề ra ngoài “khả năng thành Phật”. Bởi vì lời dạy của Như Lai là chân lý. Mà chân lý thì không có ngoại lệ đối với bất cứ ai. Như Lai từng tuyên cáo trước nhân loại: Rằng **TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU CÓ PHẬT TÁNH**, thì nhất xiển đề cũng được hưởng quyền lợi **PHẬT TÁNH** của mình. Do vậy, nhất xiển đề vẫn có Phật tánh, vẫn có nhân Bồ đề, vẫn có khả năng thành Phật.

Thực lý mà nói, nhất xiển đề không có cái “tự tánh nhất xiển đề” riêng để cho một người nào. Lý do

trở thành nhất xiển đề chỉ là người chưa phát khởi đức tin, hoặc phát khởi đức tin sai đối tượng, đức tin không có chân lý, trở thành mê tín huyễn hoặc, chỉ có huyền thoại mà không có sự thật. Nhất xiển đề đối với quả giải thoát giác ngộ của Phật đạo, họ là người gieo lầm giống, chớ không phải không có hạt giống. Họ gieo giống không đúng chỗ, không hợp thời và khiến cho hạt giống khô cháy vì hạn, ung thối vì ngập lụt mà mất đi giống Bồ đề, đầy thôi.

Là đệ tử Phật hãy tư duy, quán chiếu thấy Như Lai qua PHÁP THÂN THƯỜNG TRỤ mới gọi là người đệ tử Phật thấy được Phật. Thấy Như Lai qua ứng thân thị hiện, là chưa đích thực thấy Phật Như Lai.

Ứng thân thị hiện đó, kinh Đại Niết Bàn, Phật nói đó là một trong VÔ BIÊN THÂN của Như Lai. Còn đích thực Như Lai, phải là CHÂN NHƯ THÂN, bất sanh bất diệt ... Đại thừa Khởi tín luận gọi đó là : “ NHẤT PHÁP GIỚI ĐẠI TỔNG TƯỚNG PHÁP MÔN THỂ”. Thế cho nên Như Lai không có già chết. Dù nhục nhãn của mọi người ai cũng thấy Như Lai có nhập Niết Bàn !

Nhà vua có mật ngữ “ Tiên đà bà”. Chỉ một mật ngữ thôi, thế mà có bề tôi giỏi, nhà vua vẫn toại ý vừa lòng.

Như Lai có bốn mật ngữ: VÔ THƯỜNG, VÔ NGÃ, KHỔ, KHÔNG, Như Lai cũng cần có những người đệ tử thông minh, trí tuệ, để tự mình thọ dụng cái thành quả của sự hiểu biết chân chánh, trong tiến trình tu tập và truyền bá chánh kiến cho mọi người. Người đệ tử chân chánh của Phật phải hiểu mật ngữ của Phật. Làm được việc đó Phật mới an lòng, cũng như nhà vua vừa lòng, có được quan hầu hiểu rõ mật ngữ của vua.

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
31/03/2002, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 64**

VÔ THƯỜNG, VÔ NGÃ, KHỔ, KHÔNG là bốn thang thuốc trị bốn chứng bệnh chấp : THƯỜNG, NGÃ, LẠC, HỮU của chúng sanh khi còn học lớp “Bán tự giáo”.

Khi kiến thức của đệ tử trưởng thành, Như Lai dạy: “bốn mật ngữ” ấy nay đã lỗi thời, không nên ứng dụng nữa ... phải bỏ nó đi !

Người quý tộc, người trí, uống sữa, người ta uống sữa nguyên chất, không uống những thứ sữa bị pha loãng. Bởi lẽ sữa pha loãng chất dinh dưỡng còn lại chẳng được bao nhiêu, chưa nói: còn có thể bị ngộ độc.

Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn là hệ giáo lý “mãn tự”, cô đọng tất cả nghĩa lý thậm thâm vi diệu trong kinh này, vì đây là kho tàng bí mật của Như Lai ! Kinh Đại Niết Bàn là tinh hoa, cốt tủy của tất cả kệ kinh, là sữa nguyên chất đối với tất cả sữa.

Người trí uống sữa Đại Niết Bàn, các thứ sữa khác dù có đủ, nhưng để cho hạng khách ... chịu uống sữa pha ... của các cô gái ... nọ!

Hiện tượng thì vô thường. Bản thể thì chân thường. Hiện tượng là “tướng” tùy duyên. Bản thể là “thể” bất biến. Thể chân thường bất biến duyên khởi sanh ra hiện tượng tùy duyên. Hiện tượng dù tùy duyên, mà không bao giờ tách rời ngoài bản thể bất biến. Cho nên Như Lai dạy:

“Trước không nay có ”

“Trước có nay không”

Ý nghĩ đó của nhiều người nghĩ, không có chân lý. Đó chỉ là cái thấy thiên cận. Nó như cái thứ “ lý lịch

trích ngang”. Dựa vào “lý lịch trích ngang” của ai đó để rồi nhận xét đánh giá tư cách phẩm hạnh đạo đức của con người đó, chắc chắn là không chính xác, không trung thực với cái “gen” trong người anh ta vốn có.

Theo giáo lý đạo Phật. Phật dạy:

“ Ba đời đều có ”

Có nghĩa là sự hiện hữu tồn tại khách quan của hiện tượng vạn hữu, của vũ trụ nhân sinh là hiện hữu tồn tại : VÔ THỈ VÔ CHUNG. Dựa trên lý lịch trích ngang là hoàn toàn sai sự thật.

Do nghĩa đó, người trí phải hiểu:

PHẬT THƯỜNG TRỤ. PHÁP THƯỜNG TRỤ. TĂNG THƯỜNG TRỤ và NIẾT BÀN THƯỜNG TRỤ. Không nghe như vậy, không hiểu được vậy là hạt giống chầy, mầm thối, trở thành hạng “nhất xiển đề”.

Vô thượng Bồ Đề. Vô thượng Niết Bàn: Đích đến là một. Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, ba thừa, hành trình thì có ba hạng người. Không sai khác, khi “đến đích”. Có sai khác trên lộ trình đi. Vì vậy, Như Lai dạy:

Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật “cũng sai khác”, mà cũng “không sai khác”. Nhân tu, kẻ tu trước, người tu sau, kẻ tu cao, người tu thấp. Vì vậy, sự sai

khác đó là lý tất nhiên. Còn PHẬT TÁNH, tất cả mọi người đều có thì quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là thành quả chung của những ai đạt đến tột đỉnh cao GIÁC NGỘ thì đương nhiên thọ dụng như nhau. Vì vậy, Như Lai nói : “cũng không sai khác”.

Niết Bàn của Thanh văn Tiểu thừa. Niết Bàn của Duyên giác Trung thừa. Niết Bàn của Bồ tát Đại thừa Hữu thượng. Niết Bàn của Phật Thế Tôn Vô thượng. Nhìn qua nhục nhãn ai cũng thấy rõ “giai cấp” tôn ti để rồi hoặc đề bạt khen thưởng hoặc cảnh cáo rồi “đi” theo kiểu “nhà binh” chịu hệ thống “quân giai” ấy. Mà trái lại, đó là biểu hiện tánh công bình, dân chủ đạt đến đỉnh cao :

“ Làm theo năng lực, hưởng theo lao động ”

Dựa trên khả năng tu hành giác ngộ, giải thoát của mỗi người. Niết Bàn trong Phật giáo không ai có sẵn để ban tặng cho ai!

Việc Như Lai thọ ký, không phải một ân huệ Như Lai ban tặng cho ai mà là Như Lai nói lên một sự thật. Không phải Như Lai có “thọ ký” ai đó mới được thành Phật. Như Lai không “thọ ký” thì ai đó tu hành không được thành Phật. Không phải vậy. Giáo lý của đạo Phật trước sau như một phủ nhận cái tánh “thiên đàng liêng bọt mép” của đấng vô hình vĩnh cửu không bao

giờ hiện thực, không giúp ích được gì đối với con người và cuộc sống của con người.

Thọ ký của Như Lai, nói lên sự thật dựa trên khả năng, hành động của con người và Như Lai “tùy thuận” thiện nguyện của con người ấy mà nói lên sự thật ấy.

Người tiếp nhận và thâm nhập nguồn giáo lý “nhật một hoàn chiếu” của kinh Đại thừa Đại Niết Bàn rồi, vấn đề thành Phật sớm, thành Phật muộn không còn được đặt ra. Bởi vì, tự biết rõ:

“ Nhật hành lãnh thượng mạc tâm sơn ... ”

“ Tùy sở trụ xứ thường an lạc ”

“ Phật pháp tại thế gian ”

“ Bất ly thế gian giác ”

“ Lô sơn vân vũ Chiết Giang triều

“ Vị đảo thiên ban hận bất tiêu

“ Đảo dĩ hoàn lai vô biệt sự

“ Lô sơn vân vũ Chiết Giang triều ” ./.

PHẨM THỨ MƯỜI BẢY ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
07/04/2002, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 65**

Bấy giờ đức Thế Tôn, từ bạch hào tướng trên mặt phóng ra ánh sáng nhiều màu. Màu trắng, hồng, xám, đỏ, tím, vàng, chiếu ra, chạm phải Thuần Đà. Ông Thuần Đà gặp ánh sáng liền nhớ tâm nguyện của mình là cúng dường đức Phật trước khi Phật nhập Niết bàn và đại chúng đang tề tựu chiêm ngưỡng tôn nhan Phật.

Ông Thuần Đà và quyến thuộc mang những thức ăn trai tịnh và phẩm vật thanh khiết trên đời đến rừng Ta La Song Thọ để cúng dường đức Phật, đại chúng

Tỳ kheo, Tỳ kheo ni và quyến thuộc trong hàng ngũ xuất gia.

Lúc bấy giờ có trời Đại Oai Đức phát xuất từ lòng quyến luyến thương quý Thế tôn, đứng án trước mặt và ngăn cản ông Thuần Đà rằng: Thuần Đà! Ông nên hoãn lại bữa trai phạn này, không nên dâng cúng Phật và đại chúng hôm nay.

Như Lai dự biết sự cố xảy ra, bèn phóng thêm ánh sáng nhiều vô lượng vô biên, chư thiên các cõi đều tiếp nhận, trời oai đức không ngăn cản nữa, Thuần Đà và quyến thuộc đem trai nghi phẩm vật dâng cúng Phật cùng các chúng đệ tử hiện diện. Ngoài phẩm vật cúng dường Phật và chúng tăng trong bữa ngọ trai, họ còn trang sức: tràng phan, bảo cái, hoa hương, thượng diệu cực kỳ báu đẹp trên đời. Như Lai hứa khả, thọ dụng những phẩm vật cúng dường của Thuần Đà. Như Lai cũng cho phép các chúng Tỳ kheo đồng thọ dụng.

Các hàng Bồ tát Duyên giác, Thanh văn, các hàng chư thiên ngạc nhiên đến độ bàng hoàng, vừa “mừng” vừa “tủi”, tự nghĩ trong lòng: “Cớ gì Như Lai riêng nhận bữa cúng dường trai phạn của ông Thuần Đà, trước giờ phút thiêng liêng quan trọng kia mà Như Lai không nhận của đại chúng trong hải hội mười phương?” .

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn muốn cho đại chúng an tâm, mãn nguyện. Từ mỗi lỗ chân lông trên thân Phật phóng ra ánh sáng, sắc màu rực rỡ chiếu khắp vô lượng cõi nước chư Phật mười phương. Trong ánh sáng báu lạ hiện ra vô lượng Phật. Mỗi đức Phật có vô lượng quyến thuộc đệ tử Tỳ kheo Tăng Ni. Chư Phật và chư Tỳ kheo đồng thọ dụng trai nghi cúng dường của đại chúng. Riêng Thích Ca Như Lai thọ phần cúng dâng của Thuần Đà.

Do sức thần Phật, lượng cơm dâng cúng của Thuần Đà, cung cấp đầy đủ cho cả hải hội chư Phật và chúng Tăng. Ông Thuần Đà vui mừng khôn diễn tả hết được nỗi lòng. Các hàng Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn, trời, người ... tất cả đều hoan hỉ. Trong niềm hoan hỉ có lẫn ý lo âu: Rằng: Như Lai đã nhận sự cúng dường rồi, ngày nhập Niết Bàn của Như Lai ắt chẳng còn lâu!

Rừng cây vốn không rộng lắm! Lúc bấy giờ do sức thần Phật, khoảng không gian chừng như mũi kim, chứa vô lượng chư Phật Thế tôn và vô lượng Bồ tát quyến thuộc đồng ngồi thọ thực mà không bị chật chội. Vật dụng cúng dường, không có chướng ngại gì nhau.

Bấy giờ chư thiên, thế nhân, A tu la ... buồn khóc và than: Nay Như Lai đã thọ lần cúng dường cuối cùng của chúng ta, rồi đây Phật sẽ nhập Niết Bàn, chúng ta còn biết nương tựa vào ai. Chúng ta sẽ mất đáng điều ngự sư vô thượng, khác nào người không còn con mắt !

Đức Thế tôn vì đại chúng, nhắc nhở qua bài kệ:

Đại chúng chớ buồn than

Phật pháp, pháp tùy thuận

Phật đã nhập Niết Bàn

Vĩnh cửu với thời gian

Thường trụ chánh định tụ

An lạc tùy sở trụ

Đại chúng lắng lòng nghe:

Phật đã là ăn uống

Không đói khát mọi thời

Phật sẽ vì chúng sanh

Nói về nghĩa tùy thuận

Khiến tất cả đại chúng

An ổn dứt buồn than :

*Giả sử rắn chuột, sói
Đồng ở chung một hang
Thương nhau như ruột thịt
Phật mới hẳn nhập Niết Bàn! ...*

*Như Lai xem tất cả
Thương như La Hầu La
Thường làm cha chúng sanh
Sao nhập Niết bàn hẳn?...*

*Giả sử hoa bán hạ
Thơm như hoa Ngọc lan
Trái cây Ca la ca
Chuyển thành Trấn đầu ca
Nếu việc đó có thật
Như Lai hẳn Niết Bàn !...*

*Giả sử Nhất xiển đề
Chuyển thân thành Phật đạo*

*Thọ hưởng vui Niết Bàn
Phật mới Niết Bàn hẳn !...*

*Đệ tử Phật chân chánh
Phải ham thích chánh pháp
Chớ khởi tâm sâu khổ
Than khóc hiện ưu bi
Như phàm phu tục tử !...*

*Người tri hành chân chánh
Tu học: Phật thường trụ
Pháp và Tăng cũng vậy
Thường trụ như thời gian...*

*Tứ chúng phải khéo nghe
Nghe rồi nên vui mừng
Bồ đề tâm khai phát
Tam Bảo hằng thường trụ
Vĩnh cửu ở thế gian ...*

Đây là lời di huấn

Tối hậu của chư Phật ...

Phật dạy tiếp Bồ tát! Nếu có Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, y theo lời dạy sau cùng của Như Lai, phát nguyện dũng mãnh nên biết người này được quả báo tốt lành ở thế gian, đồng như các bậc A La Hán. Những người không có khả năng nhận biết Tam Bảo thường trụ, là người phước mỏng như hạng chiêm đà la trong cõi đời.

Lúc bấy giờ cả đại chúng, trời, người, A tu la ... nghe Phật dạy vui mừng hơn hở, ý tưởng nhu hòa, dung nhan vui vẻ, oai đức trang nghiêm. Xa lìa ngũ cái, thập triền. Tâm tưởng rộng rang vượt qua phân biệt tầm thường; tôn ti cao hạ ... Biết rõ: Phật, Pháp, Tăng, Tam bảo thường trụ. Đại chúng chung lòng sấm sửa: hương trời, hoa trời, tràng phan, bảo cái, kỷ nhạc trời, vô số thức ăn thượng vị cõi trời dâng lên cúng dường đức Phật và toàn thể đại chúng đồng vậy, không thể dùng toán học mà tính đếm ...

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Ông đã thấy việc hy hữu này của đại chúng, rồi chứ ?

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
14/04/2002, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 66**

Ca Diếp Bồ tát thưa: Con đã thấy, Bạch Thế Tôn. Con đã thấy chư Như Lai đồng vô lượng vô biên không thể dùng toán học mà tính đếm hết được. Và số tăng chúng trong mười phương cùng dự hải hội này cũng đồng như vậy. Con thấy chư Như Lai và đại chúng đang thọ những thức ăn uống cúng dường mà ông Thuần Đà là đại thí chủ. Con lại thấy sự hy hữu lạ kỳ: Thân chư Như Lai trang nghiêm cao lớn, thế mà chỗ ngồi của mỗi vị chỉ choán một diện tích chừng đầu mũi kim. Số đại chúng, dâng phẩm vật cúng dường chư Phật và chúng Tỳ kheo cũng đồng vậy không kể xiết, đang đi nhiễu Phật mấy vòng. Vậy mà không có chướng ngại gì nhau. Con cũng hiểu rằng, đây là do thần lực Phật mà buổi lễ cúng dường chư Phật và đại chúng trong mười phương mới được viên mãn khắp đủ, thế này! Nếu không vậy, giả sử đem tất cả vật thực của ông Thuần Đà có, nghiền nát thành vi trần, dùng

một vi trần dâng cúng một vị Phật vẫn còn không khắp đủ !

Sự kiện hy hữu này, chỉ các hàng Bồ tát như Đại Trí Văn Thù hiểu rõ. Hàng Duyên giác, Thanh văn chợt tỉnh ngộ nhận biết: *NHƯ LAI là PHÁP THƯỜNG TRỤ*.

- Đức Thế Tôn bảo: Thuần Đà! Ông đã thấy rõ việc hy hữu lạ lùng này rồi chứ ?

- Bạch Thế Tôn ! Con đã thấy. Con thấy vô lượng chư Phật đều có ba mươi hai tướng đại nhân, tám mươi vẻ đẹp, trang nghiêm nơi thân. Và chư Đại Bồ tát cung kính nhiều quanh chư Như Lai.

- Phật bảo: Thuần Đà! Vô lượng chư Phật mà ông đã thấy, do Như Lai hóa hiện để đem lợi ích cho tất cả chúng sanh. Hàng Đại Bồ tát đó, công hạnh tu hành thâm hậu có thể làm nên vô lượng Phật sự trọng đại. Nay Thuần Đà! Nay ông đã thành tựu hạnh Đại Bồ tát. Ông được an trụ trong hàng Thập Địa. Ông hoàn thành công hạnh của một Bồ tát ngang với địa vị Thập địa rồi !

Ca Diếp Bồ tát hỏi: Bạch Thế Tôn! Tất cả khế kinh của Phật nói ra có nghĩa dư hay hoàn toàn trọn nghĩa ?

Phật dạy: Nay Thiện nam tử! Kinh của Phật đã nói, có lúc nghĩa “còn dư”. Có lúc hoàn toàn “trọn nghĩa”.

Thuần Đà hỏi: Bạch Thế Tôn! Như có lần Phật nói bài kệ

“ *Tất cả sở hữu mình có*

“ *Đem bố thí cho mọi người*

“ *Hạnh bố thí, nên tán thán*

“ *Với tấm lòng tùy hỷ nhiệt thành.*

- Bạch Thế Tôn! Ý nghĩa bài kệ đó thế nào? Đem tài vật sở hữu cúng dường bố thí cho người trì giới và người hủy phạm giới có sai khác chi chăng? Xin Thế Tôn dạy bảo ?

- Phật dạy: Gieo hạt giống xuống chỗ đất xốp, phân hoại, nước im, nắng ấm thì hạt giống chắc chắn sẽ sanh cây, đơm hoa kết trái. Trái lại, gieo hạt giống đất chay, đá cuội, núi cao thì không hy vọng được gì ! Bố thí cúng dường cho những người có nhiều phước đức, bố thí cho tất cả chúng sanh đều có quả báo tốt. Duy có bố thí cho hạng người nhất xiển đề, giống như đơm hạt giống trên đá cuội, núi cao ... hy vọng gì ngày đơm bông kết quả !

- Thuần Đà hỏi: Bạch Thế tôn! Xin Thế tôn dạy rõ về NHẤT XIỂN ĐỀ? NHẤT XIỂN ĐỀ thường hành động ra sao? Đạo đức, tư tưởng của người NHẤT XIỂN ĐỀ, chúng con muốn biết!

- Phật bảo Thuần Đà: Nếu Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di nói lời thô ác, chê bai chánh pháp, hành động tổn thương với mọi người mà không có lòng ăn năn, chẳng có tâm hổ thẹn; người như vậy là người xu hướng NHẤT XIỂN ĐỀ.

Người phạm bốn tội trọng, năm tội nghịch, tự biết tội ác mình mà không sợ sệt, không hổ thẹn, không có ý hối lỗi ăn năn. Đối với chánh pháp không có đức tin, không có tâm học hiểu tu tập, còn chê bai phỉ báng. Người như vậy gọi là người NHẤT XIỂN ĐỀ.

Những người tà kiến chưa hề biết thế nào là PHẬT PHÁP TĂNG, và còn cho rằng không PHẬT, không CHÁNH PHÁP, không TĂNG. Những người như thế, gọi là hạng người NHẤT XIỂN ĐỀ.

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
28/04/2002, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 67**

- Thuần Đà hỏi: Bạch Thế tôn! Phá giới là thế nào? Người làm gì, gọi là người phá giới?

- Phật dạy: Phạm bốn tội trọng, năm tội nghịch, không tu học chánh pháp, hủy báng chánh pháp. Người như vậy gọi là người phá giới.

- Bạch Thế tôn! Người phá giới, trong Phật pháp có thể cứu vớt được không?

- Phật dạy: Này Thuần Đà! Có điều kiện, có thể cứu vớt được? Nếu người đó còn mặc pháp phục chưa bỏ, tâm luôn hổ thẹn, sợ sệt tội lỗi. Tự trách mình, lòng ăn năn, phát nguyện hộ trì chánh pháp, kiến lập chánh pháp, tùy hỷ cúng dường người hộ pháp. Phát tâm thọ trì kinh điển Đại thừa, tu học thông thuộc, truyền bá cho mọi người. Người phạm giới mà có tâm hối quá như vậy, Phật gọi đó là người “không phá giới”. Ví như mặt trời mọc lên ắt phá trừ hết sương mù kể cả bóng đêm. Cũng vậy, kinh Đại Niết bàn vi diệu này xuất hiện nơi đời sẽ phá trừ những tội nghiệp trong vô lượng kiếp của chúng sanh. Thế nên, kinh nói: Hộ trì chánh pháp được quả báo lớn, là điều kiện cứu vớt cho người lỡ lầm phá giới.

Này Thuần Đà! Người phá giới, hủy báng tam bảo tà kiến, tức là người NHẤT XIỂN ĐỀ. Tuy nhiên,

Thuần Đà nên biết, Nhất xiển đề, nếu gặp Thiện tri thức khuyến hóa, hướng dẫn rồi tự trách, ăn năn, sanh tâm tầm quý, quay về với Tam Bảo, hộ trì chánh pháp, tu học Đại thừa, người đó không gọi là “nhất xiển đề” nữa. Người đó cũng đáng được nhận sự cúng dường của người bố thí.

Do nghĩa đó, lời dạy của Như Lai trong kệ kinh tùy đối tượng, tùy lúc mà lời dạy của Như Lai còn có “NGHĨA DƯ” và cũng có nhân duyên, trường hợp Như Lai dạy đủ đầy “TRỌN NGHĨA”.

- Nay Thiện nam tử! Xưa kia có lần Như Lai nói kệ:

Tất cả sông ngòi, quyết có xoáy cong

Tất cả rừng rậm, ắt có cây cối

Tất cả người nữ, có tâm dua vạy

Tất cả tự tại, quyết hưởng an vui.

Lúc đó Văn Thù Sư Lợi Bồ tát đến lễ dưới chân Phật rồi nói kệ rằng:

Chẳng phải tất cả sông, quyết định có xoáy cong

Chẳng phải tất cả rừng, quyết chắc là cây cối.

Chẳng phải mọi người nữ, đều có tâm dua vạy.

Tất cả hàng tự tại, không quyết được hưởng vui.

Văn Thù Sư Lợi dẫn ra những sự thật cụ thể: Rằng con sông “Ta Ba Đa” thẳng như sợi dây giăng, chảy thẳng ra biển Tây, không có chỗ xoáy cong.

Những cánh rừng nhân tạo, các vua chúa họ có thể thiết kế bằng: san hô, mã não, lưu ly, vàng bạc ... những thứ cây cối đó, không thể là cây cối của một đám rừng rậm!

Nữ giới cũng từng có người phát Bồ đề tâm, giữ trọn cấm giới, thành tựu công đức, có tâm đại bi, không hề có tâm dua vạy.

Trời Phạm Thiên, Đế Thích, tuy có tự tại, nhưng chưa vượt ra khỏi luật vô thường chi phối thì sao được gọi là an vui.

- Nay Thuần Đà! Những luận cứ chứng minh, Văn Thù Sư Lợi Bồ tát nêu ra để cầu xin Như Lai giải đáp đều là sự thật, không ai có thể chối cãi quanh co. Nhưng tất cả đệ tử của Như Lai nên biết rằng “Lời dạy của Như Lai trong các kệ kinh, có lúc Như Lai nói “TRỌN NGHĨA”, có lúc Như Lai dạy còn có “NGHĨA THỪA” là vậy đó.

- Nay Thiện nam tử! Bài kệ mà Như Lai nói ở trên, thuộc loại giáo pháp “ĐỐI TRI” có mật ý của

Như Lai sử dụng. Bài kệ đó, có giá trị trong lúc đó, ở nội cung vua Ba Tư Nặc, Vương tử và Hậu phi, họ đang ôm lòng kiêu mạn. Đó là cách “Ứng bệnh dữ dước” của một Đại y vương. Cho nên lời dạy của Như Lai: Còn có *NGHĨA DU*. Vậy đó !

Văn Thù Sư Lợi Bồ tát dẫn lại bài kệ của Phật và cầu xin giải quyết chỗ nghi:

Nghe lời của người, tùy thuận đừng chống trái.

Chẳng phê phán người khác, tu hành hay chẳng tu hành

Nên tự xét bản thân, làm lành hay chẳng lành.

- Nay Thuần Đà! Bài kệ Đại Trí Văn Thù Sư Lợi nêu ra cũng thuộc loại nghĩa lý “*CÒN DU*”. Kệ đó không phải vì tất cả chúng sanh, mà Như Lai nói riêng cho vua A Xà Thế. Ông vua đã hại cha rồi, còn muốn chiết phục Như Lai. Đến trước Như Lai, vua hỏi: “ Thế tôn có nhất thiết trí hay không có nhất thiết trí? Điều Đạt trong nhiều đời kiếp đã qua, ôm lòng ác theo dõi muốn hãm hại Phật. Nếu là nhất thiết trí, sao Như Lai thu nhận cho Điều Đạt xuất gia ?”

Phát xuất từ nhân duyên đó, Như Lai mới nói bài kệ trên, nhằm gợi ý cho nhà vua tỉnh thức!

- Nay Thuần Đà! Là đệ tử Phật, hãy siêng năng tu học, phải thông thạo “mật ngữ” của Như Lai.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế tôn! Như thế nào mới gọi nghĩa “*KHÔNG DU*”? Thế nào được gọi là “*NHẤT THIẾT NGHĨA*”?

- Nay Thiện nam tử! *THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH* gọi là pháp *NHẤT THIẾT NGHĨA* cũng gọi là pháp “*KHÔNG DU*” (liễu nghĩa). Ngoài ra, tất cả pháp đều là pháp “*CÓ DU*” (bất liễu nghĩa). Là đệ tử Phật, học chánh pháp của Như Lai, phải biết lúc nào Như Lai nói pháp *CÓ DU*, lúc nào Như Lai nói pháp *KHÔNG DU*.

Ca Diếp Bồ tát vui mừng hơn hở bạch Phật: “Thật lạ lùng! Rất lạ lùng! Như Lai Thế tôn, bình đẳng xem chúng sanh như La Hầu La!”

- Đức Phật khen: Nay Ca Diếp! Chỗ kiến giải của ông như thế là tốt. Ông đã nhận thức được *TỪ TÂM* và *DỊ Ý* của Như Lai.

Lúc bấy giờ, Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế tôn! Cúi xin Như Lai nói về thành quả sở đắc của người tu học kinh Đại thừa Đại Niết Bàn ?

- Nay Thiện nam tử! Nếu có người nghe danh hiệu của kinh này, chỉ nghe được tên kinh thôi, phước

đức của người này nhiều vô lượng vô biên, người phước mỏng, nghiệp chướng dày, không thể nghe được danh hiệu của kinh này. Còn người thọ trì, đọc tụng biên chép giảng thuyết, truyền bá kinh này, phước đức của người này, hàng Duyên giác, Thanh văn không thể tuyên thuyết. Vì kinh Đại Niết Bàn này từ kho tàng bí mật của Như Lai, chỉ dạy cảnh giới bất tư nghì của Phật. Thế cho nên, duy có Phật mới biết rõ công đức vi diệu của “Hành giả” tu học kinh Đại thừa Đại Niết Bàn !

****** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
05/05/2002, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 68***

Bấy giờ các hàng chư thiên, A tu la và đông đảo phàm nhân trước Phật, dị khẩu đồng âm nói bài kệ đại lược như:

“ Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo công đức khó nghĩ bàn.

Chúng con kính thỉnh Phật nán ở lại. Đại Ca Diếp và A Nan chưa về kịp. Vua nước Ma Kiệt Đà, Đại Vương A Xa Thế là những vị vua kính tin Phật mà cũng chưa đến. Xin Như Lai thương xót nán lại giây lát

đừng vội nhập Niết Bàn để cởi mở cho chúng con một số nghi ngờ chưa tháo gỡ được ! ”

Đức Như Lai vì Đại chúng nói kệ, đại lược sau đây :

“ Như Lai truyền dạy: Ông Đại Ca Diếp làm trưởng tử.

A Nan đa văn, nghe và thuộc kỹ những kinh điển

Như Lai nói. A Nan đủ khả năng truyền đạt lại ý của Như Lai, không sợ sai lầm. Những tư tưởng thuộc Tiểu thừa, Đại thừa bán tự, mãn tự. Thường, vô thường. Lạc, khổ. “Ngã, vô ngã. Tịnh, bất tịnh. Hữu, vô... Đại chúng tin A Nan, không sợ sai lầm. Vì vậy, Đại chúng không nên sanh lòng lo buồn, sầu khổ. Đừng thổ lộ tánh tầm thường, tỏ ra là những người đê tử mà chẳng hiểu Như Lai !”

Bấy giờ đại chúng dâng các phẩm vật cúng dường Như Lai. Cúng dường trai phạn xong. Tất cả đại chúng đồng hoan hỉ phát tâm Vô thượng Bồ đề. Vô lượng, vô số hằng sa Bồ tát được trụ bậc Bồ tát Sơ địa.

Đức Thế tôn thọ ký cho Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Ca Diếp Bồ tát và Thuần Đà. Sau khi thọ ký, đức Phật dạy rằng:

Này các Thiện nam tử! Mọi người hãy tự tinh tấn tu tập, thường nhiếp niệm, định tâm, tư duy chánh pháp. Quán chiếu nội thân, ngoại vật đều là pháp “duyên sanh”. Quán chiếu Như Lai thường trụ. Tam Bảo thường trụ. Không nên phóng dật trong cuộc sống.

Giờ phút này, tứ chi Như Lai nhức mỏi, lưng đau. Như Lai muốn nằm như trẻ nít, như mọi người trên đời khi có bệnh. Các Bồ tát Văn Thù Sư Lợi Pháp vương tử, hãy vì bốn bộ chúng mà giảng thuyết truyền đạt chánh pháp. Nay Như Lai đem hết chánh pháp giao phó cho các ông. Khi Đại Ca Diếp và A Nan đến, các ông hãy phó chúc chánh pháp như vậy.

Dặn dò xong, nhằm điều phục chúng sanh, Như Lai hiện thân có bệnh, nằm nghiêng bên tay mặt ...

*
* *

TRỰC CHỈ

ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN = những vấn đề CÁC ĐỆ TỬ cần HỎI PHẬT. Thực vậy, bốn mươi chín năm giáo hóa, đức Phật tiếp xúc với nhiều hạng người, nhiều trình độ, căn cơ chủng tánh khác nhau. Nếu nói “hạng

người”, lúc Phật ra đời tại xứ Ấn Độ có những giai cấp: Bà la môn. Sát Đế Ly. Phệ Xá. Thủ Đà La. Lại còn một giai cấp người thời bấy giờ cho là “ngoại cấp” tức là giai cấp chỉ được làm nô lệ cho các cấp kia. Giai cấp đã nhiều như vậy, đương nhiên “căn cơ, trình độ” kiến thức hẳn khác nhau. Sẽ có căn cơ bậc thượng, bậc trung, bậc hạ là chuyện hiển nhiên, dù xã hội có muốn chối bỏ, trốn chạy cũng không thể được.

Nhìn bằng “đạo nhãn”, đạo Phật mới phân loại “chủng tánh”. Chủng tánh có nghĩa trong tánh vốn có của người đó “hiện giờ” thứ “hạt giống” nào trong con người đó có sinh lực nảy nở sanh trưởng mạnh nhất: Hạt giống phàm phu, ngoại đạo, bất định, Nhị thừa hay Đại thừa. Phật giáo chia chủng tánh con người có thể ai đó, có một, trong năm thứ ấy.

Từ chỗ nhận xét, xếp loại về chủng tánh. Giáo lý đạo Phật xếp hạng “cổ xe”. Xe nào chuyên chở hạng người nào, hạng người nào đi xe nào, không thể đi xe khác được. Đó là vấn đề “THỪA”. Thừa trong Phật giáo có năm: Nhơn thừa. Thiên thừa. Thanh văn thừa. Duyên giác thừa và Bồ tát Đại thừa. Đó là “ngũ thừa Phật giáo”.

Căn cứ giáo lý của năm thừa, đạo Phật còn phân ra ba THỜI: “Nhật xuất tiên chiếu”. “Nhật thăng

chuyển chiếu”. “Nhật một hoàn chiếu”. Theo nhận định, phán đoán của Hoa Nghiêm Tôn”.

Nhận định giáo lý, lại còn đòi hỏi chất liệu uyên thâm của người đệ tử Phật mới nhìn rõ và phân chất, giáo lý đó thuộc hệ tư tưởng nào trong năm hệ: “Thử giáo”, “Chung giáo”, “Tiệm giáo”, “Đốn giáo” và “Viên giáo”. Do vậy, học Phật phải chuyên cần, phải ứng dụng VĂN, TU, TU sâu sắc mới thọ dụng được hương vị vô cùng tuyệt diệu của kho tàng chánh pháp, đem đến cho con người hiệu quả GIẢI THOÁT GIÁC NGỘ ngay trong cuộc sống trên cõi đời. Nguồn giáo lý chia ra như vậy dựa trên cơ sở từ “Tiểu thừa” đến “Đại thừa”. Từ “phương tiện” đến “cứu cánh”. Từ “chậm lụt” đến “nhanh chóng”. Từ “chưa hoàn thiện” đến “viên mãn” ...

Về mặt ngôn ngữ văn tự, còn có: vô tự, bán tự và mãn tự... Rõ ràng, lối thuyết pháp, giáo hóa của Như Lai Thế tôn, hàng Thanh văn, Duyên giác không sao thấu hiểu trọn vẹn âu cũng là chuyện tất nhiên. Đến như hàng Bồ tát cũng còn phải học hỏi nhiều.

Đó là những sự kiện, những lý do: ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN để rồi đức Phật giải đáp, quyết nghị cho đại chúng ở phẩm ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN này.

Hồi này, nhắc lại duyên cớ ông Thuần Đà cúng Phật và đức Phật chỉ nhận lễ vật cúng dường của ông Thuần Đà ở phẩm thứ hai của bộ kinh này.

Phật thì có ánh sáng, có hào quang, chân lý là như vậy. Vì Phật là “Bồ đề vô thượng”, là một đức hiệu nói lên sự tích lũy, sự cô đọng của toàn bộ trí tuệ trong vô lượng vô số kiếp. Cho nên thân Phật là một khối trí tuệ, tỏa ánh sáng, phóng hào quang, nhằm nói với tất cả chúng sanh, dạy cho mọi người về ý nghĩa “phóng quang” của Phật.

Hào quang Phật phóng chiếu tới đâu thì ranh giới “cõi nước” của chư Phật không còn. Dùng Phật nhãn mà nhìn pháp giới, pháp giới “bình đẳng”, “nhất chân”, “bất nhị”.

***** P.Sư T.T.Thông giảng lúc 8 giờ sáng chủ nhật
12/5/2002, tại giảng đường chùa Vĩnh nghiêm,
Tp.HCM - Kỳ 69**

Dựa trên bầu pháp giới BÌNH ĐẲNG, NHẤT CHÂN, BẤT NHỊ đó mà tư duy, trong đó có: Phật tánh, pháp tánh, tăng tánh thường trụ hiện hữu khắp không gian vô tận, khắp thời gian vô cùng. Bởi lẽ: PHÁP GIỚI BẤT NHỊ đó không có chất liệu nhiễm ô. Vì vậy,

nhìn đâu cũng thấy Phật, nhìn đâu cũng thấy chánh pháp và cũng thấy thanh tịnh Tăng.

Phật dạy cho đại chúng hãy biết: Rằng Phật vĩnh cửu trụ Niết Bàn, chớ không phải giờ phút này Phật mới có Niết Bàn. Đại chúng nên tu học, phải tư duy về Như Lai, Phật. Nếu hiểu rằng, giờ phút này, tại rừng Ta La Song Thọ, đức Phật “sẽ” nhập Niết Bàn.. Đó là hiểu biết của hạng bạc địa phàm phu và hàng Tỳ kheo tâm phát ý với chủng tử Nhị thừa. Sự đến đi của Như Lai giống như sự đến đi của một lương y vô thượng xuất hiện ở một vùng mà nhiều người mắc phải dịch bệnh hiểm nguy. Trị lành bệnh mọi người, lương y không hiện diện ở vùng này, không được hiểu là lương y đã chết.

Người đạt đạo, thành đạo là người:

“ ... Vãng lai tam giới chi tâm.

“ Xuất một vị tha tác tắc...”

(Người khách qua lại trong tam giới

Ẩn hiện làm gương sáng cho đời)

Ai cũng có thể tưởng tượng được rằng: Thực phẩm trai nghi của quyến thuộc ông Thuần Đà mang chở đến, so với số khách Phật, Bồ tát mười phương đến dự, rõ là chẳng cân đối. Cung cầu chênh lệch dường nào, người dở toán nhất đời cũng biết là ... không đáp

ứng nổi! Vậy mà, “do sức thần Phật”, đầy đủ, viên mãn hết! Đó là Phật muốn dạy cho đệ tử học hiểu về giáo lý:

“ Nhất đa tương dung

“ Đồng thời cụ túc tương ứng

“ Quảng nhiếp tự tại vô ngại

“ Chư pháp tương tức

“ Nhất tức nhất thiết

“ Nhất thiết tức nhất ... ”

Một và nhiều chứa đựng lẫn nhau

Trong một thực tại tương ứng đầy đủ tất cả

Rộng hẹp không ngại nhau tự tại

Trong vật này, có chất liệu vật kia, và ngược lại.

Một là tất cả,

Tất cả là một ...

Và:

“ Mộng lý minh minh hữu lục thú

“ Giác hậu không không vô đại thiên ...”

Nói là “Như Lai hóa hiện”. Sự thật Như Lai không “vẽ bùa”, không đọc thần chú “úm ba la”, không phun “phèo” để hóa hiện như những người bạc địa phàm phu tưởng tượng!

Pháp thân Tỳ lô giá na = BIẾN NHẤT THIẾT XỨ, của Như Lai chứa đầy đầy, khít khao chỗ nào cũng Phật, Bồ tát. Nhìn đâu cũng Bồ tát, Phật. Chất liệu nào thuộc loại “nhiễm ô, đau khổ, phiền muộn” thì không có trong PHÁP THÂN PHẬT.

Khế kinh Như Lai nói có nghĩa DƯ, cũng không có nghĩa DƯ. Có nghĩa DƯ là lúc Như Lai sử dụng “phương tiện”. Có nghĩa DƯ, có nghĩa là chưa trọn nghĩa. Không nghĩa DƯ là những kinh hệ tư tưởng Đại thừa. Kinh Đại thừa Phật nói chân lý “cứu cánh”, trọn nghĩa, KHÔNG DƯ.

Kinh nghĩa lý còn DƯ là kinh “bất liễu nghĩa”. Kinh nghĩa lý KHÔNG DƯ là kinh “liễu nghĩa”.

Do vậy, người đệ tử xuất gia, trưởng tử Phật có nhiệm vụ hoằng dương chánh pháp, tục diệt truyền đăng, tiếp dẫn hậu lai phải hiểu kỹ bốn sự mình. Như quan hầu cận hiểu rành rõ “mật ngữ” của nhà vua vậy.

Lúc nào Như Lai sử dụng : Thế giới tất đàn ?

Lúc nào Như Lai sử dụng : Vị nhơn tất đàn ?

Lúc nào Như Lai sử dụng : Đối trị tất đàn ? và

Lúc nào Như Lai dạy về : Đệ nhất nghĩa tất đàn?

Cuộc hành trình giáo hóa của Phật ngót năm mươi năm. Lời Phật dạy ở trong các kinh đều vận dụng “sách lược” như nhà chính trị tài ba. Vận dụng “chiến lược” như nhà quân sự thiên tài. Vận dụng “ứng bệnh dữ được” như vị lương y vô thượng.

Cho đến lúc vai trò, nhiệm vụ hoàn thành Như Lai mở kho tàng bí mật, truyền đạt tư tưởng Đại thừa Đại Niết bàn, dạy “ĐỆ NHẤT NGHĨA TẤT ĐÀN”, là kinh trọn nghĩa không DƯ.

NHẤT XIỂN ĐỀ đối với giáo lý kinh điển Phật là người bị khiển trách nặng nề. Nhưng, thật ra không có cái “tự tánh xiển đề”, dành cho riêng ai cả. Cũng như trong xã hội loài người, cuộc sống không có giai cấp “xì ke ma túy” mà tại người nào đó hút, chích, hít “xì ke ma túy” mà gọi là “người xì ke ma túy” vậy thôi. Ngày nọ họ “cai” tốt, không còn hút, hít ... họ đi dạy học, bấy giờ họ là thầy giáo. Họ đi làm cô kế toán ngân hàng ... Trong buổi chợ đời, không có người miệt khinh tam bảo, phỉ báng chánh pháp, làm điều ác đức. Sát, đạo, dâm, vọng ... thì cái từ “NHẤT XIỂN ĐỀ” không có. Hoặc từ trước đến nay, từng làm những điều tội ác thành NHẤT XIỂN ĐỀ rồi. Nhưng bất chợt trong

một dịp tình cờ, vắng vắng tai nghe được một câu kinh của ai đó, giảng nói chánh pháp Đại thừa. Nghe rồi tâm đắc, tìm tòi, học hỏi, tu tập theo chánh pháp, hộ trì chánh pháp, lúc bấy giờ, người nhất xiển đề này không là “nhất xiển đề” nữa! Họ là Bồ tát trên đời, vì họ đã đổi đời, như thầy giáo và cô kế toán ngân hàng kia.

Phạm giới hay phá giới, đỉnh cao tội tội lỗi của nó là biến con người sai phạm trở thành người NHẤT XIỂN ĐỀ. Nhất xiển đề còn có cơ hội “quay về”, xóa sạch dấu vết “nhất xiển đề”. Đối với người lỡ phạm giới hoặc “thất trận” mà phá giới, Phật dạy CỨU ĐƯỢC, với điều kiện kèm theo. Bởi vì, giáo lý Phật dạy rõ rằng:

- “ Tội tánh bốn không do tâm tạo
- “ Tâm nhược diệt thời, tội diệt vong
- “ Tội vong tâm diệt, lưỡng câu không
- “ Thị tắc danh vi chân sám hối ... ”

Tội do tâm khởi, do tâm diệt

Tâm đã diệt rồi tội sạch trong.

Tội vong tâm diệt cả hai không

Được vậy gọi là người chân sám hối.

Học Phật, học giáo lý Tiểu thừa chưa đủ. Phải học giáo lý Đại thừa mới đủ.

Học giáo lý bán tự chưa đủ, phải học giáo lý mãn tự mới đủ.

Học chín bộ kinh chưa đủ, phải học mười hai bộ kinh mới đủ.

Học rất nhiều các kệ kinh khác chưa đủ. Phải học hệ tư tưởng Đại thừa liễu nghĩa mới đủ.

Học Đại thừa liễu nghĩa cũng chưa đủ trọn vẹn, phải học hệ tư tưởng tối thượng Đại thừa của thời PHÁP HOA và ĐẠI NIẾT BÀN mới hoàn toàn viên mãn.

Một số người trong đại chúng, trước Phật tỏ vẻ buồn bã thương tiếc việc Phật sắp nhập Niết Bàn. Họ trịnh trọng dâng món ngon vật lạ Phật dùng trước khi chết. Như Lai thương xót họ lắm, Như Lai không thể nói nên lời. Nhưng Như Lai không nhận đồ ăn của họ.

Các Đại Bồ tát như Đại Trí Văn Thù, Đẳng Quán Bồ tát, Bất Đẳng Quán Bồ tát ... thì quá rõ Như Lai :

“ ... Tỳ da thành lý bất tăng sanh

“ Ta la thọ gian bất tăng diệt ”

Tuy nhiên, vì giáo hóa chúng sanh, Như Lai vẫn phải hành động như mọi người đời. Như Lai đau, Như Lai bị nhức mũi, Như Lai muốn trở mình, nằm nghiêng bên mặt ... Bởi vì Như Lai đang đóng vai trò “NGƯỜI TU MẪU” cho cửu giới chúng sanh ./.

Phần hướng dẫn bài giảng (Nghe: MP3)

Kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN (TẬP I)

Tiểu dẫn Ồ Phẩm 17 (Kỳ 1 Ồ Kỳ 69)

ĐBNN 01 (Bài giảng Đại Bát Niết Bàn 1)

00. 42.40: (00 giờ, 42 phút, 40 giây)

“ Thâm nhập kinh tạng trí tuệ như hải “

01.13.07 (1 giờ, 13 phút, 7 giây)

Pháp thân Phật

01.20.03 Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp, bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ

01.21.55 Bài kệ Tắm Phật :

“ Ngã kim quán mộc chư Như Lai

Tịnh trí trang nghiêm công đức tụ

Ngũ trước chúng sanh lịnh ly cấu

Đồng chứng Như Lai tịnh pháp thân

Tỳ gia thành lý bất tăng sanh

Ta la thọ gian bất tăng diệt

Bất sanh bất diệt lão Cù Đàm
 Nhân trung khán kiến trùng thêm tiết
 Kim triêu chánh thị tứ ngoạt bát
 Tịnh Phạn vương cung sanh Tất Đạt
 Phún thủy cửu long thiên ngoại lai
 Bồng túc liên hoa tùng địa phát”

ĐBNN 02 - TIỂU DẪN - KỲ 2

00. 09.22: Có bảy cách cấu tạo nhan đề của bộ kinh

1. Đơn nhờn 2. Đơn pháp 3. Đơn dụ
4. Pháp dụ 5. Nhơn pháp 6. Nhơn dụ
7. Nhơn pháp dụ

00.20.46: Phật Học Tự điển của Đào Duy Anh

00.26.57: Nghĩa chữ Niết bàn: Đại nhập diệt tức

Đại diệt độ

Đại viên tịch nhập ...

00.29.42 : Đại nhập diệt tức hay đại diệt độ

Đại nhập diệt tức : Pháp thân-Bát nhã-
 Giải thoát

00.43.51: Bồ đề = Bát nhã , Trí đức

Niết bàn = Giải thoát, Đoạn đức

00.49.05: Một đức Phật phải có ba đức: Trí đức,
 Đoạn đức, Pháp thân đức

00.58.00: Muốn chỉ cỡi Phật thanh tịnh phải làm sao?

Niết bàn là cảnh giới sở chứng của tâm, nó
 không có ở bên ngoài

"Tùy kỳ tâm tịnh tắc Phật độ tịnh

Dục tịnh Phật độ tiên tịnh kỳ tâm"

01.05.45: Tất cả pháp sanh không thật sanh, diệt
 không thật diệt

Nhứt thiết pháp bất sanh

Nhứt thiết pháp bất diệt

Nhược năng như thị giải

Chư Phật thường hiện tiền

Hà khứ lai chi hữu

01.11.00: Phải viễn ly các tướng mới có Niết bàn:

Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng

Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến

Như Lai

01.19.36: Nghĩa thứ ba của Niết bàn: Đại viên tịch nhập.

ĐBNN 03 - TIỂU DẪN - KỲ 3

00.07.07: Nghĩa thứ ba của Niết bàn: Đại Viên Tịch Nhập.

00.03.55: Chúng ta nếu muốn có Niết bàn cũng vẫn được: Tỉnh thức trong ngày ... Buông bỏ ngã, ngã sở hữu...

00.52.34: Sáu điều khó nghe khi học kinh ĐBNN (điều 1, 2, 3, 4)

ĐBNN 04 - TIỂU DẪN - KỲ 4

00.08.24: Người học chánh pháp, hành chánh pháp giống như lội nước ngược vậy...

00.10.51: Điều khó thứ 5: Học kinh Niết bàn người đệ tử Phật phải không trụ chấp nơi ứng hóa thân Phật.

00.14.48: Ứng hóa thân Phật
 "...Ứng dĩ Phật thân đặc độ giả
 Tức hiện Phật thân như thị thuyết pháp"

00.21.41: Báo thân Phật.

00.25.50: Tư duy quán chiếu cho kỹ xem vạn pháp có tánh làm nhiễm ô cho mình không?

00.35.49: Quán chiếu vạn pháp là thân, thân là vạn pháp, là Phật tánh, là Pháp thân

"Tuyết sơn phỉ nhị cánh vô tạp

Thường xuất đề hồ ngã thường nạp

Nhất tánh viên thông nhất thiết tánh

Nhất pháp biến hàm nhất thiết pháp

Nhất nguyệt phổ hiện nhất thiết thủy

Nhất thiết thủy nguyệt, nhất nguyệt nhiếp

Chư Phật pháp thân nhập ngã tánh

Ngã tánh đồng cộng Như Lai hợp"

(Chứng đạo ca , thi ca 32)

00.52.04: Mọi người ai cũng có thể nhập Niết bàn

01.00.16: Điều khó thứ sáu: Mọi người đều có khả năng thành Phật

ĐBNN 05 - Phẩm 1 - TỰA - KỲ 5

00.02.09: Thiếu chủng tánh Đại thừa nghe kinh ĐBNN rất khó

- 00.03.05: Tựa: Tựa chung, tựa riêng
- 00.09.29: Ứng hóa thân, pháp thân Phật
"Tỳ gia thành lý bất tăng sanh
Ta la thọ gian bất tăng diệt"
- 00.15.22: Rằm tháng hai (phổ vị thế giới tất đàn)
- 00.18.22: Thiên “ Như Lai thương chúng sanh như
con một”
- 00.31.13: " Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhật,
A Hàm thập nhị phương đẳng bát,
Nhị thập nhị niên Bát Nhã đàm
Pháp hoa, Niết bàn cộng bát niên”
- 00.42.59: Phật tánh ai cũng có, hòa hợp với Tứ
thánh, Lục phàm trong con người
- 01.16.45: Không tuệ: Nhận thức được chân lý vạn
pháp giai không
- 01.22.53: Ai là người muốn có giải thoát, muốn cắt
đứt mọi triền phược đang bao quanh của
cuộc sống gia đình, xã hội thì phải tu tập,
phải tư duy quán chiếu để thành tựu được
KHÔNG TUỆ

ĐBNN 06 - Phẩm 1 - TỰA - KỶ 6

- 00.05.35: Đoàn bốn, Ưu bà tắc (Cận sự nam)
Đoàn năm, Ưu bà di (Cận sự nữ)
- 00.24.31: Kinh ĐBNN chú trọng về đại thừa, thừa thì
GẤP, giới thì HƯỖN
"Chư ác mạc tác
Chúng thiện phụng hành
Tự tịnh kỳ ý
Thị chư Phật giáo"
- 00.29.46: Đoàn Ưu bà tắc, Ưu bà di cộng lại bằng cát
của năm sông Hồng- Sự mất mát lớn của
mười phương...
- 00.32.21: Quán chiếu : Vô ngã, vô thường, mong
manh tạm bợ và bất tịnh của tự thân.
- 00.38.33: Thiên : "Viễn ly ..."
Phải đủ sức làm chủ lục căn để kính nhi
viễn chi bạn xấu
- 00.51.32: CẤU : Tham, sân, si, mạn , nghi... nó biến
dạng quá nhiều như bụi bặm nên gọi là
TRẦN.
- 00.57.14 : Chưa phải thời (Mật ý Như Lai)

01.16.20: Đừng bao giờ tin tưởng hảo huyền nước Cực Lạc phải ở phía mặt trời lặn...(đừng dựa theo văn tự vì đó là phổ vị thế giới tất đàn)

ĐBNN 07 Phẩm 1 - TỰA- KỲ 7

00.11.00: Chúng ta có Bồ tát tâm, Bồ tát hạnh ở trong lòng ta.

00.16.03: Chúng ta không hưởng được Niết bàn ngay trong cuộc sống này mà nghĩ rằng chờ ngày chết rồi mới hưởng, điều đó KHÔNG BAO GIỜ CÓ!...

00.18.00: Mọi người chúng ta ai cũng có thế giới Ý Lạc Mỹ Âm trong lòng

00.42.17: Mười đức hiệu của đức Phật.

00.57.08: Thế nào là Điều Ngự Trượng Phu?
Phân biệt giữa: Trượng phu, Quân tử, Anh hùng

01.13.09: Như Lai ở đây phải được hiểu là Như Lai pháp thân

ĐBNN 08 Phẩm 1- TỰA - KỲ 8

00.02.03: Chữ Bát trong ĐBNN và chữ Bát trong kinh Bát Nhã

00.06.07: Người có học đạo, có chứng đạo cái chết chẳng có mất mát gì hết...

00.09.03: Pháp thân Như Lai tức là Như Lai tàng

ĐBNN 09 Phẩm 1- TỰA- KỲ 9

00.01.22: Sự kiện đức Phật nhập Niết Bàn là sự kiện liên quan đến 10 phương thế giới chứ không riêng cõi Ta Bà mà thôi.

00.04.26: Tại sao lại gọi là 9 phương trời 10 phương Phật?

00.10.42: Hệ giáo lý kinh Hoa Nghiêm:
Nhất thiết tức nhất, nhất tức nhất thiết
Cái nhiều là nhiều của cái một
Trong một chất bao hàm tất cả chất
Trong một tánh viên dung tất cả tánh
Trong pháp này có chứa chất liệu của pháp kia.

ĐBNN 10 Phẩm 2 - THUẬN ĐÀ - KỲ 10

00.04.20: Nam mô : Hoan nghinh, cung kính, có 6 nghĩa: Quy y, Quy mạng, Cung kính, Lễ bái, Cứu ngã, Độ ngã.

- 00.12.45: Bố thí Ba La Mật : Tam luân không tịch.
 00.20.20: "Manh qui phù mộc dị kỳ thường"
 00.35.15: Phật dạy cảnh giới nhân thiên vốn không bền. Vậy cảnh giới đó ở đâu?

ĐBNB 11 Phẩm 3 - AI THÁN - KỲ 11

- 00.04.03: Lục chủng chấn động (đất tâm, lục căn, lục thức)
 00.30.00: Không, bất không (y tha khởi tánh),,
 Y, phi y (tứ y), Qui, phi qui (tam qui y),....
 Nhị, bất nhị (pháp môn bất nhị).v.v...
 00,49.55: Kiết sử (Thập sử: Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến)

ĐBNB 12 Phẩm 3 - AI THÁN - KỲ 12

- 00.03.12: Bạch Thế Tôn! Không ai khen cây chuối là bền chắc...
 00.06.23: Tu quán pháp vô ngã không còn kiến chấp. Vậy sao trong ĐBNB đức Phật lại rầy khi quán pháp vô ngã?

- 00.11.54: Tại sao đức Phật lại cho: Vô thường, Khổ, Vô ngã, Bất tịnh là cái nhìn đảo lộn như người say rượu nhìn cảnh vật.
 00.16.39: Ngã chính là thực nghĩa của Phật, là tánh Giác của ta.
 00.31.56: Thường là thực nghĩa của Pháp thân. Vậy pháp thân là cái gì?
 00.42.08: Lạc là thực nghĩa của Niết bàn
 00.51.24: Tịnh là thực nghĩa của Pháp (Bát nhã ba la mật đa)

ĐBNB 13 Phẩm 3 - AI THÁN - KỲ 13

- 00.38.20: Vấn đề tạo mộ - Làm mồ mả gia tiên

ĐBNB 14 Phẩm 4 - TRƯỜNG THỌ - KỲ 14

- 00.06.20: Học ĐBNB là học :
 - Pháp thân Phật (Trường thọ),
 - Chân lý Thường, lạc , ngã, tịnh,
 - Tam bảo thường trụ
 00.14.10: Tất cả các pháp bốn tánh không tịch

ĐBNNB 15 Phẩm 4 - TRƯỜNG THỌ - KỶ 15

- 00.01.22: Niết bàn là gì?
00.36.24: Như Lai pháp thân

ĐBNNB 16 Phẩm 4 - TRƯỜNG THỌ - KỶ 16

- 00.22.12: Nhược hữu trung lưu chi sĩ, vị năng đốn siêu thả ư giáo pháp lưu tâm, ôn tâm bối diệt tinh sương nghĩa lý truyền xướng phu dương, tiếp dẫn hậu lai báo Phật ân đức...
00.28.16: Tu phải có giải thoát... Nếu có nghi lễ ràng buộc hơn người chưa tu là tu sai rồi...
00.30.50: **Giảng về thiệp chúc Tết năm 2001**
00.53.28: Đạo Phật là đạo nhân quả.
Lộng giả thành chơn
01.05.22: Vấn đề phóng sanh
01.13.20: Phạm phu dù có pháp lành cũng là pháp thừa của Như Lai
01.15.59: Vấn đề để tang

ĐBNNB 17 Phẩm 4 - TRƯỜNG THỌ - KỶ 17

- 00.38.45: Pháp tánh

ĐBNNB 18 Phẩm 4 - TRƯỜNG THỌ - KỶ 18

- 00.14.10: Tự tánh thanh tịnh Niết bàn
00.26.35: Hữu dư y Niết bàn & Vô dư y Niết bàn
Vô trụ xứ Niết bàn

ĐBNNB 19 Phẩm 5 - KIM CANG THÂN - KỶ 19

- 00.03.01: "Vân hà đắc trường thọ,
Kim cang bất hoại thân"
"Dục thủ nhất thừa bất ố lục trần.
Lục trần bất ố hoàn đồng chánh giác"

ĐBNNB 20 Phẩm 5 - KIM CANG THÂN - KỶ 20

- 00.11.13: Pháp thân Như Lai
00.45.25: Tỳ kheo nuôi thân vừa đủ ...
00.51.08: Du hí thần thông - Thần thông đệ nhất (Mục Kiên Liên)
01.10.20: Đại thừa **thừa gấp, giới hườn**
01.24.00: Phải thấy cho được Pháp thân Phật hiện hữu, tồn tại về mặt không gian, thời gian. Như vậy mới gọi là hiểu Phật... Như vậy mới có an lành trong cuộc sống.

ĐBNN 21 Phẩm 5 - KIM CANG THÂN - KỶ 21

00.52.35: Tâm Bồ đề là gì?

00.53.07: Huân tập

ĐBNN 22 Phẩm 5 - KIM CANG THÂN - KỶ 22

00.01.48: "Vân hà đặc trường thọ

Kim cang bất hoại thân"

00.18.20: Tham, Sân, Si liên hoàn với nhau không bao giờ tách ra được.

00.24.05: Giới, Định, Tuệ tam vô lậu học

00.42.30: Nhứt Xiển Đề

ĐBNN 23 Phẩm 6 - DANH TỰ CÔNG ĐỨC - KỶ 23

00.04.43: Nếu ta hiểu rằng học phẩm "Danh tự công đức" là có được công đức là hoàn toàn không đúng ý Phật...

00.10.16: Có thật khi nghe tên kinh ĐBNN mà khởi sa vào bốn đường ác?

00.52.23: Vì sao khi nghe văn tự chương cú này (ĐBNN) sẽ được an lành, hạnh phúc, tự tại...?

ĐBNN 24 Phẩm 6 - DANH TỰ CÔNG ĐỨC - KỶ 24

00.03.40: Chữ DIỆT trong giáo lý Tứ Đế

00.04.48: Tập đế: tam độc, tứ đảo, ngũ cái, lục dục, thất tình, bát phong, cửu não, thập triền, thập sử.

ĐBNN 25 Phẩm 7 - TỬ TƯỚNG (A) - KỶ 25

00.02.55: Ngũ phần pháp thân (giới, định, tuệ, giải thoát tri kiến, giải thoát).

00.21.44: Người đệ tử Phật phải có 4 đức tướng: (tự chánh, chánh tha ...)

ĐBNN 26 Phẩm 7 - TỬ TƯỚNG (A) - KỶ 26

00.01.25: (Phật, Pháp, Tăng, Niết bàn) thường trụ

00.17.30: Người đệ tử Phật phải có 4 đức tướng: (...đáp vấn linh hoạt, khéo hiểu ý nghĩa nhân duyên)

ĐBNN 27 Phẩm 7 - TỬ TƯỚNG (A) - KỶ 27

00.02.24: Nói về thiện thệ (chánh niệm, căn bản Bồ đề, đức nhẫn)

00.26.05: Niết bàn là vậy đó !!!

ĐBNN 28 Phẩm 7 - TỬ TƯỚNG (A) - KỶ 2800.08.11: “ Thân tại hải trung hữu mịch thủy
Nhật hành lãnh thượng mạc tầm sơn”

- 00.14.50: Tự tánh thanh tịnh Niết bàn vốn có trong ta không hề mất.
- 00.19.45: Đau khổ do Phật tánh bị lu mờ
00. 20.39: Sự thị hiện của Như Lai
- 00.26.30: Tổ Qui Sơn: Nhứt triêu ngoạ tịch tại sàng, chúng khổ danh triền bức bách, hiểu tịch tư thốn, tâm lý hồi hoàn. Tiền lộ mang mang vị tri hà vãng. Tùng tư thỉ tri hối quá, lâm khát quật tỉnh hề vi! Tự hận tảo bất dự tu, niên vãng đa chư quá hoạn. Lâm hành huy hoắc, phạ bố chương hoàng.

ĐBNNB 29 Phẩm 7 - TỨ TƯỞNG (A) - KỶ 29

- 00.10.17: Động vật thứ cấp và hạ cấp có tương quan không?
- 00.15.37: Bài kệ khai chuỗi (pháp môn Tịnh độ)
“Ái hà thiên xích lãng khổ hải vạn trùng ba,
Dục thoát luân hồi khổ tảo cấp niệm Di Đà”
- 00.20.20: Sự mâu nhiệm con số 7
- 00.34.50: Sự thị hiện của Như Lai

ĐBNNB 30 Phẩm 7 - TỨ TƯỞNG (A) - KỶ 30

- 00.01.20: Vô niệm của Lục Tổ và Huyền Giác thiền sư

ĐBNNB 32 Phẩm 7 - TỨ TƯỞNG (B) - KỶ 32

- 00.31.00: Thơ Nguyễn Công Trứ:
"Thị tại môn tiền náo
Nguyệt lai môn hạ nhàn"...
- 00.56.45: Hai mươi lăm cõi

ĐBNNB 33 Phẩm 7 - TỨ TƯỞNG (B) - KỶ 33

- 00.05.05: Đại nhập diệt (Đại Niết bàn)
- 00.19.50: Tam năng và tam bất năng của Phật
- 00.32.07: Ăn chất độc của 25 cõi

ĐBNNB 34 Phẩm 7 - TỨ TƯỞNG (B) - KỶ 34

- 00.18.10: Tham thiền chất độc của nhị thập ngũ hữu
- 00.29.20: Như Lai là Đại Niết Bàn, là pháp vô vi...
- 00.31.22: Con người khi chết không hề mất, địa ngục chỉ là công cụ để răn đe không hề có.
- 00.54.55: Tam bảo là ba viên ngọc quý đúng hơn là ba ngôi quý báu
“Dục tri sơn hạ lộ tu vấn quá lai nhơn”

ĐBNNB 35 Phẩm 7 - TỨ TƯỞNG (B) - KỶ 35

- 00.03.30: Vô minh thật tánh tức Phật tánh

ĐBNNB 36 Phẩm 7 - TỨ TUỞNG (B) - KỶ 36

00.07.08: Như Lai không hề có tu- vô trí diệt vô đắc

00.23.25: Vị tăng hữu

00.30.42: Giữ đức Xả

"Nhận đão hàn đàm, nhận quá đàm vô lưu ảnh

Phong lai suy trúc, phong khứ trúc bất lưu thanh"

ĐBNNB 37 Phẩm 7 - TỨ TUỞNG (B) - KỶ 37

00.21.25: Tam giới

00.37.10: Một vị Phật phải có 3 đức

00.49.50: Vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh

Thường, lạc, ngã, tịnh

00.54.11: Pháp nhĩ như thị

ĐBNNB 38 Phẩm 8 - TỨ Y - KỶ 38

00.20.30: Kiến hoặc - Tư hoặc (Tứ quả Thanh văn)

ĐBNNB 39 Phẩm 8 - TỨ Y - KỶ 39

00.04.20: Đạo Phật không là một tôn giáo

00.22.29: Nhị thập ngũ hữu

00.23.24: Thập thiên thập sử

00.26.05: Tiểu thừa & Đại thừa

00.38.17: Tám pháp bất tịnh

00.43.00: Tiêu chuẩn để chọn một vị thầy cho mình

00.45.25: Chánh báo - Y báo

00.54.13: Pháp tứ y

ĐBNNB 40 Phẩm 8 - TỨ Y - KỶ 40

00.02.09: Pháp Tứ y

00.02.16: Pháp tánh

00.02.59: Pháp tướng

00.44.06: Ứng hóa thân Như Lai

00.47.30: Thân ngũ ấm, lục nhập, thập bát giới

ĐBNNB 41 Phẩm 8 - TỨ Y - KỶ 41

0.30.00: Bốn hạng người có thể làm chỗ quy y

00.14.13: Quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán.

Thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ

00.27.50: Tam thân Phật

01.27.56: Tà chánh

01.20.34: "Tỳ gia thành lý bất tăng sanh

Ta la thọ gian bất tăng diệt"...

ĐBNN 42 Phẩm 9 - TÀ CHÁNH - KỶ 42

- 00.06.30: Hiểu Phật qua Pháp thân có lợi hơn ứng thân
- 00.08.54: Như Lai Thiên
"Chứng thật tướng vô nhơn pháp"
- 00.15.15: "Vãng lai tam giới chi tâm
Xuất một vị tha tác tặc"
- 00.19.07: Luân hồi (kiểm tra tâm)
"Kim sanh tiệm tu quyết đoán
Tưởng liệu bất do biệt nhơn"
- 00.22.39: Học tà chánh qua nhãn quan Đại thừa
- 00.23.58: Vị tầng hữu
- 00.52.35: Thị hiện
- 00.54.31: "Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn
Vô lượng sinh tử ư kim tận hỉ"
- 00.55.56: Bài kệ tẩm Phật:
"Ngã kim quán mộc chư Như Lai
Tịnh trí trang nghiêm công đức tụ
Ngũ trực chúng sanh linh ly cấu"

Đồng chứng Như Lai tịnh pháp thân"

Tỳ gia thành lý bất tầng sanh

Ta La thọ gian bất tầng diệt..."

ĐBNN 43 Phẩm 9 - TÀ CHÁNH - KỶ 43

- 00.15.20: Pháp nhĩ như thị
- 00.20.15: Vô lượng khổ đế: pháp giới nhất chân, bình đẳng, không còn miễn nhiễm
- 00.47.01: "Thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt,
Vạn lý vô vân vạn lý thiên"
- 00.51.50: "Phàm sở hữu tướng gian thị hư vọng"
(kinh Kim Cang)
- 00.52.05: "Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến
Như Lai"

ĐBNN 44 Phẩm 9 - TÀ CHÁNH - KỶ 44

- 00.14.25: Lục tức Phật
- 00.14.25: Nhất xiển đề
- 00.25.20: Giới Định Tuệ (Tam vô lậu học)
- 00.42.32: Bát Quan trai giới
- 00.48.42: Sở tri chướng
- 00.48.18: Chơn lý trung đạo

ĐBNN 45 Phẩm 10 - TỨ THÁNH ĐẾ - KỶ 45

- 00.09.49: Tứ đế, tứ diệu đế, tứ chơn đế, tứ thánh đế
 00.13.08: Sanh diệt tứ đế, (vô sanh, vô lượng, vô tác) tứ đế

ĐBNN 46 Phẩm 10 - TỨ THÁNH ĐẾ - KỶ 46

- 00.50.0: Tam khổ, Bát khổ

ĐBNN 47

- 08.09.32: **Giảng về thiệp chúc Tết năm 2002 - KỶ 47**

ĐBNN 48 Phẩm 11 - TỨ ĐẢO - KỶ 48

- 00.15.45: Tam giới
 00.32.36: Điên đảo thứ nhất: Không khổ tưởng là khổ
 00.38.47: Kiến tư hoặc
 01.05.14: Vật chất có trước hay tinh thần có trước ?
 "Nhược hơn dục liễu tri,
 Tam thế nhất thiết Phật
 Ứng quán pháp giới tánh,
 Nhất thiết duy tâm tạo"
 01.20.20: Tu pháp "KHÔNG", vạn pháp duyên sanh.

ĐBNN 49 Phẩm 11 - TỨ ĐẢO - KỶ 49

- 00.08.55: Điên đảo thứ hai: Vô thường tưởng thường.
 Thường tưởng là vô thường

Tam ma bát đề (đối tượng sở quán, sở tu)

- 00.27.10: Sanh lão bệnh tử là chân lý, pháp nhĩ như thị
 00.37.21: Tu pháp "KHÔNG", chơn không diệu hữu
 00.39.43: Điên đảo thứ ba: Vô ngã tưởng ngã. Ngã tưởng vô ngã
 Vạn pháp vô ngã nên không có linh hồn
 00.54.56: Điên đảo thứ tư: Tịnh tưởng bất tịnh. Bất tịnh tưởng tịnh.
 Học Tứ đảo có Chánh kiến
 Tam ma bát đề :
 - Vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh (bán tự giáo)
 - Thường, lạc, ngã, tịnh (mãn tự giáo)

ĐBNN 50 Phẩm 12 - NHƯ LAI TÁNH - KỶ 50

- 00.03.20: Sanh diệt tứ đế (Niết bàn Hóa thành)
 Vô lượng, vô tác tứ đế (Niết bàn bảo sở)
 00.06.0: Như Lai tánh (Phật tánh)
 00.18.10: Hai mươi lăm cõi (Nhị thập ngũ hữu)
 00.20.07: Tâm như công họa sư,
 Họa chủng chủng ngũ ấm

- Nhất thiết thế giới trung,
 Vô pháp nhi bất tạo,
 Như Tâm, Phật diệc nhĩ.
 Như Phật chúng sanh nhiên
 Tâm Phật cập chúng sanh
 Thị tam vô sai biệt
- 00.27.07: Như Thế tôn ngôn: Nhất thiết pháp vô ngã
 Hà đẳng nhất thiết pháp. Vân hà như vô ngã
- 00.30.06: Ngã = Như Lai tàng = Phật tánh (Mãn tự
 giáo)
- 00.59.35: Quán tánh “KHÔNG” của vạn pháp để
 không chấp ngã
- 01.02.30: Như Lai có 9 cách trị bệnh
- 01.06.12: Giai cấp nô lệ (nhân quả)
- 01.15.25: Do TÂM TƯỞNG và NGHIỆP DUYÊN
 khiến chúng sanh trôi lăn trong các nẻo
 luân hồi.

ĐBNN 51 Phẩm 12 - NHƯ LAI TÁNH - KỶ 51

- 00.05.02: Tam như Phật tánh
- 00.10.27: Ba hạng thiện tri thức

- 00.13.18: Đoạn trừ Kiến hoặc
- 00.16.33: Phật tánh vô ngã là Ngã
- 00.31.33: Hai mươi lăm cõi - Thập giới thánh phàm
 - Tam giới
- 00.37.49: Tổ Qui Sơn : "Như tu hành chỉ Phật bất
 uổng phi pháp thực diệc nãi phù báo tứ ân
 bạt tế tam hữu. Sanh sanh nhược năng bất
 thối mà Phật gia nhiếp định khả trì. Vãng
 lai tam giới chi tâm xuất một vi tha tác
 trách".
- 00.44.58: "Nhược dĩ sắc kiến ngã
 Dĩ âm thanh cầu ngã
 Thị như hành tà đạo
 Bất năng kiến Như Lai"
- 00.55.05: Kinh đại thừa phương đẳng như chất cam
 lồ mà cũng có lúc như độc dược?
- 01.05.16: Quy y Phật là đã xa rời hai mươi lăm cõi,
 tam giới.

ĐBNN 52 Phẩm 12 - NHƯ LAI TÁNH - KỶ 52

- 00.01.05: Pháp môn bất nhị
- 00.13.13: Chứng đạo ca (thi ca 32)

- 00.46.27: Địa vị Bồ tát
- 00.54.50: Thánh giáo lượng
- 00.58.25: Câu chuyện một con dao (nói về NGÃ)
- ĐBNN 53 Phẩm 12 - NHƯ LAI TÁNH - KỶ 53**
- 00.02.17: Đức Phật có mười đức hiệu
- 00.11.06: Pháp thân Tỳ Lô Giá Na Biến Nhất Thiết Xứ
- 00.21.23: Đức Phật hướng dẫn chúng sanh sử dụng Phật tánh vốn có của mình.
- 00.32.54: "Tế suy kim cổ sự kham sâu
 Quý tiện đồng qui thổ nhứt khâu
 Hán Võ ngọc đường như khởi tại
 Thạch gia kim cốc thủy như lưu
 Quang âm nhứt đáo hoàn tương mộ
 Thảo mộc phùng Xuân hựu đáo Thu"
- 00.37.17: Ông A Na Luật mắt mù vẫn có thiên nhãn đệ nhất
- 00.47.25: Ngã tánh thường trụ không biến hoại nhưng có thể biến dạng
- 00.55.25: Đức Phật dùng ba thí dụ để chỉ Phật tánh vốn có của chúng sanh

ĐBNN 54 Phẩm 13 - VĂN TỰ - KỶ 54

- 00.01.14: "Nhất thiết chư pháp tùng bốn dĩ lai, ly văn tự tướng, ly ngôn thuyết tướng, ly tâm duyên tướng, tất cánh bình đẳng bất khả phá hoại duy thị nhất tâm, cố danh chân như"
- (Kinh Đại thừa Khởi tánh)
- 00.03.43: Phẩm Văn tự nêu: Ba đối tượng tu học,
 Ba thứ văn tự : Mãn tự, bán tự, vô tự
- 00.17.25: Bán tự có 17 âm gốc
- ĐBNN 55 Phẩm 13 - VĂN TỰ - KỶ 55**
- 00.03.20: Là một đệ tử Phật vấn đề văn tự ngôn ngữ trong nền giáo lý đạo Phật các vị nhận thức như thế nào?
 "Nhất thiết tu đa la giáo như tiêu nguyệt chỉ"
- 00.11.12: Sống với Vô tự là hạng người nhất xiển đề, tự tác hoàn tự thọ
- 00.12.06: Như Lai không hề thương ai!
 Mặt trời và ánh sáng mặt trời cho tất cả nhân loại mà không hề cho ai hết!
- 00.32.08:

- Học bán tự : Giáo lý Tứ đế, Thập nhị nhân duyên
- 00.33.15: Học mãn tự: Thường, lạc, ngã, tịnh
- 00.41.34: Y tha duyên nhi sanh khởi (Duy Thức Học)
- 00.51.15: Tam giới
- 01.01.10: "Nhược hơn dục liễu tri,
Tam thế nhất thiết Phật
Ứng quán pháp giới tánh
Nhất thiết duy tâm tạo"

ĐBNN 56 Phẩm 14 - ĐIỀU DỤ - KỶ 56

- 00.01.58: Phật, Pháp, Tăng thường trụ
- 00.12.48: Các pháp khổ, vô thường, vô ngã chẳng rời nhau là thế nào?
- 00.22.53: Tánh thường có đồng với Như Lai chăng?
- 00.36.52: Nghe ĐBNN này rồi, dù có phiền não mà như không phiền não. Sẽ là người lợi ích cho trời, cho người, vì hiểu rõ chính mình có Phật tánh. Và đương nhiên biết rõ rằng mọi người cũng có Phật tánh như vậy.
00. 44.22:

- Như Lai còn hoằng hóa Phật pháp, bình đẳng xem chúng sanh như La Hầu La như vậy là Như Lai còn có ưu bi?
- 00.46.55: ***NHƯ LAI KHÔNG HỀ THƯƠNG AI !***
- 00.54.41: Như Lai thị hiện
- 00.57.28: Nếu người nào nói rằng Như Lai chứng nhập Niết bàn là vô thường, nên biết, người đó có ưu bi khổ não.
- 01.01.14: Điều dụ : Vô thường, Khổ, Vô ngã, Bất tịnh (Bán tự giáo)
Thường Lạc Ngã Tịnh (Mãn tự giáo)
- 01.04.12: Bài kệ tụng Phật:
“Tỳ gia thành lý bất tăng sanh
Ta la thọ giang bất tăng diệt
Bất sanh bất diệt lão Cù Đàm
Ngã kim khán kiến trùng thêm tiết
Chim kêu chính trị tứ hoạt bát
Tịnh Phạn vương cung sanh Tất Đạt”
- 01.12.56: “Sanh diệt diệt rồi
Tịch diệt là vui”

Dịch : “Các hành pháp vô thường, vì là pháp sanh diệt. Diệt ý niệm sanh diệt, được cái vui tịch diệt”

Pháp Sư Thích Từ Thông

ĐBNN 57 Phẩm 14 - ĐIỀU DỤ - KỲ 57

- 00.05.51: Hiền, Thánh cũng là ta, thành Phật cũng là ta
 00.06.56: Thánh là người không sai phạm điều xấu, không phóng dật, không ưu bi.
 00.10.08: Ngã tức là THƯỜNG, THƯỜNG tức là Ngã
 00.16.52: Như Lai tánh, Phật tánh là NGÃ thanh tịnh bản nhiên không gì làm tiêu hoại
 00.32.40: Phật A Di Đà len lõi vào tâm tưởng chúng sanh giống như hư không
 00.36.25: Như Lai thị hiện thọ sanh nhưng không hề có sanh.

ĐBNN 58 Phẩm 15 - NGUYỆT DỤ - KỲ 58

- 00.03.05: Tôn chỉ kinh Pháp Hoa là nói về Tri kiến Phật
 00.09.05: Nguyệt dụ chỉ Như Lai tánh, Phật tánh không sanh không diệt

- 00.37.21: Bát tướng thành đạo
 00.39.10: Vị tăng hữu
 01.17.05: Có những đời Như Lai đã từng thị hiện làm việc ác

ĐBNN 59 Phẩm 15 - NGUYỆT DỤ - KỲ 59

- 00.18.06: Tam bảo thường trụ, thanh tịnh bản nhiên không biến hoại
 00.25.35: Giai đoạn Phật tiền, Phật hậu
 00.30.03: Giáo lý đức Phật nói không riêng của đức Phật
 Hàng Bích Chi Phật nói kinh vẫn là lời của chánh pháp
 00.34.46: Thiên : “Thật tướng của vạn pháp là Vô tướng”

ĐBNN 60 Phẩm 16 - BỒ TÁT - KỲ 60

- 00.04.01: Học Phẩm Bồ tát để biết được những việc làm của Bồ tát.
 00.16.50: Bồ tát hay Thanh văn, ai được quyền đăng đàn thuyết pháp?
 00.21.40: Bồ tát tâm, Bồ tát hạnh
 00.34.40:

- Ánh sáng kinh ĐBNB chiếu vào tâm người phạm tội tứ trọng và người trì giới thanh tịnh, có gì sai khác?
- 00.46.13: Chỉ một câu niệm Phật hay một lời phát nguyện cũng là nhân Bồ đề cho người chưa phát tâm.
- 00.53.20: Nhất xiển đề là ai?
- 01.12.40: Như Lai có đức hiệu VÔ BIÊN THÂN
- ĐBNB 61 Phẩm 16 - BỒ TÁT - KỶ 61**
- 00.01.44: Phẩm Bồ tát dạy: Phật, Pháp, Tăng thường trụ; Mật ý sâu xa của đức Phật khi thuyết pháp,
- 00.04.07: Như Lai ở trong ba cõi hiện ba thứ sắc thân
- 00.10.35: Như Lai có bốn mật ngữ: *VÔ THƯỜNG, VÔ NGÃ, KHỔ, KHÔNG.*
- 00.24.04: Như Lai dạy tu quán “*KHÔNG*”
- 00.42.45: Bồ tát không chấp văn tự vì Như Lai thuyết pháp có bốn cách tất đàn
- 01.02.42: Người tiếp nhận vui vẻ tư tưởng ĐBNB là người có ý chí trượng phu, tứ vô sở úy
- 01.08.13: Quan niệm nam tánh, nữ tánh trong kinh ĐBNB

- 01.10.07: Bồ tát hạnh
- 01.11.14: "Trước không nay có
Trước có nay không
Không có nghĩa chơn thật
Ba đời đều có"
- 01.14.58: Thân có trước hay linh hồn có trước?
- ĐBDB 62 Phẩm 16 - BỒ TÁT - KỶ 62**
- 00.01.45: Nếu như chứng được quả Vô thượng Chánh giác mới có Phật tánh, vậy lúc chưa chứng quả Vô thượng Chánh giác không có Phật tánh hay sao?
- 00.15.06: Ý nghĩa có sai khác và không sai khác của Chư Phật, Bồ tát, Duyên Giác, Thanh văn
- 00.23.16: Sẽ được sống trong Niết bàn hàng ngày nếu không có Kiến, Tư hoặc.
- 00.49.23: Tánh của Tam thừa cũng sai khác, cũng không sai khác
- 00.54.22: Được thành Phật sớm hay muộn không quan trọng
- ĐBDB 63 Phẩm 16 - BỒ TÁT - KỶ 63**
- 00.02.55:

- Bồ tát có 3 ba đức tánh: Đại đạo tâm thành tự chúng sanh,
Hữu tình giác, Giác hữu tình
- 00.17.48: (Phật, Pháp, Tăng) tánh thường trụ
- 00.19.33: Pháp thân Như Lai, Niết bàn thường trụ
- 00.21.03: Phật tánh, Pháp tánh gọi chung là Pháp thân Như Lai
- 00.26.16: Niết bàn Cực lạc ở mọi nơi mọi chốn. Tây phương chỉ là một ví dụ để ổn định tâm chúng sanh
- “ Thân tại hải trung hựu mịch thủy
Nhật hành lãnh thượng mạc tầm sơn”
- 00.34.34: Thiền định xem tất cả duyên sanh như huyễn, vạn pháp giai không
- 00.45.19: Nhất xiển đề được xem như một bệnh tật, có đức tin phi chân lý, không phù hợp chánh pháp
- 00.48.34: Đức Phật không hề loại bỏ hàng Nhất xiển đề ra ngoài “khả năng thành Phật”
- 00.52.46: Tứ vô lượng tâm
- 00.56.57: Mỗi người chúng ta là một ứng thân trong Vô Biên Thân của Như Lai

- 01.03.46: Kim Cang Bát Nhã : Như Lai là bản thể chân như duyên sanh ra hiện tượng vạn pháp.
Duy thức học: Như Lai là Nhất pháp giới đại tổng pháp môn (Alayda).
Thủ Lăng nghiêm : Như Lai là Như Lai tàng
- ĐBDB 64 Phẩm 16 - BỒ TÁT - KỶ 64**
- 00.02.59: Chân lý VÔ THƯỜNG phải học cho kỹ... Bản thể của VÔ THƯỜNG là CHÂN THƯỜNG...
- 00.08.42: Vô Ngã là gì? Làm sao biết nó là Vô Ngã?
- 00.40.03: " Hằng dụng giới hương đồ vinh thể
Thường trì định phục dĩ tư thân
Bồ đề diệu hoa biến trang nghiêm
Tùy sở trụ xứ thường an lạc"
- 00.56.10: Bốn cách lễ Phật: Phát trí thanh tịnh, chánh quán tâm thành, thật tướng bình đẳng,
- 01.01.14: Niết bàn trong đạo Phật không ai có sẵn để ban tặng cho ai!
- 01.03.12: "Lô sơn vân vũ Chiết Giang triều

- Vị đạo thiên ban hận bất tiêu
Đáo dĩ hoàn lai vô biệt sự
Lô sơn vân vũ Chiết Giang triều”
01.08.56: “ Hiện tiền phước tuệ tăng long
Kỳ tha nhật đắc A Di Đà thọ ký ”

ĐBNN 65 Phẩm 17 - ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN - KỶ 65

- 00.16.25: Vấn đề sống chết của người đệ tử Phật:
Phải làm ra sao? Phải xử lý cách nào? Phải
tư duy, quán niệm cách nào để cho không
sợ hãi đau thương?... Phải sống chơi, chết
chơi...
00.22.59: Hào quang chỉ trí tuệ (vị tăng hữu)
00.25.28: Tiếp thu ánh sáng trí tuệ Phật, chân lý
người đui được thấy, người điếc được nghe,
người câm được nói...
00.32.54: Tại sao nằm nghe kinh lại có tội? Tại sao
lại phải ngồi mới được?
00.38.12: Chỉ cần nhớ Phật khi nguy biến, ánh sáng
của Phật chiếu đến đâu là không còn địa
ngục, ngạ quỷ, súc sanh ở trong lòng chúng
ta

- 00.40.03: Mỗi đức Phật có vô lượng quyền thuộc...
chỗ nào cũng có tánh giác.
00.44.12: Chỉ cần một niệm lành, là có đức Phật xuất
hiện mà không cần lạy Phật
00.54.12: Nhập Niết bàn: đi vào trong Niết bàn, an
trụ trong Niết bàn, sống bằng Niết bàn,
không còn bị Kiến, Tư hoặc hoành hành.
00.57.03: Nếu ai có chánh quán, chánh niệm, chánh
tư duy sẽ thấy chơn tâm thường trú, tự tánh
thanh tịnh Niết bàn của mình.
01.05.07: Tùy thuận sanh, già, bệnh, chết không để
đau khổ, phiền não

ĐBNN 66 Phẩm 17 - ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN - KỶ 66

- 00.07.16: Hải hội (nghĩa ẩn dụ) chỉ đông, nhiều
Nam mô liên trì hải hội Bồ tát (kinh A Di Đà)
00.11.40: Một là tất cả, tất cả là một (Pháp giới nhất
chân)
“ Thiên duyệt vi thực, Pháp hỉ xung mãn ”
00.24.22: Hiểu chân lý duyên sanh, sống ra khỏi cõi
dục, sắc, vô sắc
00.27.22: Thập huyền duyên khởi:

- "Nhất đa tương dung,
 Đồng thời cụ túc tương ứng
 Chư pháp tương tức"
- 01.02.44: Tam tư lương : Thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng
 Tứ gia hành : Noãn, đảnh, nhãn, thế đệ nhất
 Địa vị Kiến đạo: Thấy được chân lý, được quả A la hán (Đệ nhất A tăng kỳ)
- 01.07.33: Bồ tát muốn lên địa vị Phật phải tu lục ba la mật (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ ba la mật)
- 01.12.03: Kinh bất liễu nghĩa: Nghĩa còn dư
 Kinh liễu nghĩa : Hoàn toàn trọn nghĩa
- 01.15.20: Đạo đức, tư tưởng của người NHẤT XIỂN ĐỀ ?

ĐBNB 67 Phẩm 17 - ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN - KỶ 67

- 00.06.55: Nhất xiển đề là người phá giới (phạm bốn tội trọng, năm tội nghịch), hủy báng Tam bảo tà kiến.

- 00.11.18: Người phá giới, trong Phật pháp có thể cứu vớt được không?
- 00.18.25: Kinh ĐBNB như mặt trời mọc lên ắt phá trừ hết sương mù kể cả bóng đêm. Kinh ĐBNB xuất hiện nơi đời sẽ phá trừ những tội nghiệp trong vô lượng kiếp của chúng sanh. Tội tánh bốn không
- 00.44.32: Lời dạy của Như Lai trong các kệ kinh có lúc Như Lai nói “TRỌN NGHĨA”, có lúc Như Lai dạy còn có “NGHĨA THỪA” là vậy đó.
- ĐBNB 68 Phẩm 17 - ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN - KỶ 68**
- 00.05.32: Phật truyền kệ cho Ca Diếp (tổ thứ nhất):
 “ Pháp pháp bốn vô pháp
 Vô pháp pháp diệt pháp
 Ngã phó vô pháp thời
 Pháp pháp hà tăng pháp”
- 00.28.32: Những tư tưởng thuộc Tiểu thừa, Đại thừa bán tự, mãn tự. Thường, vô thường. Lạc, khổ. Ngã, vô ngã. Tịnh, bất tịnh. Hữu, vô hữu...

A Nan đủ khả năng truyền đạt lại ý của Như Lai. Đại chúng nên tin A Nan, không sợ sai lầm.

- 00.40.07: Quán chiếu nội thân, ngoại vật đều là pháp “duyên sanh”
- 00.41.20: Duyên sanh đại thừa qua tỉ dụ hình ảnh sự hình thành một bông hoa hồng. Kinh Thủ Lăng Nghiêm dạy duyên sanh đại thừa là phi nhân duyên, phi hòa, phi hợp, là pháp nhĩ như thị (vũ trụ quan)
- 00.43.31: Duyên sanh trung thừa dạy về mười hai nhân duyên qua con người (nhân sinh quan)
- 00.52.40: Kiến, Tư hoặc là nhân các sự khổ (Tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ kiến)
Dùng đạo đế (37 phẩm trợ đạo), đoạn trừ Kiến, Tư hoặc ở Tập đế thì quả khổ không còn, còn lại diệt đế là Niết bàn (một tên khác của Cực lạc)
- 00.55.52: Nhìn những bông hoa đẹp thấy đẹp đã đành mà nhìn được những bông hoa không

có gì đẹp mà vẫn thấy được vẻ đẹp của nó thì mới có Niết bàn.

- 00.55.29: Năm loại chủng tánh: Phạm phu, ngoại đạo, bất định, nhị thừa, Đại thừa.
- 01.26.05: Ngũ thừa Phật giáo: Nhơn thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ tát Đại thừa.
- 01.09.11: Ba thời (theo Hoa Nghiêm tôn):
Nhật xuất tiên chiếu (Hoa Nghiêm kinh)
Nhật thăng chuyển chiếu
Nhật một hoàn chiếu (Pháp hoa, Niết bàn kinh)
- 01.17.08: Năm hệ: Thủ giáo, Chung giáo, Tiệm giáo, Đốn giáo và Viên giáo.
- 01.19.43: Văn tự : Vô tự, Bán tự, Mãn tự
- 01.22.01: Hào quang là trí tuệ nhận thức của mình, của Như Lai.
- ĐBNC 69 Phẩm 17 - ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN - KỶ 69**
- 00.04.39: Kinh Pháp hoa có ba lần Phật có hào quang để chỉ trí tuệ Phật
- 00.06.28:

ĐBNN Phật cũng có hào quang, cũng ngụ ý như vậy, chỉ pháp giới nhất chân, bất nhị

Kỳ 34 (00.18.10); Kỳ 39 (00.22.29)

Kỳ 50 (00.18.10) ; Kỳ 51 (00.31.33)

00.31.17: Kinh Hoa Nghiêm dùng con sư tử vàng để ví dụ nhất tức nhất thiết. Pháp giới nhất chân duyên sanh ra nhiều. Bản thể là chung cùng, nhân duyên thì biến hiện.

00. 32.57: Mười pháp giới đều do tâm ta tạo ra

00.40.11: Phải hiểu kỹ Bốn sự mình... Lúc nào Như Lai sử dụng thế giới tất đàn, vị nhưn tất đàn, đối trị tất đàn và đệ nhất nghĩa tất đàn.

00.48.30 Vấn đề ăn trong kinh Thủ Lăng Nghiêm... chuyện Thanh Đề cúng bánh bao nhân thịt chó... vấn đề ăn tối...

01.01.00 Để ý bộ môn Vị tăng hữu

01.03.02 Như Lai đang đóng vai trò NGƯỜI TU MẪU

&
& &

* * Giảng Hai mươi lăm cõi:

Kỳ 32 (00.56.45); Kỳ 33 (00.32.07)

MỤC LỤC

	Trang		
* Tiểu dẫn .	7	7/ Phẩm Thứ Bảy - TỬ TƯỚNG (A)	100
1/ Phẩm Thứ Nhất - TỰA	14	- TRỰC CHỈ TỬ TƯỚNG (A)	119
- TRỰC CHỈ	23	7/ Phẩm Thứ Bảy - TỬ TƯỚNG (B)	125
2/ Phẩm Thứ Hai - THUẦN ĐÀ	29	- TRỰC CHỈ TỬ TƯỚNG (B)	143
- TRỰC CHỈ	35	8/ Phẩm Thứ Tám - TỬ Y	151
3/ Phẩm Thứ Ba - AI THÁN	39	- TRỰC CHỈ	163
- TRỰC CHỈ	52	9/ Phẩm Thứ Chín - TÀ CHÁNH	167
4/ Phẩm Thứ Tư - TRƯỜNG THỌ	57	- TRỰC CHỈ	179
- TRỰC CHỈ	71	10/ Phẩm Thứ Mười - TỬ THÁNH ĐẾ	185
5/ Phẩm Thứ Năm - KIM CANG THÂN	76	- TRỰC CHỈ	190
- TRỰC CHỈ	86	11/ Phẩm Thứ Mười Một - TỬ ĐẢO	196
6/ Phẩm Thứ Sáu - DANH TỰ CÔNG ĐỨC	93	- TRỰC CHỈ	199
- TRỰC CHỈ	97	12/ Phẩm Thứ Mười Hai - NHƯ LAI TÁNH	202
		- TRỰC CHỈ	226
		13/ Phẩm Thứ Mười Ba - VĂN TỰ	232
		- TRỰC CHỈ	239
		14/ Phẩm Thứ Mười Bốn - ĐIỀU DỤ	243
		- TRỰC CHỈ	250
		15/ Phẩm Thứ Mười Lăm - NGUYỆT DỤ	254
		- TRỰC CHỈ	261

16/ Phẩm Thứ Mười Sáu - BỒ TÁT	266
- TRỰC CHỈ	284
17/ Phẩm Thứ Mười Bảy - ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN	294
- TRỰC CHỈ	312
18/ Phần hướng dẫn bài giảng kinh Đại Bát Niết Bàn (tập I) (nghe MP3)	322

KINH LUẬN DO PHÁP SƯ THÍCH TỪ THÔNG

Biên dịch

♣ **ĐÃ XUẤT BẢN:**

- PHÁP HOA KINH THÂM NGHĨA ĐỀ CƯƠNG *(trọn bộ)*
- BÁT NHẢ BA LA MẬT KINH TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG *(trọn bộ)*
- DUY MA CẬT SỞ THUYẾT KINH TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG *(trọn bộ)*
- CHÚNG ĐẠO CA TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG *(trọn bộ)*
- DUY THỨC HỌC YẾU LUẬN *(trọn bộ)*
- THỦ LĂNG NGHIÊM KINH TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG *(trọn bộ)*
- NHƯ LAI VIÊN GIÁC KINH TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG *(trọn bộ)*
- NIẾT BÀN KINH THÂM NGHĨA ĐỀ CƯƠNG (Tập I, II)

♣ **SẼ XUẤT BẢN:**

- NIẾT BÀN THÂM NGHĨA ĐỀ CƯƠNG (Tập III).

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG (TẬP I)

PHÁP SƯ THÍCH TỪ THÔNG

Hiệu: Như Huyền Thiên Sư

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Hà Nội

ĐT: 04.39349659 – Fax: 04.38256300

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Nguyễn Công Oanh

Biên tập

Đỗ Thị Quỳnh

Đối tác liên kết : Pháp sư Thích Từ Thông

Thực hiện : Thao Hối Am

In 1.000. bản, khổ 14,5 x 20,5 cm. Tại Xí nghiệp in Đồng Nai
Số 48 Nguyễn Văn Trị, TP. Biên Hòa - Đồng Nai - ĐT: 061.8820806
Số xuất bản: 42-2010/CXB/85-365/TG do Nhà xuất bản Tôn giáo cấp
ngày 11/1/2010. In xong và nộp lưu chiểu Q3/2010

Kính biểu
Quý Phật tử muốn thỉnh xin liên lạc

THAO HỐI AM

33 Tân Lương, Thạnh Phước

Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Tel: 0919.576926

(0650) 3658782